**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Những hầm mộ mới](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Vị giáo sư của trường Lea House](%22%20%5Cl%20%22bm3)

[Sự việc đã xảy ra như thế nào?](%22%20%5Cl%20%22bm4)

[Hồn ma hiện lên từ đáy biển](%22%20%5Cl%20%22bm5)

[Sự khủng khiếp giữa trời cao](%22%20%5Cl%20%22bm6)

[Vụ án B.24](%22%20%5Cl%20%22bm7)

[Tên tử tù bất tử](%22%20%5Cl%20%22bm8)

[Câu chuyện về Sannox phu nhân](%22%20%5Cl%20%22bm9)

[Lô số 249](%22%20%5Cl%20%22bm10)

[Cuộc thí nghiệm ly kỳ tại Keinplatz](%22%20%5Cl%20%22bm11)

[Chiếc nhẫn giải thoát](%22%20%5Cl%20%22bm12)

[Hang Blue John](%22%20%5Cl%20%22bm13)

[Cái thang máy](%22%20%5Cl%20%22bm14)

[Chiếc phễu bằng da](%22%20%5Cl%20%22bm15)

[Bàn tay nâu](%22%20%5Cl%20%22bm16)

[Con mèo Brasil](%22%20%5Cl%20%22bm17)

[Chơi với lửa](%22%20%5Cl%20%22bm18)

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

**Những hầm mộ mới**

(The New catacombs)

- Hãy nói đi, anh Burger - Kennedy nói - Tôi rất thích được tiếp nhận những điều bí mật của anh...
Hai nhà khảo cổ trứ danh, cả hai đều là những nhà chuyên môn về thời cổ đại La Mã, đang ngồi trong căn phòng của Kennedy ở đường Corso, buổi tối trời lạnh lẽo. Họ đã kéo ghế bành của họ sát gần lại cái lò sưởi tồi tàn kiểu Ý, là thứ lò phun ra nhiều khói hơn là hơi nóng. Bên ngoài, dưới những vì sao trong sáng của mùa đông là thành phố La Mã hiện đại, dài dặc những cột đèn điện, những tiệm cà phê đèn sáng rực rỡ, những xe cộ chạy qua lại, một đám người đông đặc trên các hè phố. Nhưng ở bên trong căn phòng lộng lẫy của nhà khảo cổ trẻ tuổi và giàu có người Anh, thành phố La Mã cổ xưa đang trưng bày các kho tàng của nó. Trên các bức tường treo lủng lẳng những đồ trang sức đã nứt rạn hư hỏng. Những pho tượng cũ kỹ xám nhạt của những vị nguyên lão và những người lính, với những cái đầu hung bạo của họ được bày trong tất cả mọi xó xỉnh. Họ có vẻ rình rập những điều gì được nói ra trong căn phòng. Trên chiếc bàn kê giữa nhà, ở giữa một đống giấy tờ, những mảnh vỡ, những đồ trang trí linh tinh, người ta thấy nối bật lên sự tái tạo lừng danh của Kennedy về các nhà tắm của Caraculla, một sự tái tạo mà khi trưng bày ở Berlin đã gây nên rất nhiều sự quan tâm và thán phục. Những chiếc bình cổ hai quai được treo trên trần nhà. Nhưng món đồ lạc xoong chính cống được bày ra trên một tấm thảm đỏ Thổ Nhĩ Kỳ rất đẹp. Tất cả những đồ vật được quy tụ lại như vậy đều có một nguồn gốc chính xác không chê trách vào đâu được, đều rất hiếm thấy và đều có một giá trị vô kể. Thật sự thì Kennedy chỉ mới ngoài ba mươi tuổi, nhưng trong lãnh vực sưu khảo về ngành chuyên môn này anh đã đạt được sự lừng danh ở Âu châu. Ta cũng cần nói ngay rằng anh có một túi tiền khá lớn, việc này có thể tạo nên một trở ngại hiểm nghèo hay một lợi thế đáng kể trong cuộc chạy đua tới danh vọng. Thường khi Kennedy tự để mình xao lãng bởi những đam mê khoái lạc. Nhưng anh có một tinh thần sâu sắc, có khả năng thực hiện các nỗ lực lâu dài và tập trung, và các nỗ lực này thường được tiếp nối bởi những phản ứng đột khởi của cơ thể. Gương mặt đẹp đẽ, vầng trán thanh thản và xanh tái, cái mũi dữ dằn của anh có vẻ một nét phóng túng ở miệng anh tất cả đều biểu hiện khá rõ ràng sự dung hòa được thiết lập giữa sức mạnh và sự yếu mềm.
Người bạn của anh là Julius Burger thì lại là một kiếu người rất khác biệt. Người ta thấy một sự trộn lẫn kỳ lạ trong các nguồn gốc của anh. Là con của một người bố Đức và một người mẹ Ý, anh có được những đức tính mạnh mẽ của phương Bắc mà những phong cách sôi nổi hơn của miền Nam đã làm cho dịu bớt đi. Những ánh mắt màu xanh của dân Tenten làm sáng ngời bộ mặt đã hóa ra màu đồng vì sạm nắng. Những lọn tóc nâu bao quanh vầng trán vuông vắn. Không có râu, điều này làm tăng thêm nét mạnh mẽ và vững chắc của quai hàm. Kennedy thường nhận xét rằng nó giống như quai hàm người La Mã ở các pho tượng cùng với sức mạnh thô bạo của giống người Đức, lúc nào cũng nổi lên tính chất tế nhị của người Ý. Nhưng nụ cười chân thật và cái nhìn thẳng thắn đã đế cho mọi người hiểu rằng sự tế nhị đó không ảnh hưởng gì tới tính tình của anh. Về tuổi tác và danh vọng thì anh cũng ngang hàng với anh bạn người Anh, tuy nhiên cuộc sống và công việc của anh đã vấp phải nhiều khó khăn hơn. Mười hai năm trước đây anh đã tới Rome với tư cách một sinh viên nghèo khố, từ đó anh sống ở đó với một số tiền còm cõi mà trường đại học Born đã trợ cấp đế anh theo đuổi công cuộc sưu tầm một cách cực nhọc, chậm chạp, ngoan cường, với một sự bền bỉ và một sức mạnh hiếm có về tinh thần, anh đã từng bước một leo lên các bậc thang danh vọng. Hiện nay anh là hội viên của Viện Hàn lâm Berlin, và người ta có đủ lý lẽ để tin rằng chẳng chóng thì chầy anh sẽ được mời nhận một chân giảng dạy trong trường đại học lớn nhất nước Đức. Nhưng nếu chỉ nhằm vào một mục đích, trên bình diện khảo cổ học, anh có thể đạt tới cùng một trình độ cao như ông bạn người Anh, thì trên mọi mặt khác anh đã bị thua sút rô ràng. Không bao giờ anh xao lãng một phút giây trong việc học hỏi để trau dồi sự hào hoa phong nhã. Chỉ những khi nào nói về nghiệp vụ thì anh mới tỏ ra thực sự linh hoạt và có một tâm hồn. Ngoài ra anh thường trầm lặng, lúng túng, có một ý thức thái quá về những khiếm khuyết của mình, và anh chịu đựng một cách bực bội những chuyện nhỏ nhặt mà những người không có ý kiến gì để phát biếu thường gặp phải.
Tuy nhiên từ một vài năm này giữa hai đối thủ rất khác biệt nhau này, mối quan hệ đã được ráp nối; mối quan hệ có vẻ dần dà tiến tới tình bằng hữu. Không có gì đáng ngạc nhiên về việc đó cả: họ cảm thấy họ là những người duy nhất trong đám thanh niên đã có được đầy đủ các kiến thức và nhiệt tình để hiểu biết giá trị của nhau. Sự tương đồng về các mối quan tâm cũng như về việc nghiên cứu của họ càng làm cho họ gần gũi nhau hơn khi mà mỗi người đều bị lôi cuốn bởi sự hiểu biết của người kia. Rồi còn có một cái gì hơn nữa đã len lỏi vào mối giao tình của họ: Kennedy rất thích thú vì sự thành thực và giản dị của đối thủ trong khi ngược lại, Burger bị mê hoặc vì sự sinh động về tinh thần và sự khinh khoái về trí tuệ là những thứ đã làm cho Kennedy trở thành con người thời thượng của xã hội Rome. Tôi cố ý nói chữ “đã làm”, vì hiện lúc này thì anh thanh niên người Anh đang phải chịu một hình thức phóng trục nào đó. Một chuyện tình mà những chi tiết không bao giờ dược biết tới đầy đủ đã phát lộ ra một sự thiếu can đảm và ngay cả một sự nhẫn tâm mà nhiều bè bạn của anh cho là đáng ghét, nhưng trong các giới nghệ sĩ và sinh viên mà anh thường thích lui tới thì các tiêu chuẩn về danh dự không quá khắc khe đối với những chuyện như vậy: sự tò mò và lòng ghen tị ở nơi đó mạnh hơn là sự chê trách.
- Hãy nói đi, Burger!
Kennedy vừa nói vừa nhìn chằm chằm vào bộ mặt trầm tĩnh của người bạn.
- Tôi rất thích dược tiếp nhận những điều thầm kín của anh.
Anh vừa nói vừa vung vẩy bàn tay về phía một tấm thảm trên tấm thảm có một trong những cái giỏ mây để đựng hoa quả, những cái giỏ dài và nông lòng, rất thông dụng ở xứ Campanic. Và cái giỏ chứa đầy những hòn đá có chạm trổ, những đồ khảm, những tờ giấy bằng vỏ cây rách nát, những đồ vật kim loại han rỉ. Một người không ở trong nghề chắc sẽ cho rằng những món đồ này vừa từ chợ bán đồ lạc xoong tới. Nhưng một nhà chuyên môn sẽ nhận ra ngay rằng đây là những đồ quý hiếm có một không hai. Trong cái giỏ mây này có những thứ để thay thế một mắt xích bị thiếu trong chuỗi xích tượng trưng cho sự phát triển về mặt xã hội của loài người. Chính là anh chàng người Đức đã mang những món quý hiếm này vào phòng của anh chàng người Anh; cặp mắt của Kennedy sáng lên một cách nôn nóng.
- Tôi không muốn là kẻ trông chuyện, mà cũng không muốn can thiệp vào việc tìm kiếm kho tàng của anh, - anh nói tiếp trong khi Burger châm một điếu xì gà, - thật tình tôi rất thích được nghe anh nói? Chắc là anh đã phát hiện ra một điều gì rất quan trọng anh sẽ làm đảo lộn tất cả Âu châu?
- Mỗi nhà khảo cổ học ở nơi đây đều có hàng triệu các thứ vụn vặt lẻ tẻ này? - Anh chàng người Đức trả lời, - nó có nhiều đến nỗi hàng chục nhà bác học sẽ có thể bỏ ra hết cả cuộc đời họ để nghiên cứu chúng và tạo ra một danh vọng vừng bền như “lâu đài” Saint Ange vậy?
Kennedy đứng lặng mải mê suy nghĩ, những nếp nhăn hằn lên trên trán. Anh lấy ngón tay vuốt ve chòm râu vàng hoe. Sau đó anh nói:
- Anh đã giấu đầu hở đuôi rồi, anh Burger ạ! Những lời nói của anh chỉ thích hợp với một giả thuyết duy nhất? Anh đã khám phá ra những hầm mộ mới.
- Tôi cũng nghĩ là anh sẽ đi tới kết luận này ngay khi vừa nhìn thấy bộ sưu tập của tôi.
- Nghĩa là cái nhìn thoáng qua của tôi đã khiến cho tôi đưa ra giả thuyết; nhưng lời nhận xét của anh đã biến giả thuyết của tôi thành sự xác quyết. Ngoài các hầm mộ ra không có nơi nào lại có thể chứa đựng được một số lượng di chỉ, tàn tích như vậy.
- Đồng ý! Việc này không có gì là bí ẩn cả... Tôi đã tìm thấy những hầm mộ mới.
- Ở chỗ nào vậy?
- À, anh bạn Kennedy thân mến, đó là điều bí mật của tôi! Tôi chỉ cần nói với anh rằng địa điểm của chúng khó tin được đến nỗi không có cơ may trong một phần triệu lần cho một anh chàng hiếu kỳ nào khác dòm ngó tới. Chúng thuộc vào một thời đại khác hẳn mọi thời đại mà ta đã biết; chúng đã được dành làm nơi chôn cất những tín đồ Cơ đốc lừng danh nhất; do đó những tàn tích và di chỉ ở đó tuyệt đối không giống mọi thứ đã được phát hiện cho tới nay. Anh bạn ạ, nếu tôi không biết kiến thức và nghị lực của anh thì tôi đã không ngần ngại gì để nói tất cả với anh, với điều kiện là không được tiết lộ bí mật. Nhưng với cá tính của anh, tôi nghĩ là tốt hơn hết tôi phải soạn thảo bản tường trình của riêng tôi trước khi phải đương đầu với một cuộc ganh đua ghê gớm!
Kennedy yêu quý nghề nghiệp của anh với một nhiệt tình gần như một thứ bệnh hoạn (một lòng yêu thích mà anh luôn luôn tận tụy ngay ở giữa các trò vui nằm trong tầm tay một thanh niên giàu sang và ưa khoái lạc). Anh cũng có nhiều tham vọng; nhưng tham vọng của anh đi theo sau sự thích thú và quan tâm hoàn toàn trừu tượng mà anh dành cho tất cả những gì liên quan tới đời sống và lịch sử thành La Mã cổ xưa. Anh có một khát vọng điên cuồng muốn nhìn thấy cái hầm mộ mà người bạn vừa phát hiện.
Anh nói tiếp một cách rất nghiêm túc:
- Hãy nghe đây, anh bạn Burger! Ttôi bảo đảm với anh rằng anh có thể đặt lòng tin một cách mù quáng vào tôi Tôi sẽ không viết gì về những điều mà tôi thấy mà không có sự cho phép rõ ràng của anh. Tôi hiểu rõ các cảm nghĩ của anh. Chúng cũng hoàn toàn tự nhiên thôi. Nhưng anh sẽ tuyệt đối không có gì phải lo ngại về tôi cả. Ngược lại, nếu anh không tin tôi, tôi sẽ tự mình thực hiện một cuộc tìm tòi có hệ thống, và chắc chắn tôi sẽ tìm ra những hầm mộ mới của anh. Trong trường hợp này chắc chắn là tôi sẽ sử dụng chúng theo ý thích của tôi, vì tôi không phải là người chịu ơn của anh.
Burger cười mỉm với điếu xì gà trên môi. Anh nói:
- Anh bạn Kennedy ạ, tôi đã nhận thấy mỗi khi tôi cần một tin tức nào, anh không luôn luôn sẵn sàng cung cấp nó một cách mau lẹ như thế đâu?
- Có bao giờ tôi từ chối điều gì với anh không? Ngược lại, anh nhớ chứ: chính tôi là người đã trao cho anh tài liệu để viết bài nói về đền thờ các nữ thánh...
- Phải, nhưng việc đó không quan trọng như vậy! Nếu tôi hỏi anh về một vấn đề bí mật tôi phải tự hỏi là liệu anh có trả lời tôi không? Và những hầm mộ mới này đối với tôi là một vấn đề rất hệ trọng, và để trao đổi lại, tôi rất muốn được đón nhận ở anh một vài điều bí mật…
Chàng thanh niên người Anh nói:
- Tôi không hiểu anh muốn nói tới việc gì. Nhưng nếu anh có ngụ ý rằng anh sẽ chỉ trả lời câu hỏi của tôi về các hầm mộ mới đó với điều kiện là chính tôi phải trả lời mọi câu hỏi mà anh thích đặt ra, thì tôi xin nói với anh: đồng ý!
- Được lắm! - Burger nói và ngồi xuống cái ghế bành với sự khoan khoái, miệng nhả ra một vòng khói xanh lớn - Vậy thì hãy kể cho tôi nghe sự thật về các liên hệ của anh với cô Mary Saunderson đi.
Kennedy nhảy chồm lên và nén một cái nhìn giận dữ vào người bạn tàn nhẫn của mình, anh la lên:
- Thế này là nghĩa làm sao? Đó là một câu hỏi à? Có lẽ anh nghĩ là anh nói đùa hả? Chưa bao giờ anh có một câu nói đùa tệ hại hơn thế!
- Không, - Burger đáp lại với một vẻ thản nhiên. - Các chi tiết của vụ này làm tôi quan tâm. Tôi không hiểu biết nhiều về người đời, về phụ nữ, về đời sống thị thành, và về các loại chuyện này; một sự cố như vậy đã gây ra cho tôi sự mê hoặc của cái xa lạ. Anh, thì tôi đã biết anh. Cô ấy, tôi có biết mặt cô ấy... tôi cũng đã nói chuyện với cô ấy vài lần. Đúng thật là tôi rất muốn được nghe chính miệng anh nói ra câu chuyện chính xác về những gì đã xảy ra giữa anh và cô ấy.
- Tôi sẽ không nói với anh một tiếng nào về chuyện đó?
- Tùy ý anh. Ta hãy cho đó là một sự ngẫu hứng thôi. Tôi muốn xem rằng anh có chịu tiết lộ một điều bí mật cũng dễ dàng như tôi không, tùy anh, tôi sẽ nói ra điều bí mật của các hầm mộ của tôi. Anh muốn giữ kín điều bí mật của anh à? Được rồi? Tôi hãy chờ xem. Nhưng tại sao anh lại nghĩ rằng tôi sẽ không giữ điều bí mật của tôi?... Thôi, chuông nhà thờ Saint Jean đã điểm mười giờ: đã tới lúc tôi đi về đây.
- Không, hãy đợi một lát! - Kennedy nằn nì - Về phần anh thì sự ngẫu hứng này làm tôi kinh ngạc đấy, anh Burger ạ? Muốn biết một câu chuyện tình mà sự kết thúc đã xảy ra từ nhiều tháng rồi... Anh có biết người ta thường coi một gã đàn ông đi rêu rao những chuyện trăng hoa của mình là thế nào không? Như là một tên khốn nạn nhất trên đời.
- Tất nhiên là vậy! - anh chàng người Đức đồng ý và cầm lấy cái giỏ của mình. - Khi một người phạm vào lỗi để lộ chuyện riêng tư đối với một phụ nữ mà không ai nghi ngờ, thì con người đó đúng là hạng người mà anh đã nói. Nhưng hẳn anh đã biết là cả thành phố La Mã này đã nói về câu chuyện của anh. Do đó tôi thấy anh không làm điều gì sai trái với cô Mary Saunderson khi kể lại câu chuyện với tôi. Sau hết, tôi kính trọng các nỗi băn khoăn của anh... và xin chúc anh một đêm ngủ ngon.
- Hãy đợi đó ! Hãy đợi một lát!..
Kennedy đặt một bàn tay lên cánh tay Burger và nói thêm.
- Vụ những hầm mộ này làm tôi bị kích động quá; và tôi sẽ không buông tha anh một cách dễ dàng như vậy? Anh không muốn đặt một câu hói khác để trao đổi với tôi à? Một câu hỏi ít kỳ cục hơn có được không?
- Không, không có câu hỏi nào khác nữa! – Burger vừa trả lời vừa khoác cái giỏ vào tay. - Anh đã từ chối rồi; không nói tới chuyện đó nữa? Chắc chắn là anh hoàn toàn có quyền không nói. Và chắc chắn là tôi cũng hoàn toàn có quyền như vậy. Vậy thì một lần nữa, xin chào tạm biệt, anh bạn Kennedy thân mến!
Anh chàng người Anh nhìn theo Burger đi ra khỏi căn phòng. Anh chàng người Đức vừa đặt tay vào chốt cửa thì chủ nhà đã gọi anh ta lại với bộ điệu của một người cố làm vẻ tươi tỉnh trước một việc không thể tránh được.
- Anh bạn, dừng lại đi! Tôi thấy anh hoàn toàn lố bịch, nhưng vì là chuyện chẳng đặng đừng, tôi đành phải chịu theo các điều kiện của anh thôi, có phải không? Tôi rất ghét nói chuyện về một người đàn bà; tuy nhiên anh đã nói có lý; tất cả thành phố La Mã đều biết rồi và tôi tin rằng tôi sẽ không thể cho anh biết được thêm điều gì khi anh đã biết tất cả . Anh muốn biết điều gì nào?
Anh chàng người Đức thong thả đi lại gần lò sưởi, đặt cái giỏ xuống đất và ngồi phịch xuống cái ghế bành.
- Cho tôi xin một điếu xì gà nữa được không? - Anh hỏi - Cám ơn nhiều! Tôi không bao giờ hút thuốc lúc làm việc, nhưng tôi sẽ có lợi nhiều hơn trong một cuộc đàm luận khi tôi chịu ảnh hướng của thuốc lá. Bây giờ ta hãy trở lại chuyện cô thiếu nữ mà anh đã có một cuộc phiêu lưu nhỏ này. Rồi thì cô ta ra làm sao?
- Cô ấy vẫn sống với gia đình.
- À, ừ! Ở bên nước Anh hả
- Phải.
- Ở miền nào của nước Anh? Ở London hả?
- Không, ở Twickenham
- Anh bạn Kennedy thân mến, xin tha lỗi cho tính tò mò của tôi nhé? Xin hãy quy tính hiếu kỳ này vào sự kém hiểu biết của tôi về đời sống xã hội. Chắc chắn người ta vẫn cho là chuyện thường tình khi thuyết phục một cô thiếu nữ đi với bạn trong ba tuần lễ, và sau đó trả cô ta lại với gia đình cô ta ở... Anh đã gọi tên nói đó là gì nhỉ?
- Twickenham.
- Đúng là tên đó, Twickenham. Nhưng đây là những chuyện hoàn toàn mới lạ với tôi, và tôi không thể hình dung được anh đã hành xử như thế nào. Này nhé, nếu anh thật sự yêu cô thiếu nữ đó thì hẳn là tình yêu của anh đã không bốc thành hơi trong ba tuần lễ: do đó tôi suy diễn ra rằng anh chẳng yêu cô ta một chút nào. Nhưng nếu anh không yêu cô ta, thì gây ra vụ tai tiếng lớn này làm gì, vụ này làm anh phiền phức đôi chút, nhưng cô ấy thì phiền phức rất nhiều.
Kennedy buồn bã nhìn chằm chằm vào cái hốc đỏ lửa của lò sưởi.
- Đây đúng là một cách hợp lý để tóm tắt vấn đề. Tình yêu là một từ lớn để diễn dịch vô số kể các trạng thái của tình cảm. Tôi đã yêu cô ấy, và... Thực ra anh nói là anh đã gặp cô ấy mà. Vậy thì anh đã biết sự quyến rũ của cô ấy. Tuy nhiên, bây giờ nghĩ lại tôi thấy là tôi không bao giờ thật sự yêu cô ấy cả .
- Vậy thì, anh bạn Kennedy thân mến, tại sao anh lại hành xử như thế?
- Tôi nghĩ là vì sự đam mê phiêu lưu...
- Thế nào? Anh có sở thích về các chuyện phiêu lưu đến vậy cơ à?
- Không có những chuyện phiêu lưu thì tình sự biến động trong đời sống ở đâu? Tôi đã bắt đầu để ý tới cô ấy với dụng ý làm một cuộc phiêu lưu. Tôi đã săn bắn đủ mọi loại muông thú, nhưng không một con mồi nào quý bằng những người đàn bà đẹp, cộng thêm vào ý định đó là sự kích thích của nỗi khó khăn, bởi vì cô ta là bạn gái của phu nhân Emily Rood và muốn gặp riêng cô ta là một điều gần như bất khả... nhưng trên hết cả là trong tất cả các trở ngại làm tôi bị kích động, thì điều sau đây đã làm tôi quyết định: ngay từ buổi đầu chúng tôi gặp nhau, tôi đã nghe từ miệng cô ta nói ra là cô ta đã đính hôn.
- Lạy Chúa tôi! Đính hôn với ai?
- Cô ta không nói tên ai cả.
- Tôi tin rằng mọi người đều không biết tên người này? Thế là đối với anh, chính cái chi tiết này đã tô điểm thêm cho cuộc phiêu lưu phải không?
- Một chút hương liệu mà, anh hiểu chứ?
- Ồ, hãy tin tôi đi: tôi rất ngu dốt về nhưng điều đó!
- Anh bạn thân mến ơi, quả táo mà anh hái lén trên cây táo nhà hàng xóm có phải bao giờ cũng thơm ngon hơn quả táo rụng từ cây táo nhà anh xuống không?... Sau đó tôi phát hiện ra rằng tôi đã không hững hờ với cô ấy.
- Sao? Ngay gay là lập tức à?
- Ồ không! Sau ba tháng bao vây với đấy đủ hầm hố, mìn bẫy... nhưng cuối cùng tôi đã chinh phục được cô ấy. Cô ấy hiểu rằng tôi đang ly thân với vợ tôi và tôi không có thể kết thúc một cách bình thường mọi chuyện. Tuy thế cô ấy vẫn đến với tôi, và chúng tôi đã sống qua vài ngày kỳ thú.
- Thế còn người đàn ông kia? - Berger hỏi.
Kennedy nhún vai:
- Tôi nghĩ là chúng ta đang đứng trước kết quả đấu tranh sinh tồn của kẻ mạnh hơn. Nếu anh chàng kia là kẻ mạnh hơn trong hai chúng tôi thì cô ấy đã không bỏ rơi anh ta. Thôi, bây giờ hãy nói chuyện khác; tôi đã chán chuyện này lắm rồi!
- Một câu hỏi nữa thôi. Làm thế nào mà anh đã dứt bỏ được cô ấy trong ba tuần lễ?
- Này, cả hai đứa chúng tôi đều đã thỏa mãn đôi chút nỗi khát khao, anh hiểu chứ? Cô ấy khăng khăng từ chối việc quay lại Rome là nơi mà cô ấy thấy mình buộc lòng phải gặp mặt những người cô ấy quen biết, mà nhất định Rome là tối cần thiết với tôi, và tôi cũng đã nhớ nhung công việc của tôi. Đó là lý do bình thường thứ nhất cua sự tan vỡ. Ngoài ra ông bố già của cô ấy lại thình lình tới khách sạn, và ông cụ đã la cho chúng tôi một trận... Thế là cuộc tình đã có một chiều hướng quá khó chịu khiến tôi thật sự thấy vui vẻ khi thoát khỏi nó, mặc dù tôi đã nhớ cô ấy một cách khủng khiếp trong ít lâu. Bây giờ tôi tin tưởng là anh sê không nhắc lại một chút gì về những chuyện tôi đã nói với anh.
- Bạn Kennedy thân mến, không bao giờ tôi dám làm việc đó đâu? Nhưng tất cả những gì anh kể lại làm tôi rất quan tâm vì tôi đã hiểu rõ được nhân sinh quan của anh. Nó hoàn toàn khác hắn quan niệm của tôi, bởi vì tôi đã biết rất ít sự đời . . . Và bây giờ anh muốn tôi nói cho anh biết về những hầm mộ mới của tôi phải không? Anh có cố gắng bảo tôi mô tả chúng ra cũng vô ích thôi. Không bao giờ anh tìm thấy chúng qua một sự mô tả sơ sài. Việc duy nhất phải làm là tôi phải dẫn anh tới đó.
- Thật là tuyệt diệu!
- Bao giờ anh muốn đến chỗ đó?
- Càng sớm càng tốt. Tôi rất nôn nóng...
- Sự thật là đêm nay rất đẹp, tuy rằng hơi lạnh một chút. Anh có muốn rằng chúng ta sẽ khởi hành trong một giờ nữa không? Phải hết sức thận trọng để khỏi bị theo dõi. Nếu có kẻ nào trông thấy chúng ta cùng đi săn lùng với nhau, hắn sẽ đánh hơi ngay ra một, vụ làm ăn mới.
- Đồng ý về sự thận trọng tối đa, - Kennedy đáp lại, - Có xa không?
- Vài cây số
- Không quá xa đế đi bộ tới chứ?
- Ồ không! Ta có thể dễ dàng đi tới đó.
- Vậy thì tốt nhất là đi bộ. Một anh đánh xe ngựa sẽ nói lung tung nếu anh ta để chúng ta xuống một nơi hoang vắng vào nửa đêm.
- Rất đúng! Chúng ta sẽ gặp lại nhau lúc nửa đêm ở chỗ góc đường Appienne. Tôi phải về qua nhà để lấy diêm, nến và các đồ vật linh tinh.
- Tuyệt hảo, Burger ạ! Tôi nghĩ rằng anh đã rất hào hoa khi cho tôi biết điều bí mật của anh, và tôi xin hứa là sẽ không viết gì trước khi anh công bố bản tường trình. Bây giờ, chào tạm biệt! Anh sẽ gặp tôi lúc nửa đêm ở góc đường Appienne.
Không khí lạnh lẽo và trong trẻo vang vọng những tiếng chuông có nhạc điệu của cái thành phố lắm đồng hồ này khi Burger, quấn mình trong một chiếc măng tô kiểu Ý, tay mang một cây đèn, đi tới chỗ hẹn gặp.
Kennedy từ trong bóng tối đi ra trước mặt anh.
- Hăng hái trong công việc cũng như trong tình yêu! - Anh chàng người Đức kêu lên và cười lớn.
- Đúng. Tôi đã tới đây từ gần nửa tiếng đồng hồ.
- Tôi hy vọng là anh đã không nói với ai một mảy may nào về mục đích cuộc hành trình của chúng ta chứ?
- Không ngu như vậy đâu! Xin thề có trời, tôi bị lạnh buốt thấu xương đây này! Đi thôi , Burger, ta hãy đi bộ một lúc cho ấm người.
Họ đi những bước đều trên mặt đường đá, con đường này là tất cả những gì còn lại của một đại lộ nổi tiếng nhất trên thế giới. Một vài người nông dân từ trong quán nhậu đi ra để trở về nhà; có những chiếc xe đẩy chất đầy nông sản đi về phía thành Rome. Họ không gặp ai khác nữa. Ở bên phải, ở bên trái của họ, những ngôi mộ lớn nổi bật lên trong bóng tối. Cứ như vậy họ đi mãi tới khu hầm mộ Saint Calixte, và ở phía trước mặt, họ nhìn thấy dưới ánh trăng đang lên cao hiện ra rõ ràng cái pháo đài lớn, hình tròn Cecilia-metella. Burger đặt một bàn tay lên hông và dừng lại.
- Chân anh dài hơn chân tôi, và anh là người đi bộ giỏi, - anh nói và cười lớn. - Tôi nghĩ rằng chỗ mà chúng ta phải tách ra làm hai ngả cũng không xa đây. Phải, chúng ta tới nơi rồi, sau cái quán ăn, nhìn kìa, đường không rộng lắm; đế tôi đi trước; anh bước theo tôi.
Anh ta đốt đèn lên, con đường chật hẹp, khúc khuỷu chạy vòng vèo giữa các bãi lầy của miền Campanie. Cái cống nước lớn của thành La Mã cổ xưa nằm yên như một con sâu khổng lồ trên cảnh vật dưới ánh trăng. Hai người đi qua dưới một vòm cao và đi men theo bức tường vòng tròn, tường này đánh dấu vị trí của đấu trường cổ xưa. Sau cùng Burger dừng lại trước một cái chuồng bò nằm chơ vơ giữa đồng quê bát ngát, rồi anh móc trong túi ra một cái chìa khóa.
Kennedy kêu lên:
- Anh không làm cho tôi tưởng rằng các hầm mộ của anh nằm bên trong một căn nhà chứ!
- Có chứ, lối vào. Đây là những thứ bảo vệ cho chúng ta chống lại bọn tò mò.
- Ông chủ nhà có biết chuyện này không?
- Không, ông ta có tìm thấy một hai vật mà tính chất của chúng làm cho tôi nghĩ rằng cái chuồng bò này đã dược xây cất ngay bên trên một lối vào của những hầm mộ. Do đó tôi đã thuê cái chuồng bò và tự tay tôi đã tiến hành việc đào bới. Vào đi, và hãy đóng cửa lại nhé...
Hai người đang ở trong một tòa nhà dài và trống rỗng, những cái chậu và những cái máng treo trên một trong các bức tường. Burger đặt cái đèn xuống đất và lấy áo măng tô che nó lại, trừ một phía đế hở.
Anh nói:
- Nếu có kẻ nào nhìn thấy ánh đèn trong chỗ hẻo lánh này thì những cái miệng tha hồ mà mách lẻo. Chỉ cần anh giúp tôi khiêng các tấm ván này ra...
Những tấm ván ở một góc đã được gỡ đinh ra; hai nhà khảo cổ lần lượt dựng chúng vào tường. Trước mặt họ hiện ra một lỗ vuông, bên trong lỗ đó có một cầu thang với các bậc bằng đá cũ kỹ dẫn xuống phía sâu thẳm của lòng đất.
- Cấn thận? - Burger nói lớn với Kennedy trong khi anh chàng này quá nôn nóng bước ngay xuống mấy bực đầu tiên. - Dưới đó là một cấm địa thật sự đó: nếu anh đi lạc thì có đến một trăm phần trăm rủi ro là không bao giờ anh tìm ra đường về nữa. Hãy đợi tôi mang đèn tới.
- Nếu quả là nó rắc rối như vậy thì làm thế nào mà anh chỉ có một mình tự ra vào được?
- Lúc đầu có nhiều lần suýt nữa tôi đã bị lạc, nhưng rồi tôi học cách nhận ra lối đi. Cái mê cung này đã được kiến tạo theo một sơ đồ khá rõ ràng, nhưng kẻ nào đi lạc mà không có đèn thì không tài nào tìm thấy đường ra. Ngay cả bây giờ tôi còn phải thả một cuộn dây phía sau khi tôi đi sâu xuống. Trông kìa, mỗi hành lang này được phân ra và còn phân ra nhỏ hơn hàng chục lần, mỗi lần hàng trăm thước...
Ở sáu hay bảy thước phía dưới sàn chuồng bò, họ tới một căn phòng vuông khoét vào đá vôi mềm. Ngọn đèn chiếu ra một ánh sáng nhỏ lung linh trên các vách tường màu nâu đã rạn nứt hết. Ở tất cả mọi phía đều hiện ra những hành lang tối om đi từ cái ngã tư này.
- … Anh phải theo sát bên tôi, anh bạn – Burger ra lệnh - Chớ có dừng bước để nhìn một vật gì trên đường đi, vì tôi sẽ dẫn anh tới một nơi mà anh sẽ trông thấy nhiều thứ hơn là tất cá những thứ anh có thể thấy trong các hành lang. Nếu ta đi thắng tới đó thì ta sẽ tiết kiệm được thì giờ.
Anh đi vào một trong các hành lang. Anh chàng người Anh đi theo sát gót. Cứ một lúc là cái hành lang lại tẻ ra làm hai lối, nhưng Burger không dừng chân và cùng không bao giờ ngần ngừ: đúng là anh đã có những dấu bí mật làm tiêu điểm. Suốt dọc các bức tường, chồng chất lên nhau như những giường ngủ trên một con tàu của các dân di cư, những người Cơ đốc giáo của La Mã cổ xưa nằm yên nghỉ. Ánh sáng vàng vọt của cái đèn soi rõ những khuôn mặt nhăn nhúm của những xác ướp, làm óng ánh những cái sọ tròn và những cánh tay dài và trắng bắt chéo trên những bộ ngực trơ xương. Kennedy phóng ra những cái nhìn đầy nuối tiếc và ham muốn về phía những hàng chữ nhiều vô số kể, những bình đựng tro cốt, những tranh ảnh trang trí, những quần áo, những đồ dùng vẫn nằm y nguyên như lúc những bàn tay sùng tín đã đặt chúng ở đó hàng nhiều thế kỷ trước. Ngay lúc vừa nhìn thấy, anh đã nghĩ chắc chắn rằng đây là những hầm mộ của một sự giàu sang hiếm có chứa đựng một số lượng rất lớn những di tích của thời đế quốc La Mã.
- Những cái đèn của anh tắt đi thì làm sao? – Anh hỏi trong khi họ vội vã đi tới nơi mà Burger đã chỉ.
- Tôi có một cây nến để dự phòng và một bao diêm trong túi. À, anh Kennedy, anh có mang theo diêm không?
- Không. Anh phải cho tôi vài que mới được.
- Ồ, có gì đáng kể? Không vì lý do nào mà chúng ta phải rời xa nhau.
- Chúng ta sẽ đi tới đâu? Tôi thấy hình như chúng ta đã đi khoảng bốn trăm thước rồi, phải không?
- Tôi nghĩ rằng nhiều hơn thế. Những dãy mộ này dài vô tận... ít nhất là tôi chưa thấy chỗ tận cùng của nó. Nhưng vì bây giờ chúng ta đi tới một chỗ ngoắt ngoéo tôi phải thả cuộn dây ra.
Anh buộc một đầu sợi dây vào ruột hòn đá nhô ra rồi nhét cuộn dây vào bên trong áo măng tô và cứ bước tới đâu thì nhả nó ra tới đó. Kennedy nhận thấy sự thận trọng này không phải là vô ích, vì các lối đi mỗi lúc càng phức tạp thêm tạo thành một mạng lưới những con đường luôn luôn cắt ngang nhau. Nhưng tất cả mọi con đường đều dẫn tới một cái phòng lớn hình tròn, ở cuối phòng này có một cái bệ vuông mà một bên được che kín bằng một phiến cẩm thạch.
- Chúa ơi! - Kennedy kêu lên trong niềm sảng khoái - Đây là một bàn thờ của người Cơ đốc: không chừng là cái bàn thờ cổ xưa nhất. Cây thánh giá nhỏ của lễ phong thánh được khắc trên góc này. Chắc chắn là cái phòng hình tròn này đã được dùng làm giáo đường!
- Đúng vậy! - Burger đáp lại - Nếu tôi có nhiều thì giờ, tôi sẽ chỉ cho anh thảy tất cả những cái xác được chôn trong các hốc dọc theo dãy tường: đó là xác của các vị giáo hoàng và giám mục đầu tiên của Giáo hội, cùng với các mũ mão, pháp trượng, y phục tôn giáo của các ngài. Này, chẳng hạn hãy nhìn cái xác kia xem...
Kennedy bước tới và ngắm nghía một cái đầu tái nhợt tỳ lên một cây pháp trượng đã nát thành bụi.
- Tuyệt diệu! - Anh thốt lên với một giọng nói vang dội cả những vách của khung vòm - Theo kinh nghiệm riêng của tôi, đây là việc có một không hai. Anh Burger, đem cái đèn gần lại đi: tôi muốn được xem tất cả những cái xác.
Nhưng anh chàng người Đức lại đi tới đầu bên kia của căn phòng và anh ta đứng ở giữa cái vòng ánh sáng vàng vọt.
- Anh có biết từ chỗ này tới cầu thang có bao nhiêu chỗ rẽ làm ta lầm lạc không? - Anh ta hỏi - Hơn hai ngàn chỗ! Chắc chắn đó là một trong các phương tiện mà những người Cơ đốc đã dùng để tự bảo vệ cho họ. Giả dụ là ở chỗ này một người có mang đèn đi nữa thì anh ta cũng chỉ có cơ may một phần trên hai ngàn là sẽ tìm được lối ra. Và nếu không có đèn thì còn khó hơn rất nhiều?
- Đúng vậy!
- Bóng tối thật kinh khủng! Đã có một lần tôi thử nghiệm nó. Ta hãy thử một lần nữa.
Anh ta cúi xuống gần cái đèn và ngay tức thì như có một bàn tay vô hình bưng kín hai mắt của Kennedy. Trước giờ phút này không bao giờ anh biết thế nào là bóng tối. Bây giờ thì anh có cảm tưởng là nó dính chặt vào anh, nó làm anh nghẹt thở, nó là một chướng ngại vững chắc ngăn cản không cho người anh cử động, bước đi. Anh dang hai tay ra để đẩy lui nó.
- Thế là đủ rồi, Burger! Cho lại chút ánh sáng đi.
Nhưng người bạn của anh bật cười lớn. Trong căn phòng hình tròn này, tiếng cười của anh ta giống như đồng thời phát ra từ mọi phía.
- Anh bạn Kennedy à, chắc anh khó chịu lắm phải không?
- Không sao, anh bạn ạ! Hãy đốt đèn lên đi!
- Thật là kỳ cục, Kennedy à. Nghe tiếng động tôi hoàn toàn không định được hướng anh đang đứng. Còn anh, anh có thể đoán được tôi đang ở chỗ nào không?
- Không. Tôi có cảm tưởng là anh đang đứng ở khắp mọi nơi chung quanh tôi.
- Nếu tôi không nắm lấy sợi dây thì tôi sẽ không biết phải làm thế nào để ra khỏi chỗ này.
- Tôi nghi ngờ về chuyện đó. Thôi đi, anh bạn, đánh lên một que diêm đi! Ta phải chấm dứt trò chơi kỳ cục này.
- Anh Kennedy này, hãy nói đi. Tôi nghĩ rằng có hai điều mà anh đặc liệt thích thú: sự mạo hiểm, và một trở ngại để vượt qua. Sự mạo hiếm sẽ là việc anh phải tìm một con đường để ra khỏi những hầm mộ này. Điều trở ngại sẽ là bóng tối và hai ngàn lối rẽ lúc nào cũng làm cho ta lầm lạc. Nhưng anh không cần vội vã; anh còn nhiều thì giờ mà. Khi anh dừng lại nghỉ, tôi mong rằng anh sẽ nghĩ một chút tới cô Mary Saunderson, và anh sẽ duyệt xét lại lương tâm xem anh có hoàn toàn chung thủy với cô ấy không.
Kennedy gầm lên.
- Đồ ác quỷ! Anh muốn nói gì đó?
Anh chàng người Anh chạy vòng quanh, vẽ ra những vòng tròn nhỏ, nhưng với hai bàn tay anh chỉ quờ thấy mà đêm.
- Tạm biệt - tiếng nói mỉa mai của Burger vang lên, lúc này anh ta dã đi một quãng xa, - Kennedy ạ, ngay cả sau khi đã nghe các sự việc anh kể lại, tôi thật sự vẫn không tin là anh đã xử sự đúng đắn với “cô gái trẻ” trong câu chuyện. Và tôi thấy hình như anh còn không biết một chi tiết nhỏ: tôi phải bổ sung vào chỗ thiếu sót dó. Cô Mary Saunderson đã hứa hôn với một gã sinh viên nghèo nàn không có gì xuất sắc lắm; gã ta tên là Julius Burger.
Ở một chỗ nào đó có tiếng sột soạt nghe không rõ ràng là tiếng gì, tiếng động nhẹ của một bàn chân vấp phải một hòn đá, rồi thì sự im lặng trở lại trong cái giáo đường Cơ đốc cũ kỹ này, một sự im lặng bất động và nặng nề bao trùm lên Kennedy như nước bao trùm
lên một kẻ chết chìm vậy.
Hai tháng sau, bài báo ngắn sau đây được lần lượt đăng trên báo chí Âu châu.
“Một trong những sự phát hiện thú vị nhất trong những năm vừa qua có liên quan tới các hầm mộ mới ở La Mã, gần mạn Đông của các khung vòm nổi tiếng Saint Calixte. Sự tìm ra khu mộ địa quan trọng này, nơi cực kỳ phong phú về các dấu tích thời khởi đầu kỷ nguyên Cơ đốc, là nhờ vào nghị lực và sự tinh tế của tiến sĩ Julius Burger, nhà khảo cổ học trẻ tuổi người Đức là người đang chinh phục ngôi vị thứ nhất trong số các nhà bác học chuyên nghiên cứu về La Mã cổ xưa. Mặc dù đã là người trước nhất công bố bản tường trình về sự phát hiện này, hình như tiến sĩ Burger đã bị dẫn trước bởi một nhà sưu khảo kém may mắn hơn. Vài tuần lễ mới đây, ông Kennedy, một nhà khảo cổ nổi tiếng người Anh đã đột nhiên biến mất khỏi căn hộ của ông tại chung cư Corso. Người ta đặt ra một liên hệ giữa sự mất tích của ông và một vụ tai tiếng mới đây là điều có thể làm cho ông rời khỏi Rome. Bây giờ mới rõ rằng thật sự ông đã là nạn nhân của lòng hăng say về môn khảo cổ. Xác ông đã được phát hiện ở giữa các hầm mộ mới; qua tình trạng các bàn chân và đôi giày của ông, người ta biết chắc là ông đã phải đi bộ ngày này qua ngày khác trong các hành lang quanh co, là những thứ làm cho việc thám hiểm nơi mộ địa rất nguy hiểm. Với một sự khinh suất không thể tưởng tượng được, người quá cố đã đi vào mê cung này không có nến, không có diêm (ít nhất là theo những sự khám nghiệm đầu tiên) và cái chết của ông là hậu quả của sự liều lĩnh của ông. Điều làm cho câu chuyện buồn này thêm đau đớn hơn là việc tiến sĩ Julius Burger là bạn chí thiết của ông Kennedy. Sự vui mừng mà ông được hưởng một cách chính đáng về khám phá phi thường này đã trở thành u ám vì số phận khủng khiếp của người đồng nghiệp và bạn thân của ông.”
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

**Vị giáo sư của trường Lea House**

(the usher of Lea House school)

Ông Lumsden, một trong những vị giám đốc của cơ quan giới thiệu chỗ làm cho các giáo sư, Lumsden và Westmacott là một người nhỏ nhắn ăn mặc chỉnh tề, ông ta có những bộ điệu thô cục, một cái nhìn sắc sảo, một giọng nói sâu sắc.
Ông ấy hỏi tôi
- Thưa ông, tên ông là gì?
Ông ấy nhúng ngòi bút vào lọ mực; một cuốn sổ lớn có những gạch đỏ được mở ra trước mặt ông ấy!
- Harold Weld
- Oxford hay Cambridge?
- Cambridge
- Bằng cấp gì?
- Thưa ông, không có.
- Là vận động viên hả?
- Tôi rất tiếc là không lỗi lạc lắm.
- Chưa bao giờ được tuyển chọn hả?
- Chưa bao giờ.
Ông Lumsden lắc đầu với một vẻ chán nản rồi ông ấy nhún vai một cách làm giảm các hy vọng của tôi xuống tới số không.
Ông ấy nói với tôi.
- Ông Weld này, với các chức giáo sư sự tranh đua rất gay go đó. Ít khi có những chỗ trống, và các ứng viên thì nhiều vô kể. Một vận động viên vào loại nhất, một tay vô địch về chèo thuyền hoặc một hảo thủ về Criket, hoặc một người đã giật được một vài văn bằng một cách lỗi lạc thường kiếm được chỗ làm, một hảo thủ về Criket không bao giờ bị thất nghiệp trong ngành giáo dục, nhưng người trung bình (ông Weid ạ, nếu ông cho phép tôi dùng tính từ này) thì gặp những trở ngại rất lớn, nếu không nói là những trở ngại không thể vượt qua được. Trên các danh sách, chúng tôi đã có tên khoảng trên một trăm người trung bình; nếu ông nghĩ rằng tôi phải ghi thêm tên ông vào, thì tôi hy vọng rằng từ nay tới vài năm nữa chúng tôi sẽ có thể tìm cho ông một việc làm đó...
Ông ấy ngừng lại vì có ai đó gõ cửa, một nhân viên mang tới cho ông ấy một cái thư, ông Lumsden mở phong bì ra.
- À này ông Weld, đây là một sự ngẫu nhiên đặc biệt thú vị. Tôi nghĩ rằng tôi đã biết ngành chuyên môn của ông là tiếng Latin và tiếng Anh, và trong ít lâu nữa ông sẽ chấp nhận một chỗ làm trong một lớp sơ đẳng, nơi đó ông sẽ có thì giờ để làm các công việc
riêng được chứ?
- Thật vậy.
- Lá thư này là lời thỉnh cầu của một trong các thân chủ kỳ cựu của chúng tôi, tiến sĩ Philps McCarthy ở trường học Willow Lea House, West Hampstead. Ông ấy yêu cầu tôi gởi ngay cho ông ấy một thanh niên có đầy đủ khả năng để dạy tiếng Latin và tiếng Anh cho một lớp nhỏ các bé trai dưới mười bốn tuổi. Tôi thấy hình như chức vụ này thích hợp một cách chính xác vớt việc mà ông tìm kiếm. Các điều kiện không có gì là khác thường: 60 bảng, nơi ăn ở đầy đủ, giặt ủi. Nhưng công việc không có gì là quá quắt, do đó ông sẽ có thể sử dụng nhưng buổi tối cho riêng ông.
- Đó là công việc làm được!
Tôi kêu lên với tất cả sự ham thích của một người sau nhiều tháng tìm kiếm hoài công nay cuối cùng đã kiếm được việc làm.
- Tôi tự hỏi liệu tôi có xử sự một cách đúng đắn với những người đã có tên trong sổ của tôi không? – ông Lumsden lẩm bẩm nói trong khi liếc mắt nhìn vào cái danh sách đồ sộ của ông ấy - nhưng sự ngẫu nhiên thật quá kỳ tuyệt khiến cho tôi thấy rằng tôi phải dành sự ưu tiên cho ông.
- Thưa ông, tôi xin chấp nhận và tôi vô cùng biết ơn ông!
- Lá thư của Tiến sĩ McCarthy có chứa đựng một điều kiện. Ông ấy yêu cầu là ứng viên phải có tính nết rất tốt, rất tốt.
- Tôi có tính nết rất tốt! - tôi khẳng định với sự xác tín.
- Này - ông Lumsden nói sau đôi chút ngập ngừng - tôi hy vọng rằng tính nết của ông cũng tốt được như lời ông đã nói, vì tôi có cảm tưởng là ông sẽ cần phải có tính nết tốt!
- Tôi giả thiết rằng bất kỳ một giáo sư nào trong một lớp sơ đẳng cũng phải có tính nết tốt.
- Phải, thưa ông. Nhưng tôi phải báo trước với ông rằng tình thế của ông có rủi ro sẽ gặp phải một vài trạng huống khá kinh khủng. Tiến sĩ McCarthy đã không đặt ra điều kiện này nếu không có một lý do khẩn yếu và quan trọng.
Tiếng nói của ông ấy có một giọng trang nghiêm làm cho sự vui mừng của tôi nguội lạnh đi đôi chút.
Tôi hỏi:
- Tôi có thể xin ông nói cho biết rõ hơn về thực chất của các trạng huống này không?
- Chúng tôi cố sức giữ sự công bằng giữa các thân chủ của chúng tôi, và tuyệt đối trung thành với từng người trong bọn họ. Nếu tôi thấy những trở ngại về phía bản thân ông, chắc chắn là tôi sẽ thông báo cho tiến sĩ McCarthy. Do đó, tôi không cảm thấy sự e ngại nào khi xử sự như vậy đối với ông...
Ông giở từng trang quyển sổ của ông ấy.
- ... Tôi đọc trong đây là trong khoảng 12 tháng qua, chúng tôi đã không cung cấp cho trường học Willow Lea House dưới bảy giáo sư tiếng Latin. Bốn người trong bọn họ đã rời bỏ chức vụ một cách quá đột ngột đến nỗi họ đã không lĩnh lương của những tháng đầu tiên của họ, không một ai đã ở lại quá 8 tuần lễ.
- Còn những giáo sư khác? Họ có ở lại không?
- Chỉ có một giáo sư khác cư ngụ ở phía bên kia. Không có vẻ gì là ông ấy đã đổi chỗ. Ông Weld ạ, ông có thể hiểu rằng những sự ra đi nhanh chóng như vậy không phải là điều đáng khen trong phương diện một ông hiệu trưởng, bất kể những gì mà một người đại diện làm việc ăn tiền hoa hồng có thể nói ra để bênh vực họ. Tôi tuyệt nhiên không biết tại sao các vị đó đã khước từ công việc của họ. Tôi chỉ có thể chỉ cho ông thấy các sự kiện, và khuyên ông đến ngay tức thì để gặp tiến sĩ McCarthy và sau đó tự mình quyết định lấy.
Lớn lao thay là sức mạnh của một người không có gì để mất cả? Thế là với sự hoàn toàn thanh thản, nhưng do sự thúc đẩy của tính hiếu kỳ sôi nổi, vào lúc đầu giờ buổi chiều tôi bấm chuông ở trường học Lea House. Nhà trường là một tòa nhà đồ sộ vuông, xấu xí, được xây dựng ở giữa một khu đất tư, từ ngoài đường lộ có một lối đi rộng dẫn vào tới trường. Trường được xây khá cao, và từ đó ở một phía ta trông thấy những mái nhà xám
và những tháp chuông nhỏ ở mạn Bắc London, ở phía kia là vùng có rừng cây và thoáng đãng viền quanh khu ven đô. Một chú hầu nhỏ ra mở cửa cho tôi, dẫn tôi vào một văn phòng bày biện sang trọng, ở đó vị hiệu trưởng đã mau lẹ tiếp đón tôi.
Những lời cảnh báo và những câu nói bóng gió của người đại điện đã làm cho tôi nghĩ rằng tôi sẽ phải đứng trước một người hay cáu kỉnh và không thể chịu đựng được mà cách cư xử phải là một chuỗi những sự gây gổ không thể dung thứ được đối với các thuộc viên của ông ấy. Nhưng sự thật lại tỏ ra hoàn toàn khác hẳn. Ông hiệu trưởng là một người hiền lành, ốm o, hơi gù một chút, mặt mày nhẵn nhụi, và ông ấy dùng một lối lịch sự gần như thái quá, mái tóc để kiểu bàn chải của ông ấy đã lốm đốm bạc, chắc ông ấy độ sáu mươi tuổi. Ông ấy nói một giọng ngọt ngào và dáng điệu ông ấy không thiếu vẻ cao nhã. Ông ấy hoàn toàn có dáng điệu một vị giáo sư đức độ phần lớn trong công việc về sách vở hơn là trong các khó khăn thực tế của đời sống.
- Ông Weld ạ, chúng tôi sẽ rất sung sướng được sự giúp đỡ của ông. - ông ấy nói với tôi sau vài câu hỏi về nghề nghiệp - Ông Percival Manners đã rời bỏ tôi hôm qua, và tôi nhiệt liệt cầu mong rằng ông sẽ đảm nhận công việc ngay từ ngày mai.
Tôi hỏi thêm:
- Có phải là ông Percival Manners ở Seluryn không?
- Đúng thế! Ông biết ông ấy à?
- Vâng, đó là một trong các người bạn của tôi.
- Một giáo sư tuyệt hảo, nhưng tính hơi nóng nảy, đó là khuyết điểm duy nhất của ông ấy. Bây giờ ta quay lại về chuyện của ông, ông Weld ạ. Ông có giữ vững được sự kiềm chế các dây thần kinh của ông không? Vì lòng tôn trọng sự tranh luận, ta hãy giả thiết rằng có khi tôi quên thân phận của mình đến đỗi thành ra vô lễ với ông, hoặc là nói năng thô lỗ với ông, hoặc là bằng cách này hay cách khác làm thương tổn các tình cảm riêng của ông, liệu chúng ta có thể tin vào sự kiềm chế các phản ứng của ông không?
Tôi mỉm cười nghĩ rằng cái anh chàng nhỏ thó, hiền lành và lịch sự này sẽ có thể làm cho tôi nổi giận.
- Thưa ông, tôi nghĩ là tôi có thể trả lời được câu này.
Ông ấy nói.
- Những cuộc cãi lộn rất cực nhọc đối với tôi. Tôi muốn rằng dưới mái trường của tôi, sự hài hòa phải được toàn diện. Tôi không chối cãi rằng ông Percival Manners đã bị khiêu khích, nhưng tôi muốn rằng ở đây phải có một người nào biết vươn lên bên trên những sự khiêu khích, và khi sự việc xảy ra, có thể hy sinh các tình cảm riêng tư vì lợi ích của sự hòa thuận và sự thân thiện.
- Thưa ông, tôi sẽ cố gắng hết sức mình.
- Ông Weld này, ông không thể nói thêm gì được nữa. Thế là tối nay tôi sẽ đợi ông, nếu khoảng thời gian ngắn ngủi này đủ cho ông chuẩn bị đồ đạc, quần áo.
Không những thời gian đủ cho tôi thu dọn quần áo cho vào va-li, mà nó còn cho phép tôi đi tới câu lạc bộ Benedict ở Piccadilly, nơi mà tôi biết cách tìm thấy Manners nếu ông ta còn ở thủ đô. Quả thật tôi đã phát hiện ra ông ấy ở phòng hút thuốc, và tôi lợi dụng cơ hội này để hỏi ông ấy xem vì lý do nào mà ông ấy đã từ bỏ việc làm.
- Ngay cả anh định không loan báo với tôi là anh tới trường học của tiến sĩ McCarthy à? -ông ấy sửng sốt kêu to lên. - Anh bạn thân ơi, đừng thử nữa, vô ích thôi! Chắc chắn là anh sẽ không thể trú lại ở đó đâu.
- Nhưng tôi đã gặp ông ấy mà! Tôi thấy ông ấy có vẻ thuộc hạng người hiền lành, không làm hại ai. Tôi chưa từng thấy ai cù lần hơn.
- Ông ấy hả? Ồ, ông ấy thì rất tốt! Với ông ấy, không có gì phải sợ cả. Anh có trông thấy Theophilus St.James không?
- Chưa bao giờ nghe thấy cái tên đó! Y là ai vậy?
- Bạn đồng nghiệp của anh đó, một giáo sư khác.
- Không, tôi không gặp hắn ta.
- Chính hắn mới là sự khủng khiếp! Nếu anh có thể chịu đựng được hắn, thì chỉ có một trong hai trường hợp thôi; hoặc anh là một tín đồ Cơ đốc gương mẫu, hoặc anh là một kẻ nằm dưới cả số không. Không có ai vô giáo dục và kiêu căng hơn hắn nữa.
- Nhưng tại sao McCarthy lại bao dung hắn ta?
Ông bạn tôi suy nghĩ một lát sau làn khói điếu thuốc lá của ông, và ông nhún vai.
- Anh sẽ tự mình đưa ra ý kiến đi. Về phần tôi, tôi đã có ý kiến gần như ngay tức thì, và không gì làm thay đổi được nó.
- Anh đã giúp tôi rất nhiều khi cho tôi biết việc này.
- Khi anh thấy một người ở trong nhà hắn ta mà chịu để cho công việc của mình đi tới chỗ thất bại, chịu để cho sự yên ổn của mình bị hủy, chịu để cho quyền hành của mình luôn luôn bị làm hư hỏng bởi một trong các thuộc viên của mình, mà hắn vẫn lẳng lặng tòng phục tình trạng đó không một lời phản kháng thì ý kiến của anh như thế nào?
- Hẳn là gã thuộc viên đã khống chế được ông hiệu trưởng.
Percival Manners gật đầu tỏ vẻ đồng ý.
- Anh đoán đúng đấy? Anh đã bắn trúng đích ngay từ phát đạn đầu tiên. Tôi thấy là hình như không còn cách giải thích nào khác. Vào một thời kỳ nào đó trong đời ông ấy, ông tiến sĩ McCarthy nhỏ bé đã phạm một sai lầm. Là con người thì ai mà chẳng có lúc mắc sai lầm. Tất cả chúng ta đều đã làm những điều xằng bậy. Nhưng sai lầm của ông ấy đã rất trầm trọng, và anh chàng kia đã biết chuyện này nên bắt bí ông ấy. Đó là sự thật. Từ cội nguồn câu chuyện, rút lại là một vụ bắt bí. Nhưng vì hắn ta không có một uy quyền nào đối với tôi và vì không có một lý do nào để tôi phải chịu đựng sự láo xược của hắn ta, nên tôi bỏ đi, và tôi trông đợi là anh cũng sẽ làm như vậy trong chẳng bao lâu.
Thế là tôi không thấy tâm trạng vui vẻ lắm khi tôi đứng trước mặt người mà tôi vừa được biết nhiều chuyện xấu xa. Tiến sĩ McCarthy tập hợp chúng tôi trong văn phòng của ông ấy để giới thiệu người này với người nọ ngay trong buổi tối đầu tiên.
Ông ấy nói với một giọng rất nhu hòa.
- Đây bạn đồng nghiệp mới của ông, ông St.James. Tôi hy vọng rằng cả hai ông đều sẽ rất thông cảm nhau và dưới mái trường này tôi sẽ chỉ thấy cảm tình và lòng tôn trọng giữa mọi người với nhau.
Chắc chắn là tôi cùng chia sẻ niềm hy vọng với tiến sĩ McCarthy, nhưng khi tôi tiến hành một cuộc xét nghiệm kỹ càng người bạn đồng nghiệp của tôi thì những viễn tượng không tỏ ra khích lệ chút nào với tôi. Hắn ta chừng 30 tuổi, hắn có cặp mắt và mái tóc đen, một cái cổ của con bò rừng, tất cả đều có vẻ chứng tỏ rằng hắn được trời phú cho một thể lực phi thường. Tuy nhiên hắn có một chiều hướng rõ ràng về sự mập phì, điều này chứng tỏ là nhà thể thao này đang trong thời kỳ tập luyện. Hắn có một bộ mặt phì nộn, cục cằn, thô bạo và cặp mắt đen, nhỏ của hắn nằm sâu trong các hố mắt. Cái quai hàm nặng nề của hắn, đôi tai vểnh lên của hắn, hai cái chân vòng kiềng và vằn đầy bắp thịt của hắn đã làm trọn vẹn một hình ảnh ít được cảm tình cũng như khó gây ấn tượng.
Hắn nói với tôi với một vẻ cục cằn.
- Hình như anh chưa bao giờ dạy học phải không? Hãy tin tôi đi, đó là một nghề buồn nản ! Rất nhiều công việc lương lậu chết đói... Anh sẽ mau chóng hiểu rõ?
Ông hiệu trưởng nói xen vào.
- Nhưng cũng có một vài sự đền bù. Ông đã rất vừa lòng phải không, ông St.James?
- Ông thấy vậy à? Tôi à, tôi không bao giờ có thể phát hiện ra điều đó. Ông gọi những sự đền bù là cái gì?
- Lúc nào cũng thấy mình ở trước mặt lũ trẻ nhỏ là một đặc lợi: nó cho phép ta được trẻ trung mãi, vì ta được hưởng cái phản ánh của sự hăng hái và tính yêu đời của chúng.
- Những con vật nhỏ, ừ! - anh bạn đồng nghiệp của tôi la lớn.
- Này, này, ông St.James! Ông xét đoán chúng quá nghiêm khắc đó.
- Cứ trông thấy chúng là tôi bực bội rồi ? Nếu tôi có thể đốt lên một ngọn lửa ăn mừng bằng chính lũ chúng, bằng những quyển tập mắc dịch của chúng, bằng những quyển sách của chúng và những cái bảng đen bằng đá của chúng, thì tôi sẽ đốt ngay buổi chiều hôm nay !
- Đó là cách nói năng của ông St.James, - ông hiệu trưởng nói với tôi, kèm theo một nụ cười hơi bực bội - xin ông chớ quá chấp nhất vào câu chữ. Ông Weld này, ông đã biết phòng của ông ở đâu rồi chứ? Chắc chắn là ông cũng phải thu xếp một vài việc nhỏ. Ông càng xếp đặt sớm chừng nào thì ông càng nhanh chóng cảm thấy quen ngay mà.
Tôi có cảm tưởng là ông ấy muốn tránh ngay cho tôi khỏi cái uy lực của anh chàng đồng nghiệp kỳ quái nà, và tôi thấy khoan khoái được đi ra. Cuộc nói chuyện đã có một vẻ khó chịu.
Một thời kỳ trong đời tôi đã bắt đầu như vậy, có lẽ là thời kỳ đặc biệt nhất mà tôi phải trải qua. Trong nhiều khía cạnh tôi thấy trường học là rất tốt. Tiến sĩ Philps McCarthy là một ông hiệu trưởng lý tưởng. Ông sử dụng những phương pháp hiện đại, hợp lý. Sự tổ chức thì không chê vào đâu được. Tuy nhiên trong lòng bộ máy hoàn hảo này, cái lão St.James kỳ quái nọ đã đem tới một sự rắc rối không thể mô tả được. Hắn gây ra bởi những điều thất thố chồng chất của hắn ta. Hắn phụ trách việc dạy tiếng Anh và toán, tôi không biết hắn ta dạy dỗ thế nào vì các lớp học của chúng tôi được dạy trong các phòng riêng biệt. Tuy nhiên điều tôi biết chắc chắn là lũ trẻ con sợ hắn ta và ghét hắn ta. Chúng đã có những lý do đúng để làm điều này, vì thường khi lớp tôi dạy bị gián đoạn bởi những tiếng gầm thét giận dữ, và ngay cả bởi tiếng các ngọn roi của hắn đánh. Tiến sĩ McCarthy đã dành phần lớn thì giờ của mình trong lớp của hắn ta, để trông coi thầy giáo nhiều hơn là trông coi học trò, và để trấn tĩnh tính nóng nảy của hắn ta khi nó đe dọa trở thành nguy hiểm.
Cách cư xử của chàng đồng nghiệp này đối với ông hiệu trưởng thì lúc nào cũng đáng ghét. Buổi nói chuyện đầu tiên mà tôi đã kể lại thật sư là điển hình cho việc giao tiếp của họ. Hắn không ngần ngại gì khi thẳng thừng bắt bẻ ông ấy! Không bao giờ hắn bày tỏ một chút lễ độ nào đối với ông ấy, và tôi thú thật là tôi đã phát cáu lên khi nhìn thấy sự phục tùng êm ả của tiến sĩ McCarthy, và sự nhẫn nại mà ông đáp lại cách đối xử hèn hạ này. Tuy nhiên ngay trong lúc đó tôi không thể bảo vệ mình khỏi một nỗi kinh hoàng nào đó khi nghĩ tới cái giả thuyết mà anh bạn tôi đã đưa ra nếu giả thuyết này đúng (và tôi không mường tượng ra một lối giải thích nào khác), phải chăng sự “ngu xuẩn” của ông hiệu trưởng già đã quá bẩn thỉu làm cho ông phải cúi đầu trước thằng cha này, và vì sợ hãi một sự tiết lộ trước công chúng, đã bắt buộc ông phải chịu đựng những sự quỵ lụy thế này! Ông già hiền lành này có thể là một tên giả mạo, một anh giả đạo đức đến tận tâm can, một tên tội phạm, một tên mang tội đầu độc chăng?... chỉ một sự bí mật ở tầm cỡ này mới có thể biện minh được sự tòng phục hoàn toàn của ông ấy trước một gã đàn ông trẻ tuổi. Nếu không thể, tại sao ông ấy lại chấp nhận trong trường học của ông ấy một sự hiện diện đáng căm hận như vậy, và một uy thế độc hại như vậy? Tại sao ông ấy chịu chấp nhận những điều sỉ nhục đã làm nổi lên sự phẫn nộ của những kẻ bàng quan?
Nếu sự việc là đúng như vậy thì tôi phải buộc lòng mà thú nhận rằng ông hiệu trưởng đã đóng vai trò của mình với một sự mập mờ kỳ tuyệt. Không bao giờ ông ấy tỏ ra bằng lời nói hay bằng cử chỉ là sự hiện diện của anh chàng đồng nghiệp của tôi làm cho ông ấy khó chịu. Đúng là tôi có trông thấy ông ấy buồn bực sau một vài chuyện bất như ý này nọ nhưng theo ý tôi thì những chuyện đó phần lớn là có liên quan tới lũ học trò nhỏ hoặc tới chính bản thân tôi, chớ không phải vì hắn ta. Ông ấy nói St.James, hoặc là ông ấy nói với hắn với sự khoan dung; ông ấy mỉm cười với những việc làm tôi giận sôi lên. Trong cung cách ông ấy đối xử với hắn ta không có một chút dấu vết nào của sự hận thù, mà là một thứ thiện chí e dè và khẩn khoản. Ông ấy tự nguyện tìm kiếm sự bầu bạn với hắn, và họ cùng ở bên nhau nhiều giờ đồng hồ trong văn phòng của ông ấy hay ngoài vườn.
Về phần những sự giao tiếp của tôi với Thesphilus St.James thì tôi đã nhất quyết ngay từ đầu là giữ sự bình tĩnh và tôi kiên quyết làm như vậy: Nếu ông tiến sĩ McCarthy chọn cách để dung thứ sự thiếu tôn trọng này và để tha thứ cho những lời nhục mạ của hắn ta thì đó dù sao cũng là chuyện riêng của ông ấy, chớ không phải là chuyện của tôi. Tất nhiên là ông ấy chỉ muốn một điều: là sự hòa thuận diễn ra giữa chúng tôi; mà sự giúp đỡ to tát nhất mà tôi có thể đem tới cho ông là chấp nhận lời ước nguyện này. Cách tốt nhất để đạt tới ước nguyện này là nên né tránh anh bạn đồng nghiệp của tôi. Khi sự tình cờ làm chúng tôi gặp mặt nhau, tôi giữ vẻ điềm tĩnh, lễ độ xa vắng. Về phần hắn ta, hắn không biểu lộ với tôi một ý muốn xấu xa, cố chấp, nhưng hắn giả bộ một sự vui vẻ thô kệch, một sự thân mật khó chịu như thể hắn muốn cầu thân với tôi. Hắn tới tấp đưa ra những lời ve vãn để buổi tối dẫn dụ tôi vào trong phòng hắn, với mục đích là uống rượu và đánh cờ.
Hắn nói với tôi:
- Chớ quan tâm tới ông già McCarthy ! Đừng sợ ông ta. Chúng ta cứ làm điều gì mà chúng ta thấy muốn làm, tôi đoan chắc với anh rằng ông ấy sẽ không thấy gì bất tiện trong các việc đó đâu.
Tôi chỉ tới phòng hắn có một lần. Một buổi tối buồn bã làm sao! Khi tôi đi ra, ông chủ nhà say như chết, nằm ngáy o o trên giường. Sau đó tôi viện cớ phải học hành, và tôi sống những buổi tối trong phòng của tôi.
Tôi rất muốn biết cái trò xảo quyệt này đã diễn ra từ ngày nào, St.James đã nắm vững sự uy hiếp của hắn lên tiến sĩ McCarthy từ bao giờ? Tôi không tài nào khai thác từ người này hay người kia một mảy may tin tức làm cho tôi tính toán được sự có mặt của anh chàng đồng nghiệp này ở Lea House. Những câu hỏi mà tôi đặt ra về vấn đề này đều được tránh né hay làm lơ đi một cách quá rõ rệt khiến cho tôi đi tới kết luận là cả hai người đều muốn che dấu sự thật về điểm này. Nhưng một buổi tối khi nói chuyện dông dài với bà Corter, nữ quản gia (ông hiệu trưởng goá vợ), tôi đã lấy được thông tin mà tôi đang tìm kiếm. Tôi không cần phải tra hỏi bà ta dò la tin tức, vì tình thế hiện nay làm bà ta phẫn nộ, và bà ta căm ghét anh chàng đồng nghiệp của tôi.
Bà ấy nói với tôi:
- Ông Weld ạ, đã ba năm rồi, hắn ta làm ô uế cái bực cửa này lần đầu tiên. Ôi chà, đối với tôi đó là ba năm trời khủng khiếp. Ông có thể tin lời tôi! Trường học có năm mươi trẻ nhỏ, hôm nay chỉ còn có hai mươi đứa. Đó là kết quả của ba năm trời. Thêm ba năm nữa. chắc sẽ chẳng còn một mống nào. Còn tiến sĩ McCarthy, vị thánh về tính nhẫn nại này! Ông đã thấy ông ấy bị đối xử như thế nào, trong khi gã nọ thật không đáng buộc dây giày cho ông ấy? Nếu không có tiến sĩ McCarthy thì ông có thể tin chắc rằng tôi sẽ không ở lại một giờ dưới cùng một mái nhà với một con người như vậy, ngoài ra tôi đã nói thẳng vào mặt hắn ta, tôi ấy. Ông Weld ạ! Nếu chỉ nguyên một việc tiến sĩ McCarthy cứ khư khư giữ hắn ta trong công việc... nhưng tôi nghĩ là tôi đã nói nhiều hơn những điều mà tôi không nên nói!
Bà ấy cố sức ngừng lại, và không trở lại câu chuyện này nữa. Bà ấy nhớ ra rằng tôi vừa mới đến trường học, và bà ấy lo sợ có sự trống chuyện về phần tôi.
Hai hay ba chi tiết có vẻ kỳ cục đối với tôi. Trước hết tôi nhận thấy anh bạn đồng nghiệp của tôi ít khi tập thể dục. Không bao giờ hắn đi ra khỏi bãi tập thể thao, bãi này nằm trong khuôn viên nhà trường. Nếu lũ trẻ nhỏ đi ra ngoài dạo chơi, thì là tôi hoặc tiến sĩ McCarthy đi kèm bọn chúng, St.James viện cớ là hắn bị đau đầu gối từ mấy năm trước đây và sự đi lại rất vất vả đối với hắn; tôi, thì tôi quy cho sự lười biếng của hắn. Vả chăng đã hai lần từ cửa sổ của tôi, tôi trông thấy hắn lén lút đi ra khỏi trường sở vào một giờ khuya khoắt, lần thứ nhì tôi thấy hắn trở về lúc sáng sớm tinh mơ, và hắn lẻn vào trong nhà qua một cái cửa sổ để ngỏ. Không bao giờ hắn đả động một chút gì tới những cuộc đi chơi lén lút này, những cuộc đi chơi đã phủ nhận câu chuyện bịa đặt về đầu gối hắn, nhưng càng làm tăng thêm sự ghê tởm mà hắn đã gợi ra cho tôi.
Tôi ghi nhận một điểm khác nữa tuy là nhỏ nhặt nhưng cũng đáng lưu ý; gần như hắn không bao giờ nhận được thư từ, những lá thư duy nhất gởi tới cho hắn rõ ràng là những hóa đơn của các hãng buôn. Vì tôi thường hay dậy sớm, tôi có thói quen tự mình ra lấy thư tín trong một đống thư để trên bàn ngoài phòng lớn. Do đó, tôi có thể nhận thấy là hầu hết không bao giờ có một thứ gì cho ông Thesphilus St.James. Tôi thấy tình trạng đặc biệt này có vẻ là những điềm xấu. Vậy thì gã này là hạng người thế nào mà trong quãng đời 30 năm lại không có bạn bè nào? Nhưng dù sao thì ông hiệu trưởng và hắn cũng rất thân mật nhau? Đã hơn một lần, khi vào một căn phòng, tôi thấy họ đang thì thầm nói chuyện với nhau. Rồi họ khoác tay nhau đi ra hóng mát trong vườn nhưng chủ yếu là để tiếp tục câu chuyện. Tôi trở nên quá hiếu kỳ muốn biết thực chất của mối liên hệ đã kết hợp họ với nhau đến nỗi sự hiếu kỳ này đã lấn át tất cả những mục đích khác trong đời tôi. Ở trong trường học, ở ngoài trường học, tôi chỉ còn quan tâm tới việc theo dõi ông tiến sĩ Philps McCarthy và anh chàng Thesphilus St.James, ngõ hầu làm sáng tỏ sự bí ẩn bao trùm họ.
Khốn khổ thay, tính hiếu kỳ của tôi lại có đôi chút quá lộ liễu. Tôi không có tài che giấu các sự nghi ngờ của tôi và tôi đã biểu lộ rất rõ ràng những gì mà tôi căm hận. Một buổi tối tôi bắt gặp Thesphilus St.James đang chăm chú nhìn tôi với một cái nhìn hằn thù và đe dọa. Tôi có linh cảm là một sự cố ghê gớm đang được chuẩn bị thực hiện, và do đó tôi không ngạc nhiên chút nào khi được tiến sĩ McCarthy mời tới văn phòng ông ấy vào buổi sáng ngày hôm sau.
Ông ấy nói với tôi:
- Tôi rất buồn, ông Weld ạ. Nhưng tôi buộc lòng phải khước từ sự giúp đỡ của ông.
- Có lẽ ông sẽ vui lòng chỉ rõ lý do sự sa thải này chứ? - Tôi biết chắc chắn là tôi đã làm tròn nhiệm vụ với sự rất hài lòng của ông ấy, và tôi chỉ muốn thấy ông ấy nêu rõ cái lý do mà tôi đã nghi ngờ.
- Tôi không có lầm lỗi về nghề nghiệp nào để khiển trách ông. - ông ấy trả lời tôi, trong khi mặt trời đỏ hồng lên.
- Ông đuổi tôi theo lời yêu cầu của anh bạn đồng nghiệp của tôi phải không?
Ông ấy nhìn ra chỗ khác.
- Ông Weld này, chúng ta sẽ không bàn về vấn đề này. Tôi không thể bàn về vấn đề đó. Để khỏi làm thiệt hại ông, tôi sẽ cấp cho ông một chứng chỉ tối ưu dành cho chức vụ sau này của ông. Tôi không thể nói nhiều hơn về vấn đề này với ông được. Tôi mong rằng ông cứ tiếp tục công việc ở đây cho tới khi ông tìm được việc làm ở một chỗ khác.
Sự bất công của sự việc làm tôi giận sôi sục lên, thưng làm sao mà tôi chống lại được? Tôi đành chịu khuất phục và ra khỏi văn phòng, lòng nặng trĩu và đắng cay.
Ý nghĩ đầu tiên của tôi là thu dọn hành trang và rời khỏi nhà trường ngay tức thì. Nhưng ông hiệu trưởng đã cho phép tôi ở lại cho tới khi nào tìm được một việc khác, trong khi đó St.James lại muốn tôi đi khỏi càng sớm càng tốt, đó là một lý do tốt để tôi ở lại. À, sự có mặt của tôi làm hắn khó chịu chăng ? Được, tôi sẽ làm cho hắn bực tức càng lâu càng tốt! Tôi bắt đầu căm thù hắn. Tôi nhất quyết trả mối thù. Nếu hắn khống chế được ông hiệu trưởng thì đến lượt tôi, tôi sẽ không thể khống chế được ông ấy hay sao? Để làm cho ông ấy e dè sự hiếu kỳ của tôi chắc là ông ấy phải tự thấy mình rất yếu kém. Tôi ghi tên lại ở sở giới thiệu việc làm, nhưng tôi vẫn tiếp tục giữ công việc tại trường học của tiến sĩ McCarthy, điều này cho phép tôi được tham dự vào kết cục của tình trạng hy hữu này.
Trong tuần lễ đó (vì sự kết thúc xảy ra trong tám ngày tiếp theo), tôi có thói quen đi ra ngoài sau giờ làm việc để kiếm một việc làm mới. Một buổi tối tháng ba, trời lạnh và có gió lớn, tôi vừa bước ra khỏi cửa căn phòng lớn thì tình cờ mắt tôi nhìn thấy một cảnh bất ngờ. Một người đàn ông ngồi thu mình trước một trong những cửa sổ của tòa nhà và mắt y dán vào một vệt ánh sáng nhỏ giữa tấm màn che và khung cửa sổ. Cái cửa sổ này chiếu ra một ô vuông ánh sáng phía trước nó; ở giữa cái ô vuông đó, cái bóng đen của người khách ban đêm này được hiện ra rõ ràng. Tôi chỉ nhìn thấy y trong một thoáng qua, vì y ngẩng đầu lên, trông thấy tôi, và lẩn tránh qua các bụi cây. Tôi nghe thấy tiếng chân y chạy trên đường.
Bổn phận của tôi nhất định là phải quay trở lại và báo cho ông tiến sĩ McCarthy biết. Ông ấy đang ở trong văn phòng. Tôi chờ đợi để nhìn thấy ông ấy bực bội vì sự cố xảy ra, nhưng chắc chắn không phải là sự hoảng hốt mà ông ấy biểu lộ ngay từ những tiếng đầu tiên của câu chuyện của tôi. Ông ấy ngồi lui lại trên cái ghế, mặt tái xanh lại, miệng há hốc ra như thể một người vừa bị đánh một đòn chí tử
- Cửa sổ nào hả ông Weld? – ông ấy hỏi tôi, tay thì chấm mồ hôi trên trán. - Cửa sổ nào,
xin ông nói đi?
- Cái cửa sổ tiếp nối với những cửa sổ phòng ăn cái cửa sổ của ông St.James đó.
- Trời ơi ! A, đúng vậy, thật là khủng khiếp? Một người nhìn vào cửa sổ của ông St.James.!
Ông ấy vặn vẹo hai bàn tay. Ông ấy có vẻ hoàn toàn phát điên lên.
- Thưa ông, tôi phải đi qua trước sở cảnh sát. Ông có muốn tôi vào đó và tôi làm một tờ khai báo không?
- Không, không! - ông ấy kêu lên trong khi kiềm chế một cách khó khăn sự xúc động của ông ấy. - Chắc chắn đây là một tên du thủ. du thực có ý định tới xin bố thí. Tôi không đặt một sự quan trọng nào vào sự cố này. Không một sự quan trọng nào, ông nghe rõ chứ? Ông Weld ạ, nhưng tôi không muốn giữ ông lại, nếu ông cần phải đi ra.
Tôi cáo từ ông ấy. Những lời lẽ để trấn an của ông ấy đã bị phủ nhận bởi vẻ kinh hoàng còn hiện rõ trên nét mặt ông ấy. Khi tôi đi ra, tôi có những linh cảm xấu cho vị hiệu trưởng nhỏ bé của tôi. Khi quay nhìn lại cái ô vuông ánh sáng của cái cửa sổ phòng anh bạn đồng nghiệp của tôi bỗng nhiên tôi nhận thấy hình dáng nhìn nghiêng của tiến sĩ McCarthy đi qua trước cái đèn. Vậy là ông ấy đã vội vã rời khỏi văn phòng để báo động cho St James? Vậy thì tất cả cái không khí bí ẩn này, sự kinh hoàng không thể giải thích được này, những sự mật thiết giữa hai người khác biệt nhau đến thế này là nghĩa làm sao? Tôi suy nghĩ trong khi chân bước về phía trung tâm London, mặc dầu chẳng thế nào đưa ra được một kết luận thích hợp với các sự kiện. Tôi không nghi ngờ chút nào rằng tôi đã đến rất gần một đáp án.
Tôi trở về nhà rất muộn, trời đã gần nửa đêm. Tất cả các ánh sáng đều đã tắt đi, trừ có ánh sáng trong văn phòng ông hiệu trưởng. Tôi đi vào tòa nhà với cái chìa khóa chung của tôi, và khi sắp vào phòng của tôi thì nghe thấy tiếng kêu nhỏ sắc nhọn của một người đang bị đau đớn. Tôi đứng yên bất động và chờ đợi, một bàn tay đặt lên chốt cửa của tôi.
Trong căn nhà, tất cả đều yên tĩnh, ngoại trừ một tiếng nói thì thào xa xôi vọng tới, tôi biết điều này, từ văn phòng ông hiệu trưởng. Tôi lén bước đi trong hành lang. Tiếng thì thầm được phân ra một cách rõ ràng thành hai giọng: giọng chát chúa và mạnh mẽ của St.James và giọng êm dịu hơn của tiến sĩ McCarthy, anh chàng đồng nghiệp của tôi có vẻ nằn nì, khẩn khoản, ông hiệu trưởng thì tranh luận, biện hộ. Bốn vệt ánh sáng mỏng manh trong bóng tối chỉ rõ cửa lớn của văn phòng. Tôi rón rén bước lại gần cái cửa. Giọng nói của St.James mỗi lúc mỗi mạnh mẽ hơn; những lời nói của hắn nổi bật lên một cách rõ ràng.
- Tôi muốn lấy tất cả tiền bạc! Nếu ông không cho tôi, tôi cũng sẽ lấy. Ông có nghe rõ chưa?
Câu trả lời của tiến sĩ McCarthy không thể nghe thấy, nhưng giọng nói bực bội lại cất lên.
- Không để lại cho ông một xu nào à? Tôi bỏ lại cho ông cái mỏ vàng nhỏ là cái trường học này. Tôi cho rằng chỗ đó là đủ cho một ông già rồi, không được à? Làm thế nào để tôi đi châu Úc mà không có tiền? Ông hãy nói đi!
Giọng nói dàn hòa của tiến sĩ McCarthy nghe không được rõ rệt nhưng câu trả lời của ông ấy chỉ làm tăng thêm sự giận dữ của người bạn ông ấy.
- Những điều ông đã làm cho tôi hả? Ông đã làm những gì, ông không bị bắt buộc phải làm chứ? Ông chỉ quan tâm tới cái thanh danh của ông thôi, không bao giờ ông làm việc gì cho sự an toàn của bản thân tôi. Nói làm nhàm thế là đủ rồi! Tôi phải ra đi trước khi trời sáng. Ông có muốn mở cái két bạc của ông hay không nào?
- Ôi James, làm sao anh có thể đối xử với tôi như thế này? - một giọng rên rỉ kêu lên.
Ngay sau tiếng than van này, tôi nghe thấy một tiếng kêu đau đớn nhỏ. Tiếng kêu cứu này làm mất đi sự trầm tĩnh mà tôi từng tự hào. Người ta không còn có thể đứng yên lặng một cách khách quan nếu có kẻ nào dùng tới bạo lực! Trong tay tôi còn cầm cái baton khi đi dạo chơi. Tôi xông vào trong văn phòng. Cũng ngay lúc đó tôi nghe thấy một tiếng giật chuông mạnh mẽ ngoài cửa vào
Tôi quát lớn.
- Đồ kẻ cướp! Đồ vô lại! Hãy để ông ấy bình yên! Buông ông ấy ra!
Hai người đang đứng trước một cái két nhỏ được kê dựa vào một bức tường của văn phòng hiệu trưởng. St.James nắm lấy cổ tay ông già, và hắn bẻ văn cánh tay ông ấy để bắt ông ấy đưa cái chìa khóa cho hắn. Ông hiệu trưởng nhỏ bé của tôi, mặt tái xanh đi nhưng vẫn kiên quyết, dẫy dụa một cách giận dữ dưới sự xiết chặt của tay lực sĩ. Gã này ngoái đầu lại nhìn tôi, tôi thấy trên nét mặt hắn cả vẻ kinh hoàng lẫn sự điên dại. Nhưng khi hắn biết là tôi chỉ có một mình thì hắn buông nạn nhân của hắn ra và nhảy sổ vào người tôi.
Hắn quát lên.
- Tên mật thám khốn kiếp? Trước khi ra đi tao phải thanh toán mày!
Vì tôi không phải là người khỏe mạnh lắm, nên tôi cố giữ hắn ở một khoảng cách. Đã có hai lần tôi quất cho hắn một nhát baton, nhưng hắn đã áp đảo được sự phòng thủ vụng về của tôi, và hắn nắm lấy cổ áo của tôi trong khi phát ra một tiếng gầm lớn. Tôi ngã ngửa về phía sau, lôi hắn ngã theo, hắn tiếp tục xiết chặt cổ họng tôi, tôi cảm thấy sự sống rời bỏ tôi. Cặp mắt hung ác dữ dằn, vàng khè của hắn nhìn trừng trừng vào mắt tôi chỉ cách nhau vài cen-ti-mét, hai màng tang của tôi bắt đầu đập và hai tai bắt đầu kêu o o, đúng lúc tôi mất hết tri giác thì tôi lại nghe thấy cái chuông ở lối vào kêu inh ỏi.
Khi tôi tỉnh lại, thấy mình được đặt nằm trên chiếc ghế dài trong văn phòng của tiến sĩ McCarthy, và ông hiệu trưởng đang ngồi bên cạnh tôi. Chắc chắn là ông ấy đã canh chừng tôi với sự lo lắng. Khi tôi mở mắt ra, ông ấy kêu lên một tràng lớn khoan khoái.
Ông ấy nói:
- Cám ơn Thượng đế!
- Hắn đâu rồi? - tôi hỏi trong khi nhìn quanh mình.
Lúc đó tôi mới nhìn thấy là các đồ đạc ở tình trạng hết sức lộn xộn và cái văn phòng đã bày ra các vết tích của một cuộc vật lộn dữ dội rất nhiều hơn cuộc vật lộn mà tôi đã là nạn nhân.
Ông tiến sĩ McCarthy úp mặt vào hai bàn tay. Ông rên rỉ nói :
- Họ đã bắt lại nó rồi. Sau những năm gian khổ này, họ đã bắt lại nó. Nhưng tôi xin cám ơn Thượng đế là những bàn tay nó đã không bị vấy máu một lần nữa?
Trong khi ông hiệu trưởng nói, tôi nhận thấy một người đàn ông mặc sắc phục sĩ quan cảnh sát đứng ở bậc cửa và mỉm cười với tôi.
Ông ấy nói với tôi:
- Vâng, thưa ông. Ông đã may mắn thoát khỏi tay nó? Nếu chúng tôi không nhảy chồm lên người nó vào giây phút cuối cùng thì ông đã không còn ở đây để nói ba hoa nữa. Tôi không nghĩ rằng đã từng bao giờ nhìn thấy một người nào đến gần cái chết quá như vậy?
Tôi ngồi dậy, đưa hai bàn tay lên sờ cổ họng. Tôi nói lớn:
- Thưa tiến sĩ McCarthy! Đối với tôi sự bí ẩn vẫn còn nguyên vẹn đó. Tôi sẽ rất sung sướng nếu ông có thể giải thích cho tôi rõ gã đàn ông đó là ai, và tại sao ông đã chịu đựng hắn trong nhà ông lâu đến như vậy.
- Ông Weld ạ, tôi còn nợ ông một lời giải thích. Hơn nữa ông đã gần như hy sinh mạng sống của ông, một cách rất nghĩa hiệp, để bảo vệ cho tôi. Bây giờ tôi không còn gì để giấu diếm nữa. Nói tóm lại, ông Weld ạ, tên thật của thằng khốn nạn đó là James McCarthy, và nó là thằng con trai độc nhất của tôi.
- Con trai ông?
- Than ôi, đúng vậy! Tôi đã làm nên tội tình gì để phải gánh chịu một sự trừng phạt thế này? Từ thuở nó còn rất thơ ấu, nó đã là sự bất hạnh của đời tôi: hung bạo, nóng nảy, ích kỷ, không biết phép tắc là gì. Lúc mười tám tuổi, nó đã là một tên tội phạm. Khi hai mươi tuổi trong một cơn nóng giận, nó đã giết chết một người trong lũ bè bạn trụy lạc của nó và nó đã bị kết án về tội sát nhân. Nó đã thoát được giải đài trong đường tơ kẽ tóc, nhưng một án tù khổ sai chung thân đã được xử phạt cho nó. Ba năm sau đó nó đã đào thoát được và tới được nhà của tôi, qua hàng ngàn trở ngại. Việc nó bị kết án tù đã làm tan nát trái tim của bà vợ tôi. Vì nó đã kiếm được quần áo thường dân nên không có ai đây có thể nhận ra nó. Trong nhiều tháng trời nó ẩn náu trong một cái rầm thượng để chờ đợi khi cảnh sát đến chỉ những cuộc truy tầm ban đầu. Rồi tôi cho nó việc làm ở trường học, mặc dù với sự thô lỗ trong các xử của nó, nó đã làm cho cuộc sống của tôi không chịu được, với tôi và với các bạn đồng nghiệp khác của nó. Ông Weld ạ, ông đã ở đây từ bốn tháng nay. Không một người nào trong các vị tiền nhiệm của ông đã cầm cự được lâu như thế. Bây giờ tôi xin đưa ra tất cả những lời cáo lỗi của tôi về những gì mà ông đã phải chịu đựng, nhưng xin ông hãy đặt mình vào địa vị của tôi: tôi thể làm gì khác được? Vì nhớ đến người mẹ quá cố của nó, tôi không thể để cho sự bất hạnh đến với nó, khi mà tôi còn đủ sức bảo vệ cho nó tránh khỏi bất hạnh. Chỉ có ở nhà tôi là nó mới có một nơi nương náu. Làm thế nào để giữ nó lại mà không gây ra những lời phẩm bình nếu tôi không tìm cho nó một việc làm? Do đó tôi đã làm nó trở thành một giáo sư Anh văn, và tôi đã che chở nó trong ba năm. Chắc chắn ông đã nhận thấy không bao giờ nó đi ra ngoài lúc ban ngày. Hôm nay thì ông đã hiểu lý do của việc đó, nhưng tối hôm nay, khi ông báo cáo với tôi về sự hiện diện của một người đàn ông đang nhìn qua cửa sổ, thì tôi biết rằng nơi lẩn tránh của nó đã bị phát hiện. Tôi bảo nó ra đi ngay tức thì, nhưng nó đã uống rượu, thằng khốn nạn, và nó làm lơ đi. Sau hết, khi nó quyết định bỏ đi, nó muốn lấy tiền của tôi lấy tới đồng xu cuối cùng mà tôi đang có. Sự đột nhập của ông đã cứu được tôi, và sau đó sự xuất hiện của cảnh sát đã cứu được ông khi đến lượt ông bị nạn. Tôi đã vi phạm luật pháp khi chứa chấp một tên tù tại đào. Tôi ở lại đây dưới sự canh chừng của ông thẩm sát viên nhưng nhà tù làm cho tôi ít sự hãi hơn là ba năm mà tôi đã sống ở đây.
Lúc đó ông thẩm sát viên nói chen vào:
- Theo tôi thấy thì nếu ông vi phạm luật pháp thì ông cũng đã bị trừng trị đầy đủ rồi.
- Có Thượng đế biết điều này! - Tiến sĩ McCarthy kêu to lên, nước mắt đầm đìa.
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

pvdanh đánh máy

**Sự việc đã xảy ra như thế nào?**

(How it happened?)

Bà ấy là bà cốt, một chuyên gia về lối chữ viết tự động. Dưới đây là những lời bà ấy viết :
Tôi có thể nhớ lại một vài điều về cái buổi tối hôm đó với rất nhiều sự chính xác, trong khi những điều khác thì giống như những giấc mộng mơ hồ, đứt đoạn. Tôi tuyệt nhiên không biết lý do nào đã đưa tôi tới Luân Đôn, từ nơi này tôi đã trở về nhà rất muộn. Buổi tối hôm đó đã lẫn lộn với tất cả những lần khác tôi lưu ngụ ở Luân Đôn. Nhưng từ lúc tôi xuống xe ở cái nhà ga nhỏ miền quê, tất cả mọi sự đều rõ ràng một cách kỳ diệu. Tôi có thể sống lại từng lúc một của thời gian này.
Tôi nhớ một cách rõ ràng là tôi đã đi dọc theo sân ga và đã nhìn cái đồng hồ được soi sáng của nhà ga : nó chỉ mười một giờ rưỡi. Tôi cũng nhớ là tôi đã tự hỏi liệu tôi có sẽ về nhà trước lúc nửa đêm không. Rồi tôi nhớ tới cái xe đồ sộ với những ngọn đèn pha sáng chói cà sự sáng chói cửa những miềng đồng của nó, đang đợi tôi ở bên ngoài. Đó là cái xe Robur mới 30 mã lực của tôi, vứa mới được giao cho tôi đúng vào ngày hôm đó. Tôi còn nhớ là đã hỏi Perkins người tài xế của tôi, rằng nó chạy ra sao, và đã nghe thấy anh ấy trả lời rằng đó là một cái xe rất tốt.
- Tôi sẽ chạy thử nó, tôi đã nói thế trong khi ngồi vào trước tay lái.
- Những tốc độ không phải cùng một thứ, anh ấy trả lời tôi. Thưa ông, có lẽ tốt nhất là hãy để cho tôi điều khiển nó …
- Không, thật tình tôi muốn chạy thử nó.
Và chúng tôi khởi hành để vượt tám cây số ngăn cách chúng tôi với nhà của tôi.
Cái xe cũ của tôi có những bánh pi-nhông có khấc trên một thanh sắt. Ngược lại trong cái xe này ta phải kéo cái cần qua một hàng song sắt để thay đổi tốc độ. Việc này không khó khăn lắm, và chả mấy chốc tôi tin rằng mình đã nắm vững được sự vận hành của máy móc. Tất nhiên thật là ngu ngốc khi muốn mình thành thạo với một phương pháp mới trong lúc ban đêm, nhưng người ta thường phạm chúng. Mọi việc đều trôi qua một cách tốt đẹp cho tới chân đèo Claystall. Đó là một trong những cái đèo tệ hại nhất của nước Anh, nó dài hai cây số rưỡi, với một tỷ lệ là 17% ở nhiều nơi và ba khúc ngoặt gấp. Hàng rào sắt của cái hoa viên của tôi nằm ngay ở phía bên kia ngọn đèo này; ngay ở dưới chân đèo, trên con đường lớn đi Luân Đôn.
Chúng tôi đã chạy gần tới đỉnh đèo thì những sự bực bội của tôi khởi sự. Tôi đã chạy hết ga, và tôi muốn xuống dốc để thả bật hơi, nhưng bột phận li kết bị kẹt, và tôi đành phải trở lại số ba. Cái xe chạy rất nhanh, tôi tìm cách tác động hai cái thắng, hết cái này tới cái nó, chúng đã phản bội tôi. Khi cái bàn đạp dưới chân tôi vang lên một tiếng khô khan, tôi đã không đến nỗi quá sợ hãi, nhưng khi tôi dùng hết sức lực kéo cái thắng tay, và khi cái cần đã lên mãi trên cao mà thắng vẫn không ăn, thì tôi toát mồ hôi lạnh. Chúng tôi phóng xuống đèo với hết tốc độ. Nhưng ngọn đèn pha chiếu sáng rất tốt. Tôi chạy qua khúc ngoặt thứ nhất một cách không chê trách được. Trong khúc ngoặt thứ hai tôi chạy sát cái hố, nhưng tôi đã lách ra được. Khúc ngoặt thứ hai cách xa khúc ngoặt thứ ba một ngàn năm trăm thước, tính theo đường thẳng; sau khúc ngoặt cuối cùng, tôi chỉ còn phải vượt qua hàng rào sắt của hoa viên nhà tôi. Nếu tôi lái được vào cái bến này thì tất cả mọi việc sẽ tốt đẹp cả, vì có một cái dốc đứng thẳng từ hàng rào sắt tới căn nhà của tôi, chắc chắn là cái xe sẽ tự nó dừng lại.
Perkins đã ứng xử một cách tuyệt diệu. Tôi muốn rằng chi tiết này phải được mọi người biết. Anh ấy hoàn toàn bình tĩnh, và chuẩn bị sẵn sàng cho mọi sự cố. Thoạt tiên tôi đã tính lao xuống bờ dốc, và anh ấy đã đoán được ý định của tôi.
- Thưa ông, nếu tôi thì tôi sẽ không làm như thế, anh ấy nói với tôi. Với tốc độ này chúng ta sẽ ngã đổ nhào
Anh ấy đã hoàn toàn có lý, anh ấy đã cắt đứt công tắc, chúng tôi đã chạy nhanh bằng những bánh xe được thả lỏng, không có động cơ, nhưng vẫn với một tốc độ khủng khiếp. Anh ấy đặt tay lên tay lái.
- Tôi sẽ giữ tay lái, anh ấy đề nghị với tôi, nếu ông muốn nhảy ra. Chúng ta sẽ không còn sống được để ra khỏi khúc ngoặt này. Thưa ông, tốt nhất là ông hãy nhảy ra đi !
- Không, tôi trả lời anh ấy. Tôi ở lại. Perkins à, nếu anh muốn, thì hãy nhảy ra đi.
- Thưa ông, tôi ở lại với ông.
Nếu là chiếc xe cũ thì tôi đã kéo cái cần tốc độ cho xe chạy giật lùi, và tôi đã thấy rõ điều gì sẽ xảy ra. Nhưng với cái xe mới thì thật là vô vọng. Những bánh xe kêu vù vù như một cơn gió lớn. Sườn xe kêu răng rắc và rên rỉ, nhưng các đèn pha vẫn chiếu sáng, và tôi có thể lái một cách chính xác. Tôi còn nhớ là tôi đã tưởng tượng ra cái hình ảnh khủng khiếp là chúng tôi sẽ tông vào người nào tình cờ đi tới từ hướng ngược chiều với chúng tôi. Con đường thì hẹp, người bất hạnh nào muốn gặp chúng tôi sẽ chết một cách khủng khiếp.
Chúng tôi chạy vào khúc ngoặt với một bánh xe nằm cách một thước bên trên bờ dốc. Tôi đã nghĩ rằng chúng tôi sẽ lật nhào, nhưng sau khi bị lắc lư một lúc, chiếc xe đã lấy lại được thăng bằng và lại tiếp tục chạy. Tôi đã vượt qua khúc ngoặt thứ ba, khúc cuối cùng. Bây giờ chỉ còn hàng rào sắt của hao viên. Nó đứng ở trước mắt chúng tôi, nhưng bất hạnh thay, không phải thẳng ngay trước mặt. Nó nằm vào khoảng hai mươi thước về phía bên trái, bên trên con đường. Có thẻ là tôi sẽ thành công, nhưng tôi nghĩ rằng bộ phận tay lái đã bị hư hại trong lúc chúng tôi chạy trên bờ dốc. Tay lái đã không văng lời tôi một cách tốt đẹp. Tôi trông thấy, ở phía bên trái, hàng rào sắt đươc mở ngỏ. Tôi đã nhằm thẳng vào với tất cả sức lực của các cổ tay của tôi. Perkins và tôi, cả hai chúng tôi đều gần như nằm rạp xuống. Trong một giây đồng hồ tiếp theo đó, đang chạy với tốc độ tám mươi cây số một giờ, bánh xe bên phải của tôi đụng vào cái cột của hàng rào sắt. Tôi nghe thấy sự chấn động. Tôi cảm thấy tôi bị bay tung lên không, rồi thì … Rồi thì …
Khi tôi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm giữa những bụi cây, dưới bóng những cây sồi ở lối đi, ở mạn nhà của người gác cửa. Một người đàn ông đứng ở gần tôi. Tôi tưởng đó là Perkins, nhưng khi nhìn y một cách chăm chú thì tôi nhận ra là Stanley, một bạn học cũ mà tôi cảm thấy sự quý mến thật sự. Nhân cách của Stansley bao giờ cũng gợi lên trong tôi một cảm tình sôi động, và tôi thấy tự hào khi nghĩ rằng một sự tương ứng đã nảy sinh. Tuy nhiên tôi cũng khá kinh ngạc khi thấy anh ở đó, nhưng tôi giống như một người đang nằm mơ, người choáng váng, đật nát; hoàn toàn sẳn sàng chập nhận không cần bàn cãi mọi sự việc như chúng đã xảy ra.
- Tai nạn mới gớm làm sao ! Tôi nói. Trời ơi, tai họa mới lớn làm sao !
Anh ấy gật đầu đồng ý; trong bóng tối tăm tôi lại nhìn thấy nụ cười khả ái, thông minh của anh ấy.
Tôi đã hoàn toàn bất lực không ngọ nguậy được. Thật ra tôi đã không có một chút ý thích nào để thử ngọc nguậy. Trái lại, các giác quan của tôi vẫn tỉnh táo một cách đặc biệt. Tôi nhìn thấy cái xác xe nát vụn của tôi mà những ngọn đèn lồng đang soi sáng, những ngọn đèn lồng luôn luôn động đậy, tôi nhìn thấy một ít nhóm ít người và tôi nghe thấy những tiếng nói nghẹn ngào. Ở đó có người gác cửa và vợ anh ấy, cộng thêm vài người khác. Họ không bận tâm tới tôi, nhưng họ bu túm chung quanh cái xe. Bỗng nhiên tôi nghe thấy một tiếng kêu đau đớn.
- Sức nặng nghiền nát anh ấy, hãy nâng nó lên một cách nhẹ nhàng ! Một tiếng nói quát lên
- Chỉ có chân tôi thôi, một tiếng nói khác rên rĩ mà tôi nhận ra như là tiếng của Perkins. Ông chủ của tôi đâu rồi ?
- Tôi ở đây này ! Tôi trả lời.
Nhưng không có ai tỏ vẽ nghe thấy tôi nói. Tất cả mọi người đểu cúi xuống trên một vật gì nằm phía trước cái xe.
Stanley đặt một bàn tay lên vai tôi, và sự đụng chạm này là cực kỳ an ủi đối với tôi. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và sung sướng, bất chấp tất cả mọi sự.
- Tất nhiên là anh không đau đớn chứ ? Anh ấy hỏi tôi.
- Không đau đớn chút nào.
- Không bao giờ người ta đau đớn cả
Lúc đó bỗng nhiên sự kinh hoàng tràn ngập lòng tôi. Stanley ! Stanley ! Nhưng kìa, Stanley đã chết vì bệnh thương hàn trong trận chiến tranh của người Boers rồi mà !
- Stanley ! Tôi gào lên, cổ họng nghẹn lại. Stanley, bạn đã chết rồi mà !
Anh ấy nhìn tôi với nụ cười khả ái, thông minh xưa cũ của anh ấy.
- Anh cũng vậy, anh ấy trả lời tôi.
Kim Lương dịch

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

anhseyeuem đánh máy

**Hồn ma hiện lên từ đáy biển**

(De Profundis)

Khi nào mà các đại dương vẫn còn những lợi gân nối liền các phần khác nhau của Đế quốc Anh thì chúng ta vẫn sẽ không tránh khỏi những chuyện hoang đường. Vì linh hồn người ta tự để cho bị khuấy động bởi nước, cũng giống hệt như nước phải vâng theo mặt trăng và khi những con đường lớn của một đế quốc bị bao quanh bởi nỗi hỉêm nguy muôn thuở, cũng phong phú về những cảnh trí và âm thanh kỳ lạ, người ta phải có một tinh thần khá thâm hậu để giữ được thản nhiên trước những điều ác hại của chúng. Hiện nay nước Anh đang vươn ra rất xa bên ngoài chính quốc, khi mà ba ngàn dặm hải phận của mỗi mạn duyên hải làm thành cương giới mà nó đã đoạt được bởi cái búa, cái khuôn dệt và cái cuốc nhọn hơn là bởi những nghệ thuật của chiến tranh. Quả thật lịch sử đã đoán chắc với chúng ta rằng không một ông vua nào, không một đạo quân nào có thể cản đường của một người chỉ có hai đồng tiền trong két sắt nhưng biết rằng ở nơi nào y sẽ có thể biến hai đồng tiền thành ba đồng, và để hết trí thông minh vào việc đi tới nơi đã định. Và vì cương giới đã mở xa ra, trí thông minh của Anh Quốc cũng được nới rộng và tràn lan ra một cách đầy đủ trên khắp thế giới để cho tất cả mọi người thấy rằng những con đường của hải đảo có tính cách châu lục, giống hệt như những con đường của châu lục đều có tính cách hải đảo.
Nhưng để tới được chỗ đó, người ta đã phải trả một cái giá, và cái giá này cứ tiếp tục tốn kém hơn. Cũng giống như con quái vật thời xưa phải nhận được dưới dạng cống phẩm hàng năm một người trai trẻ, với đế quốc của chúng ta cũng thế, hàng ngày chúng ta phải hy sinh cái tinh hoa của thế hệ thanh niên của chúng ta. Guồng máy thì bao la và dũng mãnh nhưng nhiên liệu duy nhất làm cho nó vận hành là sinh mạng của dân Anh. Đó là lý do tại sao khi ở trong những giáo đường cổ kính màu xám chúng ta nhìn thấy những danh tính xa lạ: những danh tính mà cả những người xây các bức tường này cũng không biết, vì chính ở Peshawar, ở Umbellah, ở Korti, ở Fort Pearson mà những chàng trai trẻ chết, mà chỉ để lại phía sau họ truyền thuyết và một tấm biển. Nếu bên trên mỗi cái xác người Anh có một đài kỷ niệm được dựng lwn thì người ta sẽ không cần vạch ra cương giới, vì một sợi dây thừng của những ngôi mộ sẽ chỉ rõ làn sóng của dân Anh và Celtes đã vờ tới nơi nào.
Cả điều đó nữa, đồng thời với những khối nước nối liền chúng ta với thế giới, đã đóng góp vào những chuyện hoang đường mà chúng ta thấm nhuần. Khi mà bao nhiêu người đàn ông và đàn bà đã có ở phía bên kia đại dương những người mà họ yêu quý và những người này đang tiến lên dưới làn đạn của dân sơn cước hoặc trong những đầm lầy của bệnh sốt rét rừng, thì lúc đó tâm hồn đi vào sự giao cảm với tâm hồn, và những truyện ly kỳ nẩy sinh, những mộng mị, những sự linh cảm, những ảo tưởng trong đó một bà mẹ trông thấy con trai bà đang chết và bà ngất đi trong cơn tuyệt vọng, ngay cả trước khi cái tang của anh ta được loan báo cho bà. Mới gần đây khoa học đã chiếu cố tới vấn đề này và đã ban cho nó một cái nhãn hiệu, nhưng chúng ta đã biêt gì hơn nếu không phải là việc một linh hồn bị hành hạ và tới bước cũng đã có thể phóng qua mặt đất, vào một khoảng cách mươi lăm ngàn cây số, cái hình ảnh của tình cảnh đau buồn của y tới tận tâm trí của người thân cận nhất của y? Tôi không hề phủ nhận cái quyền năng đó, nhưng tôi nghĩ rằng cần phải khôn ngoan trong những vấn đề như vậy, vì ít nhất đã có một lần tôi biết rằng những điều trong khuôn khổ các định luật tự nhiên có thể hoàn toàn nằm ngoài những vấn đề này.
John Vansittart là hội viên thứ nhì của công ty Hudson et Vansittal, công ty xuất khẩu cà phê ở Ceylan ( Tích Lan). Ông vốn là người gốc Hà Lan, nhưng 100% Ăng-Lê trong lòng các phong độ. Đã nhiều năm tôi làm đại diện cho ông ở Luân Đôn. Khi ông tới Anh quốc để nghỉ ngơi ba tháng, ông nói với tôi để có những sự giới thiệu cho phép ông làm quen với đời sống ở thị thành và ở thôn quê. Ông đã rời khỏi các văn phòng của tôi với bảy bức thư trong túi áo. Trong một vài tuân, những bức thư ngắn từ nhiều nơi khác nhau gửi tới báo tin cho tôi biết là ông đã lấy được cảm tình của các bạn tôi. Rồi tôi được tin là ông đã đính hôn vơi Emily Lawson, thuộc ngành thứ của gia đình nhà Hereford Lawson, và gần như ngay sau đó họ đã thành hôn: sự tán tỉnh của một du khách chỉ có thể chóng vánh thôi, và cái ngay ông phải xuống tàu của công ty, một cái tàu buồn một ngàn tấn: đó sẽ là chuyến đi chơi tuần trăng mật của họ.
Thời đó là thời cực kỳ thuận lợi cho các nhà trồng cà phê ở Ceylan, họ đã chưa từng biết cái mùa khủng khiếp mà chỉ trong vài tháng thôi, nhưng đã làm lụi bại tất cả một cộgn đồng này nhờ ở sự dũng cẩm và kiên trì, sẽ lại dành được một thắng lợi thứ hai: quả thực những cánh đồng trà ở Tích Lan là một đại công trình của lòng dũng cảm của dân Anh, giống hệt như con sư tử ở Waterloo. Nhưng trong năm 1872 chưa có một đám mây nào đe doạ ở chân trời. Những hy vọng của các nhà trồng tỉa thật tràn trề, Vansittart trở lại Luân Đôn cùng với cô vợ trẻ đẹp của ông. Ông giới thiệu cô với tôi, chúng tôi cùng ăn bữa tối với nhau, và cuối cùng thì ông đồng ý rằng, vì các công việc củng đòi hỏi sự có mặt của tôi ở Tích Lan, tôi sẽ là bạn đồng hành của họ trên tau Eastern Star, mà sự nhổ neo rời bến đã được định trước vào ngay thứ hai sắp tới.
Tôi gặp lại ông vào buổi tối ngày chủ nhật. Ông đi vào trong nhà tôi với một vẻ băn khoăng và bực bội. Khi tôi bắt tay ông, tôi nhận thấy bàn tay ông nóng và khô.
- Ông Atkinson ạ, ông nói với tôi, tôi muốn ông bảo người nhà pha cho tôi một chút nước chanh và nước lạnh. Nói theo nghĩa đen, tôi đang chết khát đây, và tôi càng uống bao nhiêu thì tôi càng muốn uống nữa.
Tôi bấm chuông và gọi lấy một bình nước và những cái cốc.
- Ông đang bị sốt nóng lạnh, toi nói với ông, ông có vẻ đang khó ở đó.
- Không, tôi không cảm thấy khoẻ mạnh lắm. Tôi bị đau phong thấp ở lưng, và tôi ăn không ngon. Chính cài thành phố Luân Đôn chết tiệt này làm tôi nghẹt thở. Tôi không quen hít thở cái không khí mà bốn triệu buồng phổi cùng khuấy trộn lên cùng một lúc.
Ông vung vẩy hai bàn tay co quắp trước mặt ông: thật sự ông đã cho người ta một ấn tượng của sự ngột ngạt.
- Một khi ông ở trên mặt biển, ông sẽ cảm thấy khoẻ khoắn ngay.
- Đúng. Về điều đó thì tôi đồng ý với ông, Đó là việc cần thiết của tôi. Tôi không cần tới một vị y sĩ khác. Nếu ngày mai tôi không xuống tàu thì tôi sẽ phát ốm.....
Ông uống một hơi hết cốc nước chanh và ông xoa chỗ sống lưng bằng hai bàn tay ông.
- Người ta nói rằng điều đó sẽ tốt cho tôi, ông nói tiếp trong khi nhìn tôi với một con mắt rầu rỉ. Bây giờ tôi cần có sự giúp đỡ của ông, ông Atkinson ạ, vì tôi đang ở trong một hoàn cảnh tế nhị.
- Hoàn cảnh thế nào?
- Đây này, bà mẹ vợ tôi bị ngã bệnh và bà ấy đã đánh điện gọi vợ tôi tới bên giường bệnh của bà ấy. Tôi đã không thể đi theo vợ tôi (ông biết rõ hơn ai hết là tôi đã bị cầm chân lại ở đây ) và vợ tôi đành phải đi một mình. Bây giờ tôi lại vừa nhận được một bức điện khác nói là ngày mai vợ tôi không thể tới được, nhưng nàng sẽ bắt kịp con tàu ở Falmouth vào ngày thứ tư. Ông biết đó, chúng tôi sẽ đạu lại ở đó: nhưng Atkinson ạ, tôi thấy thật là khó cho người ta đòi hỏi một người phải tin vào sự huyền bí, và người ta sẽ nguyền rủa, nếu y không thể tin vào điều đó, người ta sẽ nguyền rủa y, ông hãy hiểu tôi đi!
Ông cúi xuống phía trước và khịt mũi làm như thể ông sắp khóc oà lên.
Lúc đó tôi nghĩ tới việc người ta đã nói rất nhiều với tôi về những tập tục ở hải đảo và về cách thức người ta uống rượu không pha ở đó. Chắc hẳn rượu đã là nguyên nhân của những lời nói khó hiểu này và của những bàn tay đang lên cơn sốt này! Tôi cảm thấy một sự lo sợ mạnh mẽ khi trông thấy một người trai trẻ cao quý như vậy nằm trong tay một con quỉ ghê tởm nhất trong số tất cả những con gái.
- Ông phải đi nằm nghỉ! Tôi nói một cách nghiêm nghị.
Ông dụi mắt như thể ông tìm cách tự làm cho mình tỉnh lại, và ông nhìn tôi với vẻ kinh ngạc.
- Tôi sẽ đi tới đó, ông nói với tôi một cách bình thản, lúc nãy tôi cảm thấy hơi choáng váng, nhưng bây giờ tôi đã hồi phục rôi. Này, tôi đang nói về về việc gì thế? À, dĩ nhiên là về vợ tôi rồi! Nàng sẽ xuống tàu ở Falmouth. Tôi tin rằng sức khoẻ của tôi tuỳ thuộc vào sự đi đường biển. Tôi cần có chút ít không khí trong lành trong phổi tôi để tôi có thể hoàn toàn bình phục. Do đó tôi xin ông hãy làm cho một việc với tư cách bạn bè, ông sẽ đí tới Falmuoth bằng xe lửa, phòng trường hợp mà chúng tôi tới trẻ, và lúc đó ông sẽ trông nom cho vợ tôi. Ông hãy tới khách sạn Royal; tôi sẽ đánh điện cho nàng là ông trú chân ở đó. Em gái của nàng sẽ đi theo nàng tới tận đó, như thế là mọi việc sẽ tốt đẹp.
- Rất vui lòng, tôi trả lời. Thật sự tôi không đòi hỏi gì hơn là được đi tới Falmuoth bằng xe lửa, vì từ đây tới Colombo chúng ta sẽ có nhiều thời gian thưởng thức biển cả. Tôi cũng nghĩ rằng ông có một nhu vầu khẩn thiết về sự thay đổi không khí. Nếu ở địa vị ông tôi sẽ đi nằm nghỉ ngay tức thì.
- Phải. Đêm hôm nay tôi sẽ ngủ trên tàu. Ông thấy đó một thứ sương mù còn lởn vởn trước mắt ông.
- ....Mấy đêm nay tôi không ngủ được nhiều, tôi đã gặp mâu thuẫn với các nhà thần học....nghĩa là.....
Trong một sự cố gắng tuyệt vọng, ông kêu lên :
- ....Bởi những sự hoài nghi có tính cách thần học...Xì! Tôi tự hỏi tại sao đấng tối cao toàn năng lại tạo ra chúng ta, tại sao. Ngài lại làm cho chúng ta ngu độn và gài những sự đau đớn lặt vặt vào sống lưng của chúng ta. Có lẽ là tối nay tôi sẽ khá hơn!
Ông đứng dậy và bám thấy cái lưng ghế của ông.
- Ông Vansittart! Xin ông hãy nghe tôi! Tôi nói với sự nghiêm trọng. Tối nay tôi sẽ mời ông ở đây với tôi, ông không ở trong tình trạng để đi ra ngoài được. Ông không đi ngay ngắn được. Ông đã uống những thứ pha trộn của rượu...
- Rượu hả ?
Ông nhìn thằng vào mắt tôi với một cái nhìn ngớ ngẩn .
- Thường nhật thì ông chịu đựng khá hơn khi uống rượu mà.
- Ông Ankinson này, tôi thề với ông là đã từ hai ngày nay tôi không uống một cốc rượu, tôi không biết là tôi đã uống cái gì. Tôi giả thiết rằng ông nghĩ đó là hiệu ứng của rượu....
Ông nắm lấy bàn tay tôi và đặt nó lên trán ông.
- Lạy chúa tôi! Tôi kêu phải lên.
Ông có làn da mỏng như một dải nhung, dưới lớp da tôi cảm thấy như một lớp chi chít những miêng chỉ lụn vụn.
- Ông chớ lo sợ, ông nói trong lúc cười mỉm. Tôi đã mắc bệnh lở mụn nước rất tệ.
- Nhưng chuyện đó không dính líu gì tới bệnh lở mụn nước mà !
- Không, đó là Luân Đôn. Đó là việc thở hít cái không khí tệ hại đó. Ngày mai tôi sẽ mạnh khoẻ hơn nhiều. Trên tàu có một y sĩ, thế là tôi sẽ được săn sóc chu đáo. Bây giờ tôi sẽ đi đây.
- Không, tôi nói với ông trong khi bắt ông phải ngồi xuống. Việc đó sẽ là đưa sự đùa cợt đi quá xa đấy. Ông sẽ không nhúc nhích khỏi nơi này trước khi gặp một vị y sĩ. Hãy ở yên chỗ ông đang ngồi.
Tôi cầm lấy cái mũ và vội vã đi tới nhà một vị y sĩ ở ngay gần nhà tôi. Tôi đưa ông ấy về nhà tôi ngay lập tức, nhưng phòng khách của tôi trống không và Vansittart đã đi khỏi. Tôi bấm chuông, anh đầy tớ báo với tôi rằng vị quý khách đã sai gọi một cỗ xe. Ông ấy bảo người đánh xe đưa ông ấy đến bến tàu.
- Vị quý khách có vẻ ốm yếu không? Tôi hỏi.
- Ốm yếu à? Anh đầy tớ mỉm cười trả lời. Thưa ông không, ông ấy hát ầm ĩ!
Sự bào tin này đã không làm tôi yên tâm chút nào, nhưng tôi nghĩ rằng ông đi tới tàu Eastem Star, và có một y sĩ ở trên tàu, tôi không thể làm được gì nữa cho ông. Tuy nhiên, khi tôi nhớ tới sự khác nước của ông, nhớ tới hai bầnty nóng bỏng của ông, con mắt nặng chĩu của ông, những lời nói vô ý nghĩa của ông, và cuối cùng là cái trán lở lói bệnh cùi của ông, thì tôi đã mang theo lên giường nằm của tôi một ký ức khó chịu về người khách của tôi và sự tới thăm của ông ấy.
Sáng hôm sau, vào lúc mười một giờ, tôi đi tới bến tàu, nhưng tàu Eastern Star đã bắt đầu chạy xuôi dòng sông và đã fần tới Gravesend. Tôi đi với Gravesend bằng xe lửa, nhưng khi tôi tới nơi thì chỉ còn trông thấy các cột buồm của nó ở một khoảng cách khá xa, được mở đường phía trước bởi một lùm khói của một cái tàu kéo. Thế là tôi không có tin tức nào của ông bạn tôi nữa trước khi tới Falmuoth. Khi tôi trở về văn phòng của tôi, một bức điện tín đã đợi tôi. Bà Vansittart đã tới Falmuoth; buổi tối ngày hôm sau, chúng tôi gặp nhau ở khách sạn Royal, tại đó chúng tôi phải đợi tàu Eastern Star. Mười ngày đã trôi qua, chúng tôi không nhận được tin tức gì của con tàu.
Tôi sẽ không dễ dàng quên được mười ngày đó! Khi tàu Eastern Star rời khoti sông Tamise, một cơn bão lớn phát khởi; nó thổi trong gần cả một tuần lễ không ngừng nghĩ chút nào. Trên bờ biển miền nam, chưa bao giờ người ta thấy một trận bảo dài như thế và cuồng nộ như thế. Từ các cửa sổ khách sạn của chúng tôi, mặt biển hình như bị bao trùm trong sương mù. Gió đè một cách quá nặng nề lên những đợt sóng khiến cho mặt biển không thể vùng lên được: ngọn của từng đợt sóng đã bị ngắt đi ngay tức thì. Những đám mây, gió, mặt biển đều ùn ùn kéo về hướng tây. Ở giữa những thế lực hung hăng này, tôi chờ đợi hết ngày này qua ngày khác với sự bầu bạn duy nhất của một người đàn bà xanh xao và trầm lặng, mà cặp mắt phản ảnh sự kinh hoàng; từ sáng tới chiều, nàng cứ đứng dán mắt vào cửa kính, đăm đăm nhìn vào tấm xịt qua đó một con tàu có thể hiện ra. Nàng không nói gì cả, nhưng nét mặt nàng là một khúc bi ca dài dặc.
Sang tới ngày thứ năm tôi hỏi ý kiến một thủy thủ già. Ý tôi muốn được ngồi một mình với ông ấy, nhưng nàng đã trông thấy tôi mở lời với ông ấy, và nàng tới ngay tức thì, miệng hé mở và đôi mắt khẩn cầu.
- Khởi hành từ Luân Đôn đã bảy ngày rồi à? Ông ấy nói. Vậy là năm ngày trong giông bão. Này, biển Manche đã bị quét sạch bởi cơn gió này! Có ba giả thuyết, trận bão có thể bắt nó phải tìm nơi trú ẩn trong một hải cảng của Pháp. Điều này có thể là đúng.
- Không phải thế đâu! Ông ấy biết rằng chúng tôi đang ở đây. Lẽ ra ông ấy phải đánh điện cho chúng tôi.
- À phải! Vậy thì có thể là nó đã chạy ra khơiđể tránh bão, nếu đúng vậy thì lúc này chắc nó không ở xa Madere. Thưa bà, điều đó hoàn toàn có thể xảy ra; bà có thể tin lời tôi nói !
- Và giả thuyết thứ ba?
- Tôi có nói với bà về một giả thuyết thứ ba à? Không, tôi nghĩ chỉ có hai thôi. Tôi không tin là tôi đã nói tới một giả thuyết thứ ba. Con tàu của bà đang ở một nơi nào đó ở giữa Đại Tây Dương, và chả mấy chốc bà sẽ có tin tức của nó, vì thời tiết săp thay đổi. Thưa bà, bà chớ lo lắng. Hãy đợi tới ngày mai, ngay từ buổi sáng bà sẽ có một bầu trời xanh, đẹp.
Người thủy thủ già đã tiên đoán đúng: ngày hôm sau trời quang đãng ngoại trừ một đám mây thấp bay ở phía tây, và đó là mảnh cuối cùng của cơn cuồng nộ của trận bão tố. Dù trời đã quang đãng chúng tôi cũng vẫn không có một tin tức nào về chiếc tàu thủy. Ba ngày bực bội, lo âu nữa đã trôi qua, rồi một thủy thủ tới trình diện ở khách sạn với một bức thư, tôi thốt lên một tiếng kêu vui mừng. Bức thư tới từ vị thuyền trưởng của tàu Eastern Star. Khi đọc qua mấy dòng đầu tiên, tôi đã muốn giấu nhẹm là thư đi, nhưng nàng đã giật lấy nó từ tay tôi.
- Tôi đã đọc đoạn đầu, nàng nói với một giọng bình thản. Vậy thì tôi có thể đọc chỗ tiếp theo.
Lá thư viết như sau :
” Kính thư ông, ông Vansittart đang ở trên tàu với bệnh đậu mùa, và chúng tôi đã bị đẩy ra quá xa mũi đất của chúng ta nên chúng tôi không biết phải làm sao: ông ấy đã phát cuồng và ông ấy không còn khả năng để ra lệnh cho chúng tôi. Theo những sự tính toán phỏng chừng của tôi thì chúng tôi chỉ còn cách Fanchal chừng bốn trăm hai mươi cây số thôi. Tôi cũng giả thiết là nên đi tới đó, đưa ông Vansittart vào bệnh viện, và đợi ông tới ở trong vịnh. Người ta nói với tôi là trong vài ngày nữa một tàu buồm sẽ từ Falmuoth đi tới Fanchal. Lá thư này sẽ được mang tới ông bằng sự môi giới của thuyền nhỏ Marian ở Falmuoth, phải trả viên thuyền trưởng của nó năm bảng. Kính chào ông. Jno Hines. ”
Nàng thật là tuyệt diệu, cô thiếu nữ vừa mới rời khỏi đại học này! Cũng trầm tĩnh và cương nghị như một bậc nam nhi vậy. Nàng không nói gì cả. Nàng mím chặt môi và đội mũ lên đầu.
- Cô đi ra ngoài à? Tôi hỏi.
- Vâng.
- Tôi có thể giúp gì cho cô không?
- Không, tôi đến nhà vị y sĩ.
- Sao?
- Phải. Để biết cách người ta điều trị bệnh đậu mùa.
Nàng loay hoay bận rộn súôt cả buổi tối. Sáng ngày hôm sau, chúng tôi xuống tàu đi Madere, trên chiếc tàu Róe ò Shảon. Gió biển thổi mười nút một giờ. Trong năm ngày chúng tôi chạy với tốc độ đều đặn, và chúng tôi đã tới nơi không xa hải đảo. Sang ngày thứ sáu gió nổi lên đột ngột, chúng tôi lâm vào tình trạng không nhúc nhích được như đi trên dầu nhớt.
Lúc mười giờ tối, Emily Vansittart và tôi cùng đứng tựa vào bao lớn bên phải của mạn cuối tàu; mặt trăng sáng rực đằng sau chúng tôi và chiếu xuống chân chúng tôi bóng đen của con tàu và bóng hai cái đầu của chúng tôi trên mặt nước lóng lánh như tấm gương. Từ chỗ bóng tối một con đường của ánh trăng trải dài ta và vừa đi xa, vừa tan rộng cho mãi tới chân trời hiu quạnh. Chúng tôi nói chuyện trong khi cúi thấp đầu xuống, chúng tôi nói dông dài về sự yên tĩnh, về cơ may của một cơn gió thuận lợi, về trạng thái của bầu trời, thì bỗng nhiên có một tiếng bõm trên mặt nước, như thể một con cá hồi vừa nhảy lên, và kìa, dưới ánh sáng trăng vằng vặc John Vansittart nhô lên từ dưới mặt biển và ngẩng đầu lên về phía chúng tôi.
Tôi chưa bao giờ thấy một vật gì rõ rệt hơn thế. Ánh trăng soi sáng ông ấy rõ mồn một, ông ấy ở cách xa chúng tôi tầm độ ba tầm chèo. Ông ấy có bộ mặt phồng lên lớn hơn là lần gặp mặt cuối cùng của chúng tôi, da ông có nhiều chỗ lốm đốm những vẫy đen; mặt và miệng ông mở lớn ra như thể một người vủa gặp một sự kinh ngạc lớn lao. Từ hai vai của ông, một chất trắng đục chảy xuống thành những dãi dài; một bàn tay của ông giơ lên gần tai, bàn tay kia thì gặp lại để ngang ngực ông. Tôi trông thấy ông vọt lên khỏi mặt nước, và trên mặt phẳng yên tĩnh của đại dương, những gợn sóng vẽ thành các vòng tròn cho mãi tới hông tàu. Rồi ông lại chìm xuống, và tôi nghe thấy một tiếng rập gẫy, một tiếng xé rách, như thể trong một đêm băng giá một bó củi khô nổ lép bép trong đống lửa bập bùng. Khi tôi nhìn lại tôi không còn trông thấy một chút dấu vết nào của ông đã xuất hiện. Tôi không thể nói là tôi đã đứng ở đó bao lâu cúi khom người trên các đầu ngón chân, một tay vịn chặt lấy cái lan can và tay kia đỡ lấy người đàn bà bất tỉnh. Tôi đã là một kẻ trái ngược hẳn với người hay nhạy cảm, lần này thì ít nhất tôi đạp chân lên boong tàu để biết chắc tôi vẫn còn làm chủ được các cảm giác của chính tôi, và đây không phải là sự sáng tạo điên khùng của một bộ óc hỗn loạn. Emily Vansittart run lẩy bẩy, mở mắt ra, nàng đứng dậy, hai tay tì vào cái lan can, nhìn ra mặt biển long lanh dưới ánh trăng; mặt nàng đã già đi mười năm trong một đêm hè.
- Ông có nhìn thấy ông ấy không? Nàng thì thào nói.
- Tôi đã nhìn thấy một vật gì.
- Đó là ông ấy! Đó là John! Ông ấy đã chết!....
Tôi ấp úng nói một vài lời có tính cách hoài nghi.
- ...Chắc chắn là ông ấy vừa mới chết, nàng nói nhỏ. Ở bệnh viện Madère. Tôi đã đọc qua những truyện vào loại đó. Các yd nghĩ của ông ấy đều nghĩ tới tôi. Thị quan của ông ấy đã tới với tôi. Ôi John, người yêu quý của tôi, người yêu quý đã mất đi mãi mãi của tôi !
Nàng oà lên khóc nức nở: tôi đưa nàng về phòng của nàng và để nàng ở đó với nỗi lo buồn của nàng. Một cơn gió nhỏ bắt đầu thổi trong lúc ban đêm, và buổi tối hôm sau chúng tôi bỏ neo trong vịnh Fanchal. Tàu Eastern Star đang đậu gần đó, lá cờ kiểm dịch được treo cao trên cột buồm lớn và cờ hiệu của nó để rũ xuống.
- Ông trông kìa! Bà Vansittart nói với tôi.
Cặp mắt nàng khô ráo, nàng biết rằng không một giọt lệ nào trả lại được người chồng cho nàng. Trong lúc ban đêm chúng tôi nhận được giấy phép cho lên tàu Eastern Star. Viên thuyền trưởng, ông Hines, đợi chúng tôi trên boong, sẹ lo buồn và bối rối đã hằn lên trên bộ mặt da đồng của ông, và ông tìm những từ để loan báo hung tin: nàng ngắt lời ông.
- Tôi biết rằng chồng tôi đã chết, nàng nói, ông ấy đã chết tối hôm qua, vào lúc mười giờ, ở bệnh viện Madère, có phải vậy không?
Người thủy thủ nhìn nàng, sững sờ.
- Khồn, thưa bà. Ông ấy chết tám ngày rồi, ở trên biển và chúng tôi đã buột lòng phải thủy táng ông ấy ở đó, vì chúng tôi thấy mình đang ở một khu vực yên tĩnh và chúng tôi đã không biết khi nào thì chúng tôi sẽ tới bờ.
Đó là những sự kiện chính yếu liên quan tới cái chết của John Vansittart, cũng như về sự xuất hiện của ông ấy tại một nơi nào đó vào khoảng độ 35 bắc vĩ - tuyến và độ 15 tây kính tuyến. Một hồn mà hiện hình rõ rệt hơn thật ít khi xảy ra, do đó nó đã là đề tài của nhiều cuộc tranh luận, của nhiều bài viết. Nó đã được xác nhận bởi giới bác học và nó đã làm dầy thêm tập hồ sơ mới được mở ra gần đây về sự thần giao cách cảm. Về phần tôi, tôi chủ trương là sự thần giao cách cảm không có gì để nghi ngờ, nhưng tôi muốn rút trường hợp này ra khỏi tập hồ sơ và tôi muốn nói rằng chúng tôi đã không trông thấy sự xuất hiện của hồn ma John Vansittart, mà đúng là John Vansittart bằng xương bằng thịt, vọt lên từ đáy sâu của Đại Tây Dương dưới ánh trăng. Tôi luôn luôn tin rằng một sự ngẫu nhiên phi thường (Một trong các sự ngẫu nhiên rất ít có khả năng xảy ra này, tuy nhiên lại vẫn thường xảy ra ) đã làm cho chúng tôi đứng bất động bên trên chính ngay cái chỗ mà người đàn ông đó đã bị chôn vùi trên biển một tuần lễ trước. Về phần còn lại, vị y sĩ đã nói với tôi là quả tạ bằng chì không được cột chặt, và bảy ngày đã mang tới cho cái xác chết vài sự thay đổi nào đó có thể làm cho nó nổi lên mặt nước. Quả tạ đã làm nó chìm sâu xuống đấy biển. Nếu quả tạ tách rời ra xác chết có thể lại chồi lên mặt nước với sự đột ngột mà chúng tôi đã chứng kiến. Đó là lời giải thích của vị y sĩ. Tới chỗ muốn biết rõ ràng hơn nữa, tôi coi đó là phận sự của tôi, và nếu nhắc lại với bạn về cái tiếng động khô khan của sự rập gẫy, của sự xé rách, cũng như sự xao động trong nước biển. Những con cá mập kiếm ăn trên mặt nước, và chúng đông lúc nhúc trong miền này.
Kim Lương dịch

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

anhseyeuem đánh máy

**Sự khủng khiếp giữa trời cao**

(The Horror of The Height)

Tất cả những ai đã biết vụ án này đều không chịu tin rằng câu chuyện kỳ lạ mà người ta gọi là ”Một mảnh của Joyce - Amstrong ” là một sự huyền hó thêu dệt bởi một kẻ lạ mặt do sự gợi hứng của một tâm tính sa đọa. Một anh chàng hề cô hồn nhất và lém lỉnh nhất chắc cũng phải nhìn vào sự vật này hai lão lần trước khi dồn cả cái đầu óc tưởng tượng đầy bệnh hoạn của anh vào những việc không thể chối cãi được một cách bi đát đã dựng nên câu chuyện này, mặc dù câu chuyện này đầy rẫy những lời xác quyết rùng rợn và có khi quái đản nữa, nó vẫn không thiếu tính chất đáng tin và nó khiến chúng ta phải xét lại một quan niệm mà ngày nay đã có vẻ lỗi thời. Chỉ có một lằn ranh an toàn mỏng manh để che chở cho con người chống lại một sự nguy hiểm bất ngờ. Trước khi thuật lại câu chuyện nguyên thủy trong cái hình thức không toàn vẹn một cách khốn khổ của nó, tôi xin trình lên các dộc giả cả mọi sự việc mà người ta được biết vào ngày hôm đó. Trước hết tôi xin nói với các bạn có tính đa nghi đã ngờ vực câu chuyện của Joyce - Armstrong rằng các sự việc có dình líu tới đại uý Myrthe trong Hải quân Hoàng gia và ông Hay Connor đã được phối kiểm: Đúng là họ đã chết như người thuật truyện đã mô tả.
” Một mảnh của Joyce – Armstrong ” đã được tìm thấy tại một cánh đồng được gọi tên là Haycock Ha, ở khoảng một cây số rưỡi về phía Tây làng Withyham trên ranh quận Kent và quận Sussex. Ngày 15 tháng chín vừa qua, một anh nông dân là Jamé Flynn, làm công cho trại chủ Mathew Dodd, thuộc Nông Trại Chauntry ở Withyham, trông thấy một cái vố làm bằng rể cây Bruyen ở cạnh con đường chạy dọc theo hàng rào của Haycock Hạ. Cách xa hơn một vài thước nữa, anh ta tìm thấy cặp mắt kính đeo mắt bị bể. Sau rốt, trong những cây gai ở cái hố anh ta phát hiện ra một quyển sách mỏng gáy vải: Đó là một quyển sổ tay, một vài tờ bị long ra và bay tung toé chỗ chân hàng rào. Anh ta nhặt nhanh tất cả: Ba tờ giấy trong đó có hai tờ đầu, đã không thể nào kiếm thấy được. Anh nông dân mang chiến lợi phẩm này về cho ông chủ của anh, rồi ông này đưa cho bác sĩ Atherton ở Hartfield xem. Vị quý nhân này tháy ngay rằng cần có một sự giám định chuyên môn. Vậy là bản thảo được đưa tới câu lạc bộ Hàng không ở London, nơi mà nó vẫn còn tới bây giờ.
Hai trang dầu của bản thảo bị mất. Một trang khác cũng bị rơi mất ở đoạn kết thúc câu chuyện, nhưng sự mạnh lạc của toàn thể không hề hấn gì. Người ta cho rằng đoạn khởi đầu phác hoạ lại giấu tưởng lục của ông Joyce – Armstrong, bằng tưởng lục mà người ta có thể tạo lại một cách dễ dàng và nó vẫn là thứ độc nhất vô nhị trong nghành hàng không Anh quốc. Trong nhiều năm trời Joyce – Armstrong vẫn được coi như một trong những nhân viên phi hành táo bạo nhất và uyên bác nhất. Sự kết hợp các tài năng này đã cho phép ông phát minh và thí nghiệm nhiều phương pháp mà tên tuổi ông vẫn còn được gắn liền. Tất cả bản thảo của ông được viết bằng mực một cách đằng tả, trừ những dòng cuối cùng viết nguệch ngoạc bằng bút chì, gần như không thể đọc được, người ta đoán rằng chúng được viết một cách rất vội vã trên ghế một phi cơ đang bay. Ta cần nói thêm rằng có những vết bẩn làm lem luốc trang cuối cùng và tờ bìa, các giàm định chuyên môn của Bộ Nội vụ tuyên bố rằng đó là những vết máu, có thể là máu người, nhưng chắc chắn là máu của động vật có vú. Sự kiện là việc phân tích chất máu này đã phát hiện một vật gì rất giống con vi khuẩn bệnh sốt rét rừng ( Joyce – Armstrong thường bị những cơn sốt rét ) là một thí dụ đáng kể về những vũ khí mới mà khoa học hiện đại đã đặt vào tay các thám tử của chúng ta.
Bây giờ hãy nói qua tới nhân cách của tác giả một tài liệu sẽ mở ra một kỷ nguyên mới. Nếu ta tin được qua lời một vài người bạn đã biết nhiều về ông, thì Joyce – Armstrong là một người hay mơ mộng và là một thi sĩ, cũng như là một nhà phát minh và một kỹ thuật gia của ngành cơ giới. Ông đã tiêu phầ lớn tài sản đáng kể để thoả mãn sở thích vẻ hàng không trong các xưởng của ông ở gần Devizes. Ông có bốn phi cơ tiêng. Và trong năm ngoái, ông đã bay không dưới 170 lần. Tính nết của ông thường ảm đảm. Trong những dịp này ông tự cách ly và tránh mặt mọi sự tiếp xúc với xã hội. Đại uý Dangerfield, một người bạn đường thân nhất của ông công nhận rằng trong một vài trường hợp tính cổ quái của ông gần đi tới chỗ điên khùng, ông chẳng thường có thói quen mang theo lên ohi cơ một khẩu súng săn đó ư ?
Hơn nữa vụ tai nạn xảy ra với Trung Úy Murtle đã khiến ông xúc động một cách hai hại. Trong khi định phá kỷ lục về độ cao, Myrtle đã bị rơi từ một độ cao chừng mười ngàn mét, một sự việc khủng khiếp! Cái đầu ông ta hoàn toàn biến mất, tuy nhiên chân tay và tất cả phần còn lại của thân thể ông vẫn còn giữ được hình thể nguyên thuỷ, mỗi khi các phi công họp mặt với nhau, Joyce – Armstrong lại hỏi với một nụ cười bid hiểm: ” Các bjan đã tìm thấy cái đầu của Myrtle chưa? ”
Một buổi tối sau bữa ăn tại câu lạc bộ của trường huấn luyện phi công tại Salisbury, ôn đã gây ra một cuộc tranh luận về đề luận sau đây: Trong các sự hiểm nguy đối với các phi hành gia thì cái nào là lớn nhất và thường xảy ra nhất? Sau khi đã nghe các ý kiến được phát biểu về các lỗ hỗng trong không khí, các khiếm khuyết trong việc chế tạo, các trận bảo tố, ông nhún vai từ chối không đưa ra ý kiến riêng của ông. Nhưng ông cho thấy rằng nó hoàn toàn khác với những gì mà ông vừa được nghe.
Thiết tưởng không phải là vô ích để nói rằng một ngày sau khi ông mất tích người ta phát giác ra rằng ông đã thu xếp các công việc của ông đâu vào đó với một sự tỉ mỉ cho phép ta tin rằng ông đã linh cảm được sự cáo chung đang chờ đợi ông.
Nhưng sự chỉ dẫn tiên khởi này rất cần thiết. Bây giờ tôi xin chuyển dịc một cách thật đúng câu chuyện như nó đã được ghi bắt đầu từ trang ba của quyển sổ tay bị dính máu.
”....Tuy nhiên, khi tôi ăn bữa tối ở Reions với Cosetli và Gustave Roymond, tôi phải nhận thấy rằng không có người nào ý thức được sự hiện hữu của một mối nguy hiểm đặc biệt trên những tầng cao của khí quyển, tôi không nói rõ hết với họ những điều tôi suy nghĩ trong đầu óc tôi, nhưng tôi dùng cách nói bóng gió và nếu họ có những ý nghĩ tường đồng với ý nghĩ của thôi thì hẳn họ đã phát biểu chúng ra. Hỡi ôi, hai anh chàng kiêu căng ngu xuẩn này không nghĩ tới điều gì khác hơn là thấy tiên họ được in trên báo. Tôi đã chú tâm ghi nhận rằng cả hai anh chàng đó không người nào đã bay lên cao quá bảy ngàn, bảy ngàn năm trăm mét, chắc chắn là phải ở trên độ cao đó thì phi cơ mới đi vào vùng nguy hiểm ( luôn luôn giả thiết rằng những giả thuyết của tôi là đúng ) ?
Đã hơn hai mươi năm trời con người bay trên phi cơ? Nếu có ai hỏi tôi rằng tại sao mãi cho tơi ngày nay hiểm họa này mới tự phát hiện, câu trả lời sẽ thật đơn giản. Vào thời những động cơ khiêm nhường khi người ta ước tính rằng động cơ 100 mã lực Gnome hay Green là đủ để đáp ứng tất cả mọi nhu cầu, các phi cơ đã không thể vượt quá những gứoi hạn nào đó. Bây giờ, các động cơ 300 mã lực đã là quy luật chớ không phải là ngoài lệ nữa và những chuyến bay trên những tầng cao của khì quyển đã trở nên dễ dàng hơn, thông thường hơn, một vài người trong bạn chúng ta nhờ lại rằng, khi chúng ta còn trẻ trung Garros đã lừng danh khắp thế giới khi đjat tới độ cao sáu ngàn mét và việc bay bên trên núi Alpes được coi là một thành tích hết sức ghê gớm. Từ đó mức trung bình của chúng ta đã cãi tiến một cách đáng kể và đã có hai mươi chuyến bay lên tới độ cao mà xưa kia chỉ có một chuyến. Thật thế,phần lớn các chuyến bay đã được thực hiện với sự an toàn tuyệt hảo và những độc cao mười ngàn mét đã được đạt tới nhiều lần mà không gặp những trở ngại nào khác ngoài cái lạnh và sự nghẹt thở. Nhưng sự kiện này đã chứng tỏ điều gì? Một người khách lạ sẽ có thể xuống hành tinh chúng ta hàng ngàn lần mà không bao giờ nhìn thấy một con cọp. Tuy nhiên, những con cọp vẫn hiện hữu và nếu vì rủi ro vị khách của chúng ta hạ chân xuống trong rừng già, ông có thể bị nhai ngấu nghiến. Ở trên thượng tầng không khí cũng có những rừng già, nơi cư ngụ của những loài còn khủng khiếp hơn là cọp. Tôi tin rằng sẽ có lúc những rừng già này sẽ được thông bào một cách chính xác trên những bản đồ. Cho tới bây giờ có thể định vị được hai khu rừng già đó, một khu ở bên trên vùng Pau-Biarritz nước Pháp. Một vùng khác ở bên trên đầu tôi trong khi tôi đang viết tại phòng tôi trên chiếc Wiltshire. Tôi tin một cách đầy đủ là có một khu rừng thứ ba ở vùng Wiesbaden.
Chính một vài vụ án mất tích của các phi hành gia đã tạo cho tôi ý nghĩ về các khu rừng già này, chắc chắn là người ta thường nói rằng họ bị rớt xuống biển, nhưng sự giải thích này không làm tôi thỏa mãn chút nào. Trước hết đã có Verrier ở Pháp, phi cơ của ông đã được tìm thấy ở gần Bayonne, nhưng không bao giờ người ta phát hiện ra xác ông. Cũng còn có trường hợp của Baxten người đã mất tích, mặc dù động cơ của ông và một vài mảnh sắt vụn đã được nhận dạng trong một cánh rừng ở Laicesternhire. Bác sĩ Middleton ở Ameabury, người đã theo dõi chuyến bay với kính đeo mắt, đã khai rằng ngay trước khi những đám mây làm tối mù mục trường của ông, ông nhìn thấy phi cơ ở một độ cao khá lớn bỗng nhiên lồng lên theo chiều thẳng trong một loạt rung lắc với một sức mạnh cuồng bạo không thể tưởng tượng được. Đó là hình ảnh cuối cùng được ghi nhận về phi cơ của Baxtẻ. Sau đó còn nhiều trường hợp tương tự khác, rồi tới cái chết của Hay Connor. Đã có bao nhiêu lời nói dông dài vô ích về sự bí ẩn không được làm sáng tỏ này. Đã có bao nhiêu cột trong các báo cáo nhưng người ta đã cố tránh không đi sâu vào các sự việc. Ông ta đã xuống bằng lối bay là là từ độ cao không ai biết rỏ. Ông ta đã không thoát khỏi phi cơ, ông ta đã chết trên ghế ngồi. Ông ta chết vì cái gì mới được chứ? ” Đau tim ” các y sĩ trả lời như vậy. Vô lý! Tim của Connor cũng mạnh khoẻ như tim của tôi. Venables đã khai báo thế nào? Venables là người duy nhất ở cạnh ông ta khi ông ta chết. Ông xác nhận rằng Hay Connor bị lắc lư vì những cơn run rẩy và ông ta có vẻ kinh hoàng ” Chết vì sợ hãi ”. Venables nói vậy mà không thể tưởng tượng nổi cái gì đã làm ông ấy sợ hãi. Connor chỉ nói thì thào với Venables có một tiếng. Một tiếng giống như ”quái dị ”trong cuộc điều tra không ai có thể hiểu rõ cái chữ ”quái dị ”này chỉ định vào cái gì. Tôi,tôi có thể sẽ hiểu được nó chỉ định vào cái gì! Những con quái vật! Đó là tiếng nói cuối cùng của Harry Hay Connor xấu số! Và thực tình ông đã chết vì sợ hãi. Venables nói đúng.
Rồi thì lại cái đầu của Myrtle. Bạn có thực sự tin rằng ( Có người nào đó thực sự tin ) một cái đầu người ta lại có thể hoàn toàn thụt vào sâu cái mình sau khi bị rơi từ trên cao xuống không? Tôi, dù thế nào đi nữa, không bao giờ tôi tin vào lời giải thích cho vụ Myrtle. Va vết mỡ trên quần áo ông ấy ” Quần áo dính dầu mỡ ”, một người nào đó đã khai trong cuỗ điều tra, thật lạ lùng khôngcó ai chịu suy nghĩ về chuyện này! Tôi thì tôi đã suy nghĩ quả thực tôi đã suy nghĩ từ lâu rồi. Tôi đã làm thử ba lần ( Và Dagerfield trêu chọc tôi vì tôi đã mang theo súng săn!) nhưng tôi không lên đủ độ cao. Bây giờ, với chiếc Paul Wroner mới, nhẹ và động cơ Rubur 175 mã lực của nó. Ngày mai tôi sẽ phải đạt một cách dễ dàng tới độ cao 10.000 mét. Tôi sẽ làm thử kỷ lục. Có thể là tôi cũng sẽ làm thử với tử thần!...Tôi không phủ phận nguy hiểm, nhưng nếu một người muốn tránh hiểm nguy thì ông ta chỉ có việc thôi đừng bay nữa và sống suốt đời với lối đi giày vải và mặc đồ ngủ thôi- Ngày mai tôi sẽ thám hiểm khu rừng già trên không gian. Nếu có chuyện gì trong đó thì tôi sẽ biết. Nếu tôi trở về được tôi sẽ trở thành một nhân vực lừng danh, một ngôi sao sáng. Nếu tôi không trờ về được, cuốn sổ tay này sẽ chứng nhận những gì tôi định làm và tôi đã chết như thế nào, trong khi thử làm việc đó. Nhưng cầu ơn trên ban phước lành, không có chuyện lẩm cẩm về một ” tai nạn ” hay một sự ” bí ẩn ”.
Tôi đã chọn chiếc phi cơ một tầng cánh Paul Veroner để dùng trong công việc nhỏ mọn này. Chỉ cần chiếc phi cơ một tầng cánh này như thế khi người ta thực sự muốn thành công trong một việc gì. Ông Beaumont đã nhận ra việc này ngay từ lúc đầu. Chẳng hạn sự ẩm ươt không ảnh hưởng gì tới nó, mà thời gian hiện tại cho ta thấy trước rằng ta sẽ luôn luôn bay trong những đám mây. Đây là một loại phi cơ nhỏ, xinh xắn dễ điều khiển như một con ngựa non dưới tay tôi. Động cơ của nó là máy Rubur mười si lanh sức mạnh 175 mã lực. Phi cơ được trang bị những dụng cụ tấn tiến nhất của kỷ thuật; thân máy bọc thép, các bánh xe để hạ canh có vòng cong cao bộ thắng mạnh, những bộ phận ổn định hồi chuyển, ba tốc độ các bình diện theo nguyên tắc những tấm sáo có lá sách di động. Tôi có mang theo một khẩu súng săn và hơn một chục viên đạn chì lớn chắc các bạn đã thấy cái đầu của Perkins, anh thợ máy già của tôi, khi tôi nhờ anh ấy để súng đạn vào trong phi cơ. Tôi mặc quần áo theo kiểu nhà thám hiểm Bắc Cực, với hai áo len dài tay có cổ cao bên trong bộ đồ bay của tôi, những đôi tất dầy bên trong đôi ủng lót lông, một mũ kết có vành và cặp mắt kính bằng mi ca. Ra bên ngoài, gần những xưởng phi cơ, tôi bị nghẹt thở nhưng tôi muốn bay lên vượt khỏi độ cao của đỉnh Hy Mã Lạp Sơn, nhất định là tôi phải mặc y phục thích hợp, Perkins có vẻ nghi ngại một điều gì và anh năn nỉ tôi cho anh ta theo. Nếu tôi sử dụng phi cơ hai tầng cánh, có thể tôi đã phải ưng thuận lời yêu cầu của anh, nhưng với phi cơ một tầng cánh mà ta muốn có tốc độ tối đa để vọt lên cao thì chỉ là công việc của một người thôi. Dĩ nhiên là tôi mang theo một bong bóng dướng khí, một phi hành gia muốn thử lập một kỷ lục bay cao mà không mang theo dướng khí thì sẽ chết cóng hay chết ngộp hoặc bị cả hai sự tệ hại chồng chất lên.
Trước khi vào chỗ ngồi tôi đã kiểm soát các hành trình. Khi đã hài lòng với sự kiểm tra của tôi, tôi mở máy và cho chạy một cách êm đềm, tôi cất cánh ở số một, tôi bày hai vòng quanh bãi đâu để làm cho động cơ nóng lên đôi chút. Sau khi vẫy tay tôi chào tạm biệt Perkins và những người khác. Tôi vọt đi và xả hết sức máy. Phi cơ trườn đi trong gió như một con nhạn trong khoảng độ mười lăm cây số. Tôi hướng mũi nó lên cao và bắt đầu leo lên, vạch thành một vòng tròn xoáy trên ốc lơn hướng vào những đám mây dầy đặc. Điều tối quan trọng là phải lên cao một cách thong thả để thích ứng với áp lực của không khí.
Thời tiết nặng nề và oi nóng đối với một ngày tháng 9 nước Anh. Trời có vẻ muốn mưa. Từng cơn gió một từ phía tây nam thổi tới; một trong những cơn gió này đã ậo tới lúc tôi không đề phòng và đã đẫy tôi bay trệch đường một cách phủ phàng. Tôi nhớ lại lúc mà những cơn gió và những lỗ hỗng không khí đã trở thành những nguy hiểm nghiêm trọng vì các động cơ của chúng ta không đủ sức mạnh. Ngay lúc tôi bay tới các tầng mây thì trời bắt đầu mưa; đồng hồ đo độ cao của tôi chỉ một ngàn mét. Trời ơi! Trận mưa lớn lắm sao! Mưa đập lốp bốp vào cánh phi cơ, tát vào mặt tôi gần như roi quất làm mờ kính mắt của tôi, tôi gần như không còn thấy gì nữa, mưa làm cản trở tốc độ trung bình của tôi, nhưng biết làm thế nào? Trong lúc tôi vọt lên cao, nó trở thành mưa đá và tôi phải tìm cách đi vòng qua nó, một trong các si lanh của tôi không hoạt động được nữa; chắc chắn là một bu gi đã bị đóng cặn, tuy nhiên tôi vẫn có thể tiếp tục leo lên không mật một chúc sức mạnh nào. Chỉ ít lâu sau đó, sự bực bội về máy móc của tôi đã chấm dứt và tôi lại nghe thấy tiếng nổ đều đặn, ròn rã của mười si lanh cùng háy lên trong một tiếng hài hoà tuyệt diệu. Đây là công việc của phép lạ của máy hãm thanh hiện đại của chúng ta, rút cục ta đã có thể kiểm soát được các động cơ của chúng ta bằng tai. Khi chúng không quay một cách đều đặn, làm như chúng thét lwn, chúng cự nự chúng thổn thức! Thời xưa tất cả những tiếng kêu cứu đó đều mất đi, bị chìm ngập vào tiếng ồn ào dữ dội của động cơ. À, giá mà những bạc tiên phong của ngành hàng không có thể sống lại để nhìn thấy sự hoàng hảo về cơ giới là thứ đã được mua bằng giá mạng sống của họ.
Khoảng chín giờ rưỡi tôi tới sát gần những đấm mây. Bên dưới chân tôi chỗ nào cũng mịt mù trong mưa. Cánh đồng Salíbủy chạy dài bao la: năm sáu chiếc phi cơ chậm dãi bay ở độ cao ba hay bốn trăm mét, người ta có thể nói đó là những con chim sẽ. Tôi có cảm tưởng rằng họ đã tự hỏi tôi đang làm gì trong những đám may. Đột nhiên một tấm màn xám được chắng ra bên dưới tôi buồn bã, nhưng tôi đã thắng được trận mưa đá và thế là đã thắng nhiều rôi, mây cũng u ám và dày đặc như sương mù ở London. Vì mong muốn ra khỏi mây mà tôi kéo cần tốc độ chô tới khi chuông báo nguy tự reo lên. Tôi bắt đầu thấy giật lùi, những cánh đồng ướt sũng làm cho tôi nặng thêm hơn là tôi đã nghĩ, nhưng rồi tôi cũng tới được một vùng mây đỡ dày đặc hơn, rồi tôi lên được một lớp mây thứ hai màu trắng đục, lổng phổng như bông đang chờ tôi ở độ cao bên trên đầu tôi, nó làm thành một cái sàn màu đen nhẵn thín được trãi dài ra, giữa hai cái trần và sàn chiếc phi cơ một tầng hai cánh của tôi đang bay tới giữa trời. Trong khoảng cách không gian bao là này, người ta cảm thấy một đàn thủy điểu bay thẳng hàng về hướng Tây, tôi thú thực rằng sự hiện diện của chúng làm tôi vui thích, tôi nghĩ rằng đó là những con mồng két, nhưng tôi là một nhà động vật học hạng tồi. Bây giờ con người đã hóa thành những con chim, ta phải học để nhận ra những người anh em của chúng ta ngay khi vừa nhìn thấy.
Bên dưới chân tôi, gió khuấy động cái cánh đồng mây rộng lớn. Vào một lúc nào đó, nó gây ra mọt sự xáo trộn dữ dội, khơi ra một cái hố sâu và qua lỗ hổng cái ống khói của nó. Tôi nhìn thấy mặt đất, một chiếc phi cơ lớn màu trắng đang bay rất thấp, chắc chắn đó là chuyến bay thường xuyên buổi sáng Bristol – London. Rồi cơn lốc lại bắc đầu xoay sang hướng khác và tôi lại cảm thấy sự cô quạnh của tôi. Sau lúc mười giờ ít lau, tôi tiếp cận với cái vành phía dưới của tầng mây bên trên, những lớp mây này là hơi nước nhẹ, trong lờ mờ đang thông thả trôi về hướng đông. Sức gió tăng lên một cách đều đặn, nhiệt độ đã rất lạnh, mặc dù cao độ kế của tôi mới chỉ có ba ngàn mét. Động cơ quẫy đều đặn một cách đáng khen, mây đã dày đặc nhiều hơn là điều tôi ước tính, nhưng cuối cùng cũng mỏng manh đi thành một đám sương màu vàng và tôi được tiếp đón bởi một bầu trời hoàn toàn trong trẻo và một vầng mặt trời rực rỡ. Bên trên đầu tôi, chỉ toàn là màu xanh và vàng, ở phía dưới toàn là bạc lóng lánh. Đã mười giờ mười lăm phút, cây kim của khí áp biểu chỉ bốn ngàn hai trăm mét, tôi tiếp tục cuộc lên cao, hai tai lắng nghe tiếng nổ đều đều của động cơ, hai mắt luôn luôn nhìn vào đồng hồ, kim chỉ vòng quay, mức độ ét xăng, bộ phận bơm nhót không có gì đáng ngạc nhiên khi các phi hành gia được coi là những người không sợ hãi điều gì họ phải nghĩ tới quá nhiều việc khiến họ không có thì giờ để nghĩ tới chính mình chính vào lúc đó mà tôi nhận thấy rằng một cái địa bàn ít đáng tin vậy khi người ta vượt qua một độ cao nào đó bên trên mặt đất, may măn thay, mặt trời và gío đã cho tôi những toạ độ chính xác.
Tôi hy vọng tìm thấy một sự yên tĩnh vĩnh hằng trong khi cứ bay trên cao mãi, nhưng càng lên cao thì bão tố càng tăng thêm một cách cuồng bạo. Chiếc phi cơ một tầng cánh của tôi rên rỉ, run lên tới tận mọi con ốc của nó, chao đảo như một tờ giấy khi tôi muốn chuyển hướng. Nó lướt nhanh hơn trong gió, có lẽ không có một con người nào đã từng bay nhanh như vậy. Tôi phải luôn luôn giữ phi cơ cho thẳng và bay vát ngọn gió, vì tôi không chỉ có tham vọng riêng về kỷ lục độ cao: theo cách tính toán của tôi khu rừng già trên không trung toạ lạc ngay bên trên khu tiểu Wiltshire nếu tôi chinh phục các tầng cao của khí quyển ở những nơi khác, tôi sẽ mất hết kết quả cố gắng của tôi.
Vào khoảng giữa trưa tôi đạt tới sáu ngàn mét. Gió quá bạo cuồng khiến tôi phải lo lắng nhìn vào những sợi dây ở cánh phi cơ của tôi. Lúc nào tôi cũng tưởng là sẽ thấy chúng giãn ra hay đứt hẳn. Tôi đã tháo cái dù ở đằng sau và móc nó vào cái khoen ở đây lưng tôi ngõ hầu đề phòng điều tồi tệ nhất! Chính vào những lúc như thế này mà một việc làm vội vã, cẩu thả của một anh thợ máy có thể làm mất mạng một phi công! Nhưng phi cơ đã chống chỏi một cách dũng cảm, những dây và những bộ phận chống đỡ của nó kêu o o và run lên như là những sợi dản vậy. Tuy nhiên, tôi cũng kinh ngạc là bất chấp những sự va đập và lay động của gió đánh vào nó làm thế nào mà nó vẫn theo đuổi được sứ mạng chinh phục bầu trời của nó. Phải có một cái gì thàn thánh trong con người để anh ta lên tới cao như thề này bên trên những giới hạn mà hình như tạo hoá đã ấn định cho con người. Và để cho con người lên cao nhờ vào sự kế tục vô tư lợi, dũng cảm này mà sự chinh phục không gian đã chứng tỏ, người ta nói tơi sự sa đoạ của con người! Đến khi nào một câu chuyện tương tự thế này mới được viết vào sách biên niên của nòi giống chúng ta?
Với những ý nghĩ đó trong đầu tôi cứ luôn luôn thúc đẩy phi cơ của tôi lên cao hơn nữa, những cơn gió lúc thì quất vào mặt lúc thì rít lên sau tai tôi. Giải bình nguyên những đám mây phía dưới tôi đã lùi xa, những chỗ nhấp nhô, phập phồng màu bạc của nó đã rộn lên lộn vào một mặt bằng phẳng sáng rực rỡ, chắc chắn là tôi đã là nạn nhân của một sự thăng trầm chưa bao giờ có, chắc chắn là tôi đã biết người ta bị nguy hiểm thế nào khi ở trong tình trạng mà các ông bạn láng giềng ở phía bên kia biển Manche gọi là một cơn lốc, nhưng tới một mức độ như thế nào thì tôi chưa từng thấy bao giờ. Cái luồng gió khủng khiếp này có thể quét sạch tất cả. Mà hình như ngay trong lòng nó còn có những sự xao động cũng khủng khiếp như chính nó nữa. Không có một điềm báo trước nào, tôi bị cuốn một cách tàn bạo vào một trong hai sức mạnh đó trong một hay hai phút tôi đã quay tròn với một tốc độ làm tôi suýt nữa ngất đi. Rồi tôi bị rơi vào xuống, cạnh bên trái xuống trước, cái lỗ hỗng của ống khói chính khoảng chân không mà tôi rơi xuống mà không bị thứ gì cản trở cả, như một hòn đá, trong gần 300 mét, tôi còn ngồi được trên ghế là chỉ nhờ vào cái dây lưng của tôi thôi. Sự rung chuyển làm tôi nghẹt thở và xỉu đi nửa tỉnh, nửa mê trên thành của thân phi cơ, nhưng ( và đây chính là đức tính của một phi hành gia trong tôi ) bao giờ cũng đủ triển khai những nỗ lực siêu phàm. Tôi nhận thấy rằng tốc độ rơi xuống của tôi là một ống khói viên hình trụ. Và tôi tiến gần tới đỉnh cao của hình chóp này, phải chịu đựng một sức xoắn vặn ghê gớm. Bằng cách dồn tất cả trọng lực của tôi vào một bên, tôi lấy thăng bằng lại cho dôi cánh và giành lại sự điều khiển phi cơ để bay ra khỏi chỗ xáo trộn. Bị te tua nhưng đắc thắng, tôi lại kéo cần lái và lại bắc đầu leo lên cao. Lúc một giờ chiều, tôi đã ở bảy ngàn mét bên trên mức mặt biển, tôi hết sức mãn nguyện là tôi đã tới chỗ bên trên cơn bão tố, tôi càng lên cao thì không gian càng yên tĩnh. Ngược lại, trời rất lạnh và tôi bắt đầu thấy cảm, thấy nôn mửa đặc biệt thường đi kèm với sự loãng không khí của tôi và trong những khoảng cách đều đặn. Tôi hít chất hơi thần diệu này, tôi cảm thây khoan khoái gần như say sưa. Tôi kêu lên, tôi ca hát trong khi vạch ra những quỹ đạo của tôi trong bầu trời băng giá.
Tôi tin chắc rằng sự thất bại mà Glaisher và ở một mức độ thấp hơn, Coxwell đã là nạn nhân khi vào năm 1892 họ dùng kinh khí cầu lên tới độ cao mười ngàn mét bị gây ra bởi sự mau lẹ quá sức mà sự vọt thẳng lên cao bằng khinh khí cầu đã thực hiện. Khi ta lên cao theo một giác độ vừa phải và ta tậo làm quen dần với sự suy giảm của áp suất không khí thì ra sữ tránh được loại khó khăn đó. Về phần tôi ở một dộ cao tương đương, tôi nhận thấy rằng ngay dù không có bình dưỡng khí tôi cũng vẫn có thể thở mà không có sự khó khăn quá quắt. Tuy nhiên csi lạnh trở nên dữ dội, nhiệt kế của tôi chỉ mười tám độ âm. Lúc một giờ rưỡi chiều tôi ở khoảng gần mười một ngàn mét bên trên địa cầu và tôi cứ tiếp tục leo lên một cách đều đặn. Tuy nhiên không khí lỏng loãng nâng đỡ cặp cánh của tôi không được như trước và giao độ cao của tôi bị sút giảm một cách đáng kể. Tôi biết rằng ngay với một phi cơ nhẹ như thế này và một động cơ cực mạnh tôi cũng sẽ sắp sửa đạt tới tột đỉnh của tôi. Lại có sự rủi ro: một bugi dở chứng, động cơ của tôi bắt đầu trục trặc.
Trong lúc tôi đang lo sợ một sự thất bại thì một việc hoàn toàn kỳ dị diễn ra. Một vật bay vược qua tôi, tiếng kêu ù ù và nhả khói ra ở phía sau rồi nổi lên trong một tiếng rít lơn ở giữa một đám may hơi nước. Tôi bị sững sờ trong một lúc. Rồi tôi nhớ lại rằng trái bất đã bị bắn phá một cách liên tục bởi những vân thạch này không hoá thành hơi nước khi chúng chạm tới những tầng cao của khí quyển. Đây là một hiểm hoạ mới cho những tay tài tử của không gian, vì có hai vân thạch khác bay gần tôi khi tôi tới độ cao mười hai ngàn mét. Ở chỗ ranh giới vỏ bọc trái đất, hiểm hoạ chắc phải rất lớn và rất thực tại.
Kim áp kế của tôi chỉ mười hai ngàn ba trăm mét khi tôi biết rằng sẽ không thể bay lên cao hơn nữa. Về thế lực tôi sẽ có thể chịu đựng được một cố gắng nữa, nhưng phi cơ của tôi đã đạt tới giới hạn của nó rồi. Không khí lỏng loãng không còn nâng đỡ một cách đầy đủ cặp cánh của tôi: Khi hơi nghiêng đi một chút phi cơ đã chúc cánh xuống và không chịu theo sự điều khiển nữa. Có lẽ nếu động cơ không lộn xộn thì tôi đã lên thêm được ba bốn trăm mét nữa. Nhưng những tiếng nổ sì hơi mỗi lúc một nhiều thêm và tôi thấy hình như trong mười si lanh thì hai cái đã bị liệt. Nếu tôi chưa ở khu vực mà tôi tìm kiếm thì nhất định lúc này tôi không thể nào bay lên tới nơi được! Nhưng tôi đã chẳng lọt vào khu vực đó rồi sao? Vạch ra những vòng tròn và bay lượn như một mình và với cặp ống nhòm tôi quan sát một cách cẩn thận vùng chung quanh. Bầu trời quang đãng một cách tuyệt mỹ. Không có gì để cho ta dự đoán sự hiện hữu của những hiểm nguy mà tôi e ngại.
Tôi đã nói rằng tôi bay lượng trong khi vạch ra những vòng tròn. Tôi nghĩ rằng tôi đã đạt kết quả mỹ mãn hơn nhiều khi thăm dò một vùng rộng lớn hơn, một người thợ săn vào một trong những rừng già trên trái đất mà lại không đi xuyên từ đầu này tới đầu nọ của khu rừng đó với hy vọng phát hiện ra con mồi hay sao? Mà theo sự suy đóan của tôi, khu rừng già trong không gian mà tôi nhắm tới chắc chẳng phải toạ lạc nơi nào đó bên trên trái đất Wiltshire, nghĩa là phía Tây Nam của tôi. Tôi thực hiện một sự chồm lên theo sau mặt trời, vì địa bàn đã hỏng và tôi không còn phân biệt được trái đất nữa. Tôi lao về hướng đã chọn. Bay thật thẳng, vì tôi đã tính rằng chỉ còn đủ ít xăng cho một giờ nữa thôi. Nhưng tôi muốn chơi ngông là chạy cho tới cạn giọt xăng cuối cùng. Vì một lối bay lượng là là tuyệt diệu sẽ đưa tôi trở lại mặt đất không khó khăn gì.
Bỗng nhiên tôi cảm thấy một cái gì mới lạ. Trước mặt tôi, không khí đã mất sự trong sáng của pha lê, nó chứa đựng những hình thù dài xoắn xoeo của một chất gì mà tôi chỉ có thể so sánh với luồng khói rất mỏng của thuốc lá, những tràng những vòng của chúng lăn đi một cách chậm chạp trong ánh sáng mặt trời. Khi chiếc phi cơ một tầng cánh xuyên qua cái chết lạ hoắc đó. Tôi thấy trên môi có một vị mơ hồ của dầu nhớt và cái sả của phi cơ phủ đầy một thứ bọt của chất mỡ. Một chất mỡ hữu cơ vô cùng vi tế hình như đang lơ lững trong khí quyển. Có phải đó là đời sống không? Cái chất mỏng manh, thô sơ này kéo dài ra hàng nhiều mẫu tây rồi bươm tua vào khoảng hư không, đó không phải là thuộc về đời sống! Nhưng có thể là những dấu vết của đời sống, món ăn của một đời sống cổ quái? Chất mỡ đơn sơ của đại dương chính là món ăn của con cá voi dũng mãnh. Tôi còn đang nghĩ ngợi việc đó thì khi nhìn lên tôi rất thích thú thấy một điều hoàn toàn độc đáo. Liệu tôi có hy vọng thuật lại với các bạn đúng như nó đã xuất hiện trước tôi hôm thứ ba trước không?
Các bạn hãy tưởng tượng một con sứa như ta từng thấy tại các biển vùng nhiệt đới, có hình thù cái chuông nhưng tầm vóc cực lớn! Theo tôi thấy thì lớn hơn vòm nhà thờ Saint Paul, nó có màu hồng đạm với những vân xanh nhạt, nó có một khí chất rất vì tế khiến nó có vẻ chỉ như một hình thù huyền ảo trên nền trời màu xanh rủ xuống lòng thòng, lúng liếng một cách chậm chạp từ phía sau và từ phía sau ra phía trước, làm trọn vẹn hình thể của nó. Cái ảo ảnh huy hoàng này diễn ra trên đầu tôi với một vẻ uy nghi thầm lặng nhẹ nhàng và mong manh như một cái bọt xà bông. Nó tiếp tục một cách đường bệ con đường của nó.
Tôi đổi hướng phi cơ để nhìn nó rõ hơn, nhưng bổng chốc tôi phát hiện ra rằng tôi đang bị bám quanh bởi toàn những sinh vật như vậy, với những tầm vóc một trái banh cỡ trung bình. Cách cấu tạo sinh đẹp và màu sắc của chúng làm tôi nhớ tới hàng thủy tinh của Venise. Màu hồng và màu xanh lá cây nhạt là những màu chủ yếu, nhưng chúng trở thành lóng lánh đủ màu khi mặt trời nở rộ với những hình thù mảnh mai của chúng. Hàng trăm con đã lướt qua gần tôi như vậy. Hình thù và thể chất của chúng đã hoà hợp một cách quá hoàn hảo với sự tinh khiết của những độ cao này khiến ta không thể nào hình dung được một thứ gì đẹp đẽ hơn.
Nhưng rồi sự chú tâm của tôi lạii bị thu hút bởi một hiện tượng khác: những con rắn của ngoại tầng không gian, các bạn hãy tưởng tượng ra những cái ống dài, mỏng manh, kỳ ảo bằng một chất gì nom giống như hơi nước. Chúng quay lộn vặn vẹo mình với một tốc độ không thể ngờ được, mắt ta khó có thể thưo kịp sự biến hoá của chúng, một vài con trong những con vật ma quái này có thể dài tới tám hay mười mét, nhưng thật là bực bội khi muốn ước lượng đường kính của chúng như sương mù và hình như tan loãng trong không khí. Những con rắn không gian này có một màu xám rất sáng ở phía trong có rạch những đường sậm hơn khiến ta có cảm tưởng rằng chúng là những sinh vật thực tại. Một con trong bọn chúng vờn qua mặt tôi. Tôi cảm thấy chạm phải một vật gì lạnh và ẩm ướt, chúng không có vẻ gì là vật thể cả, khiên tôi tuyệt nhiên không nghĩ tới một nguy hiểm nào về thể chất có thể xảy ra khi quan sát chúng gần như vậy. Hình thù của chúng cũng thiếu sự vững chắc như đám bọt của một ngọn sóng khi tan vỡ.
Một kinh nghiệm khủng khiếp hơn được dành cho tôi. Từ trên một độ rất cao lao xuống, một vệt hơi nước màu tía lúc đầu tôi tưởng là nhỏ, nhưng nó lớn lwn rất mau khi tớigần tôi. Mặc dù được cấu tạo bởi một thứ chất liệu trong vắt nom giống như băng, nó vẫn có một hình thù rất rõ rệt và một sự đông đặc chắc hơn những thứ mà tôi đã nhìn thấy cho tới lúc này, tôi cũng nhận ra những dấu vết rõ hơn một thứ sinh vật có thể chất. Đặc biệt là hai tấm hình trònkhá rộng, có đóng rợp ở mỗi bên, có thể là những con mắt và giữa hai tấm đó có một vật gì màu trắng, rất vững chãi nho hẳn ra ngoài và cũng cong lại nữa, có vẽ cũng hung dữ như cái mỏ của một con diều hâu.
Toàn thể dáng dấp của con quái vật này thật ghê gớm, đáng sợ. Nó luôn luôn thay đổi màu sắc, chuyển từ màu tím nhạt sáng sủa sang màu đỏ tối sẫm ghê người. Tôi không thể phủ nhận khối thể chất của nó vì nó đã giọi ra một cái bóng khi nó len vào giữa mặt trời và phi cơ. Ở khoảng cong phía trên của mình nó có ba cái bướu lớn mà tôi không biết mô tả thế nào hơn là so sánh chúng với những chỗ da phồng cực lớn. Tôi nghĩ rằng chúng chứa đựng một thứ hơi cực nhẹ dùng để chống đỡ cái khối lượng không hình thù gì và nữa đặc loãng này trong bầu không khí loãng lỏng. Di chuyển một cách nhanh nhẹn, con quái vật đi theo tốc lực chiếc phi cơ một tầng của tôi không cần sự cố gắng nào, trong khoảng độ ba chục cây số bay là là bên trên tôi giống như con chim săn mồi đang sửa soạn nhào xuống nạn nhân của nó. Muốn tiến lên, cách thức của nó là tung ra phía trước một vật gì như một cái ống dài loãn xoãn, bày nhầy, để rồi hình như cái ống này lôi kéo phần còn lại của thân mình. Nó rất chun dãn, có rất nhiều chất dính nên không bao giờ nó giữ nguyên một hình dáng trong hai phút liền, nhưng mỗi sự biến đổi hình dạng lại làm cho nó càng đáng sợ hơn, càng khủng khiếp hơn.
Tôi biết nó là kẻ thù của tôi, mỗi bộ phận đỏ ửng của thân mình nó đề nói lên sự thù hận của nó, những con mắt lớn, không rõ ràng của nó không rời khỏi tôi. Nom chúng lạnh lẽo, tàn độc, bị xao động bởi một hận thù xuất tự tâm can. Tôi hạ thấp mũi phi cơ của tôi như một nhát roi. Khi va chạm phải động cơ nóng bỏng, tôi nghe thấy một tiếng rít sắc nhọn và cái vòi vọt trở lại như là do sự đau đớn bất thần. Tôi muốn nhào thẳng xuống, nhưng một cái vòi lại đâm xuống phi cơ. Cánh quạt đã cắt nó với một sự dễ dàng như cắt một cuộn khói vậy. Một cái ống dài dính vào một cái bể mặt nhẵn lì như nhựa, xé rách nó và tôi được giải thoát nạn trong một lát; nhưng ngay tức khắc một cái ống khác lại quấn vào chân tôi với một sự hung hãn phía sau.
Trước sự tấn công này, tôi nhả đạn cả hai nòng súng của tôi. Đúng là tôi cũng giống như một người đi săn và tấn công con mồi mình bằng chiếc ống sì đồng (ống thổi bắn các viên tròn bất để giết loài chim nhỏ ) nhỏ bé. Làm sao tôi có thể hy vọng rằng một thứ vũ khí của con người mà làm tê liệt được một tiếng nổ vang một trong những viên đạn chì của tôi. Tôi đã đoán đúng: các bướu này căng phồng lên hơn vì khí hơi. Thật sự kẻ thù của tôi đã lăn trên phía bên, vặn vẹo một cách tuyệt vọng để lấy lại thăng bằng cho nó, cái mỏ trắng há ra và gõ lộp bộp vì điên dại, nhưng tôi đã thực hiện một lối nhào thẳng xuống liều lĩnh nhất mà tôi có thể làm thả hết ga. Nói một cách khác, tôi đã rơi xuống theo đúng nghĩa đen của từ, như một cục vân thạch. Từ phía xa đằng sau tôi một vệt đỏ từ từ thu nhỏ lại một cách nhanh chóng, rồi tan lẫn vào màu xanh của nền trời. A! Tôi đã hoàn toàn vô sự thoát khỏi khu rừng già khủng khiếp này của ngoại tầng không gian.
Một khi đã ở ngoài tầm nguy hiểm, tôi đóng ga lại, vì không có gì làm hư hỏng một động cơ tệ hơn là bổ nhào xuống với tất cả sức mạnh của nó. Từ độ cao sấp sỉ mười hai ngàn mét tôi thực hiện việc lượn là theo hình xoáy trôn ốc, thoạt đầu cho tới lơp mây màu bạc rồi tới những đám mây đầy bão tố ở phía dưới và sau hết qua một đám mây mưa dồn dập, cho tới mặt đất. Khi trồi ra khỏi những đám mây, tôi nhìn thấy biển Manche bên dưới tôi, vì tôi còn lại được đôi chút ít xăng tôi vượt đi bộ ba chục cây số trong nội địa và tôi đáp xuống một cánh đồng, cách làng Ashcombe nửa cây số. Ở đó, tôi đi mua ba bình ét xăng. Lúc sáu giờ mươi phút buổi chiều tôi đạu xuống bãi Davizé của tôi sau một chuyến du hành mà không một người nào trước tôi trên trái đất đã đi chót lọt để kể truyện về chuyến đi của mình. Tôi đã nhìn thấy vẻ đẹp và sự khủng khiếp ở giữa trời cao! Cái đẹp và sự khủng khiếp vượt khỏi tất cả những gì mà con người đã thấy trên trái đất.
Bây giờ chương trình của tôi là lại bay lên một lần nữa trước khi loan báo những kết quả của tôi với thế giới, phải làm như vậy. Tôi phải màng về một thứ bằng chứng nào trước khi làm bận tâm các đồng bào của tôi về một câu chuyện như vậy! tất nhiên những phi hành gia khác rồi đây sẽ xác nhận những lời nói của tôi, nhưng tôi muốn có ngay lòng tin của công chúng. Những cái bọtkhông khí đẹp đẽ để lóng lánh nhiều màu sắc đó nhất định là phải bắt được; chúng bay đi một cách chậm chạp, một phi cơ một tầng cánh bay nhanh có thể ngăn chặn được chúng. Rất có thể là chúng sẽ tan đi trong lớp khí quyển nặng hơn và tôi sẽ chỉ mang về mặt đất một đống băng nhỏ không có hình dạng gì, việc đó không quan trọng: ít nhất tôi cũng sẽ có một cái gì đó để xác quyết câu chuyện của tôi. Được tôi sẽ lại bay lên, ngay dù tôi có thể gặp những hiểm hoạ lớn hơn! Những con quái vật đỏ đó có vẻ không nhiều, chắc chắn là tôi sẽ không thấy một con nào, nếu tôi nhìn thấy một con, tôi sẽ trêu chọc ngay. Khi cần tới, tôi sẽ dùng tới khẩu súng và sự hiểu biết của tôi về.....”
Tới đây, bất hạnh thay một trang của tập viết tay bị mất. Ở trang tiếp theo, những chữ này được viết nguệch ngoạc: ” Mười ba ngàn một trăm mét. Không bao giờ tôi còn thấy lại trái đaast nữa. Chúng có ba con ở phía dưới tôi. Xin thượng đế phù hộ cho tôi, chết như thế này thật là ác độc!”
Đây là tất cả câu chuyện về Joyce – Armstrong, không bao giờ người ta còn biết một tin tức gì về người phi công ấy nữa, những mạnh vụn của chiếc phi cơ một tầng cánh của ông đã được nhận ra trong khu rừng săn bắn của ông Buddlushington, trên ranh giới hai quận Kent và Susex, cách nơi quyển sổ tay được phát hiện vài cây số. Nếu giả thiết của nhà phi hành gia xấu số là đúng, nếu khu rừng già trên không trung, như ông ấy gọi tên, quả thật hiện hữu bên trên miền Tây Nam nước Anh, thì chắc ông đã phải mở hết tốc lực để chạy trốn. Nhưng ông đã bị bắt kịp và bị nhai nuốt ngấu nghiến bởi những quái vật khủng khiếp đó bên trên nơi mà phi cơ đổ xuống. Hình ảnh chiếc phi cơ một tầng cánh đang từ trên trời lao xuống, với sự khủng khiếp vô kể xông ra cản đường nó về mặt đất và mau chóng xiết vòng vây vào nạn nhân của chúng là những hình ảnh làm cho một người có đầu óc quân bình không ham sống lâu dài nữa. Tôi biết rằng những người có tính hoài nghi sẽ cười chế nhạo trước sự trình bày các sự việc, nhưng rút lại họ cũng sẽ phải nhìn nhận sự mất tích của Joyce – Armstrong! Tôi khuyên họ nên suy ngẵm về hai câu của ông ấy ” Quyển sổ tay này sẽ chứng nhận những điều tôi định làm và tôi đã thiệt mạng ra sao khi thử làm việc đó. Nhưng xin đừng nói chuyện lẩm cẩm, vớ vẩn về một ”tai nạn” hay một sự ” bí ẩn”!

Kim Lương dịch

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

anhseyeuem đánh máy

**Vụ án B.24**

Tôi đã kể câu chuyện khi tôi bị bắt, và không ai muốn nghe tôi nói cả. Rồi tôi đã nhắc lại chuyện đó ở phiên tòa: nói tất cả, đúng hệt như sự việc đã xảy ra, không thêm, không bớt một chữ nào. Tôi đã nói hết sự thật, tôi xin thề đúng vậy? Tất cả những gì mà phu nhân Mannering đã nói, tất cả những gì mà tôi đã nói và đã làm, tôi đã kể lại không thay một dấu phẩy, và tôi đã được lợi lộc gì trong vụ này? “Phạm nhân đã mải mê trong một lời khai lan man và không đúng sự thật, không thể tin được vì các chi tiết của nó, và không dựa trên một sự khởi đầu nào của những bằng chứng hỗ trợ”. Đó là tin mà một nhật báo ở Luân Đôn đã loan đi. Những nhật báo khác thì lại làm như tôi không tự bào chữa cho mình. Tuy là chính mắt tôi đã trông thấy ngài Mannering bị ám sát, và tôi cũng vô tội trong vụ án này như bất cứ một ủy viên nào trong bồi thẩm đoàn đã kết tội tôi.
Thưa ngài, ngài là người tiếp nhận đơn xin ân xá của các phạm nhân. Tất cả tùy thuộc vào ngài. Tôi chỉ xin ngài một điều: đọc lá đơn của tôi, chỉ cần đọc nó thôi, rồi thực hiện một cuộc điều tra nhỏ về tính tình của vị “phu nhân” Mannering này, để xem bà ấy có giữ được cái danh hiệu mà bà ấy đã mang từ ba năm trước, khi tôi gặp bà ấy để chuốc lấy tù tội và sự tan nát của đời tôi. Ngài sẽ có thể giao vụ điều tra này cho một thám tử tư hay một người của tòa án; ngài sẽ mau chóng biết rõ đầy đủ về sự việc để hiểu rằng câu chuyện của tôi là đúng sự thật. Xin ngài hãy nghĩ tới sự vinh quang mà ngài sẽ đạt được nếu tất cả các nhật báo đều loan tin rằng một vụ án bất công không thể dung thứ được chắc chắn sẽ xảy ra nếu không có lòng kiên trì và sự tinh tế của ngài. Đó sẽ là phần thưởng của ngài, vì tôi nghèo túng và tôi không thể biếu tặng ngài một thứ gì. Nhưng nếu ngài khoanh tay ngồi yên, thì ngài sẽ có thể không bao giờ thấy được một giấc ngủ ngon trên giường! Sẽ chẳng có đêm nào trôi qua mà ngài không thấy bị ám ảnh bởi ý nghĩ về một con người đang chết dần, chết mòn trong nhà tù vì ngài đã không làm tròn nhiệm vụ mà ngài được giao phó! Nhưng thưa ngài, ngài sẽ làm tròn nhiệm vụ đó, tôi tin chắc ở điều này. Ngài chỉ cần làm một hay hai cuộc điều tra nhỏ, và ngài tự nhắc nhở mình rằng kẻ duy nhất được hưởng lợi trong vụ án mạng là phu nhân Mannering, vì vụ án mạng đã làm cho một người đàn bà khốn khổ trở thành một góa phụ giàu sang. Tôi đã đặt vào tay ngài một đầu mối. Ngài chỉ cần đi theo nó; ngài sẽ thấy nó dẫn ngài tới nơi nào.
Thưa ngài, xin ngài lưu ý rõ ràng là tôi không kêu ca gì về các việc liên quan tới vụ trộm. Tôi không ta thán gì về những điều mà tôi đáng phải chịu, và cho tới nay tôi chưa phải nhận hình phạt nào nhiều hơn là hình phạt mà tôi đáng phải chịu. Quả thật là đã có một vụ trộm và ba năm tù của tôi là để đền tội đó. Trong phiên tòa, người ta chỉ ra rằng tôi đã tham dự vào vụ của Merton Cross, và rằng tôi đã ngồi tù một năm vì chuyện đó, đó là lý do tại sao lời khai của tôi đã được tiếp nhận một cách tệ hại như thế. Một kẻ tái phạm thì bao giờ cũng bị tình nghi. Tôi nhìn nhận vụ ăn trộm. Nhưng khi người ta nói với tôi về vụ án mạng đã khiến tôi bị kết án tù chung thân (và bất cứ một vị quan tòa nào ngoài ngài James, đều rất có thể đưa tôi lên đoạn đầu đài) thì tôi trả lời tôi không dính líu gì trong vụ này và tôi vô tội. Bây giờ tôi sẽ trở lại cái đêm hôm 13 tháng 12 năm 1894, và tôi sẽ kể lại một cách chính xác với ngài về những gì đã xảy ra. Nếu tôi nói sai sự thật một chút nào thì xin bàn tay của Thượng Đế hãy giết chết tôi đi.
Vào khoảng giữa mùa hè, tôi đi tới Bristol để tìm việc làm, nhưng tôi chợt nảy ra ý nghĩ là tôi sẽ có thể xoay xở được ở Portsmouth, vì tôi là một thợ máy giỏi; vì vậy tôi đi ngang qua miền nam nước Anh, bằng cách nhận các công việc làm trên đường đi mỗi khi mà tôi kiếm được việc làm. Tôi cố gắng để khỏi có những sự phiền muộn, vì tôi đã đền tội một năm trong nhà tù ở Exeter, và điều đó cũng đủ với tôi rồi. Nhưng không có gì khó khăn bằng sự đi tìm việc làm khi mà tên của mình đã bị một dấu chữ thập đen dính vào; suýt nữa thì tôi đã bị chết đói. Sau cùng, sau khi trải qua mười ngày đi chặt củi và đập đá vụn để kiếm một đồng lương chết đói, tôi đã tới gần Salisbury với hai đồng bạc trong túi, và một lòng kiên nhẫn cũng tồi tệ như đôi giày của tôi vậy. Trên đường đi, khoảng giữa Blanford và Salisbury, có một quán rượu với tấm bảng hiệu “Thiện chí”. Tối hôm đó, tôi thuê một cái giường ở quán rượu này. Tôi ngồi có một mình trong tửu quán, một ít lâu trước giờ đóng cửa, khi chủ quán, một người tên là Allen, đi tới ngồi cạnh tôi và bắt đầu nói với tôi về những chuyện tầm phào trong xứ. Đó là một người thích nói và muốn có người nghe hắn nói; tôi là kẻ chẳng có việc gì để làm, tôi ngồi lại đó để hút thuốc trước một bình rượu bia mà hắn đem cho tôi. Tôi đã nghe hắn nói một cách lơ đãng, cho tới lúc hắn bắt đầu nói ba hoa (hình như ma quỷ nhập vào hắn) về những nhà đại phú ở lâu đài Mannering.
Tôi hỏi:
- Đó là cái nhà lớn ở mạn bên phải trước khi tới ngôi làng phải không? Cái nhà nằm giữa một hoa viên tư phải không?
- Đúng thế!
Tôi sẽ nhắc lại hết cuộc nói chuyện của chúng tôi để ngài thấy rằng tôi nói đúng sự thật và tôi không giấu ngài một điều gì.
- Tòa nhà trắng dài với những cây cột. Ở cạnh con đường Blandford.
Vâng, tôi đã để ý tới nó khi đi qua; tôi đã tự nhủ một cách rất ngu xuẩn rằng đó là một căn nhà rất dễ ăn trộm với một dãy dài các cửa sổ lớn và những cửa lớn lồng kính. Tôi đã xua đuổi ý nghĩ này, và nay thì anh chàng chủ quán lại nhắc tới cái nhà đó với câu chuyện những nhà phú hào cư ngụ tại lâu đài Mannering. Tôi không nói gì cả, nhưng tôi lắng tai nghe, và làm như một việc khẩn thiết, hắn ta quay trở lại câu chuyện.
- Lúc còn trẻ, ông ta đã bần tiện rồi. Đó, anh nghĩ là với tuổi tác ông ta vẫn không cải đổi gì cả. Tuy vậy, với tiền bạc của ông ta, ông ta đã làm nhiều việc không đến nỗi tệ lắm.
Tôi hỏi:
- Ông ấy đã có thể làm được việc gì, với tiền bạc mà ông ấy không dám tiêu pha?
- Hà, ông ta đã có thể mua được người đàn bà đẹp nhất nước Anh! Đó không phải là điều quá tệ. Cô ấy tưởng tượng là cô ấy sẽ có tiền bạc tiêu xài; hôm nay thì cô ấy đã vỡ mộng rồi.
- Cô ấy là ai vậy?
Tôi đã đặt những câu hỏi, chỉ là để có chuyện mà nói thôi.
- Một cô gái cầu bơ, cầu bất trước khi được nhà quý tộc già cưới làm vợ. Cô ta từ Luân Đôn tới. Một vài người nói chắc rằng cô ấy là diễn viên, nhưng không ai chứng thực được điều này. Nhà quý tộc già vắng nhà trong một năm. Khi ông ta trở về, ông ta dẫn theo một phụ nữ trẻ, người mà từ đó không ra khỏi tòa lâu đài nữa. Stephens, người đầu bếp, đã có lần kể lại với tôi rằng cô ấy là ánh sáng trong căn nhà khi cô ấy tới đó nhưng với những cung cách bần tiện và kiêu căng của ông chồng, với sự cô độc bao quanh ông ta (vì ông ta ghét tiếp khách) và với lời nói khắc bạc của nhà quý tộc (vì ông ta có một cái lưỡi như nọc ong vò vẽ), tất cả cuộc sống bây giờ hình như đã xa lánh cô ấy: cô ấy trở nên xanh xao, trầm lặng, suốt ngày đi thơ thẩn trên những con đường quê, lòng nặng ưu phiền. Cũng có nhiều người nói rằng cô ấy yêu một người đàn ông khác, rằng cô ấy đã không cầm lòng được trước sự cám dỗ của tiền tài, và bây giờ thì cô ấy trở nên tiều tụy buồn phiền vì cô ấy đã mất người yêu mà cũng chả có giàu sang. Bất kể tiền bạc của chồng, cô ấy là người đàn bà nghèo nhất trong giáo xứ.
Thưa ngài, chắc ngài hiểu rõ rằng những chuyện cãi cọ giữa một nhà quý tộc và một bà phu nhân chẳng ăn nhằm gì đến tôi cả. Việc cô ấy căm ghét tiếng nói của ông chồng hoặc ông ta làm cô ấy bực bội vì những lời mai mỉa, chế giễu với hy vọng là làm hủy hoại tâm hồn cô ấy, hoặc là ông ta nói với cô ấy như chưa từng bao giờ nói như vậy với một người trong bọn tôi tớ của ông ta, có thể làm tôi bận tâm ư? Gã chủ quán đã kể cho tôi nghe hàng lô chuyện ở đó, nhưng chúng đã ra khỏi đầu óc tôi, vì chúng không liên can gì tới tôi. Ngược lại, điều tôi muốn biết là tài sản của nhà quý tộc Mannering gồm những thứ gì? Những chứng khoán, những cổ phần đều chỉ là những giấy tờ và là nguồn gốc của tai họa nhiều hơn là lợi lộc cho kẻ nào chiếm đoạt chúng. Trái lại, quý kim và các đồ nữ trang mới đáng với sự mạo hiểm. Như thể hắn ta đã đoán được tất cả ý nghĩ của tôi, gã chủ quán nói với tôi về bộ sưu tập lớn lao các huy chương bằng vàng của nhà quý tộc Mannering; hắn nói với tôi rằng khắp trên thế giới không có bộ sưu tập nào như vậy; người ta đã tính rằng nếu đem bỏ chúng vào một cái bao thì người lực lưỡng nhất trong giáo xứ cũng không nâng nổi nó. Tới lúc đó thì vợ hắn gọi hắn đi ngủ; chúng tôi chia tay nhau.
Thưa ngài, không phải là tôi đang tự biện hộ cho tôi, nhưng tôi xin ngài suy xét lại các sự việc, và xin hỏi ngài rằng có người nào lại bị cám dỗ một cách tàn bạo hơn tôi nữa. Tôi nhìn nhận rằng rất ít người có thể chống cự lại được. Đêm hôm đó tôi nằm duỗi dài trên giường, không chút hy vọng mà cũng chẳng có công việc làm, với một đồng bạc cuối cùng trong túi. Tôi đã cố sức làm người lương thiện: những người lương thiện đã quay lưng lại với tôi; họ quở trách tôi đã là một tên ăn cắp và đồng thời họ đẩy tôi trở lại thành một kẻ ăn cắp. Tôi đã dấn thân vào dòng nước; tôi không thể ra thoát khỏi nữa. Rồi thì ở nơi đó tôi đã gặp cơ hội như vậy. Một tòa nhà lớn với tất cả những cửa sổ của nó, những huy chương bằng vàng là thứ dễ nấu chảy ra, y như là để một miếng bánh trước một kẻ đang đói mà nghĩ rằng hắn sẽ không nhai ngấu nghiến miếng bánh đó. Tôi đã cưỡng lại được một lúc, nhưng vô hiệu. Tôi ngồi dậy, và tôi thề rằng, ngay tối hôm nay, hoặc là tôi sẽ giàu có và tôi sẽ có được các phương cách để chào vĩnh biệt tội ác, hoặc là những cái còng lại một lần nữa khép lại trên cổ tay tôi. Tôi mặc quần áo vào tôi đặt một đồng bạc trên bàn (vì gã chủ quán đã đối xử tử tế với tôi và tôi không muốn lường gạt hắn). Tôi đi ra bằng ngả cửa sổ và tôi thấy mình đứng trong vườn của quán rượu.
Một bức tường cao bao quanh khu vườn. Tôi phải vất vả lắm để leo lên tường; nhưng khi đã sang tới bên kia tường thì mọi việc đã dễ dàng. Tôi đã không gặp một người nào trên đường đi, và tấm lưới sắt của ngõ vào để mở ngỏ. Không có gì động đậy ở nhà của người gác cổng. Trăng sáng vằng vặc, xuyên qua một vòm cong các cây cối, tôi nhận rõ tòa nhà lớn màu trắng. Tôi đi vào khoảng bốn trăm mét, và tôi đã tới trước cái cửa ở bên cạnh lối đi; nấp mình trong bóng tối, tôi quan sát tòa nhà dài với những cửa sổ lấp lánh dưới ánh sáng trắng như bạc. Tôi tự hỏi tôi sẽ tìm thấy lối vào dễ nhất ở chỗ nào đây, cái cửa sổ ở chỗ góc cho tôi cảm tưởng là nó ở nơi khuất nẻo nhất vì cây trường xuân rủ xuống từng chùm rậm rạp khắp chung quanh. Tôi bước lại phía cái cửa số này trong khi lẩn dưới các cây cối, rồi tôi bò đi dưới bóng của cái nhà. Một con chó sủa lên, co kéo sợi dây xích của nó; tôi đợi cho nó nằm im; tôi lại tiến bước một cách lén lút, và cuối cùng tôi đã đi tới dưới cái cửa sổ mà tôi đã ghi nhớ.
Thật là đáng ngạc nhiên khi thấy ở miền quê mọi người thường lơ là, vô tâm? Tưởng rằng ở xa thành thị, người ta không bao giờ nghĩ tới những tên ăn trộm. Thật đúng là nhứ một con quỷ khốn khổ khi bàn tay nó đặt lên cánh cửa, mở nó ra không một chút khó khăn.
Trong trường hợp của tôi thì không phải hoàn toàn đơn giản như vậy, nhưng cái cửa sổ (một cái cửa sổ có cánh sập xuống) lại không cài chốt; tôi mở nó bằng cách dùng một lưỡi dao lớn. Tôi nâng nó lên, tôi nhét con dao vào giữa các tấm cánh cửa, tôi đẩy chúng về phía trước và tôi tụt xuống căn phòng.
- Chào ngài! Ngài tới thật đúng lúc - một giọng nói cất lên.
Trong đời tôi, đã có lúc tôi giật mình đến nẩy người lên, nhưng chưa bao giờ tôi bị giật nảy lên đến như vậy. Ở trong tầm các ngón tay của tôi, ngay trước các cánh cửa sổ mở ngỏ, một người đàn bà đứng không nhúc nhích, tay cầm một cây nến nhỏ, người cao lớn, mảnh mai, cô ta đứng thẳng người, cô ta có một khuôn mặt trắng, đẹp trông như được tạc bằng cẩm thạch; nhưng tóc và mắt thì đen sẫm như màn đêm. Cô ta mặc một áo ngủ màu trắng dài tới gót chân. Với cái áo đó và bộ mặt cũng trắng như vậy, cô ta nom giống như một con ma từ trên trời bước xuống đứng trước mặt tôi. Hai đầu gối tôi lẩy bẩy đụng vào nhau, tôi phải vịn vào một cánh cửa sổ để khỏi sụm xuống. Nếu tôi còn đủ sức lực thì tôi đã quay đầu chạy trốn. Nhưng tôi chỉ có thể đứng nhìn cô ta, miệng há hốc ra.
Bất chợt cô ta đã kéo tôi về với thực tế. Cô ta nói với tôi:
- Đừng có sợ...!.
Đó là những lời kỳ lạ để một bà chủ nhà nói với một tên ăm trộm.
- Tôi đã nhìn thấy anh từ cửa sổ phòng của tôi trong lúc anh ẩn nấp dưới các cây cối. Tôi đã đi xuống và đã nghe thấy anh ở phía bên kia cái cửa sổ. Tôi sẽ tự ý mở cửa cho anh nếu anh đợi thêm một lúc, nhưng khi tôi đến nơi thì anh đã tự một mình xoay xở được.
Tay tôi còn cầm con dao dài có khớp hãm mà tôi đã dùng để mở cánh cửa sổ. Tôi đã không cạo mặt, và trên hai má tôi có đầy bụi bặm trong tám ngày đi đường ít người dám nhìn thẳng vào mặt tôi lúc chỉ có hai người, vào một giờ đêm như thế này. Người đàn bà này thì trái lại, nếu cô ta đã có hẹn với tình lang, thì chắc cô ta cũng không nhìn hắn bằng con mắt đáng yêu hơn. Cô ta đặt một bàn tay lên cánh tay tôi, và cô ta kéo tôi vào bên trong căn phòng.
- Thưa bà, thế này là nghĩa làm sao? Xin chớ đem những sự cám dỗ nhỏ nhen mà thử thách tôi.
Tôi đã cất giọng nói lớn, và khi tôi cố sức nói như vậy thì tôi có thể có vẻ rất hung dữ.
- Nếu bà muốn giở trò lừa gạt tôi, thì mặc kệ bà!
Tôi chìa con dao ra với cô ta.
Cô ta trả lời:
- Tôi không muốn lừa gạt anh. Ngược lại, tôi là bạn của anh và tôi muốn giúp đỡ anh.
- Thưa bà, xin thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi khó tin được việc này. Tại sao bà lại muốn giúp đỡ tôi?
- Vì những lý do riêng tư...
Bỗng nhiên, với những con mắt đen sáng rực trên khuôn mặt trắng, cô ta gần như gào lên với tôi:
- Vì rằng tôi hận ông ấy, tôi hận ông ấy, tôi hận ông ấy! Bây giờ thì anh hiểu rồi chứ?
Tôi nhớ lại những điều mà gã chủ quán đã nói với tôi và rồi tôi đã hiểu. Tôi nhìn vào mặt cô ta: phải, tôi có thể tin ở cô ta? Cô ta muốn trả thù người chồng. Cô ta muốn đánh lão ấy vào chỗ trọng yếu nhất: vào cái túi tiền. Cô ta hận lão đến nỗi chịu hạ mình đặt tin tưởng vào một người như tôi, nếu cô ta có thể đạt được mục đích. Trong đời tôi, tôi đã từng thù hận nhiều người, nhưng tôi không nghĩ rằng tôi đã hiểu được thế nào là hận thù, trước khi nhìn thấy bộ mặt của cô ta dưới ánh sáng của cây nến.
- Bây giờ thì anh tin tôi rồi chứ? - cô ta hỏi tôi trong lúc lại một lần nữa đặt bàn tay dịu dàng lên cánh tay tôi.
- Vâng, thưa phu nhân.
- Thế ra anh biết tôi à?
- Tôi đoán ra cô là ai.
- Tôi biết rằng sự bất hạnh của tôi là câu chuyện được đồn đại trong khắp xứ. Nhưng ông ấy có bận tâm về việc đó không? Ông ấy chỉ bận tâm về một điều trên đời này, và điều đó là thứ mà anh sẽ lấy trộm của ông ấy ngay đêm hôm nay. Anh có một cái túi không?
- Thưa phu nhân, không.
- Hãy đóng các cánh cửa sổ lại. Không ai có thể nhìn thấy ánh sáng. Anh được an toàn triệt để. Bọn đầy tớ ngủ ở chái nhà bên kia. Tôi sẽ chỉ cho anh thấy nơi để những đồ vật quý giá nhất. Anh sẽ không thể mang đi tất cả: anh sẽ chọn lựa những thứ đẹp nhất.
Căn phòng mà tôi lẻn vào thì dài và có cái trần thấp; những tấm thảm, những tấm lông thú nằm rải rác trên một sàn ván đẹp, đánh xi bóng loáng. Có những tủ kính nhỏ. Những bức tường được trang trí với các cây giáo, các thanh gươm, các mái chèo và những đồ vật khác thường được bày trong các viện bảo tàng. Cũng có cả những thứ y phục kỳ lạ đã được mang về từ các nước xa lạ; vị phu nhân cúi mình xuống và nhặt một cái túi bằng da đen.
- Cái túi để nằm ngủ này sẽ được việc - cô ta nói - Hãy theo tôi, tôi sẽ chỉ cho anh rõ nơi cất các huy chương.
Thoạt giống như một giấc mộng: người đàn bà cao lớn mặc toàn màu trắng này, vốn là nữ chủ nhân của tòa nhà, lại tiếp tay cho tôi ăn trộm nhà cô ta?... Tôi đã định cười phá lên, nếu trên khuôn mặt nhợt nhạt của cô ta tôi không phát hiện ra một điều gì làm giá lạnh nụ cười trên môi tôi. Cô ta đi qua trước mặt tôi như một hồn ma, với cây nến trong tay, và tôi đi theo cô ta với cái túi trong tay tận tới cái cửa lớn ở phía cuối phòng bảo tàng này. Cái cửa được khóa kín, nhưng chìa khóa nằm trong ổ khóa; cô ta mở cửa ra và chúng tôi đi vào.
Căn phòng kế cận thì nhỏ bé, có treo những tấm màn vẽ. Trên một tấm là hình một cuộc săn hươu, tôi nhớ rất rõ về tấm màn này, và dưới ánh sáng của cây nến người ta có thể nghĩ rằng những con chó và những con ngựa từ trong tường xông ra. Vật duy nhất khác trong căn phòng là một dãy tủ kính bằng gỗ hồ đào, với những trang trí bằng đồng và những mặt trên bằng kính. Thoạt vừa nhìn tôi đã nhận thấy rất nhiều huy chương bằng vàng, được xếp thành từng hàng, trong số đó một vài cái lớn bằng những cái đĩa và có bề dày tới ba hay bốn phân tây; chúng được đặt trên nhung đỏ; ánh vàng của chúng lấp lóe trong bóng tối. Tôi thấy các ngón tay ngứa ngáy và tôi luồn con dao vào ổ khóa của một trong các tủ kính để làm bật nó ra.
- Đợi một lát. - cô ta nói với tôi trong khi lại bắt đầu đặt bàn tay lên cánh tay tôi - Anh có thể tìm được thứ quý hơn.
Tôi đáp:
- Chỗ này là quá đủ cho tôi rồi. Và tôi vô vàn cảm ơn phu nhân về sự giúp đỡ tôi.
Nhưng cô ta vẫn khăng khăng:
- Tôi nói với anh là còn nhiều thứ quý giá hơn. Những vị vua chúa bằng vàng sẽ có lợi cho anh nhiều hơn là những tấm huy chương này.
- Vâng, đúng thế! Các vị vua chúa bằng vàng, còn thứ gì quý hơn nữa.
- Được rồi. Ông ấy ngủ ngay bên trên đầu chúng ta. Ta chỉ cần lên một cầu thang nhỏ. Bên dưới giường của ông ấy, ông ấy giấu một cái hòm nhỏ đựng khá nhiều tiền đủ nhét đầy cái túi của anh.
- Nhưng tôi làm thế nào để lấy nó mà không làm ông ấy thức giấc?
- Có gì là quan trọng nếu ông ấy thức giấc?!...
Cô ấy nhìn chằm chằm vào mặt tôi khi nói câu này.
- Anh biết rõ cách ngăn cản không cho ông ấy kêu lên chứ?
- Dạ không, thưa bà! Không có chuyện đó. Tôi không làm được đâu
- Tùy ý anh đó! Lúc mới gặp tôi cứ nghĩ anh là một người cứng cỏi, nhưng tôi thấy là tôi đã lầm. Nếu anh sợ hãi một ông già thì tất nhiên là để mặc xác số vàng bên dưới giường ông ấy. Anh là vị quan tòa tốt hơn tôi về các việc riêng của anh, nhưng tôi nghĩ rằng tốt nhất là anh nên chọn một nghề khác.
- Tôi không muốn có một vụ sát nhân đè nặng lên lương tâm tôi.
- Anh có thể khống chế mà không làm tổn thương ông ấy. Tôi không bao giờ nói tới việc giết người. Tiền để ở dưới giường. Nhưng nếu anh sợ thì tốt nhất là anh đừng mạo hiểm làm việc gì cả.
Đó là cách thức mà cô ta đã tác động tôi: một phần với sự mai mỉa của cô ta, một phần với số vàng mà cô ta đem ra làm lóe mắt tôi. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ nhượng bộ và tôi sẽ trở nên liều lĩnh tại nhà của nhà quý tộc già nua nếu tôi không chú ý tới đôi mắt của cô ta: đôi mắt này đã phụ giúp cho cuộc đấu tranh nội tâm của tôi bằng một sự biểu lộ quá gian xảo, quá hung dữ khiến tôi hiểu ngay rằng cô ta cố gắng làm tôi trở thành công cụ cho sự trả thù của cô ta, và cô ta không để cho tôi một sự chọn lựa nào khác ngoài việc loại trừ ông chồng ra khỏi tình trạng có thể làm hại cô ta hoặc để cho tôi bị ông ấy bắt được. Cô ta đã cảm thấy rõ là ý đồ đã bị phát lộ, và tức thì ban tặng cho tôi một nụ cười thân mật; nhưng đã quá muộn rồi; tôi đã có một sự cảnh giác của tôi.
Tôi bèn nói.
- Tôi không muốn lên lầu. Tôi đã có đủ mọi thứ tôi cần đây rồi.
Cô ta đã làm tôi choáng người vì sự khinh bỉ của cô ta.
- Được lắm. Anh có thể lấy những cái huy chương này đi. Tôi nghĩ rằng anh nên bắt đầu từ phía bên kia. Chắc chắn là khi đã nấu chảy ra rồi thì tất cả chúng đều cùng có một giá trị như nhau thôi, nhưng các huy chương này là những thứ hiếm có hơn do đó là thứ quý báu hơn đối với ông ấy, không cần phải bẻ các ổ khóa. Nhấn mạnh vào cái nút đồng này, anh sẽ chuyển động một cái lò so bí mật. Kia kìa! Hãy lấy cái này trước: đó là con người trong mắt lão ta...
Cô ấy mở một cái tủ kính; tất cả những đồ vật đẹp đẽ được phơi bày ra trước mặt tôi. Tôi đã dặt tay lên tấm huy chương mà cô ta vừa chỉ thì bỗng nhiên tôi thấy nét mặt cô ta thay đổi, và cô ta giơ một ngón tay.
- Suỵt! Cái gì vậy?...
Trong sự im lặng của tòa nhà chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân lê đi rất nhẹ, ngay tức thì cô ta đóng tủ kính lại.
- Đó là chồng tôi! Anh đừng sợ! Mọi việc sẽ tốt đẹp thôi. Tôi sẽ dàn xếp mọi việc. Chỗ này? Mau lên, đằng sau tấm thảm!...
Cô ta đẩy tôi vào phía sau những tấm màn sơn, tôi và cái túi rỗng không trong tay - rồi cô ta cầm lấy cây nến và nhanh nhẹn đi trở vào phòng bảo tàng, nơi mà chúng tôi vừa ra khỏi. Từ chỗ tôi đứng, tôi có thể nhìn thấy cô ta qua cái cửa mở ngỏ.
Cô ta nói lớn:
- Có phải mình không, Robert?
Ánh sáng của một cây nến lóe lên phía sau cái cửa của phòng bảo tàng; tiếng bước chân tới gần. Rồi tôi thấy hiện ra trên bậc cửa một bộ mặt lớn, nặng nề, đầy những vết nhăn và những nếp da bùng nhùng mỡ, với một cái mũi cong khoằm có mang kính gọng vàng. Ông ta rất cao lớn to. Với cái áo ngủ, ông ta đứng che kín cả cái cửa - ông ta có mái tóc bạc, xoắn lại thành từng cuộn, nhưng ông ta không có râu. Miệng ông ta thì nhỏ, mỏng, chúm lại, bị mờ nhạt đi dưới sự uy hiếp của cái mũi ngạo nghễ. Ông ta đứng yên bất động, quan sát vợ với một cái nhìn xa lạ, hiểm ác mới thoạt nhìn tôi đã hiểu ngay là ông ta biểu lộ với vợ những tình cảm mà cô ta đã dành cho chồng.
Ông ta hỏi vợ:
- Thế này là nghĩa làm sao? Một sự nổi hứng mới à? Tại sao lại có cuộc đi dạo chơi ban đêm này trong nhà? Làm sao mà cô lại không đi ngủ?
- Tôi không thể ngủ được...
Cô ta nói một giọng chán chường, thê thảm. Nếu ngày xưa cô ta đã lên sân khấu, thì hắn cô ta đã không quên nghề nghiệp của mình.
- Tôi có cần gợi ý cho cô là một lương tâm trong sáng sẽ giúp một cách rất hiệu lực cho giấc ngủ không?
Ông ta lại lên tiếng với cũng một giọng chế nhạo như vậy
Cô ta trả lời:
- Tôi không tin điều đó, bởi vì ông vẫn có những giấc ngủ rất ngon mà.
- Trong suốt cuộc đời tôi, tôi chỉ xấu hổ về một chuyện thôi... - Tóc ông ta dựng đứng lên lởm chởm vì tức giận; ông ta nom giống như một con ác điểu. - Cô biết hơn ai hết là tôi nói việc gì. Và sự trừng phạt đã theo sau lỗi lầm.
- Đối với tôi, cũng đúng như thế: chớ quên điều này.
- Cô còn phàn nàn cái gì? Chính tôi đã tự hạ thấp mình xuống; còn cô, cô đã được cao sang.
- Cao sang?
- Đúng vậy! Tôi nghĩ rằng cô sẽ không chối cãi là cô đã được mãn nguyện khi tới đây, tới lâu đài Mannering. Tôi đã phạm sai lầm lớn khi đem cô ta ra khỏi môi trường thật sự của cô.
- Nếu đúng là ông nghĩ như vậy, tại sao chúng ta không chia tay nhau?
- Bởi vì một sự bất hạnh riêng tư còn tốt hơn là một sự nhục nhã trước mọi người. Bởi vì ngấm ngầm đau khổ về một lỗi lầm còn dễ hơn là thú nhận nó. Và cũng bởi vì tôi thích có cô ở trước mắt và biết rằng cô không thể quay trở lại với hắn.
- Đồ vô lại! Đồ hèn nhát?
- Đúng vậy, Milady. Tôi biết tham vọng thầm kín của cô, nhưng khi tôi còn sống, nó sẽ không thực hiện được đâu và rất có thể là tôi sẽ có những cách xếp đặt để sau khi chết rồi tôi vẫn còn canh chừng để khi cô trở về sống với hắn mà không có một đồng xu dính túi. Cô và anh chàng Edward yêu quí của cô, không bao giờ các người được toại nguyện phung phí tiền bạc của tôi, phải nói cho cô biết ý định này, Milady ạ. Tại sao các ô cửa và cửa số lại mở ngỏ thế này?
- Tôi thấy căn phòng có mùi hôi.
- Đó không phải là sự khôn ngoan. Biết đâu lại không có một tên du đãng đi dạo quanh đây? Cô có biết rằng bộ sưu tập huy chương của tôi có giá trị hơn bất cứ bộ sưu tập nào trên thế giới không? Cô cũng để cửa lớn mở ngỏ nữa. Ai sẽ có thể ngăn cản được một tên ăn cắp lấy trộm đồ của tôi?
- Có tôi ở đây mà.
- Tôi biết điều đó. Tôi đã nghe thấy cô đi trong phòng dể huy chương; đó là lý do tại sao tôi đi xuống. Cô đã làm gì ở đó?
- Tôi xem các tấm huy chương. Tôi còn có thể làm gì khác được?
- Sự hiếu kỳ này là mới mẻ đấy!
Ông ta ném cho vợ một cái nhìn nghi ngờ và ông ta đi vào phòng nhỏ chứa các huy chương. Cô ta đi theo chồng.
Ngay vào lúc đó tôi nhìn thấy một vật làm tôi phát run lên. Tôi đã đế con dao có khớp hãm lưỡi mở sẵn trên mặt tủ kính. Nó nằm phơi ra đó, mắt thường cũng nhìn thấy được. Cô ta đã nhìn thấy con dao trước ông ta, và với tất cả sự sắc bén của một người đàn bà, cô ấy nâng cao cây nến lên để ngọn lửa nến len vào khoảng giữa con dao và cặp mắt của nhà quí tộc Mannering. Rồi tay trái cô ta cầm lấy con dao và áp nó sát vào áo ngủ của mình không để ông ta nhìn thấy. Ông ta kiểm soát các tủ kính, lần lượt từng cái một; có một lúc nào đó tôi đã có thể đặt bàn tay tôi lên cái mũi dài của ông ta. Như không có gì chứng tỏ là có người đã đụng chạm tới các tấm huy chương, ông ta đi ra, kéo lê hai chân tới gian phòng lớn..
Và bây giờ tôi phải nói tới một điều mà tôi nghe thấy chớ không phải là nhìn thấy, nhưng tôi xin thề với ngài, cũng đúng thật như một ngày nào mà tôi trình diện trước đấng tối cao, là tôi sẽ nói sự thật với ngài.
Khi họ đi vào phòng bảo tàng, tôi trông thấy ông ta đặt cây nến trên góc bàn, rồi ông ta ngồi xuống, nhưng vừa đúng ngoài tầm nhìn của tôi. Cô ta thì đứng sau lưng ông ta, theo như tôi có thể biết vì cây nến chiếu ra bóng của nhà quí tộc già trên sàn nhà trước mặt ông ta. Lúc đó ông ta lại nói đến gã đàn ông mà ông ta gọi tên là Edward, ông ta nói nhỏ, và tôi không hiểu tất cả nhưng theo những điều tôi nghe được thì giống như cô ta bị những ngọn roi quật vào mình... Thoạt đầu cô ta trả lời bằng những từ ngữ rất bén nhọn, rồi thì cô ta im tiếng; ông ta cứ tiếp tục làm tổn thương vợ, chửi mắng, hành hạ vợ bằng giọng nói lạnh lùng và chế nhạo; tôi tự hỏi tại sao cô ta lại có thể giữ được im lặng khi nghe ông ta nói thế. Bỗng nhiên tôi nghe thấy ông ta nói với một giọng sắc bén:
- Đừng đứng đằng sau tôi nữa! Buông cổ áo tôi ra! Cái gì thế cô muốn đánh tôi à?
Đúng là tôi đã nghe thấy một tiếng động giống như một nhát đánh một thứ tiếng đục và nhẹ, rồi tôi nghe thấy ông ta kêu lớn: “Lạy chúa tôi, nhưng đây là máu mà!” ông ta cựa quậy hai bàn chân như muốn đứng lên. Lúc đó tôi lại nghe thấy một nhát đánh nữa, và ông ta thét lên: “ôi, đồ quỉ cái”. Và sau một tiếng đổ vật trên sàn nhà và tiếng một chất lỏng chảy, sự im lặng lại bao trùm.
Tôi vội vã đi ra khỏi chỗ ẩn nấp và tôi chạy vào gian phòng lớn, tôi run rẩy cả chân tay; tôi bị kinh hoảng. Nhà quí tộc già đã tụt xuống khỏi cái ghế và trên lưng ông ta cái áo ngủ, làm thành một cái bướu khủng khiếp. Cái đầu ông ta vẫn còn đeo kính, lăn sang một bên; cái miệng nhỏ bé của ông ta há hốc ra như một con cá chết. Tôi không trông thấy máu chảy ra từ nơi nào, nhưng tôi nghe thấy nó rơi lộp độp trên sàn nhà. Còn cô ta? Kia kìa, môi cô ta mím chặt, đôi mắt long lanh, và lúc này thì cặp má hồng ửng lên. Cô ta chỉ thiếu một chút sắc hồng nhạt này để trở thành người đàn bà xinh dẹp nhất mà tôi đã
từng thấy.
Tôi ấp úng nói:
- Cô đã giết ông ta?
- Phải, - cô ta trả lời tôi với sự điềm tĩnh cố hữu, - Bây giờ tôi đã giết ông ta.
Tôi hỏi:
- Cô sẽ làm thế nào? Cũng chắc chắn như hai với hai là bốn, cô sẽ bị bắt giữ về tội sát nhân.
- Anh khỏi phải lo sợ cho tôi. Đời sống chẳng có gì làm tôi quan tâm cả; sự sống không quan trọng đối với tôi. Hãy giúp tôi một tay để đặt lại ông ta lên ghế, nhìn như thế này khủng khiếp lắm!
Tôi phụ giúp cô ta. Chỉ chạm vào ông ta mà người tôi đã lạnh giá như băng. Một ít máu chảy lên bàn tay tôi. Tôi buồn nôn.
- Bây giờ thì hoặc là anh hay kẻ nào khác lấy những tấm huy chương này - cô ấy dõng dạc nói - Hãy lấy đi và đi khỏi!
- Tôi không muốn lấy chúng. Tôi muốn đi khỏi, có thế thôi. Chưa bao giờ tôi bị dính vào một vụ như thế này.
- Thật là ngu ngốc. Anh tới đây vì những tấm huy chương; chúng nằm kia, thuộc quyền sử dụng của anh. Tại sao anh không lấy? Không có ai ngăn cản việc anh lấy chúng đi.
Trong tay tôi còn cầm cái túi trống rỗng. Cô ấy mở tủ kính, cả hai chúng tôi bỏ chừng một trăm tấm huy chương vào cái túi. Chúng đều nằm trong cùng một tủ kính; tôi không muốn đợi lâu hơn nữa. Tôi đi về phía cửa sổ vì không khí trong tòa nhà làm tôi ngộ độc sau những gì tôi đã trông thấy và nghe thấy. Tôi quay đầu lại. Tôi thấy cô ta vẫn đứng yên, mảnh mai, cao lớn, đài các, với cây nến trong tay, giống hệt như lúc tôi nhìn thấy cô ta lần đầu tiên Cô ta vẫy tay nói lời tạm biệt với tôi. Tôi đáp lại cô ta cũng bằng dấu hiệu đó. Tôi nhảy qua cửa sổ vào lối đi lát sỏi.
Tôi cảm ơn Thượng đế là tôi có thể đặt tay lên trái tim mà thề rằng tôi đã không bao giờ phạm tội ác; nhưng có lẽ tôi sẽ không có thể thề việc này, nếu tôi đọc được ý nghĩ trong đầu người đàn bà này. Nếu tôi đoán được những gì ẩn nấp sau nụ cười cuối cùng của cô ta, thì lúc đó sẽ có hai xác chết trong gian phòng thay vì chỉ có một xác thôi. Nhưng tôi chỉ nghĩ tới một việc: Tẩu thoát để khỏi bị bắt giữ. Tôi hoàn toàn không nghĩ tới chuyện cô ta đang tròng dây thừng vào cổ tôi. Tôi chưa đi được năm bước ở bên ngoài bằng cách men theo tòa nhà và ẩn mình trong bóng tối thì tôi đã nghe thấy một tiếng la đủ sức làm thức giấc tất cả giáo xứ; rồi một tiếng thứ hai, và còn một tiếng thứ ba nữa.
- Có án mạng! - cô ta kêu lớn - có án mạng! Cấp cứu!
Tiếng cô ta vang lên trong sự yên tĩnh của ban đêm, và tiếng vọng lan ra khắp cả mọi nơi. Tiếng kêu rùng rợn đó, nó đã xuyên thủng đầu. tôi Trong một khoảng khắc, những ánh sáng đã hiện ra, đã chuyển động, và các cửa sổ được mở tung: không phải chỉ trong tòa nhà đằng sau tôi mà cả trong nhà người gác cửa và các chuồng ngựa trên đường đi của tôi. Như một con thỏ hoảng hốt, tôi lao mình trong lối đi và tôi chạy với hết tốc độ của đôi chân, nhưng tấm lưới sắt đã đóng lại trước khi tôi có thể tới chỗ nó. Tôi giấu cái túi đựng huy chương dưới một đống củi và tôi toan chạy trốn qua công viên, nhưng một người nào đó đã trông thấy tôi, và chả mấy lúc dã có năm, sáu người với những con chó đuổi theo tôi. Tôi náu mình sau các bụi cây; nhưng những con chó chồm lên người tôi và tôi đã rất mừng khi mọi người chạy tới, nếu không tôi đã bị chúng nuốt sống.
Họ túm lấy tôi và dẫn tôi trở lại căn phòng mà tôi đã bỏ chạy khỏi đó.
Người lớn tuổi nhất hỏi:
- Có phải người này không, thưa phu nhân?
Từ trước tôi đã biết người này là anh đầu bếp trưởng.
Cô ta cúi mình bên trên xác chết, cô ta chùi mắt bằng một chiếc khăn mùi xoa, rồi quay lại phía tôi, bộ mặt của một mụ đàn bà hung ác, ôi, một nữ diễn viên tài giỏi làm sao!
- Phải, đúng là nó! - Cô ta kêu lên - Ôi, thằng ăn cướp! Thằng tàn ác! Đối xử như vậy với một ông già!
Trong đám người đứng quanh đó, có một người có vẻ là nhân viên cảnh sát trong làng. Ông ta đặt một bàn tay lên vai tôi, ông ta hỏi tôi:
- Anh có gì để trả lời việc này?
- Chính cô ấy đã giết ông ta!- Tôi gào to lên trong khi chỉ tay vào cô ta.
Cô ta vẫn điềm nhiên, tiếp tục nhìn tôi với một cái nhìn tỉnh táo.
Người cảnh sát nói:
- Nào, anh còn, lời bào chữa khác không?
Một tên trong bọn đầy tớ đã đấm tôi một cú đấm rất mạnh.
- Tôi đã nói với ông là tôi nhìn thấy cô ấy giết người! Cô ấy đã đâm ông ta hai nhất bằng một con dao. Thoạt đầu cô ấy đã giúp tôi lấy trộm đồ của ông ta; rồi cô ấy giết ông ta.
Tên đầy tớ muốn đánh tôi một lần nữa, nhưng cô ta đã giữ tay hắn lại. Cô ta nói thì thầm:
- Đừng làm tổn thương hắn. Tôi tin rằng pháp luật sẽ đảm nhiệm việc trừng phạt hắn.
- Thưa phu nhân, tôi sẽ lo việc đó! - người cảnh sát trả lời - Phu nhân đã chứng kiến rõ
ràng vụ án phải không ạ?
- Phải, phải! Tôi đã chính mắt nhìn thấy vụ án. Thật là khủng khiếp. Chúng tôi đã nghe thấy tiếng động và chúng tôi cùng đi xuống. ông chồng xấu số của tôi đi trước. Người này đã mở dược một tủ kính, và hắn ta đang nhét đầy cái túi da đen hắn cầm trong tay. Hắn định chạy trốn, nhưng ông chồng tôi đã bắt hắn lại; hai người đánh nhau, và hắn đã đâm ông ấy hai nhát dao găm. Hãy nhìn xem: hắn còn máu trên hai bàn tay. Nếu tôi không lầm thì con dao vẫn còn nằm trong lưng chồng tôi.
- Các ông trông kìa; cô ấy có những bàn tay đẫm máu. - tôi dã kêu lên.
- Cô ấy đã đỡ cái đầu của ông lớn, đồ dối trá đê tiện - gã đầu bếp cãi lại.
- Và đây là cái túi mà phu nhân nói tới lúc nãy - người cảnh sát nói, ông ta vừa được một tên chăn ngựa đem tới cho cái túi mà tôi đã quẳng đi trong lúc chạy trốn. Và những tấm huy chương nằm ở bên trong. Như thế là quá đủ cho tôi rồi - tối hôm nay chúng ta hãy giừ hắn ở đây và ngày mai sẽ giải hắn tới Salisbary.
Người đàn bà nói:
- Đồ ma quỉ xấu xa! Về phần tôi, tôi tha thứ cho hắn về sự thương tổn hắn đã gây ra cho tôi. Ai biết được sự cám dỗ nào đã đưa đẩy hắn tới tội ác? Lương tâm của hắn và luật pháp sẽ trừng phát hắn một cách thích đáng để tôi khỏi phải nói ra những lời nguyền rủa hắn.
Tôi đã không thể trả lời được câu nào, thưa ngài, tôi xin đoan chắc với ngài là tôi không thể trả lời được câu nào. Tôi bị bối rối vì sự trắng trợn của người đàn bà này. Vì sự im lặng của tôi có vẻ như đã xác nhận tất cả những điều cô ta nói, tôi đã bị người cảnh sát kéo vào trong căn hầm, tại đó tôi bị nhốt qua đêm.
Đấy thưa ngài, tôi đã nói với ngài tất cả chuyện về các biến cố dẫn tới vụ giết chết nhà quí tộc Mannering bởi vợ ông ta trong đêm 14 tháng 9 năm 1894. Có lẽ ngài sẽ bác bỏ sự trình bày các biến cố của tôi, như người cảnh sát ở lâu đài Mannering, như vị quan tòa ở tòa án địa phương hoặc có lẽ ngài sẽ tìm ra một tia chân lý, điều sẽ làm ngài bận tâm, và ngài sẽ mãi mãi giữ vững thanh danh một người không lùi bước trước bất kỳ một trở ngại nào để làm sáng tỏ chân lý và sự công bằng. Thưa ngài, tôi chỉ có thể khẩn cầu với ngài, nếu ngài rửa sạch được tên tuổi tôi khỏi sự cáo buộc gian dối này, tôi sẽ đội ơn ngài cho tới hết đời. Nhưng nếu ngài bỏ rơi tôi, thì tôi xin thề với ngài là trong vòng một tháng kể từ hôm nay tôi sẽ tự treo cổ trên thanh sắt cửa sổ của tôi, và từ ngày này trở đi tôi sẽ trở về đêm nào cũng kéo giật chân ngài và tôi sẽ làm khổ ngài với khả năng một con ma có thể làm được. Điều mà tôi cầu xin ngài rất đơn giản, xin tiến hành một cuộc điều tra về người đàn bà này, canh chừng cô ta, truy tìm quá khứ của cô ta, dò hỏi xem cô ta làm gì với số tiền mà cô ta dược thừa hưởng, phối kiểm xem trong cuộc sống hiện nay của cô ta có người nào tên là Edward như tôi đã chỉ ra không. Nếu cuộc điều tra của ngài phát hiện tính cách thật sự của cô ta, nếu nó tỏ ra hỗ trợ cho câu chuyện mà tôi vừa kể lại với ngài, thì chắc chắn rằng tôi sẽ có thể tin vào lòng tốt của ngài và ngài sẽ cứu được một người vô tội.
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

anhseyeuem đánh máy

**Tên tử tù bất tử**

(The Los Amigos Fiasco)

Hồi đó tôi là y sĩ trưởng ở Los Amigos. Tất nhiên mọi người đều nghe nói tới nhà máy điện chính là nơi cung cấp điện lực cho thành phố cũng như hàng mấy chục thị trấ và làng xung quanh. Do đó có rất nhiều xưởng máy ở trongkhu vực. Những cư dân ở Los Amigos đều công nhận rằng đó là những xưởng máy lớn nhất trên trái đất. Họ cũng nói rằng đó là những xưởng máy lớn nhất trên trái đất. Họ cũng nói rằng tất cả những thứ gì hiện hữu ở Ló Amigos đều là những thứ vĩ đại nhất trên trái đất, ngoại trừ các nhà tù và tử xuất (tỷ lệ người chết) nếu ta tin vào lời nói của của họ, là những thứ nhỏ nhất trên thế giới.
Với một nhà máy điện trung tâm đồ sộ như thế, chúng tôi suy nghĩ rằng chúng tôi sẽ phạm phải một sự tăng phí đáng tội về dây gai nếu những tên tội phạm của Los Amigos bị đem ra hành quyết như thời cổ xưa tốt đẹp đó. Chúng tôi biết rằng những vụ hành quyết bằng cách cho điện giật đã diễn ra ở phương đông, nhưng dù sao thì các kết quả của chúng cũng đã không mau lẹ ngay tức thì như người ta đã hy vọng, các vị kỹ sư của chúng tôi cau mày lại khi họ được các tờ báo cho biết rằng những diện tích quá yếu đã được sử dụng để làm cho người ta chết; họ xét thấy rằng ở Los Amigos, khi một kẻ bất khả hoàn lương được giao cho họ thì hắn ta sẽ được xử lý một cách lịch sự và được hưởng sự quy tụ của tất cả những máy phát điện cực lớn. Những ông kỹ sư nói rằng ta không nên bủn xỉn trong những trường hợp như thế, và một tên tử tội phải ”lẫnh đủ”, không ai dám liều lĩnh tiên đoán một cách chắc chắn hiệu quả đạt được, nhưng tất cả mọi người nghĩ tằng tất cả mọi người đều đống ý xác nhật là nó sẽ huỷ diệt và gây tử vong, một vài người nghĩ rằng kẻ tử - tội sẽ bị phân hủy, đúng theo nghĩa đen của từ ngữ, nhiều người khác thì nghĩ tới dự tan rã của y. Chỉ có kinh nghiệm mới có thể chấm dứt được cuộc tranh luận. Chính vào lúc đó thì Duncan Warner bị bắt.
Từ nhiều năm nay Warner đã luôn bị luật pháp truy tìm. Một đầu óc cuồng dại, một kẻ sát nhân thủ phạm của vô số kể những vụ hành hung trấn lột trên các tuyến xe lửa, hoặc trên các nẻo đường, y đã tự đạt cho mình ra ngoài tình thương của nhân loại. Y đã có mười hai lần đáng tội chết và những người Los Amigos hứa hẹn với y một cái chết thật hào hoa. Có vẻ như y tự cho là mình không xứng đáng với chiếu cố của họ, nên đã hai lần y vượt ngục. Y người to lớn, khoẻ mạnh, đầy bắp thịt, y có một cái đầu của con sư tử, những bờm tóc đen rối bù, một bộ râu cằm hình rẽ quạt che kín nửa trên của thân mình. Khi y bị đem ra xét sử, không có người đàn ông nào đẹp hơn trong đám đông ngồi chật ních pháp đình. Đôi khi trên ghế các bị cáo người ta thấy người đẹp hơn. Tuy vậy, cái bộ mã đẹp đẽ này không làm sao bù lại được các hành động xấu xa của y. Vị luật sư của y đã cố gắng hết sức mình, nhưng Duncan Warner vẫn bị phó thác cho những cái máy phát điện khổng lồ của Los Amigos.
Khi vụ của y được đem ra thảo luận thì tôi có tham dự cuộc họp của ủy ban. Thực ra hội đồng thành phố đã chỉ định một ủy hội gồm bốn chuyên gia để quyết định vụ hành quyết. Ba vị trong bốn người này là những tay cừ khôi. Joseph M’Connor đã sáng chế và lắp đặt các máy phát điện; Joshua Westmacott chủ trì vận mạng vủa công ty Đieejn lực tại Los Amigos, tôi thì là y sĩ trưởng của thành phố. Người thứ tư là một ông già người Đức tên là Peter Stulpnagel. Ở Los Amigos có rất nhiều người Đức; tất cả bọn họ đều bỏ phiếu cho người đồng bào của họ. Đó là lý do tại sao ông ấy được bầu vào ủy ban. Người ta nói rằng khi còn ở nước Đức, ông ấy đã là một tay thợ điên, những vật cách điện và những bình điện, nhưng vì đã chẳng có gì nảy sinh ra từ những công việc này, vì ông đã không đạt được một thành quả nào đáng được công bố với mọi người, người ta đã đi tới chỗ coi ông như một kẻ cuồng si vô hại đã biến khoa học thành sự đam mê của mình. Bọn ba người chúng tôi, những con người thực tế, chúng tôi mỉm cười khi được biết là ông ấy sẽ ngồi bên cạnh chúng tôi. Trong buổi họp của ủy ban, chúng tôi đã dàn xếp mọi việc với nhau không cần bận tâm tới ông già hiền hậu đang ngồi nghe, với một bàn tay để quanh tai làm cái loa, vì thính giác của ông ấy không được tốt lắm. Ông ấy đã không tham gia vào cuộc tranh luận cũng như các đại diện báo chí là người chỉ ghi chép những điêu cần thiết trên những cái ghế dài ở cuối phòng.
Chúng tôi đã tốn ít thời giờ để quyết định tất cả mọi việc. Ở New York, phải chăng một sự phóng điện hai ngàn volt đã diễn ra mà cái chết của tử tội lại không mau lẹ tức thì? Điện thế đã không đủ, đó là tất cả lý do! Los Amigos sẽ không tái phạm lỗi lầm này. Dòng điện sẽ mạnh hơn sáu lần, như vậy nó sẽ có hiệu lực sáu lần nhiều hơn. Không có gì là hợp lý hơn nữa. Tất cả công suất tập trung của những máy phát điện khổng lồ sẽ được sử dụng trên người Duncan Warner.
Tất cả bọn ba người chúng tôi đã đưa ra những quyết định đầy đủ và chúng tôi đang sắp kết thúc phiên họp thì người bạn thầm lặng của chúng tôi mới hé miệng lần đầu tiên.
- Thưa quí vị, ông nói với chúng tôi, tôi thấy các ông có vẻ dốt nát một cách đặt biệt về các hiệu ứng của điện lực, các ông không biết những nguyên lý đầu tiên của tác động của nó lên một con người.
Ủy ban đang sắp trả lời một cách thẳng thừng cho lời phê bình sống sượng đó, nhưng ông chủ tích công ty điện lực xoa một bàn tay lên trán để yêu cầu sự khoan dung như đối với một người mắc bệnh tâm thần.
- Thưa ông, ông có thể chỉ cho chúng tôi là ông đã thấy chỗ khiếm khuyết nào trong các kết luận của chúng tôi? Ông hỏi với một nụ cười mỉa mai.
- Sự giả định của các ông cho rằng một liều lượng mạnh sẽ làm tăng thêm hiệu ứng của một liều lượng nhỏ hơn. Các ông không tin rằng rất có thể nó sẽ gây ra một hiệu ứng hoàn toàn khác biệt à? Bằng những cuộc thí nghiệm thật sự, các ông có biết một điều gì về các hiện tượng của một sự chấn động thế không?
- Chúng tôi biết điều đó bằng cách loại suy, ông chủ tịch trả lời. Tất cả mọi thứ thuốc đều có một hiệu ứng gia tăng khi ta gia tăng liều lượng. Thí dụ...thí dụ....
- Rượu uýt ki! Joseph M’Connor mách nhỏ.
- Đúng vậy! Rượu uýt ki. Bằng chứng là ở đó.
Peter Stulpnagel lắc đầu và mỉm cười.
- Lập luận của ông không vững, ông ta nói. Khi tôi uống uýt ki, tôi htấy một cốc làm tôi uể oải, nhưng sáu cốc làm cho tôi ngủ gục, điều này đúng là sự trái ngược. Nay hãy giả thiết rằng điện cũng tác động như vậy, với một hiệu năng theo tỷ lệ trái ngược với sức mạnh của nó thì ông sẽ làm gì?....
Bọn ba người chúng tôi những con người thực tế, chúng tôi phá lên, chúng tôi biết rằng ông bạn đồng chức của chúng tôi là người tài hoa, nhưng không bào giờ chúng tôi nghĩ rằng ông ấy lại đưa trí tưởng tượng tới chỗ đó.
- Và sao nữa, Peter Stulpnagel thúc giục.
- Chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm về những sự rủi ro, ông chủ tịch trả lời.
- Tôi xin các ông hãy suy nghĩ. Peter nói, là những người thợ chạm vào các dây điện và chỉ nhận được sự phóng điện của vài trăm vôn thôi mà cũng bị chết ngay tại chỗ. Sự kiện này ai cũng biết. Ấy vậy mà khi một lực lớn hơn đã được sử dụng với một tên tội phạm ở New York, tên đó còn giẫy giụa được một lúc lâu, các ông không thấy một cách rõ ràng là một liều lượng nhỏ hơn là thứ làm chết người nhiều hơn à?
- Thưa quí vị, tôi nghĩ rằng cuộc tranh luận này đã kéo dài một cách đầy đủ rồi, ông chủ tịch tuyên bố trong khi đứng lên. Tôi nghĩ rằng điểm này đã được giải quyể bởi đa số uỷ ban và Duncan Warner sẽ bị hành hình trên ghế điện ngày thứ ba bằng sự phóng điện của tất cả luồng điện của những máy phát điện ở Los Amigos. Có đúng vậy không?
- Tôi đồng ý, Joseph M’Connor chấp thuận.
- Tôi cũng vậy, tôi nói.
- Còn tôi, tôi phản đối! Peter Stulpnagel nói lẩm bẩm.
- Vậy là nghị quyết đã được chuẩn nhận, nhưng sự phản kháng của ông sẽ được ghi vào biên bản, ông chủ tịch kết luận.
Và phiên họp bế mạc.
Những người tham dự cuộc hành quyết không đông lắm. Dĩ nhiên là có bốn ủy viên của ủy ban, cũng như tên đao phủ là người phải hành động theo lệnh của họ. Ngoài ra còn có viên tư lệnh Hiến binh của nước Mỹ, viên giám đốc lao thất, cha tuyên úy và ba nhà báo. Căn phòng, một gian nhà nhỏ xây bằng gạch, vốn là một phòng phụ thuộc của trạm điện trung ương, nó đã được dùng làm nơi giặt giũ, ở một góc vẫn còn một cái nồi và củi vụn, nhưng không có đồ vạt nào khác, ngoại trừ một cái ghế lẻ loi và độc đáo dành cho người tử tội. Một tấm kim loại được đặt phía trước cái ghế để dành cho bàn chân của Warner, tấm kim loại này được nối vào một sợi dây cáp lớn có vỏ bọc cách điện. Ở phía trên cái ghế, một sợi dây cáp khác thòng xuống từ trần nhà, sợi cáp này có thể được nối vào một thanh kim loại nhỏ nhô ra từ một thứ mũ nồi được chụp lên đầu hắn ta. Khi sự nối kết này được hoàn tất, lúc đó sẽ là giây phút tử vong của Duncan Warner.
Chúng tôi im lặng đợi chờ người tù tới. Các kỹ sư có vẻ hơi tái mặt đi, và họ loay hoay mọt cách nôn nóng với những sợi dây cáp. Ngay cả viên tư lệnh hiến binh, mặc dù đã chai lỳ cũng thấy khó chịu, vì một sự treo cổ tầm thường là một chuyện, và sự hủy diệt thịt và máu lại là một chuyện khác. Về phần các nhà báo, họ đã trắng bẹch ra hơn là những tờ giấy của họ, người duy nhất tỏ ra không bị một chút ảnh hưởng nào của những sự chuẩn bị độc ác này là anh chàng người Đức nhỏ bé mắc bệnh di cuồng, ông ta đi tới chỗ người này rồi tới chỗ người nọ với một nụ cười trên môi và cặp mắt long lanh đầy vẻ tinh quái. Ông còn quên cả địa vị của mình đến nỗi phá lên cười hai, ba lần, việc này khiến cho ông bị vị tuyên uý nhắc nhỏ phải giữ trật tự.
- Làm thế nào mà ông có thể biểu lộ một sự khinh xuất không đúng chỗ như vậy, thưa ông Stulpnagel? Tôi ngạc nhiên hỏi. Ông cười trước mặt cái chết à!
Nhưng ông già người Đức không lộ ra một vẻ bối rối nào.
- Nếu tôi đứng trước cái chết, tôi sẽ không cười, ông ta nói. Nhưng vì tôi không đứng trước cái chết mà, tôi có quỳen tự do làm những gì tôi thích.
Câu trả lời xác xược này chắc chắn sẽ làm nảy sinh một câu khác, còn nghiêm khắc hơn về phía vị tuyên uý. Nhưng cái cửa đã mở ra và hai viên giám thị đẩy Duncan Warner vào trong phòng. Y nhìn quanh mình y với một vẻ quả cảm, tiến lên với một bước chân vững vàng và người xuống cái ghế điện.
- Ra tay đi! Y nói.
Kéo dài sự chờ đợi của y thật là một điều man rợ. Vị tuyên uý nói thì thào một vài câu vào tai y, tên đao phủ chụp cái mũ nồi lên đầu y, tất cả bọn chúng tôi đều nín thở, sự nối kết đã được thiết lập giữa dây cáp và tấm kim loại.
- Chư vị thánh thần! Duncan Warner kêu lớn.
Y chồm lên trên cái ghế khi sự phóng điện khủng khiếp nổ bung ra trong cơ thể y. Nhưng y không chết. Ngược lại hai mắt y long lanh một tia sáng linh hoạt hơn. Y chỉ trải qua một sự biến đổi thôi, mà sự biến đổi này thật là bất ngờ, màu đen đã mất dạng trên tóc y và râu y giống hệt như một bóng đêm đã rời khỏi một cảnh quan. Tóc và râu y bây giờ đã trắng như tuyết. Ngoài việc đó ra, y không mang một dấu vết nào của sự phân hủy. Y có làn da tươi mát, mịn màng, bóng loáng của một đứa trẻ con.
Viên tư lệnh hiến binh ném sang cho ủy ban một cái nhìn đầy vẻ trách móc.
- Tôi có cảm tưởng rằng đã có một điều gì sai trái đó thưa quí vị! Ông ta nói.
Bọn ba người chúng tôi, những người có đầu óc thực tế lẳng lặng nhìn nhau.
Peter Stulpnagel cười mỉm với vẻ trầm ngâm.
- Tôi nghĩ rằng một lần phóng điện khác sẽ làn xong chuyện, tôi nói.
Luồng điện lại chạy qua. Duncan Warner lại nhảy bật lên trên ghế và kêu lên; nhưng đúng là chỉ vì y vẫn cón ngồi trên cái ghế nên chúng tôi mới nhận ra y. Trong một phần nhỏ của giây đồng hồ, y đã mất hết cả rau và tóc trên đầu, và căn phòng trông giống như một cửa hiệu cắt tóc vào buổi tối thứ bảy. Y vẫn còn ngồi yên, hai mắt vẫn còn sáng ngời, làn da óng ánh của một sức khoẻ hoàn hảo, nhưng y có một cái sọ trọc lóc như một miếng phô ma Hòa Lan và một cái cằm không còn một sợi râu nào. Y bắt đầu vung vẩy một trong hai tay của y, vung một cách thong thả và với sự hoài nghi lúc bắt đầu, nhưng rồi mỗi lúc càng thêm tin tưởng.
- Hồi trước tôi bị nhức nhối ở cái tay này, y nói. Mấy ông thầy thuốc vùng Thái Bidnh Dương chữa trị uổng công. Vậy mà lúc này hình như nó được tân trang lại, và nó cũng mềm mại như một nhánh mai châu vậy.
- Anh cảm thấy khoẻ mạnh chứ? Ông già người Đức hỏi.
- Trong suốt cả đời tôi, chưa bao giờ tôi cảm thấy khoẻ khoắn như thế này. Duncan Warner đáp lại một cách hớn hở.
Tình thế thật là bực bội. Viên tư lệnh hiến binh nhìn thẳng đôi mắt nảy lửa về mạn ủy ban, Peter Stulpnagel nhe răng ra cười và xoa hai bàn tay vào với nhau. Các ông kỹ sư thì gãi đầu. Gã tù nhân bị mất từng mảng da đầu đang vung vẫy cái tay của y và có vẻ khoan khoái.
- Tôi nghĩ rằng một sự phóng điện nữa.... ông chủ tịch đánh liều nói.
- Không, thưa ông! Viên tư lệnh hiến binh chặn lại. Chỉ trong một buổi sáng mà chúng ta đã có khà nhiều sự ngu xuẩn rôi. Chúng ta tới đây để làm một vụ hành quyết, sự hành quyết sẽ diễn ra!
- Ông có ý kiến ra sao?
- Trên trần nhà có một cái khoen có thể dùng được việc. Hãy đi tìm một sợi dây thừng, và công việc sẽ được giải quyết.
Trong lúc mấy anh giám thị đi kiếm dây thừng thì một khoảng thời gian trôi qua trong sự khó chịu mỗi lúc một gia tăng. Peter Stulpnagel nghiêng đầu lại phía Duncan Warner và nói một vài tiếng gì vào tai y. Kẻ tử tội nhìn ông ta một cách ngơ ngác, sửng sốt.
- Không thật vậy chứ? Y hỏi.
Ông già người Đức gật đầu khẳng định
- ....Thế nào! Không có cách nào à?....
Peter lắc đầu, lần này thì một cách phủ định, và hai người cười phá lên như thể họ vừa trao đổi một câu chuyện vui thú vị. Các anh giám thị mang dây thứng tới, và vị tư lệnh hiến binh tự tay mình chòng cái dây thòng lọng vào cổ tên tội phạm. Rồi hai viên giám thị, tên đao phủ và chính cả ông nâng bổng nạn nhân của họ lên trên không, tại đó y đu đưa lơ lửng. Trong một nửa giờ đồng hồ y bị treo thõng trên trần nhà. Đó là một cảnh tượng khủng khiếp. Rồi thì trong một sự im lặng trang nghiêm, họ hạ sợi dây thừng xuống, một viên giám thị đi ra ngoài để kiểm một cái quan tài. Nhưng khi vừa chạm chân xuống tới mặt đất, Duncan Warner đã đưa hai bàn tay lên cổ y, tháo lỏng sợi dây thòng lọng và hít một hơi không khí thật dài và thật sâu.
- Việc buôn bán của Paul Jefferson trôi chảy lắm! Y nói. Từ trên cao tôi trông thấy đám đông chen chúc trong cửa tiệm của ông ta.
Y chỉ vào cái móc ở trên trần nhà.
- Treo lên một lần nữa đi! Viên tư lệnh hiến binh gầm lên. Chúng ta sẽ kết thúc một cách tốt đẹp bằng sự tước bỏ mạng sống của y!
Họ lại treo cổ y lên lần nữa.
Họ để cho y hai chân lủng lẳng trong khoảng không trong một giờ đống hồ. Khi họ lại hạ y xuống, tính ba hoa của y vẫn không cạn kiệt chút nào.
- Ông già Plunket thường tới quán rượu Arcady quá nhiều lần! Y xác nhận. Trong một giờ đồng hồ tôi đã trông thấy ông ta vào đó ba lần. Phải nói rằng ông ta có một gia đình! Ông Plunket nên chừa rượu đi thì phải.
Việc này thật là quái gở, không thể tin được, nhưng đúng thật là thế.
Không có gì để cãi cọ nữa, tên tử tội cứ nói lung tung trong khi lẽ ra y đã phải chết rồi, nhưng vị tư lệnh hiến binh Carpentier không phải là người tự để cho mình bị lừa phỉnh một cách dễ dàng như thế. Ông kéo chúng tôi vào một góc, người tù đứng một mình ở giữa gian phòng.
- Duncan Warner, ông từ tốn nói với y, anh có mặt ở nơi đây để đóng vai trò của anh. Và tôi có mặt ở đây để đóng vai trò của tôi. Vai trò của anh là cố sức sống càng lâu càng tốt, vai trò của tôi là cố gắng làm cho luật pháp được chấp hành. Anh đã đánh bại chúng tôi về điện năng, tôi ghi cho anh một điểm. Anh đã đánh bại chúng tôi về sợi dây thừng, mà tôi thấy hình như không thành công lắm đối với anh. Nhưng bây giờ đến lượt tôi đánh bại anh, vì tôi phải hoàn thành nhiệm vụ của tôi.
Ông lấy từ trong áo ra một khẩu súng ru-lô có sáu viên đạn, và nhả tất cả những viên đạn vào thân thể của người tù. Căn phòng đầy đặc những khói đến nỗi chúng tôi không còn có thể trông thấy gì nữa. Khi khói đã tan đi, người tù không nhúc nhíc trong chỗ đứng, cũng như trong thái độ y chỉ ngắm nhìn với sự chán ngán mặt trước cái áo của y.
- Ở đây thì những quần áo không được tính giá đắt y nói. Cái áo này đã làm tôi tosn mất ba mươi đô-la, và xin ông hãy nhìn những gì ông đã làm cho nó! Sáu lỗ thủng ở phía trước thế cũng là khá tệ rồi! Nhưng có bón viên đạn đã xuyên qua mình tôi, từ bên này tới bên nọ, cái lưng chắc cũng không còn lành lặn.
Viên tư lệnh hiến binh buông khẩu súng ra để nó rơi xuống đất, và ông để thõng tay xuống, đó là một kẻ chiến bại.
- Có lẽ một người nào trong bọn các ông, thưa quý ông sẽ có thể nói cho tôi biết việc này có nghĩa làm sao? Ông hỏi ủy ban với sự tuyệt vọng.
Peter Stulpnagel bước lên một bước về phía trước.
- Tôi sẽ giải thích tất cả với các ông.
- Tôi thấy hình như ông là người duy nhất ở đây biết một điều gì.
- Tôi là người duy nhất ở đây biết được tất cả mọi việc, tôi đã cố cảnh báo các quý vị này. Nhưng các ông ấy đã không muốn nghe lời tôi, thế là tôi đành trông đợi vào những gì mà họ học được bằng kinh nghiệm. Các ông có biết những gì mà các ông đã làm với sức điện lớn lao của cácông không? Một cách đơn giản, các ông đã làm gia tăng sức sống của tên tử tội; hiện nay y có đủ khả năng thách thức cái chết trong nhiều thế kỷ.
- Nhiều thế kỷ!
- Phải. Phải mất nhiều trăm năm để làm cạn kiệt cái năng lượng vô biên về thần kinh mà các ông đã chích vào người y. Điện năng là sự sống, các ông đã cung cấp điện năng tới mức tối đa cho y. Có lẽ là trong vòng năm mươi năm các ông sẽ có thể hành quyết y, nhưng tôi không dám đóan chắc điều đó.
- Trời ơi! Nhưng tôi sẽ làm gì với y? Viên tư lệnh bất hạnh của sở hiến binh kêu lên.
Peter Stulpnagel nhún vai.
- Và nếu chúng ra rút hết điện năng của y ra bằng cách treo ngược y lên bằng hai bàn chân không có được không? Ồn chủ tịch đánh liều hỏi.
- Không, việc đó sẽ vô dụng thôi.
- Dù sao thì y cũng sẽ không làm điều sai quấy ở Los Amigos nữa, viên tư lệnh hiến binh nói tiếp với một sự quyết định. Y sẽ vào lao thất mới. Cái lao thất này sẽ tồn tại lâu hơn y.
- Trái lại, Peter Stulpnagel trả lời. Tôi tin rằng y sẽ tồn tại lâu hơn là cái lao thất.
- Đó là một sự thất bại lớn, và trong nhiều năm trời, đã không bao giờ chúng tôi nói về vụ đó trong bọn chúng tôi. Những ngày này thì sự bí mật đã phơi bày, và tôi nghĩ rằng ông sẽ thích đặt câu chuyện vào bộ sưu tập các án lệ của ông.
Kim Lương dịch

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

anhseyeuem đánh máy

**Câu chuyện về Sannox phu nhân**

(The Case of Lady Sannox)

Sự liên lạc giữa Douglas Stone và vị phu nhân trứ danh Sannox đã được nhiều người biết tại các phòng khách thính sang trọng mà nàng là một ngôi sao sáng chói cũng như tại các trường đại học khoa học, nơi mà chàng được kể vào hàng những hội viên lỗi lạc nhất. Do đó người ta nhận thức được lòng thương cảm được khuấy động lên một buổi sáng nọ bởi cái tin là bà phu nhân đã vào nhà tu kín, một cách cương quyết và vĩnh viễn và rằng không bao giờ mọi người sê được gặp lại bà nữa. Khi để làm đậm đà thêm tin này, lại có tin đồn được loan truyền rằng nhà phẫu thuật đại tài, người có những giây thần kinh bằng thép, cũng buổi sáng hôm đó được anh em bồi phòng nhìn thấy đang ngồi ở thành giường miệng mỉm cười vu vơ một cách duyên dáng, hai bàn chân cùng xỏ vào một ống quần với bộ óc mềm nhũn như cháo lòng, thì sự việc tỏ ra khá khích động để làm say mê những người không bao giờ tin rằng cảm tính đã bị chai lì của họ còn có thể xúc động được nữa.
Douglas Stone, giữa thuở hoa niên, đã là một trong những người lỗi lạc nhất ở Anh quốc. Nhưng có thật đúng là chàng đã ở độ hoa niên khi nỗi phiền muộn nhỏ nhặt này xảy ra với chàng? Chàng mới chỉ có ba mươi chín tuổi. Các bạn thân thiết nhất của chàng đoan chắc rằng trong hàng chục nghề có thể chàng cũng sẽ đạt được công danh lừng lẫy giống như trong cái nghề giải phẫu vậy. Chàng sẽ có thể chinh phục được vinh quang trên một chiến địa, đạt được vinh quang nhờ những cuộc thám hiểm liều lĩnh, đạt được vinh quang trên một sân quần vợt, hoặc tạo ra vinh quang trong tư cách một kỹ sư với đá và sắt. Chàng được sinh ra với một phần số ngoại hạng, vì chàng có thể trù định những điều mà không ai dám hoàn thành và hoàn thành những diều mà không một ai dám trù định. Về khoa giải phẫu, chàng không có đối thủ. Sự quân bình về thần kinh của chàng, trí phán đoán của chàng, trực giác của chàng đều là ngoại hạng. Đã rất nhiều lần, trong khi khu trừ cái chết, con dao mổ của chàng đã lướt qua ngay những cội nguồn của sự sống và những người phụ tá của chàng mặt mày cũng trở thành trắng bệch như con bệnh vậy. Ký ức về nghị lực của chàng, về sự táo bạo của chàng, về lòng tự tin mãnh liệt của chàng còn lởn vởn tại phía Nam đường Marylanone và phía Bắc phố Oxford.
Những khuyết điểm của chàng cũng quan trong như đức tính của chàng nhưng lại vô cùng thơ mộng hơn. Những lợi tức khá lớn của chàng (trong tất cả thành phố London chỉ có hai đồng nghiệp kiếm nhiều tiền hơn chàng) đã vẫn rất thấp so với sự xa hoa trong nếp sống của chàng. Tại đáy sâu của bản chất phức tạp cua chàng, có sự lưu thông của một luồng nhục cảm mạnh mẽ mà sự tác động đã ban cho cuộc sống của chàng tất cả giá trị của nó. Các vị thầy học của luồng nhục cảm này tên là mắt, tai, bàn tay, khẩu vị. Số vàng ồ ạt đổ vào nhà chàng đã biến thành một mùi rượu vang lâu năm, thành các chai dầu thơm ngoại quốc hiếm có, thành những chén đĩa mà sự tinh vi của nước men và kiểu dáng là thứ có một không hai ở Âu Châu. Và rồi chợt nảy sinh sự say mê điên rồ, đột ngột phu nhân Sannox. Chỉ mới một lần tương kiến mà hai mắt đã cùng liếc, hai lòng cùng ưa, một tiếng thì thầm... thế là chàng đã như lửa cháy bùng. Nàng là người đàn bà kiều diễm nhất London (theo ý chàng thì đó là người đàn bà duy nhất ở London). Chàng là một trong những người đàn ông đẹp nhất London (với nàng thì không có người dàn ông duy nhất nào ở London). Vì nàng có một sở thích thu thập những kinh nghiệm mới lạ nên nàng đã tỏ ra dễ dãi dối với phần lớn những người đàn ông chạy theo tán tỉnh nàng. Phải chăng đó là nguyên nhân, hay là kết quả? Ngài Sannox, người mới có ba mươi sáu tuổi mà nom như đã ngoài năm mươi tuổi.
Ngài Sannox này là một người trầm lặng, ít nói, xuề xòa. Ông có cặp môi mỏng và những mí mắt nặng. Ông rất thích công việc vườn tược và ông thích ở nhà. Ngày xưa ông đã hoạt động kịch trường, ông đã thuê cả một phòng ở London. Chính ở các sân khấu mà lần đầu tiên ông gặp cô Marion Dorson; ông đã dâng cho nàng tên tuổi ông, chức vụ ông và một phần ba lãnh địa của ông. Từ khi lấy vợ ông đã từ bỏ sở thích ngông cuồng này; ông còn cảm thấy chán ghét sở thích đó. Ngay cả trong các câu lạc bộ tư nhân ông cũng từ chối những tràng vỗ tay hoan nghênh một tài năng không thể chối cãi được. Ông thấy sung sướng đứng giữa những cây hoa lan và hoa cúc của ông, với chiếc cuốc dấy cỏ và chiếc bình tưới nước.
Một vấn đề rất quan trọng là mọi người tự hỏi liệu có phải ông hoàn toàn ngốc nghếch hay ông đã thiếu can đảm một cách đáng thương. Phải chăng ông đã biết lối ăn ở của vợ ông và ông đã tha thứ cho bà ấy? Hay ta coi ông là một anh chàng lẩm cẩm mù quáng? Người ta đã bàn tán nhiều về chuyện đó trong các thính phòng tin tức ở London bên trên những chén trà và trên các khung cửa sổ các câu lạc bộ trong khi hút xì gà. Các ông thì nói về ông ta với một vẻ nghiêm khắc chua chát. Trong bọn họ chỉ có một người là không họa theo và ông ta đứng câm như hến: ông ta đã nhìn thấy ông khuất phục một con ngựa tại trường Đại học và về việc đó ông ta đã giữ một kỷ niệm lâu bền.
Khi Douglas Stone trở thành người sủng ái, người ta không được phép nghi ngờ nữa: Stone không biết tới những trí trá của tính đạo đức giả; những cung cách độc đoán và ngạo mạn của chàng đã bất chấp mọi sự dè dặt, coi thường sự thận trọng. Vụ tai tiếng tự hiện ra. Một hiệp hội văn hóa báo cho người tình nhân đang thỏa mãn đó rằng tên chàng đã bị xóa trong danh sách những vị phó chủ tịch. Lấy danh nghĩa vì danh giá trong nghề nghiệp của chàng, hai người bạn đã uổng công nài nỉ chàng. Chàng đuổi những nhà luân lý ra cửa và chàng đi mua một chiếc vòng tay giá năm mươi đồng ghi-nê để tặng vị hoàng hậu của lòng chàng. Tối nào chàng cũng đến nhà nàng. Mỗi buổi chiều chàng cho nàng mượn xe của chàng. Cả chàng và nàng không ai tỏ ra một mảy may cố gắng để che dấu mối giao du của họ, nhưng một sự cố tầm thường đã làm gián đoạn các liên lạc này.
Vào một buổi tối mùa đông ảm đạm, gió thổi từng cơn: gió gầm gào trong các ống khói, gió đập vào các cánh cửa sổ. Mưa rơi rào rào trong các máng xối. Douglas đã ăn xong bữa tối. Chàng ngồi trong phòng làm việc bên lò sưởi, trên một cái bàn bằng đá khổng tước một ly rượu porto hảo hạng đặt dưới tầm tay của chàng; chàng nâng ly rượu lên trước ánh sáng của ngọn đèn và thưởng thức với tư cách một người sành sỏi những váng li ti bập bềnh trong ly rượu vang đỏ ối của chàng. Trong ánh sáng rực rỡ, ngọn lửa đã chiếu sáng khuôn mặt được cạo nhẵn nhụi, táo bạo của chàng. Chàng mỉm cười. Thật ra chàng đã đoạt được cái quyền hài lòng với mình: cưỡng lại ý kiến của 6 bạn đồng nghiệp, chàng vừa mới thành công trong một cuộc giải phẫu mà cuộc giải phẫu này chỉ mới có hai tiền lệ trên thế giới và kết quả đã vượt quá những kỳ vọng. Không một ai ở London có sự táo bạo để trù định và sự khéo léo để hoàn thành một thành tích oai hùng như vậy.
Nhưng chàng đã hứa với phu nhân Sannox là tới thăm bà và đã tám giờ rưỡi rồi. Lúc chàng đang vươn tay về phía cái chuông để gọi xe thì chàng nghe thấy tiếng trầm đục của thanh sắt chặn ngang ở cửa ra vào. Một lát sau có tiếng chân kéo lê ở phòng ngoài, một cách cửa được đóng lại.
- Có một bệnh nhân của ngài trong phòng mạch! - Viên quản gia loan báo.
- Ông ta tới khám bệnh cho chính ông ta à?
- Thưa ngài không. Tôi nghĩ rằng ông ta muốn mời ngài đi vào thành phố.
- Muộn quá rồi! - Douglas Stone kêu lên một cách bực bội. - Tôi không đi.
- Đây là danh thiếp của ông ta, thưa ngài.
Viên quản gia đưa trình tấm danh thiếp đặt trên cái khay bằng vàng mà bà vợ ông Thủ tướng đã biếu ông thầy giáo của bà.
- Hamin Ali Smock... Hừ! Đây là một người Thổ Nhĩ Kỳ, tôi đoán vậy.
- Thưa ngài vâng. Nom ông ta có vẻ từ xa tới. Ông ta có vẻ lo lắng lắm.
- Tặc, tặc! Tôi có cái hẹn. Tôi phải đi. Nhưng trước khi tôi đi tôi sẽ gặp ông ta. Pim, hãy đưa ông ta vào đây.
Thế là viên quản gia đi ra kiếm một người đàn ông nhỏ thó và già yếu. Người này đi vào chỗ Douglas Stone với cái đầu cúi về phía trước và hai mắt nhấp nháy như kiểu những người cận thị thường đi. Ông ta đội cái khăn mút-sơ-lin trắng có sọc đỏ; tay kia là một cái túi nhỏ bằng da linh.
- Chào ông! - Douglas Stone lên tiếng, khi viên quản gia đã thép cửa lại. - Ông nói tiếng Anh được chứ, tôi nghĩ thế.
- Thưa ông vâng. Tôi quê ở Trung Đông, nhưng tôi nói tiếng Anh một cách thong thả được.
- Có phải ông muốn mời tôi đi vào thành phố không?
- Thưa ông vâng. Tôi rất mong ông tới xem cho bà vợ tôi.
- Tôi sẽ có thể thăm bà ấy vào sáng mai. Tối nay tôi có một cuộc hẹn.
Câu trả lời của người Thổ Nhĩ Kỳ thật là bất ngờ. Ông ta kéo sợi giây thắt miệng túi da linh và ông ta đổ ra trên bàn một đống vàng.
- Đây là một trăm bảng Anh, - ông ta giải thích. - Tôi xin đoan chắc với ông rằng công việc sẽ không làm ông mất quá một tiếng đồng hồ. Ở ngoài của tôi đã có sẵn một chiếc xe đang đợi chúng ta.
Douglas Stone nhìn đồng hồ của chàng. Nếu chàng nhận lời, chàng cũng sẽ tới nhà phu nhân Sannox không quá trễ (chàng đã từng tới thăm bà ta vào một giờ còn bất tiện hơn nữa). Và số tiền thù lao này thật đã cao một cách đặc biệt; mới đây các chủ nợ đã quấy rầy chàng đôi chút. Chàng có nên bỏ qua một dịp may như thế không? Chàng không có quyền bỏ qua một dịp may như vậy.
- Bệnh gì vậy?
- Ôi, một chuyện rất buồn! Đây là một chuyện rất buồn! Có lẽ ông không nghe nói tới những con dao găm của người Anmhate?
- Chưa bao giờ.
- Ôi, đó là những con dao găm của người Đông Phương rất cổ xưa và có một hình thù đặc biệt. Cái chuôi của nó giống như cái mà các ông gọi là cái bàn đạp. Tôi là một người buôn những đồ trang trí vặt, ông hiểu chứ? Và vì công việc nên tôi tới nước Anh, nhưng tuần sau tôi trở về Smoch. Tôi có mang theo nhiều món hàng kỳ lạ và nay thì không còn món nào cả; nhưng khốn khổ thay tôi lại giữ lại một trong những con dao găm đó.
- Xin ông nhớ cho rằng tôi đang có một cái hẹn. - Nhà giải phẫu cắt ngang, không giấu giếm thái độ nóng vội. - Xin ông làm ơn giới hạn cho các chi tiết cần thiết.
- Những điều tôi nói với ông đều là thiết yếu cả: ông sẽ phán đoán các điều đó. Hôm nay vợ tôi bị xỉu đi trong phòng nơi mà tôi để các món hàng của tôi và khi té xuống bà ấy bị con dao găm đáng nguyền rủa này của người Anmohate cứa đứt môi dưới.
- Tôi hiểu rồi, - Douglas Stone vừa nói vừa đứng dậy. - Ý ông muốn tôi khâu lại vết thương chứ gì.
- Ồ, không phải! Còn tệ hơn thế nữa.
- Vậy là cái gì?
- Những con dao găm này có tẩm thuốc độc.
- Tẩm thuốc độc ư?
- Vâng. Và không có người nào trên đời này, dù ở Đông phương hay ở Tây phương, có thể xác định tính chất của thuốc độc, cũng không thể chỉ ra một thứ thuốc chống độc. Nhưng tôi biết các hậu quả của thuốc độc đó, vì cha tôi đã làm nghề buôn bán trước tôi và những khí giới có tẩm thuốc độc này đã làm cho chúng tôi rất khổ sở.
- Những triệu chứng của chúng ra sao?
- Một giấc ngủ say, rồi sau ba mươi tiếng đồng hồ là chết.
- Và ông nói rằng không có phương thuốc chữa. Vậy thì tại sao ông lại trả tôi số tiền thù lao lớn như vậy?
- Những gì là một thứ thuốc chống độc không thể làm được thì lưỡi dao mổ sẽ có thể làm được.
- Làm cách nào?
- Thuốc độc chỉ thấm vào cơ thể một cách thong thả. Trong nhiều giờ đồng hồ nó còn đọng lại nơi vết thương.
- Và bằng cách rửa chỗ vết thương...
- Cách đó không công hiệu. Thuốc độc này rất tinh vi và rất tàn bạo.
- Có lẽ nên cắt bỏ chỗ đau đi chăng?
- Đúng đó phải cắt bỏ. Nếu vết thương ở ngón tay, phải cắt ngón tay. Đó vẫn là điều cha tôi đã nói. Nhưng xin ông nghĩ tới chỗ bị vết thương, xin ông nghĩ tới đó là vợ tôi... Thật là khủng khiếp!
Tình cảm vốn rất dễ chai lì đi ở một người đã quen thuộc với nhiều trường hợp đau đớn. Douglas Stone thấy rằng sự việc không phải là chuyện thường. Chàng đã gạt qua những lời phản đối yếu ớt của người chồng, coi như chúng không phải lúc đưa ra.
- Hình như sự thật là phải làm điều đó hoặc thôi chẳng làm gì cả! - Chàng nói một cách cộc lốc. - Thà chịu mất môi còn hơn là mất đời sống.
- Vâng ông nói đúng! Rút lại, đó là định mệnh: ta phải đương đầu với định mệnh. Tôi có một cỗ xe. Xin ông tới với tôi và xin ông giải phẫu cho.
Douglas Stone lấy từ một ngăn kéo ra một hộp dao mổ và chàng xếp nó vào với một cuốn băng để buộc vết thương và một miếng vải ép, bỏ vào túi của chàng. Nếu chàng muốn tới nhà Phu nhân Sannox cho đúng giờ chàng không còn một phút nào để mất đi nữa.
- Tôi đã sẵn sàng, - chàng vừa nói vừa mặc áo khoác ngoài vào. - Ông có vui lòng uống một ly porto trước khi ra ngoài không khí giá lạnh này chăng?
Người khách lùi lại một bước và giơ một bàn tay lên để phản đối.
- Ông quên rằng tôi là người Hồi giáo và là môn đồ trung thành của đấng tiên tri à! - ông ta trả lời. - Nhưng xin ông nói cho tôi biết cái chai xanh mà ông bỏ vào trong túi của ông là chai gì vậy?
- Thuốc mê Chloroforme đó.
- A, cả thứ đó cũng bị cấm đối với chúng tôi. Chloroforme chứa chất rượu. Không bao giờ chúng tôi uống rượu.
- Thế nào? Ông sẽ chấp nhận việc vợ ông chịu một cuộc giải phẫu mà không được gây mê à?
- Hỡi ôi! Nàng sẽ không còn cảm giác gì cả, cái linh hồn thân yêu khốn hhổ ấy. Giấc ngủ đã đè nặng lên nàng, thuốc độc bắt đầu tác động. Và rồi tôi đã cho nàng một chút thuốc phiện Smock của chúng tôi. Thưa ông, xin ông tới cho, một giờ đã trôi qua kể từ lúc nàng gặp tai nạn.
Khi họ lặng lẽ đi vào bóng tối ngoài phố, những hạt mưa quất vào mặt họ. Tại phòng bên ngoài đèn đã tắt ngủm, dù rằng nó đã được treo trên cánh tay của một cột trụ hình người bằng cẩm thạch. Pim, viên quản gia phải tựa cả hai vai vào để đóng cánh cửa nặng nề lại. Gió càng thổi mạnh dữ dội. Hai người lần mò bước tới chỗ ánh sáng vàng yếu ớt chỉ cho họ thấy chiếc xe. Sau đó chưa đầy một phút, họ ngồi xe đi tới nơi phải đến.
- Có xa không? - Douglas Stone hỏi.
- Ồ, không xa! Chúng tôi ở một chỗ nhỏ bé rất yên tĩnh sau đường Euston.
Nhà giải phẫu ấn vào rét-so của cái đồng hồ có chuông báo hiệu và chàng lắng nghe những tiếng kêu nhỏ dùng để cho chàng biết giờ. Chín giờ mười lăm phút. Chàng tính các khoảng đường, thì giờ mà chàng sẽ phải có cho sự mổ xẻ của chàng. Có thể là chàng sẽ tới nhà Sannox phu nhân lúc mười giờ. Qua những tấm kính phủ đầy hơi nước chàng nhìn thấy những trụ đèn rối rắm nhảy múa trên đường đi của chàng và đâu đó là ánh sáng mạnh hơn của một mặt trước cửa hàng hay một cửa kính. Mưa rơi thình thình trên mui xe, các bánh xe làm tung tóe bùn và đất sét. Trước mặt chàng chiếc khăn trắng của người bạn đường lấp lánh một cách yếu ớt trong bóng tối. Nhà giải phẫu lục soát trong các túi áo của chàng và chuẩn bị kim khâu, móc gài, kẹp. Chàng bắt đầu cáu kỉnh. Trên sàn xe hai chân chàng đập thình thịch một cách mất kiên nhẫn.
Chiếc xe đi chậm lại và dừng hẳn. Douglas Stone bước xuống ngay tức thì, ông nhà buôn người Smock theo chân chàng.
- Đợi tôi nhé!
Ông ra lệnh cho người đánh xe. Họ đứng trước một căn nhà xập xệ trong một phố bẩn thỉu. Nhà giải phẫu biết rõ thành phố London của chàng trên đầu ngón tay. Chàng cố nhìn xuyên qua bóng tối, nhưng không nhìn thấy vật gì cho phép phỏng nhận ra phương hướng; không có cửa tiệm, không có người di dạo, không có gì khác ngoài hai dãy nhà buồn thảm, ngoài hai hàng lối đi lát đá ướt sũng và bóng nhoáng, ngoài hai tia nước từ các máng xối nhỏ giọt xuống các tấm lưới của những lỗ cống. Cái cửa mà họ ngừng lại phía trước có một màu không thể đặt tên được Một ánh sáng còm cõi lọt qua khung cửa sổ nhỏ đặt trên cánh cửa lớn soi sáng phần lớn là bụi rậm và sự bẩn thỉu che phủ cái cửa sổ nhỏ đó. Ở trên cao, phía sau những cửa sổ của phòng ngủ, có ánh sáng của một ngọn đèn vàng. Người lái buôn đập cửa một cách mạnh mẽ. Khi ông ta quay mặt về mạn ánh sáng, Douglas Stone nhận thấy ông ta có những nét căng thảng vì lo âu. Người ta kéo một cái chốt cửa; một người đàn bà có tuổi tay cầm một cây nến hiện ra trong khung cửa; bà ta che ngọn lửa bằng những ngón tay sù sì.
- Mọi việc đều yên lành cả chứ? -Người lái buôn hổn hển nói.
- Bà vẫn ở trong tình trạng như lúc ông để bà nằm đó, thưa ông.
- Bà không nói gì à?
- Không, bà ngủ rất say.
Người lái buôn đóng cánh cửa ra vào; Douglas Stone tiến bước vào trong hành lang chật hẹp và không ít ngạc nhiên về những gì chàng quan sát chung quanh. Trên mặt đất không có vải sơn, cũng không có thảm đay. Không có mắc áo trên tường. Ngược lại mạng nhện hàng tràng nặng trĩu và từng lớp bụi bám đầy ở khắp mọi nơi mà chàng nhìn tới. Khi leo lên một cầu thang hình xoáy tròn, bà lão già đi trước Douglas Stone bước theo bà ta, với người lái buôn già theo bén gót chàng. Tiếng bước chân của họ vang lên một cách ảm đạm trên những bực thang không có lấy một mảnh thảm che phủ. Phòng ngủ ở tầng lầu hai, ít nhất ở đó cũng có đồ vật. Sàn gác bừa bãi những rương nhỏ Thổ Nhĩ Kỳ, những chiếc bàn khảm, những áo lưới sắt, những cái ống kỳ dị và những khí giới quái dị. Những đồ vật kỳ quái này nằm chất đống trong các góc nhà. Trên một cái bàn chân quỳ có một ngọn đèn đang cháy. Douglas Stone chộp lấy nó, tìm một lối đi tới cái giường kê ở một góc và trên giường đó một người đàn bà y phục kiểu Thổ Nhĩ Kỳ đang nằm, với khăn che mặt và tấm mạng mỏng. Phần dưới của bộ mặt đó được để hở, nhà giải phẫu nhìn thấy một vết cắt chặt ngoằn ngoèo dọc theo nếp của môi dưới.
- Xin ông vui lòng thứ lỗi cho chiếc khăn che mặt, - người Thổ Nhĩ Kỳ nói. - Ông đã biết các quy luật của chúng tôi về các phụ nữ.
Nhưng nhà giải phẫu không nghĩ tới khăn che mặt. Trước mặt chàng không có người phụ nữ mà là một vụ giải phẫu. Chàng cúi xuống để xem xét cẩn thận vết thương.
- Không có một dấu hiệu nào về sự sưng phù cả, - chàng lẩm bẩm. - Ta có thể hoãn sự mổ cắt cho tới khi các triệu chứng xuất hiện rõ ràng.
Người chồng vặn vẹo hai bàn tay trong một tình trạng dao động điên cuồng.
- Ồ không, thưa ông! Xin ông đùng nói đùa. Ông biết đấy. Đây là một trường hợp chết người. Tôi thì tôi biết! Và tôi đoan chắc với ông rằng một cuộc giải phẫu là tuyệt đối cần thiết. Chỉ có con dao mổ là có thể cứu được bà ấy.
- Tuy nhiên tôi vẫn muốn chờ đợi! - Douglas Stone trả lời.
- Thế là đủ rồi! - Người Thổ Nhĩ Kỳ phản đối một cách giận dữ. - Tôi phải tính từng phút một. Và tôi không muốn ngồi đây và để cho vợ tôi chìm dần vào cái chết. Thưa ông, tôi muốn cám ơn ông đã tới đây; tôi sẽ đi tìm một nhà giải phẫu khác trước khi quá muộn.
Douglas Stone ngần ngừ. Phải trả lại một trăm bảng Anh thật chẳng có gì là dễ chịu. Và nếu chàng từ chối việc cắt mổ thì bắt buộc chàng phải hoàn trả lại số tiền thù lao. Ngoài ra nếu người Thổ Nhĩ Kỳ nói đúng và nếu bà vợ ông ta chết thì chàng sẽ có thể bị truy tố trước một vị quan tòa và tên tuổi của chàng sẽ bị tai tiếng thế nào! Chàng hỏi:
- Ông đã có kinh niệm bản thân về thứ thuốc độc này chưa?
- Có.
- Và ông xác nhận với tôi rằng một cuộc giải phẫu là cần thiết phải không?
- Tôi xin thề về điều này với tất cả những gì thiêng liêng nhất.
- Mặt của bà vợ ông sẽ bị hủy hoại một cách tội nghiệp.
- Tôi nghĩ rằng miệng bà ấy sẽ không còn được ngon lành lắm để hôn...
Douglas Stone giận dữ quay lại nhìn kẻ đối thoại với mình. Ý kiến này làm chàng bực bội. Nhưng chàng nghĩ rằng người Thổ Nhĩ Kỳ có những lối suy nghĩ và phát biểu riêng của họ. Và giờ này không phải là giờ để cãi nhau. Douglas Stone lấy một con dao mổ từ trong cái hộp ra, chàng mở con dao ra và thử lưỡi dao vào ngón tay trỏ của chàng. Chàng nhấc cái đèn lại gần giường. Từ kẽ hở của khăn che mặt hai con mắt đen láy đang nhìn chàng chằm chằm. Chàng chỉ phân biệt được những lòng đen của cặp mắt và mãi mới nhận ra được con ngươi.
- Ông đã cho bà ấy uống một liều thuốc phiến rất mạnh.
- Vâng, bà ấy đã uống một liều mạnh!
Chàng ngắm nghía một lúe cặp mắt đen này đang nhìn thẳng vào mắt chàng. Chúng lờ đờ không có tia sáng; tuy nhiên cái nhìn của chàng làm nảy ra một tia sáng nhỏ chao đảo và cặp môi rung động. Chàng nói:
- Bà ấy không hoàn toàn mất hết tri giác.
- Làm việc cắt xẻo khi bà ấy không cảm biết gì cả chẳng tốt hơn à?
Nhà giải phẫu cũng có một ý nghĩa như vậy nên chàng dùng một cái kẹp chặt cái môi bị thương. Với hai nhát dao mổ thần tốc chàng cắt xẻo một miếng thịt lớn hình chữ V. Người đàn bà chồm lên thốt ra một tiếng thét rùng rợn. Bà giật miếng mải che mặt ra. Đó là một khuôn mặt chàng quen biết. Mặc dù làn môi trên bị vêu lên và đống bọt dãi lẫn máu đỏ ngầu ở dưới, đúng, đó là một bộ mặt mà chàng quen biết. Bà ta giữ nguyên bàn tay đặt lên chỗ đau và hét lên hoài. Douglas Stone ngồi chỗ cuối giường với cái kẹp và con dao mổ của chàng. Căn phòng quay cuồng xung quanh chàng. Chàng cảm thấy phía sau tai một cái gì như tiếng quần áo bị xé rách. Một người dự khán chắc sẽ nói rằng giữa nàng và chàng thì chàng là người bị tái nhợt hơn. Như là trong một giấc mộng, hoặc như là đang dự một màn kịch, chàng chợt thấy mái tóc và bộ râu của người Thổ Nhĩ Kỳ đặt trên bàn và ngài Sannox đứng tựa vào tường, tay ôm bụng và cười. Ông ta cười không thành tiếng. Những tiếng la hét yếu dần, rồi ngừng hẳn. Lúc này thì bộ mặt Douglas Stone không nhúc nhích; ngài Sannox còn cười sằng sặc trong cổ họng.
- Thật ra cuộc cắt xẻo nhỏ nhặt này rất cần thiết cho Marion (tên bà Sannox); - cuối cùng ông ta nói. - Không phải về mặt thể xác, nhưng về mặt tinh thần, ông hiểu chứ? Về mặt tinh thần!...
Douglas Stone cúi mình về phía trước và tay mân mê cái mép của tấm khăn trải giường. Con dao mổ tuột khỏi bàn tay chàng, nó rơi keng một tiếng lớn trên nền nhà.
- Đã từ lâu rồi tôi có ý định nêu một tấm gương nhỏ, - ngài Sannox nói một cách ngọt ngào. - Mảnh giấy của ông hôm thứ tư đã đưa lầm người nhận và tôi đang giữ nó trong ví đây. Để thi hành ý định này tôi cũng phải đôi chút cực nhọc... Nói về vết thương: tôi đã gây ra vết thương đó với nhà nữ hiệp sĩ của tôi. Không có gì nguy hiểm cả, như ông đã thấy...
Ông ta ném một cái nhìn bén nhọn vào người bạn vẫn ngồi yên lặng của ông, rồi ông ta nạp đạn khẩu súng lục nhỏ mà ông có trong túi áo ngoài của ông. Nhưng Douglas Stone đang nhai tấm khăn trải giường.
- Tóm lại ông đã trung thành với buổi hẹn! - Ngài Sannox lẩm bẩm.
Chính câu nói này đã làm bật thành tiếng cười của Douglas Stone. Chàng đi ra với một tiếng cười vang dội, không chấn dứt được. Ngài Sannox thì không cười nữa. Một thứ kinh hoàng đã làm rắn rỏi và rõ rệt dáng điệu của ông. Ông rón rén đi ra khỏi phòng. Người đàn bà già đợi ở ngoài cửa.
- Hãy săn sóc bà chủ của bà khi bà ấy thức dậy! - Ngài Sannox ra lệnh.
Rồi ông đi ra ngoài phố. Chiếc xe vẫn còn ở đó. Người đánh xe đưa một bàn tay lên ngang mũ của anh ta. Ngài Sannox nói:
- John! Trước hết anh hãy đưa bác sĩ về nhà ông ấy. Ông ấy sẽ cần có người đỡ khi đi xuống cầu thang, tôi nghĩ vậy. Anh nói với viên quản gia của ông ấy rằng ông ấy bị khó chịu trong một cuộc giải phẫu.
- Thưa ngài, vâng.
- Rồi anh sẽ đưa phu nhân Sannox về nhà.
- Còn ngài...
- À, trong một vài tháng địa chỉ của tôi sẽ là Khách sạn Di Roma ở Venise! Hãy bảo họ gửi thư từ theo tôi. Và nói với Steven là thứ hai sau phải tổ chức cuộc triển lãm các hoa cúc đỏ. Hắn sẽ đánh điện cho tôi rõ về kết quả cuộc triển lãm nhé.
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

**Lô số 249**

(Lot No 249)

Về những hành động của Edward Bellingham chống lại William Monkhouse Lee, và về lý do của sự hoảng sợ lớn lao của Abercrombie Smith, thật là khó mà đưa ra một sự phán đoán dứt khoát, chắc chắn là chúng ta đã có được sự tường thuật rõ ràng và đầy đủ của chính ông Smith, điều mà Thomas Styles, tên đầy tớ cha bề trên Plumptree Peterson hội viên của nghiệp đoàn trường Đại học, và nhiều nhân chứng khác của vụ này, vụ nọ đã làm cho vững chắc thêm. Tuy nhiên câu chuyện chỉ dựa trên một mình Smith thôi, và hình như nhiều người lại muốn nghĩ rằng một bộ óc mặc dù bề ngoài thì có vẻ lành mạnh cũng sẽ thấy bực bội về một sự phiền nhiễu nhỏ nhặt, hơn là chịu chấp nhận rằng tiến trình bình thường của tạo hóa có thể bị đảo lộn tại một trung tâm của khoa học và ánh sáng như Đại học Oxford này. Nhưng khi ta ngẫm nghĩ về những khúc quanh co và về sự hẹp hòi của cái tiến trình bình thường ấy của tạo hóa, về nỗi khó khăn mà ta trải qua để truy tìm nó bất kể mọi sự soi sáng của khoa học, và về các khá năng lớn lao, khủng khiếp phát sinh một cách hỗn độn từ các khoảng tối tăm bao quanh nó, người ta phải rất dũng cảm, ngay cả rất liều lĩnh nữa, để đặt ra một giới hạn ở những con đường quanh co mà trí tuệ của nhân loại có thể đi qua.
Trong một chái nhà ở nơi mà chúng ta sẽ gọi là Vieux College tại Oxford, có một cái tháp rất cũ kỹ. Cái vòm nặng nề nằm trên cái cửa mở ngỏ đã oằn xuống ở quãng giữa dưới sức nặng của những tháng năm. Những tảng đá xám, bám đầy rêu được ghép lại với nhau bởi những cây trường xuân và những nhánh liễu giống như có một bà mẹ già đã thận trọng đưa chúng ra thử thách với gió, mưa. Phía sau cái cửa là một cầu thang bằng đá leo cuốn vòng tròn lên tới tầng thứ ba; những phiến đá lát của nó đã bị khoét trũng xuống và trở thành xấu xí dưới những bước chân của nhiều thế hệ những người đi tìm kiến thức. Cuộc sống đã lan tràn ra như nước chảy dọc theo cái cầu thang xoáy trôn ốc này, và cũng như nước, nó đã để lại những rãnh mòn nhẵn nhụi. Từ những cậu học sinh đóng bộ chỉnh tề với chiếc áo dài lệt bệt thời Plantagenet cho tới những chàng sinh viên mặc đồng phục trong những năm vừa qua, một làn sóng mạnh mẽ của tuổi trẻ nước Anh đã chảy qua nơi đây. Và bây giờ còn lại những gì của tất cả những hy vọng dó, những cố gắng đó những nghị lực kinh khủng đó, nếu không phải là một vài dòng chữ trên tấm mộ bia hoặc một nắm bụi trong một quan tài nằm lây lất nơi nghĩa địa? Nhưng cái cầu thang thầm lặng và bức tường già nua xám xịt còn được trang hoàng bằng các huy hiệu thì vẫn tồn tại mãi;
Vào tháng 5 năm 1884, có ba chàng thanh niên chiếm ngụ ba căn hộ nằm trên ba đầu cầu thang. Mỗi căn chỉ có một phòng khách nhỏ và một phòng ngủ. Ở tầng trệt, những phòng nằm dưới ba căn hộ đó được sử dụng theo cách một phòng như là hầm đựng than củi, một phòng khác làm chỗ ở cho đầy tớ. Thomas Styles đã làm việc cho ba chàng sinh viên cư ngụ ở bên trên đầu y. Ở bên phải và bên trái là một dãy phòng lớp học và văn phòng, quá tốt để cho những người ở thuê cái tháp cũ kỹ tận dụng được một sự cô quạnh, rất quý giá cho những chàng trai chăm chỉ học hành. Mà ba người cư ngụ hồi đó là những người rất chăm chỉ học hành: Abercrombie Smith ở tầng thứ ba, Edward Bellingham ở dưới, và William Monkhouse Lee ở tầng thứ nhất.
Đã mười giờ tối. Trời đêm sáng sủa Abercrombie Smith ngồi lọt thỏm trong ghế bành, hai chân để lên khung che lò sưởi miệng ngậm ống píp. Trong cái ghế bành thứ hai, cũng được kê một cách không kém phần thoải mái, người bạn lâu năm Jephro Hastie của anh ngồi uể oải ở phía bên kia lò sưởi. Cả hai người đều mặc quần áo nỉ, vì họ đã chơi cả buổi tối trên sông; tuy nhiên chỉ cần nhìn bộ mặt tỉnh táo với những nét cứng cỏi của họ cũng đoán được rằng họ yêu thích không khí bao la với tất cả những gì là khang kiện và cường tráng. Hastie là trưởng nhóm bơi lội ở trường cao đẳng của anh; Smith là người chèo thuyền còn giỏi hơn, nhưng viễn ảnh đen tối của một kỳ thi sắp tới đã tạm thời cầm chân anh ở nhà, ngoại trừ mỗi tuần vài giờ do sự đòi hỏi của sức khỏe. Một đống sách y khoa trên bàn, những mẩu xương rải rác, những cái khuôn đúc, những bản khắc mô hình cơ thể cho thấy tính chất các môn học của anh. Phía trên lò sưởi một cặp gậy và những găng đánh bốc chỉ rõ bằng cách nào, với sự trợ giúp của Hastie, anh đã giữ được thân hình khỏe mạnh. Họ đã hiểu biết nhau rất nhiều: nhiều đến nỗi họ có thể ngồi yên một cách thanh thản không nói năng gì với nhau, đây là một mức độ cao trong tình bạn bè.
- Một chút whisky nhé! - Sau cùng, Abercrombie Smith đưa đề nghị ra giữa hai làn khói thuốc lá - Rượu scoth thì ở trong bình, còn rượu Irland thì ở trong chai.
- Không, cảm ơn. Tôi đang tập chèo thuyền. Tôi không uống rượu khi tập luyện. Còn anh?
- Tôi làm việc cực nhọc. Tôi nghĩ không nên gây ra những sự hỗn tạp.
Hastie gật đầu đồng ý. Họ lại chìm vào một sự yên lặng thoải mái.
Sau đó một lát, Hastie hỏi:
- Smith này, hãy nói đi, anh có quen với hai anh chàng ở phía dưới cầu thang của anh không?
- Khi chúng tôi gặp nhau thì chỉ gật đầu chào. Khô ng nói gì hơn cả.
- Hừ! Ở địa vị anh tôi sẽ ngừng lại ở đó! Tôi có biết đôi chút về cả hai người đó. Không biết nhiều lắm, nhưng cũng đủ đối với sở thích của tôi; tôi không nghĩ rằng nếu tôi ở đây tôi sẽ thân thiết ngay với họ. Không phải vì cái tính xấu ở anh chàng Monkhouse Lee.
- Anh chàng gầy còm hả?
- Phải. Một anh chàng bé nhỏ có vẻ khá lịch sự. Tôi không nghĩ rằng chính bản thân anh ta xấu. Chỉ cố một điều là anh không thể lui tới nhà anh ấy mà đồng thời không lui tới nhà Bellingham.
- Anh chàng to lớn hả?
- Phả. Anh chàng to lớn đó. Và hắn ta là loại người mà tôi không thích giao du.
Abercrombie Smith nhướng cặp lông mày lên và ném một cái nhìn chăm chú vào người bạn.
- Tại sao vậy? - Anh hỏi - Hắn uống rượu à? Hắn chơi bài bạc à? Hắn có máu vô lại à? Thường khi anh không hay phán xét nghiêm khắc cơ mà!
- A, tôi thấy rõ là anh không biết hắn rồi. Nếu anh biết rõ hắn, thì anh đã không hỏi tôi tại sao. Ở hắn có đủ những gì gớm ghiếc; những gì đê tiện làm cho tôi ghê tởm. Tôi coi hắn như một kẻ có những tật xấu được che giấu, một kẻ trụy lạc. Tuy nhiên, hắn không ngu ngốc. Người ta nói rằng trong bộ môn của hắn thì hắn là một trong những phần tử tài giỏi nhất mà trường cao đẳng đã từng biết tới.
- Y khoa hay văn học cổ điển?
- Ngôn ngữ Đông phương. Hắn thật đáng sợ! Mới đây Chilling Worth đã gặp hắn tại một nơi nào đó bên trên thác nước số hai; anh ấy kể lại với tôi rằng hắn đã nói chuyện con cà con kê với những người Ả Rập như thể hắn đã được sinh ra ở vùng đó. Hắn nói tiếng Coptes với người Coptes, tiếng Héfreux với người Héfreux, tiếng Ả Rập với người Bédouins, họ sẵn sàng cúi hôn vạt áo dài của hắn. Có một vài nhà ẩn sĩ ngồi trên các mỏm đá, họ thường có thói cười ngạo đời, gắt gỏng và nhổ nước bọt xuống đất khi nhìn thấy một người lạ mặt. Vậy mà khi Bellingham chưa nói với họ hết năm tiếng, họ đã nằm sấp xuống và xun xoe trước mặt hắn! Chilling Worth xác nhận với tôi rằng, anh ấy chưa từng thấy một chuyện như vậy bao giờ. Bellingham có vẻ rất thoải mái; hắn có dáng điệu một người đang hành xử một quyền lực tự nhiên của mình; hắn ung dung đi lại ở giữa bọn họ và giảng huấn lý cho họ. Không có gì là tệ hại cho một sinh viên Oxford phải không?
- Tại sao anh lại nói rằng người ta không thể tới thăm Lee mà không tới thăm Bellingham được?
- Bởi vì Bellingham đã đính hôn với em gái của Lee. Smith này, phải nói rằng Eveline là một thiếu nữ rất xinh đẹp Tôi biết rất rõ tất cả gia đình này. Thật là đáng chán khi nhìn thấy cô ấy đi với anh chàng thô lỗ ấy? Một con cóc và một con bồ câu, họ giống hệt như vậy đó.
Abercrombie cười mỉm và gõ cái píp vào lò sưởi để đổ ra hết tro ở trong.
- Anh bạn già ơi, anh bày thêm chuyện rồi đó! - anh nói với người bạn. - Anh là một vị quan tòa mới thiên vị làm sao! Thực tình anh đâu có gì thù ghét thằng cha đó, ngoại trừ việc này.
- Anh muốn nói gì? Tôi biết cô ấy từ khi cô ấy chưa lớn bằng cái píp của anh, và tôi không muốn thấy cô ấy gặp những sự rủi ro, và cô ấy đang gặp rủi ro đó. Hắn có điệu bộ một con thú hoang dã. Và hắn có một tính tình man rợ, một tính cách độc địa. Anh có nhớ vụ cãi cọ của hắn với Long Norton không?
- Không. Anh luôn luôn quên rằng tôi là một người mới tới đây.
- Đúng vậy. Câu chuyện trở ngược lại mùa đông năm ngoái. Chắc chắn thế! Anh biết con đường để kéo thuyền ở gần sông không? Có nhiều cậu trai dạo chơi ở đó. Dẫn đầu là Bellingham. Họ gặp một bà già hiền lành bán hàng ở chợ. Trời thì mưa, và hẳn anh đã biết khi trời mưa thì những cánh đồng trông giống cái gì rồi. Con đường chạy ở giữa con sông và một cái ao lớn cũng rộng gần bằng con sông. Này, anh có biết cái thằng con lợn đó làm gì không? Hắn không cần bận tâm hắn cứ tiếp tục đi thẳng, và hắn đã đẩy bà già hiền lành xuống bùn làm bà ấy bị bẩn bê bết, cả hàng hóa của bà. Đó là cách cư xử của cầm thú! Tuy nhiên Long Norton là người hiền lành nhất trong đám đó, đã nói thẳng với hắn những điều anh ấy nghĩ. Lời qua tiếng lại một lát, và kết cục là Norton đã quật cho hắn một gậy rất đau vào giữa hai bả vai. Vụ này được loan truyền khắp nơi, và không có gì buồn cười hơn là nhìn cái đầu của Bellingham khi hắn gặp Norton. Trời ơi, anh Smith, sắp mười một giờ rồi...
- Không có gì phải vội vã! Hãy châm một píp nữa đi
- Không. Theo nguyên tắc thì tôi đang ở thời kỳ tập luyện. Vậy mà tôi còn ngồi đây nói lung tung thay vì đã nằm trên giường rồi Tôi muốn mượn cái sọ người của anh, nếu anh chưa dùng tới. Williams đã lấy cái của tôi từ một tháng nay. Và tôi cũng sẽ mang đi những mẩu xương con ở tai, nếu anh đoan chắc với tôi là anh không cần đến chúng. Cám ơn. Không, lại không có túi xách? Tôi sẽ dư sức cắt chúng trong cánh tay. Ngủ ngon nhé cậu trai của tôi? Và hãy theo lời khuyên của tôi về vấn đề gã hàng xóm của anh.
Khi Hastie đã có đủ chiến lợi phẩm về giải phẫu học, bước ra khỏi phòng, Abercrombie Smith ném cái píp vào giỏ giấy vụn; kéo ghế bành lại gần ngọn đèn, rồi chúi đầu vào một quyển sách đồ sộ bìa xanh, có in những họa đồ lớn tô màu trưng ra cái vương quốc, xa lạ và thân cận mà chúng ta là những nhà vua bất hạnh. Anh đúng là một người mới ở Oxford, anh không phải là người mới bước chân vào ngành y; trong bốn năm, anh đã làm việc ở Glasgow và ở Berlin, và kỳ thi sắp tới phải cho phép anh giật được mảnh bằng. Với đôi môi cương nghị, vầng trán cao, dáng điệu cẩn trọng, anh tự chứng tỏ là phải trở thành một người, dù không có các tài năng lỗi lạc, thì cũng có đầy đủ sự bền bỉ, sự kiên nhẫn và sức mạnh để có thể vượt trội người khác. Người nào đã biết chút ít về anh giữa những sinh viên Tô Cách Lan và sinh viên miền bắc Đức đều hiểu, tất cả bọn họ không phải là những kẻ coi thường được! Smith đã để lại ở Glasgow và ở Berlin một danh tiếng tuyệt hảo; anh biết rất rõ rằng anh cũng đáng được tiếng tăm như vậy ở Oxford vì sự tận lực làm việc và tôn trọng kỷ luật.
Anh đã đọc từ khoảng một giờ đồng hồ, khi bỗng nhiên anh nghe thấy một tiếng kỳ quái; một tiếng động chói tai, chát chúa; một tiếng gì giống như tiếng hít vào rít lên của một người đang thở khi bị xúc động mạnh. Smith để sách xuống và lắng tai nghe. Vì không có một ai ở bên cạnh hay ở phía trên anh, chắc chắn là tiếng động đã tới từ người láng giềng phía dưới của anh, chàng sinh viên mà Hastie đã phác họa một hình ảnh chẳng tốt đẹp chút nào. Smith chỉ biết anh ta dưới bộ mặt một chàng trai xanh xao, yếu đuối có thói quen sống yên lặng và chăm chỉ làm việc, và ngọn đèn của anh ta thường chiếu ra một vạch vàng trên cái tháp cổ xưa ngay cả sau khỉ anh đã tắt ngọn đèn của anh. Sự cảm thông trong những đêm thức khuya kéo dài này đã tạo ra giữa họ một thứ liên hệ bí mật. Khi những giờ đã trôi qua gần tới rạng đông, Smith thích cảm thấy rằng ngay ở gần bên, một sinh viên khác cũng coi khinh giấc ngủ như anh. Và đúng vào lúc đó, khi mà các ý nghĩ của anh đều hướng về người bạn láng giềng một cách ngoài ý muốn, anh chỉ cảm thấy những tình cảm tốt đẹp. Hastie là một chàng trai dũng cảm, nhưng thô lỗ, rất khỏe mạnh và không có óc tưởng tượng cũng như sự thông cảm. Anh ta không thể chịu đựng được một người không được đào tạo theo cái mẫu mực cường tráng mà anh ta đã dứt khoát chọn lựa. Nếu người nào không thể được đo lường theo các tiêu chuẩn này, thì nhất định là người đó sẽ chuốc lấy sự ác cảm của Hastie. Giống như nhiều chàng trai khỏe mạnh về thể chất, anh ta tỏ ra lầm lẫn cấu trúc của cơ thể với tính tình, anh ta không ngần ngại gì để gán tội vô nguyên tắc cho một việc khi việc đó chỉ là một lỗi nhỏ. Smith có tinh thần cởi mở hơn: anh biết cái bệnh của bạn anh và anh thể tất nó.
Vì tiếng động kỳ quái đó không tiếp diễn nữa, Smith đang sắp cầm lấy quyển sách, thì bỗng nhiên lại một tiếng rên rỉ khô khan một tiếng kêu thực sự chọc thủng sự yên tĩnh của màn đêm. Đó là tiếng gọi của một người bị khích động và đau đớn vượt khỏi sự kiềm chế. Smith chồm ra khỏi ghế bành bỏ quyển sách xuống. Mặc dù anh có bộ thần kinh vững vàng, tiếng kêu khủng khiếp đột ngột đó cũng làm máu anh lạnh toát như băng và làm anh nổi da gà. Được phát ra trong một nơi như thế này? Và sao một giờ như thế này? Nó đã gieo vào đầu óc anh hàng ngàn giả thuyết kỳ quái. Anh có nên chạy ngay xuống bên dưới không, hay là hãy đợi xem sao? Cũng như tất cả các đồng bào của anh, anh ghét việc làm cho mọi người chú ý hay tự đề cao mình, và anh biết rất ít về người hàng xóm nên anh không có ý định xen lấn vào công việc của hắn một cách khinh suất. Anh đắn đo trong một khoảnh khắc; nhưng những bước chân mau lẹ đã vang lên trong cầu thang, và chàng thanh niên Monkhouse Lee, nửa mình để trần, mặt mày tái mét, chạy xộc vào phòng anh.
“Xuống đi?” anh ta lắp bắp nói. “Bellingham bị bệnh!” Abercrombic Smith đi theo anh ta tới tận căn phòng khách nhỏ nằm ngay phía dưới phòng khách của anh, dù dã dồn hết tâm trí vào sự việc xảy ra, anh cũng không thể kiềm chế được việc ném một cái nhìn kinh ngạc quanh mình khi anh bước qua bậc cửa. Đó là một căn phòng hình như chưa bao giờ anh nhìn thấy trước đây: một viện bảo tàng hơn là một phòng làm việc. Các bác tường và trần nhà gần như được toàn bộ che phủ bằng hằng hà sa số những thành tích kỳ lạ xuất xứ từ Ai Cập và Đông phương. Những bóng ma cao lớn mang những gánh nặng hay những khí giới treo một cách ngạo nghễ trên một tấm vải thô chạy vòng quanh căn phòng. Phía. trên, được chạm vào trong đá là những cái đầu bò rừng, đầu hạc, đầu cú mèo, cùng với các pho tượng những vua chúa có những con mắt hạt hạch nhân, trên đầu quấn những con rắn độc và những vị thần kỳ quái trông giống như những con giáp trùng đẽo bằng ngọc bích Ai Cập. Horus, Isis và Osins đang ngồi ngắm nghía căn phòng khách có nhiều hốc trong tường và tất cả những cái kệ, ngang trần nhà, một đứa con chính thống của sông Nu cổ đại, con cá sấu lớn với cái miệng há rộng, được treo lủng lẳng bằng một nút dây kép.
Ở giữa căn phòng không tầm thường này, có một cái bàn vuông lớn rải rác những giấy tờ, chai lọ và những lá khô của một loại cây cọ rất đẹp, những vật linh tinh này đã bị đẩy ra thành từng đống lộn xộn để lấy chỗ đặt một cái thùng xác ướp được lấy ra từ trong bức tường (đúng như khoảng trống nó để lại trong tường đã chứng thực điều này), và nó được đặt nằm ngang qua cái bàn. Về phần cái xác ướp, thì nó là một vật khủng khiếp, đen xì và khô héo, chìa ra một cái đầu xám như than trên một cái cây nhỏ đầy mấu đốt, một nửa thân hình nó thòi ra bên ngoài cái thùng; một cái bàn tay trong giống như một cái kìm và một cánh tay xương xấu nằm trên bàn. Một cuộn giấy bằng lá chỉ thảo được dựng tựa vào cái quan tài; phía trước cuộn giấy, người chủ căn phòng dang ngồi trong một cái ghế bành gỗ, đầu anh ta ngả về phía sau; hai mắt mở lớn nhìn dán chặt vào con cá sấu; cặp môi xanh tái và run rẩy một cách nặng nề theo từng hơi thở.
- Trời ơi! Anh ấy chết mất! - Monkhouse sợ hãi kêu lên.
Monkhouse Lee là một chàng trai mảnh khảnh có cặp mắt đen và nước da xanh tái; anh ta có cốt cách Tây Ban Nha hơn là cốt cách Anh Cát Lợi; tính tình cởi mở của người Celtes ở anh trái nghịch lại với tính lạnh lùng của dân Saxon ở Abercrombie Smith.
- Tôi nghĩ rằng đây chỉ là sự ngất xỉu đi thôi - anh sinh viên y khoa trả lời - Hãy giúp tôi một tay. Nắm lấy hai chân anh ấy. Bây giờ chúng ta hãy đặt anh ấy nằm lên trên ghế dài. Anh có thể dẹp hết những dỗ quỷ quái lắt nhắt bằng gỗ ra khỏi cái ghế dài được không? Thật là bừa bãi! Kia kìa? Nêu ta cởi cúc áo ở cổ anh ấy ra và cho anh ấy uống một ít nước thì sẽ rất tốt đó Điều gì xảy ra cho anh ấy thế?
- Tôi không biết một tý gì cả. Tôi nghe tiếng anh ấy kêu to, tôi chạy ngay lên. Tôi quen biết anh ấy lắm, anh hiểu chứ? Anh thật quá tốt bụng khi đi xuống đây.
- Tim anh ấy đập như một cái lục lạc ấy - Smith nói sau khi để tay lên ngực Bellingham khi anh này vẫn còn bất tỉnh - Người ta sẽ nói rằng anh ấy bị quá hoảng sợ. Giội nước lên người anh ấy đi. Bộ mặt anh ấy trông mới kỳ cục làm sao!...
Thực sự vẻ mặt Bellingham trông vừa kỳ dị vừa đáng sợ, cả về thần sắc lần về dáng điệu. Nó trắng bệch, không phải sự tái xanh thông thường do sự sợ hãi gây ra, mà là sự trắng bệch, hoàn toàn không có màu sắc ở bụng một vài loại cá. Anh ta khá mập, nhưng cho ta ấn tượng là trước đây anh ta còn mập hơn nhiều, vì da anh ta lõng thõng thành những nếp và vết hằn ngang dọc. Mái tóc nâu để kiểu bàn chải dựng đứng lởm chởm trên đầu, trong đôi mắt màu xám vẫn mở trừng trừng, các đồng tử giãn căng ra, sự chăm chú của cái nhìn trông thật khủng khiếp. Smith cúi xuống trên người anh ta, tự nhủ thầm là anh chưa bao giờ nhìn thấy rõ ràng như thế này những tín hiệu của sự khủng khiếp trên diện mạo một con người; ngay tức thì anh nhớ lại với ít hoài nghi hơn lời cảnh báo của Hastie.
Anh hỏi:
- Vậy thì điều gì đã làm cho anh ấy kinh hoàng tới mức độ này?
- Cái xác ướp
- Xác ướp à? Tại sao như vậy?
- Tôi không biết. Nó hôi thối và gây bệnh hoạn, lẽ ra tôi đã muốn cho anh ấy quăng nó đi. Đây là lần thứ nhì anh ta làm cho tôi kinh sợ. Mùa đông năm ngoái cũng một lần như thế này. Tôi đã thấy anh ta đúng hệt như hôm nay, với cái vật đáng ghét này để trước mặt anh ta.
- Vậy anh ấy tìm kiếm cái gì ở cái xác ướp?
- Ồ, thật là một kẻ cuồng dại Một kẻ cuồng dại về xác ướp. Anh ấy hiểu biết về các xác ướp nhiều hơn là bất kỳ một người dân Anh nào hiện đang còn sống. Nhưng tôi thì tôi mong rằng anh ấy nên biết ít hơn về những thứ đó. A, anh ấy tỉnh lại rồi kìa!
Những màu sắc mờ nhạt bắt đầu nhuốm ứng đôi gò má tái mét của Bellingham; mí mắt anh ta nhấp nháy; anh ta nắm chặt bàn tay lại và lại duỗi bàn tay ra, hít một hơi dài không khí qua kẽ răng, rồi đột nhiên ngẩng đầu lên và đưa mắt nhìn quanh một cái nhìn dò xét Khi mắt anh nhìn tới cái xác ướp, anh đứng phắt dậy, cầm lấy cuộn chỉ thảo, quẳng nó vào một ngăn kéo và khóa nó lại, rồi lảo đảo quay trở lại cái ghế dài.
Anh ta hỏi:
- Chuyện gì đã xảy ra? Các bạn muốn gì ở tôi vậy?
- Anh đã kêu lớn và làm ồn ào quá - Monkhouse Lee đáp lại - Nếu ông bạn hàng xóm của chúng ta ở tầng trên không đi xuống, thì tôi tự hỏi là một mình tôi sẽ làm được việc gì đây.
- À, đây là Abercrombie Smith! - Bellingham nhìn anh và nói - Thật là anh đã tử tế quá khi tới đây! Tôi là một thằng ngốc thật! Trời ơi, sao mà tôi ngu ngốc thế!
Anh ta gục đầu vào hai bàn tay và bật lên mọt tiếng cười điên dại không còn ngưng được nữa.
- Coi chừng đó! Dừng lại! - Smith quát to và nắm lấy vai anh ta lắc mạnh - Các dây thần kinh của anh bị hoàn toàn rối loạn rồi. Anh phải vứt bỏ những trò chơi nhỏ nhặt về nửa đêm với những cái xác ướp đi nếu không anh sẽ mất trí đó. Lúc này anh là một cục pin điện đó.
Bellingham trả lời:
- Tôi không nghĩ rằng anh cũng sẽ bình tĩnh được như tôi nếu anh trông thấy...
- Cái gì vậy?
- À, không có gì cả! Tôi chỉ muốn nói rằng tôi không tin là anh có thể ngồi suốt một buổi tối với một cái xác ướp mà các dây thần kinh không bị nôn nao. Anh nói rất đúng, trong thời gian gần đây tôi đã làm việc quá nhiều. Nhưng tôi cảm thấy đã hoàn toàn bình phục. Xin hãy đợi vài phút, và tôi sẽ trở lại như thường.
- Căn phòng có mùi khó chịu quá - Lee đưa ra nhận xét và anh đi mở cửa sổ để cho không khí mát mẻ ban đêm lùa vào.
- Đó là chất nhựa thơm...
Bellingham giơ lên một chiếc lá khô và làm nó quăn lại trên miệng cái đèn. Nó biến thành những cuộn khói dày đặc; một mùi hăng khó chịu tràn ngập căn phòng.
- Đó là thứ cây linh không thứ cây của các vị thầy tu - anh ta giải thích - Anh Smith, anh có biết gì về các ngôn ngữ Đông phương không?
- Không biết gì hết. Không biết một chữ.
Câu trả lời có vẻ làm cho nhà Ai Cập học thấy nhẹ nhõm. Anh hỏi:
- Về chuyện này, từ lúc cái anh chạy vào tới lúc tôi tỉnh lại có lâu không?
- Không lâu. Khoảng bốn hay năm phút
- Hình như tôi thấy rằng tôi đã không bị bất tỉnh lâu hơn! - anh vừa nói vừa hít vào một hơi dài - nhưng sự ngất xỉu thật là một điều kỳ lạ! Không có cách nào để đo lường thời gian của nó. Theo các cảm giác của riêng tôi, tôi không tài nào nói chắc được là tôi đã bị ngất đi trong vài giây hay vài tuần lễ. Cái ông khách nằm trên bàn kia đã được tẩm liệm đã bốn mươi thế kỷ rồi; nếu ông ấy lại nói được, ông ấy sẽ bảo chúng ta rằng cái khoảng thời gian này chỉ thoảng qua như thời gian mà ta cần có để nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra. Đó là mộ t xác ướp tuyệt đẹp, anh Smith ạ!...
Smith lại gần cái bàn và nhìn cái hình thù đen đúa và cong queo bằng con mắt của nhà chuyên môn. Bộ mặt tuy đã bị mất màu sắc một cách khủng khiếp nhưng vẫn còn nguyên vẹn; hai nhãn cầu nhỏ bé còn nằm trong hốc sâu của những lỗ mắt đen ngòm. Cái cằm có vân như cẩm thạch bị kéo vẹo sang một bên, và những sợi tóc to và đen rủ xuống hai tai. Hai chiếc răng nhỏ như răng chuột phủ lên cái môi dưới đã teo lại. Trong tư thế ngồi xổm, với những khớp xương cong lại và cái đầu nghểnh về phía trước, cái vật khủng khiếp này tỏa ra một cảm giác về khí lực làm đảo lộn tinh thần của Smith. Những cái xương sườn hằn rõ như dược bọc bởi một cái vỏ bằng da thuộc, cũng như cái bụng màu xám chì, bị rạch theo chiều dài bởi người ướp xác; nhưng hai chân thì vẫn còn được quấn các băng vải vàng. Những lá đinh hương, những mảnh vụn nhựa mật nhi lạp và trái ba đậu còn rải rác trên cái xác hoặc vương vãi bên trong cái hòm.
- Tôi không biết tên hắn, - Bellingham nói trong lúc đưa bàn tay lên cái trán nhăn nheo của anh - Các anh nhìn đấy: tôi thiếu mất cỗ quách bên ngoài cùng với những chữ ghi chép của nó. Lô số 249, đó là tất cả danh hiệu của hắn hiện nay. Hãy dọc chữ này trên cái hòm. Đó là con số hắn mang trong cuộc bán đấu giá mà tôi đã mua được.
Abercrombie Smith nói:
- Lúc sinh thời, chắc chắn hắn là một người đàn ông đẹp trai.
- Một anh khổng lồ. Cái xác ướp của hắn đo được hai mét chiều dài; ở nơi đó, hắn phải là một anh khổng lồ vì giống người ở đó đã không được phát triển mấy. Hãy thử sờ vào mấy cái xương lớn quăn queo xem. Không ai dại dột mà trêu chọc hắn.
- Có thể là những bàn tay này đã góp sức vào việc xây dựng các ngôi Kim tự Tháp chăng? - Monkhouse Lee góp ý trong khi ngắm nghía những bàn tay với sự kinh tởm.
- Chớ nên tin gì vào việc đó! Anh chàng nay đã được ướp một cách kỹ càng trong một kiểu cách tốt nhất. Người ta không đối xử tử tế như vậy với những anh thợ nề tập sự đâu. Muối hoặc dầu hắc cũng là quá tốt rồi. Người ta đã tính là cái thứ công việc vớ vẩn phải tốn vào khoảng 730 bảng tiền của chúng ta. Ít nhất anh bạn của chúng ta cũng là một nhà quý tộc. Anh Smith, anh nghì thế nào về cái dòng chữ nhỏ ở gần hai bàn chân hắn?
- Tôi đã nói với anh là tôi không biết một thứ ngôn ngữ Đông phương nào mà.
- À phải! Đó là tên của người ướp ít nhất tôi cũng giả thiết là vậy. Ông ta phải là một nghệ nhân rất có lương tâm nghề nghiệp. Tôi đã tự hỏi rằng liệu có bao nhiêu tác phẩm nghệ thuật hiện dại sẽ tồn tại được bốn ngàn năm!...
Anh ta tiếp tục nói với vẻ giễu cợt, nhưng Abercrombne Smith nhận thấy anh ta vẫn còn run rẩy vì sợ hãi. Tay anh ta có những cử động thiếu tự chủ, môi dưới của anh ta run run và mắt anh ta lúc nào. cũng nhìn vào người bạn gớm ghiếc của mình! Tuy nhiên, bất kể nỗi sợ sệt anh ta vẫn có một vẻ đắc thắng trong giọng nói và trong thái độ. Mắt anh ta sáng ngời, bước chân nhanh nhẹn và khinh khoái khi đi đi, lại lại trong eăn phòng. Người ta có thể nói đó là một người vừa trải qua một cuộc thử thách phũ phàng, còn mang các dấu vết của cuộc thử thách, nhưng đã đạt được mục đích của mình.
- Anh không bỏ đi đấy chứ? - anh ta kêu lên khi Smith từ ghế dài đứng lên.
Trước viễn ảnh đơn độc, những mối lo sợ hình như lại tấn công anh ba và anh ta vươn tay ra như thể giữ Smith ở lại.
- Đúng, tôi phải đi đây. Công việc đang đợi tôi. Anh đã hồi phục rất khá rồi. Tôi nghĩ rằng với hệ thần kinh của anh, anh nên chuyên tâm vào những môn học ít bệnh hoạn hơn. – Ô, thông thường tôi không bao giờ bị suy yếu cả? Và tôi đã từng tháo vải bọc cho nhiều xác ướp mà.
- Lần trước anh cũng đã bị ngất xỉu - Monkhouse Lee đưa ra lời lưu ý.
- À, phải! Này, tôi sẽ phải dùng một liều thuốc bổ cho các dây thần kinh. Anh không bỏ đi chứ, anh Lee?
- Tôi sẽ làm theo ý anh muốn, Ned ạ.
- Vậy thì tôi sẽ xuống phòng anh, và tôi sẽ ngủ trên cái ghế dài của anh. Chúc ngủ ngon nhé Smith. Tôi rất buồn vì đã làm phiền anh với những trò ngu ngốc của tôi.
Họ bắt tay nhau; chàng sinh viên y khoa leo mỗi bước bốn bậc thang để trở về phòng của mình, anh nghe thấy tiếng hai người bạn đi xuống phía căn hộ ở tầng thứ nhất.
Đó là lý do tại sao Edward Bellingham và Abercrombie đã làm quen với nhau, chàng sinh viên y khoa không có ý định gắn bó xa hơn nữa, nhưng Bellingham có vẻ như say mê anh hàng xóm; anh ta đã có những cử chỉ mở đầu một cách thân thiện quá đến nỗi chỉ một kẻ thật sự thô lỗ mới dám khước từ. Đã hai lần anh ta tới phòng Smith để cảm ơn về sự giúp đỡ; rồi sau đó anh ta gõ cửa để mang tới cho anh các sách, báo và mọi thứ lặt vặt mà hai anh hàng xóm độc thân có thể tặng, biếu cho nhau. Smith đã phát hiện ra ngay là anh ta đọc rất nhiều, anh ta có một trí nhớ phi thường. Lối cư xử của anh ta rất khả ái, rất dịu dàng khiến cho sau một thời gian nào đó người ta quên đi cái diện mạo thể chất ít gây được cảm tình của anh ta. Phải làm việc quá sức như Smith, mà anh cũng không thấy anh ta gây khó chịu chút nào; anh đã mau chóng có thói quen về các cuộc thăm viếng của anh ta, và khi có cơ hội anh cũng tới thăm anh ta.
Bellingham đúng là một người thông minh không ai chối cãi được tuy nhiên Smith đã phát hiện ở anh ta một đôi chút khùng điên, ít nhất cũng ở bề ngoài. Đôi khi anh ta có những lúc nói năng lưu loát, khoa trương trái ngược hẳn với sự giản dị trong lối sống.
Anh ta kêu lên:
- Thật là một điều kỳ thú khi cảm thấy rằng ta có thể sai khiến được các quyền lực của điều thiện và điều ác rằng ta có thể là một ông thánh cứu nhân, độ thế hay một ác quỷ của sự hận thù!...
Và đối với Monkhouse thì anh ta nói:
-... Lee là một anh chàng dũng cảm, một người lương thiện nhưng anh ấy không có nghị lực, mà cũng không có tham vọng. Anh ấy sẽ không phải là người cộng tác tốt cho người nào muốn lập một sự nghiệp lớn lao. Anh ấy không phải là một người cộng tác tốt với tôi.
Khi nghe những lời như vậy, anh chàng Smith khỏe mạnh chỉ rít ống píp một cách nghiêm trang và nhường cặp chân mày lên và lắc đầu.
Bellingham đã mắc phải một thói quen mà Smith biết là nó biểu lộ một tinh thần suy nhược; anh ta nói liên miên, nói lớn tiếng. Lúc đêm đã khuya, khi không có thể còn khách khứa nào trong phòng anh ta, Smith nghe thấy anh ta nói một mình với một giọng tắc nghẹn trầm xuống gần như tiếng thì thầm, nhưng sự yên lặng ở chung quanh làm cho nghe rõ mồn một. Sự lảm nhảm một mình này làm chàng sinh viên y bực bội quá dện nỗi chàng phải cự nự anh hàng xóm. Bellingham ngượng đỏ mặt trước lời buộc tội và chối phăng là anh ta đã không nói một tiếng nào; thực sự anh ta có vẻ như đang bực bội điều gì đó.
Nếu Abercrombie Smith có những nghi ngờ về thính giác của mình thì anh đã không cần phải đi xa hơn nữa để được xác nhận về sự phát hiện của anh. Tom Styles, gã đầy tớ nhỏ bé nhăn nheo là người đã làm việc từ lâu cho ba người khách trọ của cái tháp, cũng thấy bực bội về cùng một vấn đề này.
- Thưa ông, - một buổi sáng khi đang quét dọn căn phòng phía trên, hắn hỏi - ông có nghĩ rằng ông Bellingham là khỏe mạnh không ạ?
- Khỏe mạnh hả, Styles?
- Vâng, thưa ông. Là đầu óc ông ấy ở tình trạng tốt
- Và tại sao đầu óc ông ấy lại không ở tình trạng tốt hả?
- Thưa ông, tôi thề là tôi không biết gì cả. Từ ít lâu nay ông ấy đã có những chứng cuồng mới. Ông ấy không phải là cùng một con người như ngày trước nữa mặc dù tôi xin được mạn phép nói với ông rằng chưa bao giờ ông ấy hoàn toàn giống như người lịch sự như ông Hastic hoặc như ông vậy. Ông ấy cứ nói chuyện một mình, đó là một điều gì có vẻ đáng sợ. Tôi tự hỏi liệu chuyện đó có làm phiền cho ông không? Thưa ông, tôi không biết nghĩ về ông ấy thế nào đây.
- Anh Styles này, tôi không thấy chuyện đó có liên quan gì tới anh cả.
- Vâng, thưa ông Smith, đó là vì tôi quan tâm tới thôi! Có lẽ đó là một thiên kiến của tô , nhưng tôi không thể tự ngăn cản để khỏi nghĩ tới việc đó. Đôi khi tôi cảm thấy như tôi là cha mẹ của những vị công tử trẻ trung của tôi. Mọi trách nhiệm đều đổ lên đầu tôi khi có các sự việc chẳng tốt lành và khi các vị phụ mẫu tới thăm, nhưng thưa ông Bellingham, ông... Tôi rất muốn biết một đôi khi có ai đó đi trong phòng của ông ấy - lúc ông ấy ra khỏi và lúc cửa được khóa ở phía bên ngoài.
- Vậy hả? Anh nói nhảm nhí rồi Styles ạ!
- Có lẽ là thế, thưa ông. Nhưng chính tai tôi đã nghe tiếng động đó hơn một lần nữa.
- Chuyện tầm phào, Styles ạ!
- Được rồi, thưa ông khi nào ông cần xin bấm chuông gọi tôi.
Abercrombie Smith không mấy để ý tới những lời nói của gã đầy tớ lâu năm, nhưng vài ngày sau đó một sự cố nhỏ đã dể lại cho anh một ấn tượng khó chịu và nhắc nhở với anh những lời nói đó một cách mãnh liệt.
Bellingham đi lên gặp anh vào một giờ đã muộn, anh ta đang kể cho anh nghe những điều rất thú vị về các ngôi mộ của dòng họ Beni Hassan ở Bắc Ai Cập, thì Smith, vốn là người có cặp tai rất thính, nghe thấy rõ ràng tiếng một cánh cửa mở ra ở tầng dưới. Anh nói với Bellingham:
- Có người đi vào hay đi ra khỏi phòng anh.
Anh chàng này đứng phắt dậy và cứ chứng yên hoàn toàn bị bối rối trong vài giây; anh ta có vẻ nửa không tin, nửa kinh hãi.
- Chắc chắn là tôi đã đóng cửa rồi mà. Tôi hoàn toàn tin chắc là tôi đã đóng cửa - anh ta hổn hển nói - không ai có thể mở được nó.
- Này, bây giờ tôi nghe thấy tiếng một người đi lên các bậc thang.
Bellingham chạy vội ra cửa, mở cửa, đóng đánh sầm một tiếng sau lưng anh ta và nhẩy xuống cầu thang. Khoảng giữa chừng, Smith nghe thấy anh ta đứng lại, và anh tưởng như bất chợt nghe thấy tiếng nói thì thầm. Một lát sau cánh cửa của tầng dưới đóng lại, một cái chìa khóa cọt kẹt trong ổ khóa, và Bellingham trán đẫm mồ hôi nhỏ giọt, lại lên cầu thang và đi vào trong phòng.
- Không có chuyện gì cả - anh ta nói và ngồi phịch xuống một cái ghế - Đó là cái con chó ngốc nghếch. Nó đã đẩy cửa ra. Tôi không biết tại sao tôi lại quên không khóa cửa lại.
- Tôi không biết là anh có một con chó, - Smith nói trong khi ngắm nhìn một cách đầy tư lự nét mặt bối rối của người bạn.
- Phải. Tôi đã không nuôi chó từ lâu rồi. Tôi sẽ phải vất nó đi, nó làm tôi phiền phức quá.
- Tôi thấy hình như đóng cửa mà không khóa lại là chưa đủ, phải không?
- Tôi muốn ngăn cản không cho lão Styles để nó chạy ra. Đó là một con vật đắt giá, anh hiểu chứ? Và để mất thì thật là ngốc.
- Tôi là một tay chơi tài tử về chó - Smith nói trong khi tiếp tục vẫn liếc mắt quan sát người bạn của mình - Anh có thể vui lòng cho tôi xem con chó đó được không?
- Dĩ nhiên là được rồi! Nhưng không phải tối nay, xin anh vui lòng. Tôi có một buổi hẹn. Đồng hồ treo của anh chạy có đúng không? Trời ơi, tôi đã bị trễ mất mười lăm phút rồi! Xin anh tha lỗi cho nhé được không?
Anh ta chộp lấy cái mũ và vội vã rời khỏi phòng. Một buổi hẹn à? Smith nghe thấy anh ta trở về phòng và khóa cửa lại ở phía bên trong.
Cuộc nói chuyện này đã gây một cảm tưởng không vui cho chàng sinh viên y khoa. Bellingham đã nói dối anh; và nói dối một cách quá vụng về khiến người ta phải nghĩ rằng có những nguyên do rất cấp thiết để che giấu sự thật. Smith biết chắc chắn là anh hàng xóm này không có chó. Anh cũng biết rằng tiếng bước chân trong cầu thang không phải là tiếng bước chân của một con vật. Trong trường hợp này thì là tiếng bước chân của ai? Smith nhớ lại những diều mà lão Styles đã nói với anh về những tiếng động mà hắn bất chợt nghe thấy trong khi người chủ căn phòng vắng mặt. Có thể là một người đàn bà chăng? Smith nghĩ tới giả thuyết này. Nếu sự hiện diện của một người dàn bà bị các giới chức nhà trường phát hiện thì Bellingham sẽ bị đuổi học ngay lập tức; sự cố có thể xảy ra này có thể giải thích được sự lo lắng và sự dối trá của anh ta. Nhưng không ai có thể nghĩ rằng một sinh viên lại giữ được một người đàn bà trong phòng mình mà không bị phát giác ngay tức thì. Dù cho sự giải thích là thế nào đi nữa, chắc chắn nó cũng không tốt đẹp gì. Smith trở lại với các tập sách của anh, quyết định sẽ làm nản lòng tất cá mọi ý định kết thân mới cua người hàng xóm, một người nói thì rất hay mà hành động thì rất tệ.
Nhưng số trời đã định là anh không thể làm việc một cách yên tĩnh buổi tối hôm đó. Anh vừa mới nối xong sợi dây đứt đoạn thì một bước chân nặng nề và chắc chắn leo lên từng ba bậc một trong cầu thang, và Hastie, với áo vét và quần bằng nỉ, chạy xộc vào phòng anh.
- Còn làm việc à! - anh ta có kêu lên tuột cách kinh ngạc và ngồi phịch ngay xuống chiếc ghế bành ưa thích của anh ta - người đâu mà chăm học thế? Tôi nghĩ rằng nếu có một trận động đất làm nát bấy thành phố Oxford này, thì anh cũng sẽ chồi lên hoàn toàn bình thản trên những đổ nát, với quyển sách cầm trong tay. Yên tâm đi, tôi sẽ không ngồi lại lâu đâu. Ba hơi thuốc lá thôi, rồi tôi sẽ chuồn đi.
- Có tin tức gì không? - Smith vừa hỏi vừa lấy ngón tay trỏ nhấn một chút thuốc lá trong cái píp.
- Không có gì quan trọng. À, có đấy! Anh có biết tin Long Norton bị tấn công không?
- Không. Bị tấn công à?
- Phải. Ngay ở góc đường High Street, cách hàng rào song sắt của trường cao đẳng một trăm mét.
- Nhưng bởi ai?...
- À, xem đó! Nếu anh nói bởi cái gì và không nói bởi ai, thì anh đã tỏ sự tôn kính hơn đối với ngữ pháp đó. Norton đoan quyết rằng anh ấy không bị tấn công bởi một con người; nhìn những vết xây xước ở cổ họng anh ấy, thú thực là tôi cũng gần tin lời anh ấy nói.
- Tóm lại, hãy nói rõ ràng đi! Trò ma quỉ à? Abeciombie Smith phà khói ra với vẻ khinh khỉnh của nhà khoa học.
- Không, đúng vậy. Tôi nghĩ rằng một lái buôn nào đó đã bị mất một con khỉ lớn, và con vật này đi lang thang. Norton tối nào cũng đi qua nơi đó, anh biết việc đó chứ gì, và gần như vào cùng một giờ đó, một cái cây có những cành thấp xòa xuống mặt đường: cây du to lớn ở vườn Rainy, Norton tin rằng con vật đã giấu mình và tụt xuống từ trên cây để chồm lên người anh ấy. Anh ấy nói thật sự anh ấy đã bị xiết gần nghẹt thở bởi hai cánh tay cũng mạnh mẽ và cũng mảnh mai như những thanh thép vậy. Anh ấy không trông thấy gì cả. Chỉ có những cánh tay tàn bạo này xiết chặt lấy anh mỗi lúc một mạnh hơn. Anh ấy đã hét lên gần tới nổ cuống họng, và có hai người bạn chạy tới, tới đó thì con vật chạy qua phía bên kia tường như một con mèo. Anh ấy đã không bao giờ nhìn rõ ràng được nó. Dù sao thì anh chàng Norton khốn khổ này cũng bị kinh động một cách kỳ lạ! Tôi đã nói với anh ấy rằng muốn cho khuây khỏa tâm hồn thì cần đi nghỉ tám ngày ở bờ biển.
- Một kẻ siết cổ người ta, đúng hệt như vậy? - Smith góp ý - chắc chắn là vậy rồi. Norton đoan chắc là không phải, nhưng mặc kệ những gì anh ấy nói. Kẻ siết cổ đó có những móng tay dài và nó biết nhẩy tường rất giỏi. Hãy nói đi anh hàng xóm hay mê hoặc người khác của anh sẽ thích thú nếu hắn ta biết được chuyện này. Hắn ta có mối hận với Norton, và tôi không tin rằng hắn ta là người quên được những món nợ ấy. Nhưng này, này! Ành bạn già, cái gì chạy qua đầu anh thế?
- Không có gì cả... - Smith trả lời với giọng thô lỗ. Anh giật nẩy người lên trên ghế bành, hai mắt mở to ra làm như đầu óc anh đang có một ý nghĩ khó chịu chạy ngang.
- Người ta có thể nói rằng mẩu chuyện nhỏ của tôi đã làm anh nổi nóng phải không? Tiện thể đây tôi hỏi, anh đã quen ông B. từ khi tôi gặp anh phải không? Gã thanh mền Monkhouse Lee đã nói một cách mơ hồ về chuyện đó với tôi.
- Phải. Tôi biết anh ấy nhiều hơn đôi chút. Anh ấy đã lên đây hai hay ba lần.
- Hà, anh cũng khá to con và khá nhanh nhẹn để tự lo liệu cho mình Hắn không phải thứ người mà tôi gọi là thanh niên lành mạnh, nhưng tóm lại thì hắn rất thông minh, và phần còn lại. Đó, anh sẽ tự mình phát hiện ra tất cả. Lúc là một anh chàng tốt một thanh niên rất dũng cảm. Tạm biệt, anh bạn thân. Thứ Tư sau tôi sẽ chèo thuyền thi với Mullins để tranh giải thưởng của ông phó viên trưởng, nếu anh tới được thì điều này làm tôi vui thích.
Với sự bướng bỉnh đầu bò, đầu bướu, Smith chặt píp xuống và cầm lại những quyển sách. Nhưng dù với ý chí mạnh nhất trong đời, anh vân cảm thấy thật khó mà nghĩ tới những điều anh đang đọc, lúc nào tâm trí anh cũng lãng đãng về phía anh hàng xóm ở tầng dưới và về sự bí ẩn tại căn hộ của anh ta. Rồi anh lại nghĩ tới vụ tấn công mà Hastie vừa kể lại với anh, và về mối hận thù mà hình như Bellingham đã nhằm vào nạn nhân. Hai ý nghĩ này không ngừng trộn lộn với nhau trong đầu óc anh, như có một sợi dây chặt chẽ kết nối chúng lại với nhau. Tuy nhiên, sự nghi ngờ thật quá mơ hồ, quá mù mờ khiến nó không thể diễn tả bằng lời nói được.
- Quỉ bắt thằng cha Billingham ấy đi? - Smith kêu lên và ném quyển sách về bệnh lý của anh sang góc phòng bên kia - Hắn đã làm mất buổi tối làm việc của tôi; đây đã là một lý do đầy đủ để cho tôi không còn vướng víu với con người của hắn nữa?
Trong mười ngày, chàng sinh viên y khoa đã đắm mình một cách quá trọn vẹn vào việc học hành đến nỗi anh không nhìn thấy và cũng không nghe thấy một anh hàng xóm nào. Vào những giờ mà Bellingham có thói quen tới thăm anh thì anh đã thận trọng khóa cửa lại, và ngay cả khi nghe thấy tiếng gõ anh cũng không mở cửa. Tuy nhiên, một buổi nhiều, anh bước xuống cầu thang, và ngay lúc anh đi qua cửa phòng của Bellingham, thì thấy cánh cửa mở toang, chàng thanh niên Monkhouse Lee ở trong đi ra, mắt tóe lửa và hai má đỏ ửng vì giận dữ. Bellingham chạy theo sau; cái mặt to bè nhưng ốm yếu của anh ta run run vì nóng giận.
Anh ta la lớn:
- Đồ ngốc! Rồi anh sẽ hối tiếc về việc này!
- Rất có thể - anh kia trả lời - Hãy nhớ lấy những diều tôi đã nói với anh: thế là hết rồi? Tôi không muốn nghe nói những chuyện đó!
- Anh đã hứa với tôi trong mọi tình huống...
- À, anh cứ yên tâm! Tôi sẽ không nói đâu, nhưng tôi muốn thà là con nhỏ Eva chết đi còn hơn. Chỉ một lần thối, thế là hết!
- Nó sẽ làm điều mà tôi nói. Chúng tôi không còn muốn nhìn thấy anh, không bao giờ nữa.
Smith không thể tránh khỏi phải nghe cuộc đối thoại này, nhưng anh rảo bước, vì anh không muốn bị lôi cuốn vào cuộc tranh cãi của họ một chút nào. Họ hục hặc với nhau một cách nghiêm trọng, việc này đã rõ ràng, và Lee sẽ khơi ra sự tan vỡ cuộc đính hôn của em gái anh ta với Bellingham. Nhớ lại sự so sánh của Hestie con cóc và con bồ câu, Smith thấy toại nguyện với giải đáp này. Cái đầu của Bellingham khi giận dữ thật khó coi. Thật tình một cô thiếu nữ thơ ngây sẽ lầm lỗi rất nhiều khi phó thác đời mình cho anh ta. Vừa đi Smith vừa tự hỏi nguyên nhân cuộc cãi lộn là cái gì, và tính chất của lời hứa mà Bellingham đã khẩn thiết nhắc nhở Mankhouse Lee có thể là việc gì.
Hôm ấy là ngày có cuộc thi chèo thuyền giữa Hastie và Mullins và rất nhiều người đi về phía sông Jsis. Mặt trời tháng năm chói lọi và hun nóng không khí; những cây du phóng ra những vệt bóng đen trên con đường màu vàng. Ở hai bên đường là những bức tường của trường cao đẳng màu xám, từ trong đó đi ra các vị giám thị mặc đồ đen, những vị giáo sư đạo mạo, những chàng thanh niên xanh xao, những vận động viên da bóng như đồng mặc áo thun trắng hay áo vét sặc sỡ nhiều màu. Tất cả mọi người đều vội vã đi về phía con sông màu xanh, con sông vạch những nét quanh co giữa các cánh đồng của Oxford.
Abercrombic Smith, với trực giác của một tay bơi thuyền lảo luyện, đã chọn chỗ đứng ở nơi mà anh biết chắc là cuộc thi đấu sẽ diễn ra. Từ đằng xa, một tiếng ồn ào dữ dội báo cho anh biết rằng lệnh khởi hành đã được phát ra, anh nghe thấy tiếng hò la ầm ĩ loan báo sự tới gần của các đấu thủ: nhiều người chạy đi, các khán giả theo dõi cuộc đua bằng tàu thủy thì la hét. Nhìn tới sái cổ, Smith mới thấy Hastie với tay chèo đều đặn ở nhịp ba mươi sáu, đã vượt trước Malhns một đoạn dài, trong khi anh này chèo một cách không đều tay ở nhịp bốn mươi. Sau khi tung ra tiếng hoan hô dành cho người bạn của mình anh lấy đồng hồ ra xem, và anh sắp đi trở lại con đường trở về căn hộ thì anh cảm thấy một bàn tay đặt lên vai mình chàng trai Monkhouse Lee đang đứng cạnh anh.
- Tôi đã trông thấy anh, - anh ta nói với một giọng vừa ngại ngần vừa khẩn khoản - Tôi muốn nói chuyện với anh, nếu anh có thể dành cho tôi một nửa giờ. Cái nhà nhỏ này là của tôi, tôi ở chung với Harrington, mời anh tới uống trà với tôi.
Smith đáp:
- Tôi phải về nhà ngay bây giờ, trong lúc này tôi đang nướng bánh trên vỉ. Nhưng tôi sẽ vui lòng dành cho anh mấy phút. Nếu Hastie không phải là người bạn chí cốt thì tôi đã không ra đây.
- Anh ấy cũng là bạn của tôi. Anh ấy có một lối chèo tuyệt vời phải không? Mullins không phải là đối thủ, nhưng hãy vào đây. Chỗ tôi ở không được rộng rãi, nhưng tôi thấy thoải mái khi làm việc ở đây trong những tháng hè.
Đó là một căn nhà nhỏ, trắng và vuông vắn, với một cửa lớn và những cánh cửa màu xanh lá cây và một cái cửa ngăn cổ lỗ, ở cách con sông chừng năm chục mét. Bên trong căn nhà, phòng chính được bầy biện một cách thô kệch để làm phòng học: một cái bàn bằng gỗ mộc, những cái kệ dã phai màu chất đầy sánh, một vài bức tranh loại rẻ tiền ở trên tường. Một ấm đun nước đang sôi réo lên trên cái bếp cồn, và một cái khay để uống trà trên bàn.
- Mời anh ngồi xuống cái ghế này và lấy thuốc lá hút đi - Lee nói - Tôi đi rói cho anh một chén nước trà. Anh quá bộ tới đây thật là quí hóa, vì tôi biết là anh rất bận rộn. Tôi muốn nói với anh rằng nếu ở địa vị anh thì tôi đã dọn đi ngay tức khắc.
- Hả?
Smith nhìn anh ta, một tay cầm que diêm đang cháy, và tay kia cầm điếu thuốc lá.
- Phải. Điều này có vẻ kỳ dị đối với anh, và tệ hơn nữa là tôi không thể nói rõ lý do với anh, vì tôi bị ràng buộc bởi một lời hứa thiêng liêng. Phải, một lời hứa rất thiêng liêng. Tuy nhiên tôi cũng có thể tự cho phép mình nói với anh rằng tôi không tin là Bellingham là một kẻ mà ở bên hắn, ta có thể sống trong sự an toàn. Tôi có ý định cắm trại ở đây càng lâu càng tốt trong một thời gian.
- Không có an toàn à? Anh muốn nói gì?
- A, đó là điều mà tôi không thể giải thích Nhưng xin anh hãy theo lời khuyên của tôi, và rời khỏi căn hộ của anh. Hôm nay chúng tôi vừa có một vụ cãi lộn lớn với nhau. Chắc anh đã nghe thấy chúng tôi cãi nhau, vì lúc đó anh đang đi xuống cầu thang.
- Tôi đã trông thấy các anh đang cãi vã.
- Đó là một thằng cha đáng ghét, anh Smith ạ! Đó là một từ duy nhất thích hợp với hắn. Tôi đã có những nghi ngờ về hắn từ buổi tối mà hắn ngất xỉu đi. Anh còn nhớ chứ: buổi tối mà tôi đến tìm anh đó. Hôm nay tôi hỏi lại hắn về tối hôm đó, và hắn đã nói với tôi những chuyện làm tôi rợn tóc gáy lên. Hắn muốn tôi cộng tác với hắn. Tôi không phải là người lên mặt đạo mạo, nhưng tôi là con trai của một mục sư, anh biết đấy và tôi tin rằng có những hành động không bao giờ được làm. Tôi cầu xin Thượng Đế cho hắn tỉnh ngộ trước khi đã quá muộn, vì hắn sẽ lấy vợ là người trong gia đình tôi.
- Tất cả việc đó đến rất tốt đẹp, Lee ạ - Abercrombie Smith nói. - Nhưng hoặc là anh đã nói với tôi quá nhiều vì chuyện đó, hoặc là anh đã nói với tôi quá ít vì chuyện đó.
- Tôi đưa ra cho anh một lời cảnh báo.
- Nếu đã có một lý do xác đáng cho lời cảnh báo đó, thì không một lời hứa nào có thể ràng buộc được anh ta. Nếu tôi trông thấy một tên cướp sắp sửa làm nổ tung một cái nhà bằng thuốc nổ, thì không có gì ngăn cản được tôi làm đủ mọi cách để tên cướp không thực hiện được ý đồ của nó.
- À, nhưng tôi không thể làm được việc gì để hắn bị thất bại. Tôi chỉ có thể cảnh báo anh thôi.
- Mà không nói rõ là anh bảo tôi phải đề phòng cái gì?
- Đề phòng Bellingham đó.
- Thật là chuyện con nít! Tại sao tôi phải sợ hắn chức hắn hay bất cứ kẻ nào khác?
- Tôi không thể nói điều đó với anh. Tôi chỉ có thể khuyên anh nên dọn đi. Nơi mà anh đang ở, anh gặp nguy hiểm đó. Tôi cũng không nói rằng Bellingham muốn hại anh. Nhưng sự bất hạnh sẽ có thể xảy tới cho anh, vì bây giờ hắn là một người hàng xóm nguy hiểm.
- Có lẽ tôi còn biết về hắn nhiều hơn là anh nghĩ, - Smith vừa nói vừa quan sát vẻ mặt non nớt nhưng nghiêm trang của cậu thanh niên, - Hãy giả thiết rằng tôi nói với anh là có một người nào khác đang ở căn hộ của Bellingham...
Monkhouse Lee run người lên dưới hiệu ứng một sự kích động không thể kiềm chế được. Anh ta ấp úng hỏi:
- Anh cũng biết à?
- Một người đàn bà phải không?
Lee ngồi phịch xuống ghế, miệng thốt ra một tiếng.
Anh ta nói:
- Môi tôi bị gắn kín rồi. Tôi không được nói.
- Được, dù sao đi nữa, - Smith dõng dạc nói và đứng dậy, - thật là khó tin được rằng tôi lại để tự mình hoảng sợ đến nỗi phải rời bỏ một nơi cư ngụ hoàn toàn thích hợp với tôi. Về phần tôi thì đó là một sự đớn hèn lớn lao nếu tôi dọn đi chỉ vì cái cớ mà anh xác nhận là Bellingham sẽ có thể làm hại tôi theo một cách thức không ai biết là gì. Tôi nghĩ là tôi sẽ chấp nhận các rủi ro và tôi sẽ ở lại chỗ tôi đang ở; tôi thấy hình như gần năm giờ rồi, tôi xin anh thứ lỗi cho.
Anh cáo từ chàng sinh viên trẻ và trở về cái tháp nhỏ của mình, lòng nửa hồi hộp, nửa vui thích, giống như tất cả mọi người đàn ông khỏe mạnh và ít trí tưởng tượng khi bị đe dọa bởi một sự hiểm nguy mơ hồ.
Mặc dù sự cấp bách của công việc đang làm, bao giờ Abererombie Smith cũng tự ban cho mình một điều ham thích nho nhỏ. Mỗi tuần hai lần, ngày thứ Ba và thứ Sáu, anh đi bộ tới tận Farlington, nơi cư ngụ của bác sĩ Plumptru Peterson, ở cách Oxford hai cây số rưỡi. Peterson là một người bạn thân của người anh cả của Smith, Francis; ông ta sống độc thân, giàu có với một hầm rượu ngon và một tủ sách còn quý hơn nữa; ngôi nhà của ông ta là một cái đích thích thú cho những tay đi bộ tài tử; mỗi tuần hai lần, chàng sinh viên y khoa dấn bước vào những con đường tối tăm của miền quê và sống một giờ thoải mái trong phòng làm việc đầy đủ tiện nghi của ông Peterson để nói huyên thuyên, trên một cốc rượu mùi về những chuyện vớ vẩn mới nhất ở trường đại học, hoặc về những tiến bộ gần đây nhất của y học và của khoa giải phẫu.
Buổi tối hôm sau cái ngày mà anh đã nói chuyện với Monkhouse Lee, Smith gấp sách lại vào lúc 8 giờ 15; đó là giờ mà anh có thói quen đi tới nhà người bạn. Lúc rời khỏi phòng tình cờ anh nhìn thấy một trong những quyển sách mà Bellingham đã cho anh mượn, và anh cảm thấy áy náy là đã chưa trả lại anh ta. Dù người đó có đáng ghét như thế nào đi nữa, anh ta cũng không đáng để cho mình thiếu phép xã giao Anh cầm lấy quyển sách, đi xuống cầu thang và gõ cửa phòng anh hàng xóm. Không có tiếng trả lời. Anh xoay nắm cửa và nhận thấy cánh cửa không khóa. Khoan khoái vì viễn tượng tránh dược một cuộc nói chuyện, anh nhẹ bước đi vào bên trong và đặt quyển sách cùng vời tấm danh thiếp của anh lên trên bàn ở chỗ dễ nhìn thấy.
Ngọn lửa của cây đèn đã bị vặn nhỏ xuống, nhưng Smith cũng có thể nhìn khá rõ ràng các chi tiết của căn phòng. Căn phòng không có gì thay đổi: tấm màn treo trên trần những cái đầu thú vật, con cá sấu và cái bàn bề bộn giấy tờ và lá cây phơi khô. Cái hòm đựng xác ướp được dựng vào tường (nhưng cái xác ướp không có ở bên trong). Anh không nhìn thấy một dấu vết nào của một kẻ thứ hai cư ngụ trong căn phòng, và anh vừa đi ra vừa tự nghĩ là có lẽ anh đã bất công với Bellingham. Nếu anh này muốn giữ kín một điều bí mật tội lỗi thì anh ta đã không để ngỏ cửa phòng, mặc cho ai tới thì tới.
Cần thang xoáy trôn ốc tối đen như mực. Smith đi xuống một cách thận trọng những bậc thang gồ ghề, thì bỗng nhiên anh thấy có người vừa đi ngang qua anh trong bóng tối. Anh nhận ra một tiếng động nhỏ, một sự chuyển động không khí, một cái chạm nhẹ vào khuỷu tay anh, cái chạm nhẹ quá khiến anh tự hỏi có phải là anh đang mơ ngủ chăng. Anh dừng bước và lắng tai nghe, nhưng gió thổi rì rào trong cây trường xuân, và anh không thể nghe được tiếng gì khác.
Anh la lớn:
- Có phải anh không, Styles?
Không có tiếng trả lời, phía sau anh tất cả đều im lìm và lặng lẽ; chắc chắn đây là một luồng gió, vì trong cái tháp cũ kỹ này không thiếu gì những khe nứt. Tuy nhiên, anh tin chắc là anh đã nhận thấy tiếng bước chân đi gần sát chỗ anh. Lúc anh đi ra tới sân, bụng đang suy nghĩ vê sự cố này, thì một người băng ngang qua bồn cỏ chạy tới.
- Có phải anh đấy không, Smith?
- Chào Hastie.
- Vì lòng thương của Thượng Đế, anh đến ngay đi? Anh chàng Lee bị chết đuối. Harrkington báo cho tôi tin đó. Y sĩ đi mất rồi. Chỉ cần anh là đủ. Nhưng chạy nhanh lên, anh bạn già! Có lẽ anh ta còn chưa chết hẳn.
- Anh có rượu cô nhắc không?
- Không.
- Để tôi đi kiếm rượu. Trên bàn của tôi có một chai.
Smith leo bốn bậc một của ba tầng nhà, cầm lấy chai rượu, và chạy xuống cầu thang; nhưng khi anh đi qua cửa phòng Bellingham, anh thấy một vật gì làm anh đứng không nhúc nhích được trên đầu cầu thang, miệng thở hổn hển.
Cái cửa mà anh đã đóng lại khi đi ra thì bây giờ bỏ ngỏ, và ngay trước mặt anh, dưới ánh sáng của ngọn đèn, là cái hòm đựng xác ướp. Trước đây ba phút, cái hòm trống rỗng. Anh sẵn sàng thề về sự việc này. Bây giờ thì nó bao kín cái xác gầy ốm của gã khách trọ đáng sợ đang đứng, hung hiểm và cứng đờ, với cái mặt co rúm quay ra cửa và có vẻ như không còn sự sống. Nhưng Smith có cảm tưởng là, cứ nhìn mãi vào bộ mặt đó nó còn tích tụ được một tia sinh khí, một dấu hiệu mơ hồ của ý thức trong cặp mắt nằm phía sau những hốc mắt trống rỗng. Anh quá đỗi kinh hoàng về việc này đến nỗi quên luôn tai nạn của Monkhouse Lee; anh ở nguyên đó, đứng như trời trồng trước cái cửa mở ngỏ, hai mắt dán chặt vào cái xác trơ xương đó; tiếng nói của người bạn gọi anh trở về với thực tế. Anh bạn kêu to:
- Mau lên, Smith! Đây là vấn đề sinh, tử, anh bạn già ạ! Nhanh chân lên!
Khi chàng sinh viên y khoa ra tới ngoài sân, anh ta nói thêm:
-... Ta cùng chạy mau đi. Chưa đến một ngàn năm trăm mét. Ta phải tới đó trong năm phút. Một mạng sống đáng để cho ta chạy như khi đoạt một kỷ lục về tốc độ.
Sát cánh nhau, họ lao mình đi trong đêm tối, và họ chỉ dừng lại trước cửa căn nhà nhỏ, khi đã hết hơi và kiệt sức. Anh chàng trai trẻ Lee, mình ướt đẫm nước nom như một cái cây nhỏ mọc dưới nước bị gẫy rập, được đặt nằm dài trên cái tràng kỷ; trong tóc anh ta còn thấy chất bọt xanh lục của nước sông, và một ít bọt trắng trên cặp môi xám như chì. Quỳ ở bên anh ta, Harrington, người bạn cùng phòng, đang cố gắng làm nóng lại chân tay cứng đơ của anh ta.
Sau khi đặt bàn tay lên tim của Lee, Smith nói:
- Tôi nghĩ là anh ấy còn sống. Hãy áp mặt kính đồng hồ của anh vào môi anh ấy đó. Phải, có hơi nước trên mặt đồng hồ. Hastie à, hãy nắm lấy một cánh tay. Bây giờ hãy làm như tôi, và chẳng bao lâu ta sẽ làm anh ấy hồi tỉnh.
Trong mười phút họ cùng làm những động tác nhằm làm cho ngực của Lee phồng lên và xẹp xuống, rồi cơ thể anh ta rung động đôi môi run rẩy, và anh ta mở mắt ra, ba chàng sinh viên lúc đó bừng lên một mềm vui không thể kìm hãm dược.
- Tỉnh dậy đi, anh bạn già. Anh đã làm chúng tôi sợ hãi.
- Một chút cô nhắc! Hãy uống một hớp trong cái chai.
- Tốt lắm rồi. - người bạn đồng phòng Harrkington nói lớn. - Lạy Chúa, tôi đã sợ hãi biết chừng nào. Tôi đang đọc sách ở đây, anh ấy đi ra ngoài để dạo một vòng ở phía con sông; tôi nghe thấy một tiếng kêu và. tiếng ngã xuống nước. Tôi chạy ngay ra, lúc tôi tìm ra anh ấy và vớt anh ấy lên thì hình như sự sống đã rời bỏ anh ấy. Và Simpsin không thể chạy đi tìm một y sĩ, vì hắn bị què; lúc đó tôi phải chạy thật nhanh. Các bạn ạ, không có các bạn thì tôi không biết sẽ phải làm thế nào. Mọi sự tốt lành, anh bạn già ạ. Ngồi dậy đi!
Monkhouse Lee chống hai tay ngồi dậy, nhìn quanh anh hỏi:
- Việc gì xảy ra thế? Tôi bị ướt đẫm thế này. À, phải rồi. Tôi nhớ ra rồi.
Sự sợ hãi hiện ra trong mắt anh; anh úp mặt vào hai bàn tay.
- Làm thế nào mà anh lại ngã xuống nước?
- Tôi không bị ngã.
- Thế nào?
- Tôi đã bị quăng xuống nước. Tôi đang đứng trên bờ; tôi đã bị nâng bổng lên từ đằng sau và bị ném xuống sông. Tôi đã không trông thấy gì cả, tôi đã không nghe thấy gì cả. Nhưng mặc dù vậy tôi cũng vẫn biết đó là cái gì.
- Tôi cũng vậy! - Smith nói lẩm bẩm.
Lee liếc sang anh một cái nhìn kinh ngạc.
- Vậy là anh cũng biết chuyện à? Anh còn nhớ lời khuyên của tôi nói với anh chứ?
- Có, và tôi bắt đầu nghĩ là tôi sẽ theo lời khuyên của anh.
Hastie nói:
- Tôi không biết là anh nói cái gì; nhưng nếu tôi là anh thì tôi bắt buộc Lee phải nằm xuống ngay. Khi nào anh ấy khỏe lại, ta sẽ có thì giờ để bàn về lý do tại sao và sự việc thế nào. Anh Smith ạ, tôi nghĩ là chúng ta có thể để anh ấy ở lại một mình lúc này. Tôi trở lại trường học, nếu anh cũng di đường ấy thì chúng ta sẽ có thể nói chuyện phiếm một lát.
Cuộc nói chuyện phiếm rất mau lẹ, Smith rất bận tâm về các sự cố trong buổi tối: sự vắng mặt cái xác ướp trong phòng khách của gã hàng xóm, sự động chạm phớt qua mà anh cảm thấy trong cầu thang, sự tái hiện không thể giải thích được và kỳ quái của cái xác ướp đáng sợ, rồi tới cuộc tấn công vào Lee đã giống một cách quá kỳ dị với cuộc tấn công trước đây vào Norton (hai kẻ thù của Bellingham). Anh xoay di đảo lại những dữ kiện này trong đầu óc, cung như những chi tiết nhỏ đã khiến anh khó chịu với anh chàng hàng xóm và những tình huống không bình thường đã bắt buộc anh phải đến phòng của anh ta lần đầu tiên. Những gì trước kia chỉ là một sự nghi ngờ mơ hồ, đầy tưởng tượng, thì nay bỗng nhiên đã thành hình, hiện ra trong trí óc anh dưới hình dạng một sự việc không thể chối cãi được. Tuy nhiên, một sự việc mới quái gở làm sao! Một sự việc chưa từng có bao giờ? Ở ngoài tất cả mọi tưởng tượng của con người. Một vị quan tòa vô tư, ngay cả đến một người bạn đi theo sát bên anh, đều sẽ nói một cách đơn giản rằng cặp mắt anh đã lừa dối anh rằng cái xác ướp lúc nào cũng nằm trong cái hòm của nó, rằng cậu trai Lee bị ngã xuống nước vị bất cẩn, và rằng những viên thuốc màu xanh là vị thuốc tuyệt hảo cho một buồng gan không hoạt động tốt. Anh cảm thấy anh cũng sẽ nói như vậy nếu cái ngôi vị được thay đổi ngược lại. Tuy nhiên anh có thể đoan chắc rằng kỳ thực Bellingham là một kẻ sát nhân, và hắn ta có một loại khí giới mà chưa bao giờ có ai sử dụng trong lịch sử của tội ác.
Hastie đã từ biệt anh để trở về phòng, không quên làm anh nhức óc bởi những lời bình phẩm nghiêm ngặt và khoa đại về sự thiếu xã giao của người bạn hàng xóm của anh. Abercrombie Smith đi ngang qua cái sân, và khi đi về phía cái tháp nhỏ, anh cảm thấy một mối ác cảm dữ dội đối với các căn hộ và những người ở trọ. Anh sẽ theo lời khuyên của Lee và sẽ dọn đi càng sớm càng tốt vì làm sao mà anh có thể làm việc được nếu lúc nào tai anh cũng phải căng ra để rình nghe bất cứ một tiếng thầm phào nào hay một tiếng bước chân nhẹ nhất trong căn phòng bên dưới? Anh nhận thấy rằng cửa sổ của Bellingham còn thắp đèn sáng. Khi anh đi qua trước cửa phòng hắn, thì cánh cửa mở ra và Bellingham bằng xương bằng thịt bước tới chỗ anh. Với cái mặt béo phị và hung ác, anh ta có dáng bộ một con nhện mập mạp từ trong mạng tơ giết người đi ra.
Anh ta nói:
- Xin chào! Anh có muốn vào chơi không?
- Không! - Smith hét lên với một giọng hung hãn.
- Không à? Lúc nào cũng bận rộn như thế phải không? Tôi muốn hỏi thăm anh về tin tức của Lee. Tôi rất buồn nghe tin tai nạn xảy ra với anh ấy.
Anh ta có một vẻ mặt nghiêm trọng; nhưng trong khi nói hai mắt anh ta sáng ngời một sự mãn nguyện được che giấu một cách vụng về; Smith nhìn thấy điều đó; suýt nữa thì anh chồm lên người anh ta.
Anh đáp lại:
- Anh sẽ còn buồn hơn nữa khi biết rằng Monkhouse Lee rất khỏe mạnh và anh ấy đã hoàn toàn thoát khỏi hiểm nguy. Lần này thì các thủ đoạn quỷ quái không thành công rồi. Ồ, vô ích thôi, đừng cố làm ra vẻ bạo dạn nữa! Tôi đã biết hết rồi.
Bellingham lùi lại một bước trước chàng sinh viên đang nổi giận, và anh ta khép cái cửa lại một nửa hình như để tự bảo vệ.
Anh ta nói:
- Anh điên à! Những lời anh nói là nghĩa làm sao? Anh có ý cho rằng tôi có liên can tới vụ tai nạn của Lee?
Smith gầm lên:
- Phải! Anh và cái bao xương phía sau anh kia kìa. Chính anh đã bày mưu lập kế tất cả vụ này. Tôi sẽ nói cho anh rõ việc này, ông B. ạ? Bây giờ người ta không còn thiêu sống những kẻ thuộc loại người như anh, nhưng người ta còn các cột xử giảo và những đao phủ, và xin thề có thánh Geoges, nếu bất cứ một người nào trong trường học bị chết vì tai nạn trong khi anh ở đây là tôi sẽ cho bắt giữ anh, và nếu anh không bị treo lủng lẳng ở đầu một sợi dây thừng, thì dó không phải lỗi ở tôi, hãy tin tôi đi! Anh sẽ thấy rằng những thủ phạm dê hèn kiểu Ai Cập không có hiệu lực ở nước Anh này.
- Anh là một thằng điên nói mê sảng!
- Được lắm! Chỉ cần anh nhớ lấy những điều tôi đã nói với anh; nếu không, anh sẽ có thể nhận thấy rằng tôi là một kẻ giữ lời hứa!
Cánh cửa đóng sập lại; Smith tức giận điên cuồng, đi lên phòng mình đóng và khóa cửa lại, rồi thức suốt một nửa đêm hút cái píp cũ kỹ làm bằng rễ cây của anh để suy nghĩ về các biến cố kỳ quặc trong buổi tối.
Sáng hôm sau Abercrombie không nghe thấy động tĩnh gì trong căn hộ của gã hàng xóm; nhưng buổi chiều thì Harrkington tới gặp anh để báo tin rằng Lee đã gần như hoàn toàn hồi phục. Suốt cả ngày Smith đã làm việc như một kẻ điên khùng; lúc chiều tối, anh quyết định đi thăm người bạn là bác sĩ Peterson, nơi mà anh đã muốn tới trước đây hai mươi bốn giờ. Một cuộc đi dạo và một buổi chuyện trò thân mật sẽ rất bổ ích cho các dây thần kinh đang căng thẳng của anh.
Cửa phòng của Bellingham đóng kín; nhưng khi anh quay đầu lại ở trong sân, nơi cách cái tháp nhỏ một khoảng ngắn, anh trông thấy một bên đầu của gã hàng xóm ở cửa sổ; ánh sáng ngọn đèn soi rõ toàn thể người anh ta, mặt anh ta đang áp sát vào cửa kính, làm như đang nhìn xoi mói vào khoáng tối tăm. Tránh xa tình trạng quái gở của anh ta, dù chỉ là trong một vài giờ, cũng là một điểm hay! Smith rảo bước đi, hít thở không khí mùa xuân căng đầy buồng phổi. Vành trăng một nửa nhô lên ở phía tây giữa hai tháp chuông kiểu gô tích. Một cơn gió mát nhẹ nhàng đẩy những đám mây nhỏ ùn ùn như những nắm bông trên trời. Trường cao đẳng tọa lạc ngoài rìa thành phố, chả mấy chốc Smith đã thấy mình đi giữa những hàng rào trên con đường nhỏ của thị trấn Oxfordshire thơm ngát mùi hương của ngày hè.
Con đường nhỏ ít người qua lại, như con đường dẫn tới nhà của bạn anh? Tuy đêm chưa khuya mà Smith chẳng gặp một người nào. Anh đi tới trước tầm lưới sắt mở vào lối đi dài lát sỏi dẫn lên tới Farlingford. Trước mặt anh, anh nhìn thấy những ánh sáng đỏ và dịu dàng của các cửa sổ lập lòe qua lớp lá cây. Anh dừng lại, một bàn tay đặt lên sợi dây xích sắt của tấm lưới sắt và anh quay lại nhìn con đường nhỏ mà anh vừa đi qua một vật gì đang di chuyển rất nhanh, đang chạy tới phía anh đứng.
Đó là một hình thù đen sẫm, lom khom lướt đi dưới bóng tối của hàng rào, một cách lặng lẽ và lén lút trên cái nền đen kịt này, thật khó mà nhìn thấy nó. Trong lúc anh quan sát nó, thì nó đã rút ngắn dược hai mươi bước khoảng cách giữa nó và anh. Nó đang làm một cuộc săn đuổi anh. Từ trong bóng tối âm u hiện ra một cái cổ trơ xương và hai con mắt mà anh ghi mãi trong ký ức cho tới khi lìa bỏ cõi đời. Anh quay người lại thốt lên một tiếng kêu kinh hoàng, và lao người vào lối đi với tất cả tốc độ của đôi chân. Ở cuối lối đi có những ánh sáng màu đỏ, sự an toàn không còn bao xa. Smith là một chân chạy cừ khôi; chưa bao giờ anh lại chạy nhanh đến như tối hôm nay.
Tấm lưới sắt nặng nề đã khép lại sau lưng anh, nhưng anh nghe thấy nó lại mở ra dưới sức đẩy của kẻ đuổi theo anh. Vừa chạy một cách điên cuồng, anh vừa lắng tai nghe tiếng động nhỏ, khô khan của những bước chân vội vã đang mỗi lúc mỗi tới gần anh. Anh ngoái cổ nhìn lại phía sau: con quái vật nhảy chồm lên đuổi theo bén gót anh như một con cọp với cặp mắt tóe lửa và một cánh tay đầy gân chằng chịt đã duỗi thẳng ra để túm lấy anh, may thay, cái cửa lại mở hờ hờ: Anh nhìn thấy một vệt sáng mỏng manh của ngọn đèn trong đại sảnh chiếu xuống. Tiếng bước chân đã vang lên ngay đằng sau anh. Anh nghe thấy một thứ tiếng gì cộc cộc ngay sát vai anh. Anh vừa hét lên vừa lao sang phía bên kia cánh cửa, sập cửa và cài chốt lại, rồi anh gục xuống, nửa tỉnh nửa mê trên cái ghế bành ở lối ra vào
- Đội ơn trời đất, Smith? Chuyện gì đã xảy ra? - Peterson hỏi khi ông vừa xuất hiện trên bậc cửa phòng làm việc của ông.
- Cho tôi xin một ly cô nhắc!
Peterson đi khỏi để rồi lại trở ra một lát sau đó với một cái cốc và một cái bình pha lê.
- Anh cần có rượu - ông vừa nói vừa nhìn khách uống một hơi cốc rượu mà ông vừa rói. - Trời ơi, anh bạn trẻ, trông anh trắng bệch như là một cục phô mai ấy?
Smith để cái cốc xuống, đứng lên, và hít vào một hơi dài.
Anh nói:
- Tôi đã hoàn hồn rồi. Chưa bao giờ tôi để mình bị đánh ngã gục như thế này nhưng ông Peterson ạ, xin ông cho phép tôi được ngủ lại ở đây đêm nay, vì tôi không tin rằng tôi sẽ có thể mạo hiểm trên con đường này trừ khi vào lúc ban ngày. Chắc chắn đó là một sự hèn nhát; nhưng tôi không thể làm gì hơn được.
Peterson chăm chú nhìn anh với một con mắt dò hỏi.
- Tất nhiên rồi, nếu anh thích thì anh cứ ngủ ở đây. Tôi sẽ bảo bà Barney thu xếp giường để anh nằm nghỉ. Bây giờ anh đi đâu?
- Xin ông hãy cùng tôi lên chỗ cái cửa sổ nằm trên cái cửa ra vào. Tôi muốn cho ông nhìn thấy điều gì mà tôi đã trông thấy.
Họ cùng đứng ở chỗ cửa sổ từ nơi đó họ có thể quan sát các nơi xung quanh căn nhà. Con đường đi, những cánh đồng nằm hai bên con đường đều yên tĩnh và lặng lẽ dưới ánh trăng.
Peterson nói thì thào:
- Smith à, thực sự ra tôi biết rõ rằng anh không bao giờ uống đến say mà. Vậy thì cái gì đã làm anh sợ hãi quá đến thế?
- Tôi sẽ nói cho ông biết. Nhưng nó đã có thể đi đâu nhỉ? À, chú ý nhìn kìa! Nhìn đi! ông nhìn thấy chỗ ngoẹo của con đường chứ, ngay bên ngoài tấm lưới sắt của ông đó?
- Có, tôi nhìn thấy. Anh không cần phải nhéo tay tôi Tôi trông thấy một người đi qua. Tôi nghĩ rằng đó là một người đàn ông có vẻ gầy còm, và cao lớn, rất cao lớn. Nhưng hắn là ai chứ? Và hắn có gì liên hệ với anh? Anh run rẩy như một cái lá liễu vậy?
- Chỉ cách hai ngón tay nữa là tôi đã bị con quỷ này chộp được, đó là tất cả câu chuyện. Nhưng ta hãy xuống phòng làm việc của ông, tôi sẽ kể tất cả câu chuyện cho ông nghe...
Anh kể lại câu chuyện. Dưới ánh đèn sáng, một cốc rượu trong tay, trước vẻ mặt tươi cười của người bạn, anh thuật lại tất cả mọi biến cố lớn và nhỏ đã hên tiếp xảy ra một cách quá bất thường. Rồi anh kết luận:
-... Sự việc như thế đấy! Nó thật là quái dị, không thể tin dược, nhưng lại là có thật.
Bác sĩ Plumptree Peterson vẫn ngồi yên không nói gì, rõ ràng là ông rất băn khoăn... Rồi ông nói:
- Tôi chưa bao giờ nghe thấy một chuyện như vậy, chưa từng bao giờ! Anh đã cho tôi biết các sự việc. Bây giờ xin anh cho tôi biết sự suy diễn của anh.
- Ông chỉ cần lấy ra những sự suy diễn của chính ông thôi!
- Phải, nhưng tôi muốn biết sự suy diễn của anh. Anh đã suy nghĩ nhiều về sự việc. Không phải tôi.
- Nói một cách miễn cưỡng, kết luận của tôi sẽ đôi phút mơ hồ về các chi tiết, nhưng tôi thấy nhưng điểm chính khá rõ ràng. Gã Bellingham, trong các môn học về Đông phương, đã học được một bí quyết ma quái nào đó, nhờ bí quyết này một cái xác ướp, hoặc có thể chỉ nguyên cái xác ướp này, có thể được tạm thời làm cho sống lại. Hắn ta đang thử nghiệm thủ đoạn ghê tởm đó vào buổi tối mà hắn ngất xỉu đi. Chắc chắn là cảnh tượng cái xác này bắt đầu cứ động đã quá mãnh hệt đối với các dây thần kinh của hắn, ngay cả khi hắn đang chờ đợi sự việc. Ông còn nhớ rằng những tiếng đầu tiên hắn thốt ra là dùng để nói hắn là đồ ngu ngốc. Sau đó hắn trở thành chai lì và hắn kiên tâm theo đuổi mà không ngất xỉu nữa. Sức sống mà hắn có thể đưa vào cái xác ướp chỉ là một sức sống thoảng qua trong chốc lát, vì tôi đã nhìn thấy nó không biết bao nhiêu lần trong cái hòm của nó, nó cũng bất động như cái bàn này. Tôi đoán rằng nhờ vào một phương cách phức tạp hắn đã đạt tới chỗ gọi lên được và trừ bỏ được sức sống đó. Khi hắn đã nắm vững được phương cách, dĩ nhiên là hắn có ý tưởng dùng cái xác ướp của hắn như là một tên tay sai. Nó có trí thông minh và sức mạnh. Vì một mưu đồ nào đó, hắn đã cho Lee biết bí mật; nhưng Lee vốn là một tín đồ Cơ đốc ngay thẳng, đã không muốn nghe một chút nào: do đó mới có sự cãi lộn, và Lee thề rằng anh ta sẽ nói cho em gái biết về bản chất thật sự của Bellingham. Lúc đó ý định của Bellingham là nhằm ngăn cản không cho Lee tiết lộ việc này, và hắn ta đã gần đạt được mục đích khi tung cái xác ướp đuổi theo Lee. Hắn cũng đã thử quyền năng của hắn với một thanh niên khác là Norton, người mà hắn có một mối hận thù. Nếu hắn không bị hai vụ án mạng đè lên lương tâm cũng hoàn toàn vì sự ngẫu nhiên thôi? Rồi lúc tôi kết tội hắn là một tên sát nhân, thì hắn có đủ mọi lý do để gạt tôi ra khỏi con đường của hắn trước khi tôi có thể nói chuyện này với một người nào khác. Hắn đã thử thời vận lúc tôi đi ra khỏi nhà, vì hắn biết rõ các thói quen của tôi và hắn biết tôi đi đâu. Tôi đã thoát được tay hắn một cách yên lành, ông Peterson ạ, và cũng là một sự ngẫu nhiên mới nữa nếu ông đã không phát hiện ra tôi nằm chết trên bậc cửa nhà ông. Nói chung ra, tôi không phải là người nhút nhát, nhưng không bao giờ tôi nghĩ rằng tôi lại sợ hãi như tôi đã sợ lúc vừa rồi.
Ông bạn của anh nói:
- Anh bạn trẻ ơi, anh đã xem xét các sự việc một cách quá quan trọng đó! Anh đã có các dây thần kinh bị hủy hoại vì công việc của anh, và anh đã phóng đại các sự cố. Làm thế nào mà một cái xác ướp lại có thể đi dạo chơi trong các đường phố của Oxford, ngay cả vào ban đêm, mà không bị nhìn thấy?
- Nó đã bị nhìn thấy. Tất cả thành phố đều nói về một con khỉ sổng chuồng, họ gọi nó như vậy.
- Đúng là thế, tình tiết câu chuyện thật kỳ lạ! Anh bạn trẻ ạ, tuy nhiên anh cũng phải chấp nhận rằng mỗi sự cố tự thân nó cũng có thể được giải thích một cách hợp với tự nhiên hơn.
- Thế nào! Ngay cả tai họa của tôi buổi tối nay à?
- Chắc chắn là vậy, anh ra khỏi nhà rất căng thẳng, đầu óc chứa đầy các lý thuyết quái gở. Một tên lang thang sắp chết đói đi theo gót anh, thấy anh chạy nó cũng vội vã chạy theo sau anh. Sự sợ hãi và óc tưởng tượng của anh đã làm nốt phần còn lại.
- Không, Peterson ạ. Luận điểm của ông không đứng vững. Tôi bác bỏ nó.
- Và còn nữa, nghe đây, về nhuyễn cái hòm đựng xác ướp bị bỏ trống rồi lại có cái xác! Ngọn đèn bị vặn nhỏ đi và anh đã không có một lý do đặc biệt nào để nhìn cái hòm một cách chăm chú. Rất có thể là lần đầu tiên anh đã không nhìn thấy cái xác ướp.
- Chắc chắn là không! Tôi không nghi ngờ chút nào!
- Rồi thì Lee ngã xuống nước, và Norton là nạn nhân của một tên bóp cổ. Rõ ràng là một sự giả định đáng sợ chống lại Bellingham, nhưng nếu anh đưa việc này ra trước một vị quan tòa thì ông ấy sẽ cười vào mũi anh.
- Tôi biết rõ điều đó. Đó là lý do tại sao tôi muốn một mình giải quyết vụ này.
- Thế nào?
- Đúng vậy. Tôi có cảm tưởng là tôi có một nhiệm vụ đối với sự lành mạnh của xã hội và hơn nữa tôi phải hành động cho sự an toàn của chính bản thân tôi: nếu không, có thể nói rằng, tôi thích bị xua đuổi ra khỏi trường cao đẳng bởi một cái xác ướp; đó sẽ là một sự hèn nhát không thể tưởng tượng được? Tôi đã quyết định việc mà tôi sắp làm. Và trước hết, tôi có thể mượn cái bút của ông trong một giờ được không?
- Được thứ!
Abercrombie Smith ngồi trước một tờ giấy học trò, và trong một giờ đồng hồ, rồi trong một giờ thứ hai, ngòi bút của anh lướt đi một cách nhẹ nhàng. Ông bạn của anh ngồi một cách thoải mái trong chiếc ghế bành, nhìn anh với vẻ hiếu kỳ và nhẫn nại. Sau cùng, Smith thốt lên một tiếng kêu đứng phắt lên, gom nhưng tờ giấy nhỏ của anh, xếp lại theo thứ tự và đặt tờ sau cùng lên bàn giấy của Peterson.
- Xin ông vui lòng đặt chữ ký vào trong tư cách một người làm chứng, - anh nói.
- Người làm chứng? Làm chứng cái gì?
Làm chứng chữ ký của tôi và làm chứng ngày tháng. Ngày tháng là điều quan trọng nhất. Ký đi ông Peterson, tính mạng của tôi có thể tùy thuộc vào nó!
- Anh Smith thân mến ạ, anh nói như một người quá kích động. Anh cho phép tôi mời anh lên giường nằm.
- Ngược lại! Chưa từng bao giờ mà tôi nói với sự điềm tĩnh hơn bây giờ. Và tôi hứa với ông là tôi sẽ đi nằm ngay tức thì sau khi ông đã ký vào.
- Nhưng đó là giấy gì thế?
- Đây là lời khai chứa đựng tất cả những việc mà tôi đã kể lại với ông tối hôm nay. Tôi muốn ông chứng nhận đây đúng là chữ ký của tôi.
- Chắc chắn rồi! - Peterson trả lời trong lúc ký tên vào phía dưới chữ ký của bạn ông. - Ký rồi đó! Nhưng ý nghĩ của anh ra sao?
- Xin ông vui lòng cất giữ tài liệu này, và xuất trình nó trong trường hợp tôi bị bắt giữ.
- Bị bắt giữ ư? Vì nguyên nhân nào?
- Vì tội giết người. Sự việc hoàn toàn có thể xảy ra. Tôi lo chuẩn bị sẵn trước bất kỳ một biến cố nào. Tôi chỉ còn một việc phải làm, và tôi nhất quyết hoàn thành việc đó.
- Nhân danh Chúa, anh chớ nên làm việc gì một cách khinh suất!
- Ông hãy tin ở tôi: mọi phương pháp khác đều còn liều lĩnh hơn nữa. Tôi hy vọng là tôi sẽ không phải làm phiền ông, nhưng tinh thần tôi sẽ bình tĩnh hơn nếu tôi biết là ông đã cất giừ tờ biện minh cho các động lực của tôi. Và bây giờ thì tôi đã sẵn sàng để theo lời khuyên của ông, vì tôi muốn được hoàn toàn khỏe mạnh vào lúc sáng mai.
Abercrombie Smith không phải là người để đùa cợt nếu anh có một kẻ thù. Chậm rãi và điềm đạm, anh lại rất đáng sợ khi bị buộc phải hành động. Anh mang tới các mục đích của đời anh cùng một sự quyết tâm đã làm cho anh nổi bật giữa các sinh viên y khoa. Anh đã quyết định gác bỏ công việc trong một ngày, nhưng anh hiểu rõ rằng cái ngày đó không phải là uổng phí. Anh từ chối không thông báo các kế hoạch của anh với ông chủ nhà, và vào lúc 9 giờ thì anh đi trở về Oxford.
Đến đường High Street anh ghé vào hiệu Clifford bán vũ khí, và mua một khẩu súng ru-lô lớn với một hộp đạn. Anh nhét sáu viên đạn vào ổ súng, lên cò và để súng vào túi áo. Sau đó anh đi tới phòng của Hastie; anh chàng chèo thuyền cường tráng đang vừa đọc tờ Sporting Times vừa nhấm nháp bữa điểm tâm.
- Hà! Chuyện gì vậy? - Anh ta hỏi - Anh uống một tách cà phê nhé?
- Không, cảm ơn. Hastie này, tôi muốn anh đi với tôi, và anh sẽ làm điều gì mà tôi yêu cầu làm.
- Đồng ý, chàng trai của tôi!
- Và tôi muốn anh mang theo một cái gậy.
- Này, này...
Hastie trợn mắt, ngạc nhiên.
- Đây là cái gậy đi săn, nó có thể đánh gục một con bò.
- Thứ khác nữa. Anh có một hộp dao giải phẫu. Đưa cho tôi cái dài nhất.
- Đây này. Tôi thấy như anh đang đi ra trận chiến.
- Không còn gì khác nữa à?
- Không, thế là đủ rồi.
Smith dắt con dao giải phẫu vào trong áo và dẫn Hastie tới phía sân nhà anh.
- Cả anh và tôi, chúng ta không phải là hạng người hèn nhát, Hastie ạ. - anh nói - Tôi nghĩ rằng tôi có thể hành động một mình nhưng tôi yêu cầu anh đi với tôi là để phòng hờ. Tôi sẽ nó i chuyệ a vớ Bellingham. Nếu tôi chỉ có chuyện với mình hắn, thì tôi sẽ không cần tới anh. Tuy nhiên, nếu tôi kêu lên thì anh sẽ chạy lên và sẽ dùng cái gậy đập hết sức mạnh vào tất cả những gì xuất hiện. Hiểu chứ?
- Hiểu. Tôi sẽ chạy lên nếu tôi nghe thấy anh kêu.
- Trong khi chờ đợi, anh cứ ở đây. Có lẽ tôi sẽ vắng mặt trong chốc lát thôi, nhưng chớ động đậy gì trước khi tôi đi xuống.
- Tôi không nhúc nhích một tí nào.
Smith leo lên cầu thang, mở cửa phòng Bellingham và đi vào Bellingham đang viết trên bàn. Bên cạnh hắn, cái hòm đựng xác ướp đứng ngay ngắn, với số 249 ghi bên ngoài và kẻ chiếm ngụ gớm ghiếc cứng đờ ở bên trong. Smith quan sát kỹ càng các ngõ ngách trong phòng, đóng cửa lại, đi về phía lò sưởi, đánh một que diêm và đốt lửa lên. Bellingham nhìn anh với một vẻ lẫn lộn vừa hoảng sợ vừa tức giận điên cuồng.
- Này, anh tưởng là nhà anh đây hả? - Anh ta nói với một giọng thiếu tự tin.
Smith ngồi xuống một cách cương quyết, để cái đồng hồ của anh lên bàn, móc súng ru-lô ra, kiểm tra lại để thấy nó vẫn có đạn trong ổ, và đặt nó trên đầu gối anh. Rồi anh móc con dao giải phẫu từ trong túi ra và quăng nó cho Bellingham.
Anh nói:
- Bây giờ bắt tay vào công việc! Hãy cắt nát cái xác ướp này đi cho tôi.
- Ồ, là như vậy à? - Bellingham cười ngạo nghễ.
- Phải, là như vậy! Người ta nói chắc với tôi rằng pháp luật không thể làm gì chống lại anh. Nhưng tôi đem đến một thứ pháp luật, nó sẽ giải quyết vụ việc. Nếu trong năm phút mà anh không bắt tay vào công việc, tôi xin thề có thượng đế là người đã tạo ra tôi là tôi sẽ bắn nát óc anh!
- Anh ám sát tôi à?
Bellingham đứng nhỏm lên khỏi ghế, mặt anh ta xám ngắt.
- Phải.
- Nhưng tại sao?
- Để chấm dứt những hành vi tệ hại của anh. Đã quá bốn phút rồi.
- Nhưng tôi đã làm gì?
- Tôi biết diều đó, và anh biết điều đó.
- Thật là chuyện bịp bợm!!!
- Ba phút.
- Nhưng tóm lại, hãy cho tôi biết các lý do của anh! Anh điên rồi... một thằng điên nguy hiểm! Tại sao tôi lại phải phá hủy các xác ướp của tôi? Nó thuộc về tôi mà, và nó đắt tiền lắm!
- Anh phải cắt rời nó ra và anh phải đốt nó đi!
- Không đời nào!
- Anh chỉ còn hơn một phút nữa thôi.
Smith nâng khẩu súng lục lên và nhìn Bellingham với cặp mắt không thương xót. Trong khi cây kim giây của đồng hồ đang quay, anh nhằm vào Bellingham và đặt ngón tay lên cò súng.
- Này! Này! Tôi sẽ đốt nót - Bellingham gào to.
Trong một sự vội vã mê loạn anh ta giật lấy con dao giải phẫu và cắt vụn thân mình của cái xác ướp, vừa cắt vừa quay nhìn lại để coi chừng người khách khủng khiếp đang theo dõi anh ta, cái xác ướp kêu lắc cắc và xúm xuống với những tiếng khô khan dưới mỗi nhát cắt của lưỡi dao sắc bén. Từ thân thể nó túa ra một lớp bụi dày đặc màu vàng. Những hương liệu, những tinh dầu đã khô cạn vương rải rác trên sàn gác. Bỗng nhiên, trong một tiếng rách xoạt lớn, cái xương sống gãy vụn và cái xác ướp đổ ụp xuống thành một đống màu nâu những chân và tay rời rạc.
- Cho vào lửa! - Smith ra lệnh.
Những ngọn lửa bốc lớn lên và nổ lốp bốp khi chúng bén vào các mảnh vụn, giống như củi khô này. Căn phòng nhỏ có thế giống như buồng đốt lò của một chiếc tàu biển. Hai người đàn ông mồ hôi nhỏ giọt; một người tiếp tục cúi gằm xuống và quăng những mánh cuối cùng còn lại của cải xác ướp vào trong lừa, trong khi người kia canh chừng người này. Một luồng khói dày đặc có mùi thịt cháy khét tuôn ra từ lò sưởi; mùi nhựa thông làm ngột ngạt không khí. Sau mười lăm phút, ở lô số 249 chỉ còn lại vài cái que nhỏ đã cháy thành than.
- Có lẽ anh đã mãn nguyện rồi chứ? - Bellingham càu nhàu. Cặp mắt nhỏ xám xì của anh ta bộc lộ sự hằn học và lo sợ
- Không. Tôi phải trừ bỏ hết các vật liệu của anh, để cho không bao giờ anh còn chơi những trò ma quỷ của anh với chúng tôi nữa. Đốt tất cả những giấy tờ này đi? Chúng có thể liên hệ với các âm mưu của anh.
- Và bây giờ, còn gì nữa? - Bellingham hỏi, khi những tờ giấy đã được quặng vào lò than hồng.
- Bây giờ hả? Cuộn chỉ thảo mà anh để trên bàn tối hôm nọ. Nó ở trong ngăn kéo này, tôi nghĩ vậy.
- Không! - Bellingham kêu lên - Đừng đốt chỉ thảo! Này, anh bạn, anh không biết là anh đang làm gì? Nó là vật độc nhất. Nó chứa đựng một bài học về sự khôn ngoan mà ta không tìm được ở bất cứ nơi nào khác!
- Đốt đi!
- Nhưng này, Smith, không thể được! Tôi sẽ chia sẻ với anh kiến thức của tôi. Tôi sẽ dạy anh tất cả những điều ở trong đó. Ít nhất là hãy để cho tôi chép lại trước khi anh đem đốt nó.
Smith tiến lên một bước và mở ngăn kéo. Anh cầm lấy cuốn giấy đã ngả màu vàng và ném nó vào đống lửa. Bellingham vừa la lớn vừa muốn giật cuốn giấy ra khỏi đống lửa. Smith đẩy anh ta ra một cách thô bạo và đứng yên, chân đè trên cuốn chỉ thảo cho tới khi nó biến thành những mảnh tro không hình dạng.
- Bây giờ thì, thưa ngài B., tôi tin rằng tôi đã nhổ hết răng của anh. Anh sẽ nhận được tin tức của tôi nếu tôi lại bắt gặp anh chơi cái trò này. Và bây giờ thì chào tạm biệt, vì tôi còn phải tiếp tục làm việc.
Đây là câu chuyện của Abercrombie Smith về các biến cố diễn ra trong trường cao đẳng Oxford cổ kính vào mùa xuân năm 1884, hình như Bellingham rời bỏ trường đại học ngay sau đó và hình như anh ta định cư ở Soudan, không ai có thể đưa ra sự kết tội chống lại anh ta. Nhưng trí tuệ của con người thì nhỏ, mà những đường đi của tạo hóa thì lạ lùng; ai dám liều lĩnh đặt để một giới hạn cho những sự huyền bí là những thứ có thể được khám phá bởi những kẻ săn tìm chúng không mệt mỏi?
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

thanhloan đánh máy

**Cuộc thí nghiệm ly kỳ tại Keinplatz**

(The Great Keinplatz Expeiment)

Trong tất cả các khoa học thường gây ra sự hồ nghi cho con người, thứ làm cho giáo sư Baumgarten say mê là thứ thuộc về khoa tâm lý học và những sự liên quan không rõ ràng giữa tinh thần và vật chất. Vốn là một nhà giải phẫu tiếng tăm, một nhà toán học nổi danh, một người có thẩm quyền ở châu Âu về khoa tâm lý học, ông đã cảm thấy thật sự khoan khoái khi từ bỏ những sở trường chuyên môn đã có và sử dụng những kiến thức đã đắc thủ được của ông vào việc nghiên cứu về linh hồn và vào mối liên hệ bí ẩn của các hồn ma. Lúc khởi đầu hồi còn trẻ tuổi, ông đã tưởng như lạc lõng trong một xứ sở xa lạ, nơi mà mọi thứ đều lộn xộn và tối tăm, ngoại trừ một vài sự việc không thể giải thích được và chẳng có liên hệ gì với nhau đã xuất hiện trước mặt ông. Những năm tháng qua đi và kiến thức của vị giáo sư lỗi lạc càng tích tụ thêm (vì kiến thức sinh ra kiến thức, vốn đẻ ra lời), phần lớn những điều xưa kia tỏ ra kỳ lạ với ông nay bắt đầu mang một vẻ mặt mới. Những hệ thống suy luận mới mẻ đã trở nên quá quen thuộc đối với ông và ông đã nhận ra mối liên hệ tại các nơi mà trước đây ông đã không phát hiện ra chút gì. Nhờ vào những kinh nghiệm rải rác trong hai mươi năm, ông đã thu thập được một căn bản của các sự việc và dựa vào đó ông có tham vọng kiến tạo một khoa học mới, chính xác bao gồm môn chữa bệnh bằng nhân điện, môn thông thần học và tất cả các học thuyết cùng loại đó. Mọi việc trở nên dễ dàng với ông nhờ sự hiểu biết toàn hảo của ông về những yếu tố phức tạp nhất trong môn sinh lý học động vật, là môn nghiên cứu về các luồng thần kinh và về các công việc của bộ óc. Thực ra thì Von Baumgarten là Giáo sư Đại học môn sinh lý học tại trường đại học Keinplatz và ông có sẵn trong tay tất cả tài liệu trong phòng thí nghiệm của ông để dùng vào những cuộc sưu tập mới mẻ nhất.
Cao lớn và mảnh khảnh, giáo sư Baumgarten có một bộ mặt thô kệch và một cặp mắt màu thép xám linh hoạt một cách dị thường và rất sắc sảo. Sự suy tư đã vạch ra nhiều nếp nhăn trên trán ông cũng có vẻ cau có, nhưng người ta sẽ lầm nếu coi cái bề ngoài này là sự thật, vì nếu ông là người khắc khổ, ông lại có từ tâm. Các sinh viên rất mến ông, sau mỗi buổi học họ đứng vây quanh ông và họ say sưa nghe ông đưa ra những lập luận kỳ lạ. Ông thường nhớ tới những người tình nguyện trong bọn họ để thử một cuộc thí nghiệm sảng khoái về cách chữa bệnh bằng nhân điện.
Anh chàng nồng nhiệt nhất trong đám môn đệ trẻ về khoa học đó tên là Von Harman. Các bạn bè của anh ta đôi khi kinh ngạc khi thấy một gã con trai dữ dằn và lông bông, chắc chắn anh là một gã ngông nghênh nhất trong bọn các thanh niên quê quán ở thung lũng sôn Rhin, mà lại dành rất nhiều thời giờ để tìm những công việc mơ hồ hoặc để phụ giúp vị giáo sư trong các cuộc thí nghiệm của ông. Thật ra, Harman là một tên láu cá, anh ta đã rõ những gì anh ta làm. Trước đó nhiều tháng anh ta đã tỏ tình với cô thiếu nữ Elise, cô gái có mái tóc vàng nâu và đôi mắt màu xanh, ái nữ của vị Giáo sư, mặc dù anh đã được nghe tự chính miệng cô nói ra rằng không phải cô đã vô tình trước sự ân cần của anh, nhưng chưa bao giờ anh dám ra mắt cha mẹ cô trong tư cách một vị hôn phu. Do đó anh đã gặp nhiều khó khăn để gặp cô thiếu nữ, nếu anh không kiếm ra được cái cớ là tới phụ giúp vị Giáo sư. Với mưu chước này anh thường tới nhà vị thông thái già cả và anh đã mạnh dạn tham dự vào mọi cuộc thí nghiệm có thể làm được và có thể tưởng tượng được nếu như anh có cơ hội nhìn thấy cặp mắt long lanh của Elise hay sờ vào bàn tay nhỏ bé của cô.
Chàng thanh niên Von Harman là một anh con trai khá đẹp và như ngươì ta nói, một số ruộng đất đáng kể sẽ lọt vào tay anh khi nào cha anh chết đi. Nhiều bậc cha mẹ sẽ hài lòng với một chàng rể như vậy cho con gái của họ. Nhưng bà giáo sư đã cau mày mỗi khi bà nhìn thấy anh trong nhà bà và bà cằn nhằn ông Giáo sư về việc đã rước một con sói vào gần con cừu non của họ. Thật sự thì Harman đã mang tiếng không được tốt lành tại Keinplatz, chẳng có cuộc đánh lộn nào, cuộc đọ kiếm nào, vụ tai tiếng nào mà anh chàng thanh niên thung lũng sông Rhin này lại không đứng đầu sổ. Không ai dám dùng một ngôn ngữ phóng túng hơn và ngỗ nghịch hơn. Không ai uống rượu nhiều hơn, không ai say mê bài bạc hơn, không ai lại vô tích sự hơn, ngoại trừ trong lãnh vực rất đặc biệt này? Do đó ta không lấy gì làm kinh ngạc về việc bà Baumgarten phải gìn giữ cô gái cưng của bà và tỏ ra khinh miệt sự ve vãn của anh chàng bất hảo này. Về phần vị giáo sư lỗi lạc, ông đã quá say mê với các công việc của riêng ông nên ông chả có ý kiến gì.
Đã nhiều năm nay, một vấn đề đã làm ông nhức nhối. Tất cả những cuộc thí nghiệm của ông điều xoay quanh một điểm duy nhất. Mỗi ngày hàng trăm lần, vị giáo sư tự hỏi rằng liệu hồn một người có thể tự rời bỏ thể xác trong ít lâu và sau đó lại trở về được không. Lần đầu tiên khi giả thuyết này hiện ra trong đầu óc ông, ông đã tự phẫn nộ với mình: giả thuyết đó đã vấp phải một cách kịch liệt những ý tưởng có từ trước và những định kiến của nền học vấn sơ thủy của ông. Tuy nhiên, trong khi ông tiến hành trên con đường nghiên cứu độc đáo của ông, ông cũng dần dà từng bước một thoát ra những trở ngại lỗi thời và trở nên sẵn sàng đối diện với bất kỳ một kết luận nào phù hợp có thể tồn tại bên ngoài vật chất. Sau hết ông nảy sinh ý nghĩ cho rằng với một cuộc thí nghiệm táo bạo chưa ai dám thử bao giờ, vấn đề này có thể sẽ được giải quyết dứt khoát.
Ông đã viết một bài báo nổi danh đăng trong một tờ báo về y học ở Keinplatz vào thời đó nói về các thực thể mà mắt con người không thể nhìn thấy được, một bài báo đã làm điên đầu các giới khoa học. Đại khái ông nói: Rõ ràng là trong một vài hoàn cảnh nào đó linh hồn hay tinh thần tự động tách rời khỏi thể xác. Trong trường hợp một người được chữa bệnh bằng phép thôi miên, thể xác nằm yên trong trạng thái bất tỉnh nhưng linh hồn thì đã rời bỏ đi. Người ta có thể trả lời tôi rằng linh hồn vẫn còn ở đó, nhưng nó trong tình trạng ngủ say. Tôi xin trả lời rằng chắc chắn là không phải như vậy: ta sẽ giải thích thế nào về khả năng thấu thị, tức là nhìn thấy quá khứ, vị lai, là thứ đã bị mất uy tín vì cái trò bịp bợm láo khoét của một vài kẻ đê tiện, nhưng vẫn là một sự kiện đã được chứng minh và không thể chối cãi được? Chính tôi đây là một người nhạy cảm, tôi đã có thể đạt được một sự mô tả chính xác những điều gì diễn ra rong một căn phòng hay một căn nhà bên cạnh. Làm thế nào để giải thích sự hiểu biết đó, nếu không phải bằng giả thuyết là linh hồn của người đó đã rời khỏi thể xác và đi lang thang trong không gian? Trong một lúc nó được quay về bởi tiếng nói của người phù phép và nó đã nói về những gì nó nhìn thấy rồi nó lại bay đi. Vì lẽ bản chất của linh hồn là không ai nhìn thấy được nó, chúng ta không thể trông thấy nó đi hay tới, nhưng chúng ta thấy ảnh hưởng của những chuyến đi và tới đó trong thể xác của người chịu thí nghiệm, khi thì cứng đơ và bất động, khi thì cố gắng để mô tả những cảm giác của anh ta, những cảm giác anh ta không bao giờ đạt tới bằng các phương tiện tự nhiên. Tôi nhận thấy có cách chứng minh khả dĩ chấp nhận được cho sự kiện này. Mặc dù nằm trong xác thịt của chúng ta, chúng ta không thể nhìn thấy những linh hồn này, những linh hồn của chính chúng ta, nếu chúng ta có thể tách rời chúng khỏi thể xác của chúng ta, chúng sẽ ý thức được sự hiện diện của chúng. Dó đó tôi có ý định làm bằng phép thôi miên một người học trò của tôi sau đó tôi sẽ tự làm mê tôi theo một cách thức đã rất quen thuộc với tôi. Rồi thì nếu giả thuyết của tôi là đúng, thì linh hồn của tôi sẽ không gặp một khó khăn nào để bắt liên lạc với linh hồn anh học trò của tôi, linh hồn cả hai chúng tôi đều tách rời khỏi thể xác của chúng. Tôi hy vọng sẽ có thể công bố các kết quả của cuộc thí nghiệm lý thú này trong số sắp tới của tờ báo Y Học Keinplatz.
Khi vị Giáo sư đức độ giữ lời hứa và cho công bố bản báo cáo về cuộc thí nghiệm của ông, câu chuyện của ông có vẻ dị thường quá đến nỗi nó được đón nhận với một sự nghi ngờ chung của mọi người. Luận điệu của một vài tờ báo còn có vẻ rất gay gắt trong những bài bình luận của họ. Nhà thông thái giận dữ tuyên bố rằng từ nay ông sẽ không bao giờ mở miệng nói về vấn đề này nữa. Và ông đã giữ đúng lời nói của ông. Tuy nhiên câu chuyện kể ra sau đây đã được rút ra từ những nguồn tin xác thực nhất và các sự việc được kể lại có thể được xem là chính xác một cách thực tế.
Ít lâu sau cái ngày mà vị giáo sư tiết lộ ý định về cuộc thí nghiệm, vừa đề cập trên đấy, trong khi trở về nhà ông gặp một toán sinh viên hay quấy phá ồn ào đang từ một quán rượu bên cạnh nhà ông đi ra (và toán này được dẫn đầu bởi anh thanh niên Harman đang say bí tỉ). Vì ông vừa trải qua nhiều giờ mệt mỏi trong phòng thí nghiệm, nên ý ông muốn lảng tránh họ, nhưng cậu môn đồ đứng ra chận đường ông đi:
- Ủa này, ông thầy đáng kính của tôi. - Anh ta la lên, níu lấy ống tay áo của nhà thông thái già cả và đi sát bên cạnh ông. - Tôi có một chuyện để nói với thầy và nó rất dễ cho tôi nói với thầy bây giờ hơn là vào lúc nào khác, khi mà rượu bia ngon đang kêu vo vo trong đầu tôi.
- Điều gì vậy, Harman? - Nhà sinh lý học hỏi lại, trong khi nhìn anh ta với một vẻ dịu dàng và ngạc nhiên.
-Thưa thầy, tôi nghe tin thầy sắp làm một cuộc thí nghiệm rùng rợn, ý thầy muốn đem một linh hồn khỏi một thể xác, rồi sau đó làm cho nó trở lại với thể xác. Có phải thật như vậy không?
- Đúng vậy, Harman ạ.
- Thưa thầy kính mến, thầy có nghĩ rằng thầy có thể sẽ gặp khó khăn để tìm ra một người nào đó chịu làm một cuộc thí nghiệm như vậy không? Thử nghĩ rằng linh hồn bay đi và không chịu trở về nữa, đây thật là một việc nguy hiểm. Ai mà dám chơi cái trò nguy hiểm này?
- Nhưng mà này Harman, - Vị Giáo sư kêu lên, ông rất bối rối vì ý kiến này đối với công việc của ông. - Tôi trông đợi vào sự giúp đỡ của anh đó. Này, anh đừng làm tôi lỡ việc nhé! Anh suy nghĩ gì về danh dự và sự vinh quang!
- Chà, chà! - Anh sinh viên cười nhạo. - Dễ thường lúc nào tôi cũng bị gán ghép những trò vớ vẩn ấy à? Có phải là tôi đã ngồi yên hai tiếng đồng hồ trên cái ghế cách điện bằng thủy tinh trong khi truyền điện vào thân thể tôi không? Có phải là thầy đã kích động vào dây thần kinh của tôi, hủy hoại bộ máy tiêu hóa của tôi với một dòng điện chạy quanh bao tử của tôi không? Thầy đã làm tôi mê ba mươi tư lần và tôi có được lợi lộc gì ở đó không? Chả có quái gì hết. Đến bây giờ thầy lại muốn làm cho tôi xuất hồn, như kiểu thầy tháo máy một cái đồng hồ vậy. Thật là quá sức chịu đựng của xác thịt con người!
- Lạy chúa tôi! - Vị Giáo sư kêu lên, vẻ bối rối. - Điều đó rất đúng, Harman ạ! Trước đây tôi không bao giờ nghĩ tới điều đó! Nếu anh có thể đề nghị một hình thức đền bù nào, anh sẽ thấy tôi sẵn lòng làm anh thỏa mãn.
- Vậy thì xin thầy hãy nghe đây, - Harman nói một cách nghiêm trang - Nếu thầy hứa tôi rằng sau cuộc thí nghiệm này, thầy sẽ gả cô con gái thầy cho tôi thì tôi sẽ bằng lòng phụ giúp thầy. Bằng không thì xin thầy đừng trông đợi gì ở tôi nữa! Đó là những điều kiện của tôi.
- Nhưng phải hỏi ý kiến con gái tôi đã chứ? - Vị Giáo sư hỏi lại sau khi đứng lặng đi một lúc.
- Cô ấy sẽ bằng lòng - Chàng thanh niên đáp lại. - Chúng tôi đã yêu nhau lâu rồi.
- Vậy thì nó sẽ là vợ anh, - nhà sinh lý học tuyên bố một cách chắc chắn. - Vì anh là một thanh niên dũng cảm và là một trong những con bệnh thần kinh khá nhất mà tôi được biết. Tôi xin nói rõ khi anh không bị ảnh hưởng bởi men rượu! Mùng bốn tháng sau tôi sẽ hoàn tất cuộc thí nghiệm của tôi. Anh phải có mặt vào buổi trưa tại phòng thí nghiệm khoa sinh lý học nhé. Đây sẽ là một cuộc biểu diễn kỳ diệu, Harman ạ. Ông Von Gruben sẽ từ Léna tới và ông Hilterstein sẽ từ Bâle tới. Các nhà thông thái vĩ đại nhất của miền Nam nước Đức sẽ có mặt tại đó.
- Tôi sẽ đúng giờ giấc! - Anh sinh viên hứa.
Và họ chia tay nhau. Ông Giáo sư đi về nhà, chân bước nặng trĩu, vừa đi vừa nghĩ tới việc đại sự sắp tới nơi, trong khi chàng thanh niên chệnh choạng đi tìm các bạn bè gây om sòm của anh ta, trong đầu chỉ nghĩ tới cô nàng Elise có cặp mắt xanh, cũng như nghĩ tới cuộc mặc cả mà anh vừa thỏa thuận được với ông bố vợ tương lai của anh.
Vị Giáo sư đã không phóng đại chút nào khi ông nói tới sự chú tâm mà cuộc thí nghiệm mới mẻ về tâm lý của ông đã gây ra ở hầu hết mọi nơi. Còn rất sớm trước giờ ấn định, căn phòng đã bị choán hết chỗ bởi một số đông đảo các vị thông thái. Ngoài mấy vị đức cao vọng trọng mà ông đã kể ra, còn có đại giáo sư Lorshire, người vừa trở nên lừng danh bởi một công trình xuất sắc nói về các trung tâm của sống cổ, cũng từ London tới. Nhiều tài năng lỗi lạc về khoa thông linh học cũng vui lòng chẳng ngại đường xa tới họp mặt, ngay cả một mục sư Tân giáo cũng tới dự với hy vọng là cuộc thí nghiệm sẽ có thể rọi một tia sáng mới vào các chủ thuyết của giáo phái Rose Groix.
Cả hội nghị những con người lỗi lạc này bùng lên trong tràng pháo tay khi giáo sư Von Baumgarten và môn đệ của ông xuất hiện trên bục. Vị thuyết giảng viên, bằng một vài lời được lựa chọn cẩn thận, đã trình bày ý kiến của ông và giải thích tại sao ông có ý định đem ý kiến này vào một cuộc thí nghiệm có tính cách quyết định. Ông nói:
- Tôi tin chắc rằng khi một người bị nằm trong ảnh hưởng của giấc ngủ thôi miên thì trong một thời gian nào đó linh hồn anh ta được giải thoát khỏi xác thịt và tôi thách thức bất kỳ một ai có thể đưa ra một giả thuyết khác để giải thích sự nhìn được quá khứ, vị lai! Tôi hy vọng rằng khi đưa anh bạn trẻ của tôi vào giấc ngủ thôi miên và đồng thời sau đó làm cho chính tôi cũng ngủ luôn, linh hồn của chúng tôi sẽ có thể nói chuyện với nhau, trong khi thể xác của chúng tôi vẫn nằm yên bất động. Sau một thời gian nào đó, tạo hóa sẽ nắm lại quyền của mình, linh hồn của chúng tôi sẽ tái nhập, hồn nào về thể xác của hồn ấy và mọi việc sẽ trở lại như trước. Với sự cho phép của quý vị, bây giờ chúng tôi xin bắt đầu cuộc thí nghiệm.
Những tiếng vỗ tay lại vang lên; sau đó các khán giả yên lặng trông chờ. Trong một vài thoáng qua nhanh chóng, vị Giáo sư đã đánh mê gã thanh niên, khiến anh ngồi rũ xuống trên ghế, người nhợt nhạt và cứng đơ. Rồi ông móc ở trong túi ra một trái cầu tròn bằng thủy tinh và ông tập trung nhãn tuyến của ông vào trái cầu đó và làm một nỗ lực lớn lao về tâm thần, ông đã đạt tới chỗ tự đặt mình vào cùng một tình trạng như vậy. Thật là một quang cảnh dị thường và cảm kích khi nhìn thấy ông già và cậu sinh viên trẻ, cả hai người cùng ngồi trong sự mê man bất tỉnh. Vậy thì linh hồn họ đã bay đi đâu? Đó là một câu hỏi mà tất cả mọi người tham dự đều tự đặt ra cho mình.
Năm phút đã trôi qua, mười phút, rồi mười lăm phút và rồi mười lăm phút nữa. Ông Giáo sư và cậu học trò của ông vẫn ngồi nguyên bất động trên bục gỗ và các nhà thông thái hội họp tại đó vẫn chưa nghe thấy một tiếng động nhỏ nào. Tất cả mọi cặp mắt đều đổ dồn vào hai khuôn mặt tái mét để chờ đón dấu hiệu đầu tiên của sự tỉnh lại của họ. Gần nửa giờ đã trôi qua và sự kiên nhẫn của các khán giả đã được đền bù lại. Những màu sắc mơ hồ đã trở lại trên đôi má của giáo sư Baumgarten: linh hồn đã trở về nơi cư trú trên trái đất của nó. Đột nhiên, ông duỗi thẳng hai cánh tay dài, gầy guộc của ông, như ông đã thức giấc. Ông dụi mắt, đứng lên và nhìn chung quanh mình ông; ông có vẻ như không biết là mình đang ở đâu.
- Kỳ cục quá! - ông kêu lên trước khi xổ ra một tràng chửi thề của miền Nam nước Đức, trước sự vô cùng kinh ngạc của cử tọa và trước sự xấu hổ của người đệ tử của Swedenborg (người sáng lập ra một giáo phái mới). - Đồ quỷ sứ, tôi đang ở đâu đây, việc gì đã xảy ra? À phải, bây giờ thì tôi nhớ ra rồi! Đây là một trong các cuộc thí nghiệm ngu xuẩn về lối làm mê bằng nhân điện... Lần này không có kết quả, vì tôi không nhớ một chút gì từ lúc tôi mê đi. Vậy là tất cả các ngài đều đi chơi uổng công, các ông bạn quý về khoa học của tôi ạ. A, đúng là một chuyện nhảm!
Nói xong vị Giáo sư sinh lý học phá lên cười và lấy tay vỗ vào đùi một cách hết sức tục tĩu, những vị khách của ông đã quá bực bội khi thấy mình bị đối xử như vậy, đến nỗi sự lộn xộn chắc chắn sẽ nổ ra nếu không có sự can thiệp khéo léo của chàng thanh niên Von Harmen vừa tỉnh dậy khỏi giấc ngủ li bì. Tiến bước tới mãi rìa bục gỗ, anh sinh viên cố gắng xin lỗi về lối cư xử đáng giận của ông Giáo sư. Anh tuyên bố:
- Tôi lấy làm tiếc mà nói rằng đó là một thứ lộn xộn đầu óc, mặc dù có sự nghiêm chỉnh mà anh ta đã giả bộ lúc bắt đầu mở cuộc thí nghiệm. Anh ta còn bị sự phản ứng của cơn ngủ mê nhân tạo và quý vị không thể bắt anh ta chịu trách nhiệm về ngôn ngữ của anh ta.
Còn như về chính buổi thí nghiệm, tôi không coi nó là một sự thất bại. Rất có thể là linh hồn của chúng tôi đã nói chuyện với nhau trong không gian trong giờ phút đã trôi qua đó; nhưng khổ thay cái trí nhớ thô kệch của thân xác chúng ta là thứ khác biệt với linh hồn của chúng ta và chúng tôi không thể nhớ lại những gì đã xảy ra. Từ nay tôi sẽ dành nghị lực của tôi để tìm ra một phương cách nhờ đó các linh hồn sẽ có thể nhớ lại những gì chúng đã làm trong tình trạng tự do của chúng, tôi hy vọng rằng sau khi tìm thấy phương cách đó tôi sẽ rất hân hạnh được gặp lại tất cả quý vị ở đây, trong căn phòng này và thông báo tới quý vị các kết quả của tôi.
Bài diễn từ ngắn này, do một chàng sinh viên trẻ như vậy phát biểu, đã gây ra một sự kinh ngạc mạnh mẽ trong các thính giả; một vài người cảm thấy bị chạm lòng tự ái một cách khó hiểu và cho rằng anh ta đã có những điệu bộ quá quan trọng. Tuy nhiên, đa số những vị khách dự khán đều coi anh ta là một thanh niên có nhiều tương lai; khi rời khỏi phòng thí nghiệm, họ chỉ có thể so sánh cách cư xử đầy đủ tư cách của anh với sự nông nổi của vị Giáo sư, người mà trong khi anh học trò đưa ra các lời nhận xét, chỉ đứng trong một góc cười luôn miệng, chẳng tỏ ra bối rối chú nào trước thất bại của cuộc thí nghiệm.
Những con người này của giới khoa học đã ra về với cảm tưởng là họ đã chẳng thấy điều gì là đáng chú ý cả, tuy nhiên một trong những việc đáng kinh ngạc nhất trong lịch sử thế giới vừa diễn ra trước mắt họ. Giáo sư Baumgarten đã được công nhận cho lý thuyết của ông theo đó trong một khoảng thời gian nào đó, linh hồn ông và linh hồn anh học trò ông đã rời khỏi thể xác của chúng. Nhưng một chuyện rắc rối bất ngờ đã xảy ra: hồn của Von Harmen đã nhập vào xác Baumgarten và hồn của Baumgarten thì lại nhập vào xác Von Harman. Do đó mới có cái thứ ngôn ngữ toàn tiếng lóng vọt ra từ miệng vị Giáo sư nghiêm nghị; cũng do đó mới có lời tuyên bố đầy vẻ thận trọng của anh sinh viên lông bông. Thật là một sự việc không tiền, khoáng hậu! Không có ai nhận ra việc này cả, hai đương sự lại càng không nhận ra hơn là các người dự khán.
Thể xác vị Giáo sư tức khắc cảm thấy khát khô cả cổ. Ông đi ra phố. Ông vẫn còn cười về kết quả cuộc thí nghiệm, vì hồn của Harman đang nằm trong đó rất vui thích vì đã kiếm được vị hôn thê một cách dễ dàng như vậy. Hành động đầu tiên của anh muốn làm là đi tới gặp nàng, nhưng sau khi suy nghĩ anh thấy tốt hơn là nên chờ cho bà Baumgarten được ông chồng báo tin về sự thỏa thuận đã thì mới thành đạt. Thế là anh đi xuôi về phía tiệm rượu Gruneman, nơi hẹn hò hợp ý của những tên cà chớn tệ hại và anh vung vẩy cây ba toong một cách vui vẻ khi anh bước vào căn tiệm nhỏ hẹp, ở đó đã họp mặt Spigene, Muler và hàng nửa tá những tên bạn vui nhộn khác.
- A, a, các con của ta! - Anh kêu lên, - tớ biết rằng tớ sẽ gặp các cậu ở đây. Hãy uống đi, tất cả chúng ta cùng uống, hãy gọi những gì mà các cậu thích! Hôm nay tớ đãi tất cả một chầu!...
Nếu con người nghiêm nghị mô phạm bất chợt đi vào một quán cà phê và gọi một chai rượu vang thì có lẽ các anh sinh viên cũng không sửng sốt hơn. Trong hai ba phút đồng hồ họ ngẩn người ra mà nhìn ông, không thể trả lời một câu gì trước lời mời thân ái của ông.
- Đem rượu tới đây mau lên! - ông Giáo sư kêu lên trong cơn tức giận. - Các cậu mắc bệnh gì đó? Các cậu ngồi đó mà nhìn tớ như những con heo con bị dính chặt vào một cái ghế. Có chuyện gì vậy?
- Đây là một vinh dự bất ngờ! - Spigene ấp úng nói.
- Vinh dự? Đồ cục cứt! - Vị Giáo sư đáp lại. - Dễ thường các cậu nghĩ rằng vì tớ mới đi biểu diễn phép gây giấc ngủ nhân tạo cho những lão khọm xem nên mới hóa ra quá kiêu hãnh không thèm chơi với những bạn cố tri như các cậu phải không? Hãy rời khỏi các ghế bành này, Spigene, con trai của ta, để tớ ngồi cử tọa. Rượu bia nhé? Hay rượu vang? Hay Schnappse? Hãy gọi thứ gì mà các cậu thích, các con của tớ. Tớ khao mà!
Chưa bao giờ tiệm Gruneman lại có một bữa chiều nhộn nhịp hơn. Những bình rượu bia sủi bọt , những chai rượu vang cổ dài miền sông Ranh được chuyển quanh một cách náo nức. Dần dà các cậu sinh viên đã hết vẻ e dè trước mặt vị Giáo sư của họ. Trong khi ông này la hét, hát hỏng, nói năng lung tung, gầm gừ: ông đặt một cái ống vố dài nằm cân bằng trên cái mũi lớn của ông và ông thách một cuộc thi chạy 100 thước với bất kỳ ai. Đứng phía sau bực cửa lớn, ông chủ tiệm và cô hầu gái của ông ta đang trao đổi những điều họ suy nghĩ bộc lộ sự kinh ngạc của họ trước một cách cư xử như vậy; họ nói, đó có phải là cái cung cách thích đáng cho một vị giáo sư chủ nhiệm của trường Đại học Keinplatz cổ kính không? Rồi đây họ sẽ còn nhiều chuyện để kể lại cho nhau nghe, vì nhà thông thái còn lột cái đáy mũ của ông chủ tiệm và chạy ôm lấy cô hầu gái ở trong bếp.
- Thưa quý vị! - Giáo sư bắt đầu.
Ông ta đứng lên chỗ đầu cao của cái bàn, người hơi lảo đảo và ông quơ quơ ly rượu vang của ông trước cái mũi lớn của ông.
-... Bây giờ tôi phải giải thích nguyên nhân của cuộc vui này.
- Xin lắng nghe! Xin giữ yên lặng! - Các cậu sinh viên vừa la hét vừa lấy các bình đựng rượu bia gõ mạnh xuống mặt bàn. - Một bài diễn từ! Một bài diễn từ!
- Thưa các bạn, sự việc là tôi hy vọng rằng tôi sắp sửa cưới vợ, - ông Giáo sư tuyên bố, hai mắt ông sáng rực sau cặp kính.
- Cưới vợ! - Một cậu sinh viên ngổ ngáo hơn những cậu khác la lớn lên. - Vậy là bà nhà ta đã qua đời rồi à?
- Bà nào?
- Ô kìa, tất nhiên là Baumgarten!
- À, à! - ông Giáo sư vừa kêu lên vừa cười lớn. - Tớ thấy rằng các cậu đã biết những trở ngại nhỏ của tớ. Không, bà ấy không chết. Nhưng tớ có đủ lý do để tin tưởng rằng bà ấy sẽ không phản đối đám cưới của tớ.
- Bà ấy thật là một người tử tế! - Một cậu sinh viên đưa ra nhận xét.
- Thực ra bây giờ bà ấy còn phải được thuyết phục rằng bà ấy phải giúp cho tớ tìm lấy một cô vợ, - vị Giáo sư nói tiếp. - Bà ấy với tớ không bao giờ thông cảm lẫn nhau cả; nhưng tớ hy vọng rằng các mối bất đồng sẽ chấm dứt và khi tớ cưới vợ bà ấy sẽ tới ở tại nhà tớ.
- Một gia đình sung sướng làm sao! - Một anh chàng có tính hài hước thở dài nói.
- Tớ thề là tớ nói thực đó! Và tớ tính rằng tất cả các cậu sẽ tới dự đám cưới tớ. Tớ sẽ không nêu lên tên tuổi một anh nào, nhưng tớ uống để mừng vị hôn thê bé nhỏ của tớ.
- Chúc mừng vị hôn thê nhỏ bé của ông ấy! – Lũ con trai cà chớn rú lên những tiếng cười lớn. - Chúc mừng sức khỏe của cô nàng. Xin các bạn nâng ly, uống!
Trong lúc có cuộc vui nhộn tại tiệm Gruneman thì một cảnh hoàn toàn khác biệt diễn ra ở một nơi khác. Anh thanh niên Von Harman, với một bộ mặt nghiêm trang và một dáng dấp kiểu cách, đã tra xét lại các dụng cụ về toán học sau cuộc thí nghiệm; sau đó, anh ra một cái lệnh có tính cách bắt buộc cho người canh gác phòng thí nghiệm, rồi anh đi ra và thong thả đi về phía nhà của vị thông thái. Phía trước anh, anh chợt thấy Von Althos, giáo sư khoa Giải phẫu; anh bước mau chân và bắt kịp ông ta.
- Hãy nói cho tôi nghe, Von Althos! - Anh kêu lên và đập vào cánh tay ông ta. - Hôm nọ ông có hỏi tôi một điều cần biết về cái vách ở giữa của các động mạch não bộ. Tôi đã khám phá ra...
- Lạy chúa tôi! - Von Althos la lớn lên, ông vốn là một ông già dễ nổi nóng mà. - Sự láo xược này là nghĩa làm sao? Thưa ông, tôi sẽ đưa ông ra Hội đồng Kỷ luật của trường Đại học về cái tính ngông nghênh của ông.
Nói xong lời đe dọa đó, ông xoay gót chân và đi khỏi. Von Harman hết sức kinh ngạc bởi sự tiếp đón này: "Đây là hậu quả của sự thất bại trong cuộc thí nghiệm của mình." anh tự nhủ vậy. Và anh buồn bã đi tiếp con đường.
Tuy nhiên sự kinh ngạc mới còn chờ đợi anh. Hai cậu sinh viên chạy đằng sau anh để bắt kịp anh. Mấy cậu thanh niên này, thay vì bỏ mũ ra hoặc chứng tỏ một dấu hiệu tối thiểu về sự tôn kính đối với anh, đã thốt ra một tiếng la hét man rợ tỏ vẻ vui mừng và mỗi cậu nắm lấy một ống tay áo của Von Harman muốn lôi anh đi với họ.
- Đồ mất dạy! - Von Harman gầm lên. - Một sự nhục mạ có chủ ý như vậy là nghĩa làm sao? Các anh muốn dẫn tôi đi đâu?
- Đi đập bể đầu một chai rượu vang! - Hai anh sinh viên đáp lại. - Vậy đấy! Hãy đi với chúng tôi! Anh chưa từng từ chối lời mời đó bao giờ mà.
- Tôi chưa từng thấy sự hỗn xược như thế này bao giờ! - Von Harman la lớn lên. - Buông tay tôi ra. Nếu không tôi sẽ đuổi các anh ra khỏi trường! Buông tôi ra, tôi nói với các anh!
Trong tâm trạng điên cuồng không thể kìm hãm được, anh lấy chân đá lung tung.
- Ồ, nếu anh nghĩ như vậy thì anh muốn đi đâu thì đi! - Các sinh viên nói với anh. - Chúng tôi sẽ đi uống ngon lành chẳng cần có anh.
- Tôi biết các anh. Các anh sẽ phải đền tội này! - Von Harman nói với theo họ.
Anh tiếp tục đi về nơi mà anh cho là nhà của anh, rất bực bội vì hai sự cố vừa qua.
Bà Baumgarten đang đứng ở cửa sổ nhìn ra vì bà ngạc nhiên thấy ông chồng về trễ để ăn bữa trưa, bà chợt nhìn thấy anh sinh viên trẻ đi trên đường. Như chúng tôi đã nói, đối với anh này bà đã tỏ rõ một mối ác cảm mạnh mẽ và mỗi khi anh ta mạo hiểm tới nhà bà thì đó là nhờ sự bao che của vị Giáo sư. Sự kinh ngạc của bà khi nhìn thấy anh ta đi tới một mình còn tăng thêm khi anh ta mở cánh cửa phên thưa và bước vào lối đi với dáng điệu của một người tự coi mình là chủ nhân của tình thế. Thấy khó có thể tin ở cặp mắt mình, bà chạy vội ra cửa, tất cả các bản năng của người mẹ đều xao động. Từ các cửa sổ trên cao, cô gái Elise xinh đẹp cũng nhận xét thấy dáng điệu nghênh ngang của tình nhân của cô; tim cô trở nên hồi hộp, cả vì kiêu ngạo lẫn bối rối.
- Chào ông! - Bà Baumgarten nói với anh chàng đang tự do đột nhập vào nhà bà bằng cách ngạo nghễ, chặn đường anh ta ở ngưỡng cửa.
- Martha ạ, thật đúng là một ngày đẹp đẽ! - Anh ta đáp lại. - Đi vào đi, chớ có đứng ở đây như một pho tượng nữ thần ấy, nhưng xin bà hãy gấp gấp dọn bữa ăn trưa đi, vì tôi gần chết đói rồi đây này.
- Martha! Bữa ăn trưa! - Bà vợ của vị Giáo sư nhắc lại, suýt chút nữa thì bà té ngửa xuống.
- Ờ, bữa ăn trưa, Martha ạ, bữa ăn trưa! - Von Harman gầm lên, lúc đó anh đã trở nên dễ nóng giận. - Lời yêu cầu này có gì là khác thường với một người đã làm việc suốt cả buổi sáng? Tôi đợi ở trong phòng ăn. Đem cho tôi bất cứ món gì: xúc xích, củ su, trái mơ, những thứ gì mà bà sẵn có. Nhưng bà làm gì mà cứ đứng nhìn tôi miệng há hốc ra như vậy? Này bà, bà có chịu cất bước đi không nào?
Câu nói sau cùng này, kèm theo một cái dậm chân có vẻ điên dại, đã có hiệu lực làm cho bà Baumgarten hiền hậu bỏ trốn. Bà đóng cửa đứng trong nhà bếp, ở đó bà bị một cơn khủng hoảng thần kinh. Trong khi đó, Von Harman đi vào phòng ăn và ngồi phịch xuống ghế tràng kỷ. Anh ta đang hết sức cáu kỉnh.
- Elise đâu? - Anh ta gọi. - Bọn đàn bà quỷ bắt! Elise!
Bị triệu thỉnh với một cái giọng quá thô lỗ đó, cô thiếu nữ e dè từ trên phòng cô đi xuống.
- Người tình của em! - Cô kêu lên trong lúc âu yếm ôm lấy anh ta. - Em biết rằng anh đã xử sự như vậy là vì anh yêu em. Có phải đó là một mưu chước để gặp em không, anh nói đi?
Von Harman quá giận dữ với rắc rối mới này đến nỗi anh ngồi lặng đi không nói được một câu nào; anh chỉ có thể phóng ra những cái nhìn giận dữ và nắm chặt hai nắm tay lại, đồng thời cố chống đỡ những cái hôn của cô thiếu nữ. Sau hết, khi anh lấy lại được sự ích dụng của ngôn ngữ, anh đã bị lôi cuốn vào một cơn bão tố của sự phẫn nộ quá dữ dội khiến cho Elise phải lùi lại và khiếp sợ ngồi phịch xuống một cái ghế bành.
- Chưa bao giờ tôi phải sống một ngày như thế này! - Von Harman vừa dậm chân vừa la lên. - Cuộc thí nghiệm của tôi đã thất bại. Von Althos đã làm nhục tôi. Hai thằng sinh viên đã ôm lấy tôi trên đường đi. Vợ tôi suýt nữa thì ngất xỉu khi tôi bảo bà ấy cho tôi ăn bữa trưa và con gái tôi nhẩy nhổm lên người tôi để xiết chặt lấy tôi như một con gấu hoang vậy.
- Anh bị bệnh rồi, anh yêu quý của em! Đầu óc anh bị lộn xộn rồi. Anh chưa hôn em một lần nào!
- Không và tôi không có ý định hôn hít gì cả. - Von Harman tuyên bố một cách cương quyết. - Con phải biết thấy thế là xấu hổ chứ. Tại sao con không đi kiếm cho ba đôi giày vải của ba, mà cũng không vào phụ giúp má con làm bữa trưa cho ba?
- Có phải là em đã yêu anh đắm đuối hơn 10 tháng nay để rồi đi tới sự thể như thế này? - Elise kêu lên và chúi gục mặt vào tấm khăn lau mặt của cô. – Em đã phải đương đầu với cơn giận dữ của má em như thế nào? Ôi, anh đã đập nát trái tim em! Vâng, anh đã đập nát trái tim em.
Cô nức nở một cách tuyệt vọng
- Thế là quá lắm rồi, quá sức chịu đựng của tôi rồi! - Von Harman gầm lên. - Đứa con gái này muốn nói chuyện quỷ quái gì? Ba đã làm gì từ 10 tháng nay để gợi ra cho con một lòng yêu mến đặc biệt tới như vậy? Nếu con yêu ba nhiều thì con nên đi kiếm cho ba một ít xúc xích và một ít bánh, thay vì đứng đấy nói lảm nhảm những điều kỳ cục.
- Ồ, anh yêu quý của em! - Cô thiếu nữ khốn khổ kêu lên và lao vào vòng tay của con người mà cô tưởng là Von Harman. - Hãy nói với em rằng anh chỉ bông đùa để làm cho Elise bé bỏng của anh sợ hãi thôi.
Sự ngẫu nhiên muốn rằng lúc mà vòng tay ghì xiết vừa đắm đuối vừa bất chợt này diễn ra thì Von Harman đang ngồi tựa vào một đầu của ghế tràng kỷ, mà ghế này, giống như trường hợp thường xảy ra với các đồ gỗ của người Đức, đã bị xộc xệch và khủng khiễng. Sự ngẫu nhiên còn muốn nói rằng chỗ dưới đầu tràng kỷ có một cái chậu đầy nước, trong đó nhà sinh lý học đã tiến hành vài thí nghiệm về các trứng của cá và ông để trong phòng ăn để giữ một nhiệt độ ngang bằng. Sức nặng của cô thiếu nữ kết hợp với sự mãnh liệt của cái đà xô tới của cô đã làm gẫy nát chiếc ghế tràng kỷ; anh chàng sinh viên kém may mắn té ngửa về phía sau vào trong cái chậu: đầu và hai bàn tay anh bị kẹt cứng trong đó một cách bất tiện, trong khi hai chân anh giẫy dụa một cách tuyệt vọng trong khoảng không. Nỗi cay đắng của anh thật đã quá thể rồi. Phải chật vật lắm anh mới thoát được khỏi tình trạng bực bội này, anh kêu lên một tiếng tức tối chẳng ra mạch lạc gì tay cầm lấy mũ và đi ra chẳng muốn nghe những lời nài nỉ của Elise. Người ướt sũng, nước nhỏ giọt lòng thòng, anh quay trở lại phía thành phố, để kiếm trong một nhà hàng thức ăn và những tiện nghi mà anh đã bị từ khước ở nhà anh.
Trong khi hồn của Baumgarten nằm trong thể xác của Von Harman bước vội trên con đường ngoằn ngoèo dẫn tới thành phố nhỏ bé, ông chợt thấy một ông già đang đi tới phía ông và người này rõ ràng là đang say rượu. Von Harman đứng né ra rìa đường để quan sát người này đang khất khưởng vừa bước đi xiên xọ vừa hát bằng một giọng ồ ề một điệp khúc của bọn sinh viên. Thoạt đầu ông chỉ chú ý tới sự tương phản giữa một ngoại hình đáng kính và một tình trạng buồn khổ như vậy. Rồi ông nghĩ rằng ông rất quen biết người này, tuy nhiên ông không thể nhớ được là ông gặp người này khi nào và ở đâu. Cảm tưởng này trở nên quá mạnh khiến cho khi người lạ đi tới trước mặt ông, ông đứng chắn trước mặt người đó và chăm chú nhìn kỹ ông ta.
- Này, cậu con trai của ta? - Người say rượu hỏi và đến lượt ông ta cũng nhìn kỹ Harman và đứng lảo đảo trước mặt anh. - Tôi đã gặp anh ở nơi quỷ quái nào ấy nhỉ? Tôi biết rất rõ anh cũng như tôi biết chính tôi vậy. Anh là đồ ma quỷ nào vậy?
- Tôi là giáo sư Baumgarten, - người sinh viên đáp lại. - Cho phép tôi hỏi ông rằng ông là ai vậy? Bộ mặt ông không phải là xa lạ đối với tôi.
- Không bao giờ anh được nói dối, anh bạn trẻ. - Người kia nói. - Chắc chắn anh không phải là vị Giáo sư vì đó là một ông già hiền hậu, xấu xí sắp kề miệng lỗ rồi mà anh thì là một thanh niên ngổ ngáo có đôi vai to lớn. Tôi tên là Von Harman, muốn sẵn sàng giúp đỡ anh.
- Chắc chắn là không phải như vậy! - Thể xác của Von Harman kêu lên. - Cùng lắm ông có thể là bố anh ta. Nhưng xin ông nói cho tôi rõ, ông có biết là ông đang mang những cái cúc yếm sơ mi của tôi và sợi giây đồng hồ của tôi không?
- Đồ trời đánh! - Người kia nói như nghẹn tiếng - Nếu anh không đang mặc cái quần của tôi, mà vì cái quần này mà lão thợ sắp may tới xiết nợ tôi, thì tôi, không bao giờ uống rượu bia nữa.
Bực bội vì những việc kỳ cục mà anh ta đã là nạn nhân suốt cả buổi sáng, Von Harman đặt một bàn tay lên trán và nhắm mắt lại. Sự ngẫu nhiên muốn biết rằng (một lần nữa) anh ta chợt nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của chính mình trong một cái vũng nước mà trận mưa đã để lại trên mặt đường. Quá kinh ngạc khi anh nhận thấy anh có một cái đầu của một sinh viên trẻ và trên hết cả mọi phương diện anh là cái phản đề sống động của cái bóng người nghiêm trang và khắc khổ mà linh hồn anh thường quen trú ngụ. Trong một vài phút đồng hồ bộ óc tinh tế của anh ôn lại mọi sự việc xảy ra và đi tới một kết luận không thể tránh được Suýt nữa là anh ngất xỉu đi vì sự kích động.
- Đúng rồi! - Anh kêu lên. - Tôi đã thấy rõ tất cả. Linh hồn chúng ta đã lầm thể xác. Tôi là anh và anh là tôi. Lý thuyết của tôi đã được chứng minh, nhưng với một giá quá đắt! Linh hồn thông thái nhất châu Âu có thể nào đi chơi dưới một cái bề ngoài xoàng xĩnh như thế này không? Ôi, thế là tiêu tan hết những công trình suốt một đời người!
Với sự thất vọng, ông tự đấm vào ngực mình.
- Hãy nói đi! - Chàng Von Harman chính cống nấp trong thân xác vị Giáo sư đưa ra nhận xét. – Tôi thấy rõ sức mạnh của những nhận xét của thầy, nhưng tôi xin thầy đừng vỗ lên người tôi như thế. Thầy đã tiếp nhận thể xác của tôi trong tình trạng tuyệt hảo, nhưng tôi nhìn thấy rằng thầy đã làm nó ướt át và thương tổn và thầy đã làm áo sơ mi của tôi toàn mùi thuốc lá.
- Ăn thua gì việc đó! - Người kia kêu lên một giọng sầu thảm. - Chúng ta sẽ phải sống như thế này mãi. Lý thuyết của tôi đã được chứng minh một cách rực rỡ, nhưng với cái giá khủng khiếp.
- Nếu tôi cũng tin tưởng như vậy thì thực tế cũng sẽ rất buồn phiền. Tôi sẽ làm gì được với những cái chân tay già nua cứng đờ này? Làm thế nào để tôi sẽ tán tỉnh cô Elise và thuyết phục cho cô ấy hiểu rằng tôi không phải là bố cô ấy. Lạy chúa tôi! Mặc dù rượu bia đã làm tôi say mềm, tôi thấy có một cách để thoát ra khỏi tình trạng này.
- Cách nào? - Vị Giáo sư thở hổn hển hỏi lại.
- Này nhé, bằng cách bắt đầu lại cuộc thí nghiệm. Ta lại giải thoát linh hổn chúng ta một lên nữa; rất có thể là chúng sẽ nhập lại vào thể xác liên hệ với chúng.
Chưa bao giờ một người chết đuối lại bám lấy một cọng rơm chặt chẽ hơn là hồn của Baumgarten bám lấy ý kiến này. Trong một sự vội vã điên cuồng, ông kéo lấy cái thân xác của chính ông lên cạnh đường và làm cho nó ngủ mê nhân tạo. Rồi ông lấy từ trong túi ra quả cầu bằng thủy tinh, rồi cũng đi vào một tình trạng như vậy.
Những sinh viên, những nông dân đi qua chỗ đó đều rất kinh ngạc khi nhìn thấy vị Giáo sư lỗi lạc khoa sinh lý và cậu học trò cưng của ông, cả hai cùng ngồi trên một bãi cỏ be bét bùn và hoàn toàn bất động. Sau một tiếng đồng hồ, cả một đám đông tụ tập lại; những người tò mò đang định gọi một chiếc xe tải thương tới để chở họ đi bệnh viện, thì nhà thông thái mở mắt ra và nhìn chung quanh ông. Trong một vài phút, ông có vẻ như quên mất tại sao mà ông lại ở chỗ này; nhưng rồi ông làm mọi người kinh ngạc bằng cách vung vẩy đôi tay gầy guộc của ông bên trên đầu và hét lên với sự mãn nguyện:
- Trời đã giúp chúng tôi! Tôi lại trở lại là tôi! Tôi biết điều đó!
Sự sửng sốt của khán giả cũng lớn lao không kém khi cậu sinh viên đứng phắt dậy, cũng thốt ra một tiếng kêu như vậy; rồi cả hai người đều hoan hỉ nhảy nhót ở ngay giữa đường.
Trong một thời gian nào đó dân cư ở Keinplatz có ý nghi ngờ về sự cán bằng tâm thần của hai diễn viên trong màn kịch này. Khi ông Giáo sư công bố báo cáo về cuộc thí nghiệm của ông trong tờ báo Y học, như ông đã hứa từ trước, ông đã vấp phải từ phía đồng nghiệp của ông đủ mọi thứ ý kiến được trình bày một cách rõ ràng không nhiều thì ít, nhưng đều tóm tắt lại ở điểm này: ông cần phải để ý tới sức khỏe tâm thần của ông, vì một bản công bố khác vào loại này sẽ đưa ông thẳng tới một dưỡng trí viện. Về phần cậu sinh viên, cuộc thí nghiệm cũng dạy cho cậu biết rằng cậu nên im tiếng đi thì có lợi hơn.
Dù sao thì buổi chiều hôm đó khi vị Giáo sư lỗi lạc về tới nhà mình, ông đã không nhận được sự tiếp đãi thân mật mà ông có quyền mong đợi sau những cuộc phiêu lưu kỳ lạ của ông. Trái lại ông bị bà vợ và cô con gái cằn nhằn một cách thô lỗ, vừa về việc ông thở ra mùi rượu bia, mùi rượi vang và thuốc lá, mà cũng cả về việc ông đã vắng nhà trong khi một tên du đãng trẻ tuổi xâm nhập nhà ông và nhục mạ vợ con ông. Phải mất rất nhiều thời gian, không khí gia đình trong nhà ông Giáo sư mới êm ả được và mất nhiều thời gian hơn nữa để cho bộ mặt dễ gây cảm tình của Von Harman tái xuất hiện trong nhà ông. Tuy nhiên, sự kiên trì thường lật đổ mọi chướng ngại: anh sinh viên đã thành công trong việc làm nguôi ngoai hai người đàn bà phẫn nộ và chiếm lại trái tim cô Elise. Bây giờ anh không còn phải sợ hãi những lời sấm sét của bà Baumgarten, vì anh đã trở thành Trung úy Von Harman trong đạo kỵ binh của Hoàng đế và cô Elise yêu kiều đã tặng anh hai cây giáo nhỏ làm dấu hiệu cho lòng khoan dung của cô.
Kim Lương dịch

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

bebebongbong đánh máy

**Chiếc nhẫn giải thoát**

(The Ring of Thoth)

Ông John Vansta Smith, hội viên của Hội Hoàng Gia, cư ngụ tại số nhà 147A đường Gower, là người có một nghị lực và một khả năng trí tuệ đáng lẽ có thể đưa ông lên hàng đầu của những người nghiên cứu về khoa học. Nhưng ông lại là nạn nhân của một tham vọng muốn bác đủ mọi thứ, tham vọng này thúc đẩy ông muốn tỏ ra lỗi lạc trong nhiều lảnh vực hơn chỉ là vượt trội trong ngành thôi. Tuy hãy còn trẻ, ông đã tỏ ra có những sở kiến làm người ta kinh ngạc về khoa động vật học và thảo mộc học; các bạn của ông đã coi ông là một Darwin thứ hai, khi mà lẽ ra chỉ còn có việc giật lấy chức giác sư ông đã bắt thần từ bỏ nghề đó và tự để mình tự cuốn hút bởi môn hoá học, nhành mà các sự nghiên cứu của ông về các quang phổ của những kim loại đã đưa ông vào Hội Hoàng Gia. Mồi lửa rơm! Ông đã vắng mặt trong một năm trời tại phòng thí nghiệm của ông. Khi quay về, ông gia nhập Hội Đông Phương và công bố một bản tin về các văn bia ở El Kab. Chắn chắn là ông vừa đa năng vừa đa tài.Tuy nhiên những anh bay bướm lắm rút lại thể nào cũng mắc kẹt. John Vansta Smith cũng không thoát khỏi quy luật này. Ông càng đi sâu vào lãnh vực Ai Cập học ông càng thấy say sưa vì khoảng đất bao la mở ra trước mắt ông và vì tầm quan trọng vô cùng của một vấn đề chỉ có thể mang lại những tia sáng về những mầm mống đầu tiên của nền văn minh nhân loại và về nguồn gốc phần lớn các mỹ thuật và khoa học của chúng ta. Ông Smith bị say mê đến mức ông cưới một cô nữ sinh viên trẻ trong môn Ai Cập học, người đã viết một bài luận án về đệ lục triều đại. Đã vững lòng với một căn bản vững chắc dể hoạt động, ông đi kiếm các tài liệu dành cho một công trình hợp nhất sự nghiên cứu của Lepsius với sáng kiến của Champonllion. Việc chuẩn bị cho tác phẩm vĩ đại này bao gồm nhiều chuyến thăm các bộ sưu tầm về Ai Cập tại bảo tàng viện Louvre. Chuyến sau cùng diễn ra vào trung tuần tháng mười năm ngoái; đó là cơ hội của một cuộc mạo hiểm không tầm thường, đáng được thuật lại.
Các chuyến xe lửa thì đi chậm lại và biển Manche rất xấu; vì vậy nhà bác học của chúng ta tới được Paris thì thể xác phát sốt, phát nóng và tinh thần mờ mịt. Tại khách sạn Đại Pháp trên đường Laffitte, ông đã nằm dài trong hai tiếng đồng hồ trên một ghế dài; nhưng ông không thể ngủ được, mặc dù còn mệt mỏi ông quyết định đi tới viện bảo tàng Louvre, để phối kiểm một chi tiết mà vì nó ông đã phải đi tới đây, rồi lại đi chuyến xe lửa buổi chiều tới Dieppe, ông mặc một áo choàng dài, vì trời mưa và ông đi bộ qua con đường lớn Des Italiens và đường Opera. Tại viện bảo tàng Louvre, ông cảm thấy như ở nhà ông vậy; ông vội vã hướng tới chỗ bộ sưu tầm các sách viết bằng chỉ thảo mà ông có ý định tra cứu.
Những người ái mộ điên cuồng nhất của John Vansta Smith chắc cũng phải ngần ngừ khi nói rằng ông là người đẹp trai. Cái mũi lớn mỏ diều hâu và cái cằm nhô ra của ông cho ta một ý niệm về sự linh lợi và đặc tính sắc bén của trí thông minh của ông. Ông mang cái đầu như một con chim và cũng như một con chim, ông ném ra những lời phản đối và những câu ứng đối. Với dáng dấp như vậy, hôm đó ông đứng ở bảo tàng viện Louvre với chiếc cổ áo choàng kéo lên đến tận mang tai, khi tự nhìn mình trong các tủ kính vuông mà ông kiểm kê, có lẽ ông cũng nhận thấy thực ra ông đã có một dáng điệu bình thường, ông đã bị bực bội một cách dũ dội khi ở phía sau lưng ông một giọng nói người Anh đã thốt ra một cách rất rõ ràng:
- Con người kỳ cục!
Nhà bác học không phải là người không có tính kiêu ngạo của ông được biểu lộ bằng sự hoàn toàn hững hờ đối với mọi ý kiến cá nhân. Ông mím môi trong khi nhìn chăm chú cuộn chỉ thảo của ông, nhưng lòng ông chứa đầy mỗi cay đắng đối với tất cả nòi giống của người Anh đang đi nghỉ mát.
- Vâng, - một tiếng nói khác tỏ sự đồng ý. - Đúng thật là một điển hình!
Người thứ nhất nói tiếp:
- Người ta có thể gần như tin chắc rằng cứ ngắm nghía mãi những xác ướp, anh chàng này sẽ tự mình trở thành xác ướp một nửa.
- Thật ra anh ta có diện mạo và dáng dấp của một người Ai Cập.
John Vansta Smith quay gót lại với ý định làm cho các bạn đồng hương của mình xấu hổ bởi một vài lời nhận xét cay độc. Ông đã ngạc nhiên và thấy nhẹ nhõm hẳn khi phát hiện ra rằng hai người thanh niên người Anh đang nói ba hoa đứng quay lưng về phía ông và những lời nói của họ nhằm vào một trong những người bảo vệ viện bảo tàng Lourve đang đánh bóng một mảnh đồng ở phía bên kia của căn phòng.
- Carter sẽ đợi chúng ta ở Palais-Royal, - một trong những người khách du lịch nói, mắt nhìn đồng hồ.
Họ đi xa dần, để nhà bác học ở lại với công việc của ông.
“Ta muốn tò mò biết con người mà mấy thằng cha xuẩn ngốc gọi là một diện mạo và một dáng dấp của người Ai Cập!” John Smith nghĩ. Ông bước nhẹ nhàng để nhìn thấy người đó. Quả thật đó là khuôn mặt mà các cuộc nghiên cứu của ông đã làm ông trở nên quen thuộc. Những nét đều đặn và bất động, vầng trán rộng, cằm tròn trĩnh, nước da màu nâu đen nhạt, tất cả đều là sự mô phỏng chính sác của vô số pho tượng, bức họa để trang hoàng các bức tượng tại nhà ông. Sự việc vượt quá mọi trùng hợp ngẫu nhiên. Người này phải là một người Ai cập. Sự vuông vắn của đôi vai này, sự thót hẹp chỗ hông, anh ta cũng đủ để nhận dạng quốc tịch của anh ta.
Nhón bước trên đầu bàn chân, John Vansta Smith tiến tới chỗ người bảo vệ để nói chuyện với anh ta. Vốn không quen chuyện tầm phào, ông thấy khó tìm được một giọng điệu đúng múc ở giữa sự cộc cằn của kẻ cao sang và lịch thiệp của kẻ ngang hàng. Anh bảo vệ quay nghiêng người. John Vansta Smith chăm chú nhìn nước da của con người mà ông cho là dân Ai Cập, ông có cảm tưởng rằng nước da này có cái gì đó không bìng thường. Chỗ thái dương và lưỡng quyền, nó cũng nhẵn lì và bóng loáng như một miếng da khô vậy. Không thể nhìn thấy các lỗ chân lông. Không thể tưởng tượng được một chút ẩm ướt nào trên khoảng da khô khằn đó. Trái lại nó bị vạch thành từng hằn sâu, từ trán xuống tới cằm, bởi hàng ngàn vết nhăn li ti, vết này cắt vết kia, cắt đi, cắt lại trong một hình vẽ lộn xộn.
- Bộ sưu tầm Mephis ở chổ nào? - Nhà bác học hỏi bằng tiếng Pháp.
Ông có vẻ ngượng ngập của một người đặt ra một câu hỏi chỉ với mục đích là để mào đầu một cuộc nói chuyện.
- Đằng kia kìa! - Người bảo vệ trả lời với một giọng thô lỗ, ngấc đầu ra hiệu chỉ về phía bên kia của căn phòng.
-Anh là người Ai Cập, có phải không?
Người bảo vệ ngẩng cao đầu lên nhướng mắt nhìn kẻ đối thoại với mình. Hai mắt anh ta u ám, mở lờ đờ khô khan, như có ám sương mù, chưa bao giờ ông Smith nhìn thấy những con mắt đó, ông nhận thấy trong đáy nước sâu thẳm của chúng có một cảm xúc mạnh, giống như một sự trộn lẫn của hận thù và kinh hoàng.
- Không, thưa ông. Tôi là người Pháp.
Người bảo vệ quay đi và lại cúi xuống cái vật mà anh ta đang đánh bóng. Nhà bác học hết sức ngạc nhiên, chăm chú nhìn anh ta trong một lúc, không nói năng gì cả, rồi ông đi tới ngồi trên một cái ghế ở trong một góc khuất nẻo, phía sau một cánh cửa, ông ghi chép một vài kết quả của công việc sưu tầm của ông về những cuốn chỉ thảo. Nhưng tinh thần ông không ổn định trước thứ tự thường lệ của các công việc của ông, nó cứ nhất mực quay về với người bảo vệ kỳ bí với bộ mặt nhân sự và nước da thuộc khô vậy.
“Ta đã nhìn thấy những con mắt như thế ở đâu nhỉ?” John Vansta Smith tự hỏi mình. “Chúng có vẻ giống như con mắt thằn lằn, mắt một con vật bò sát; loài rắn có một màng thuấn làm cho mắt sáng long lanh. Nhưng trong cái nhìn của con người này có một cái gì hơn thế. Có một sự biểu lộ về quyền lực, về sự khôn ngoan, về sự chán chường sâu đậm và về sự tuyệt vọng không gì mô tả được. Có phải là trí tưởng tượng của ta quá nhiều không? Ta cần phải tra xét lại một lần nữa!”
Ông đứng dậy và ông đi một vòng qua các phòng trưng bày cổ vật ở Ai Cập; nhưng người bảo vệ đã mất dạng.
Thế là ông trở lại ngồi trong cái góc nhà yên tĩnh của ông. Ông đã tìm thấy các tin tức mà ông kiếm trong các cuốn chỉ thảo, ông chỉ còn có việc viết nó trong ký ức của ông còn tươi tắn. Trong một vài phút, cây bút chì của ông đã bay lượn trên tờ giấy; nhưng rồi những dòng chữ của ông đều đi xiêu vẹo và sau cùng thì cây bút chì rơi xuống đất trong khi đầu nhà bác học gục xuống trước ngực. Quá mệt mỏi vì chuyến đi, ông đã ngủ một giấc quá say trong cái góc hẻo lánh sau cánh cửa để đến nỗi những vòng tuần tiễu của bọn bảo vệ, những lời nói trao đổi giữa các khách du lịch và ngay cả tiếng chuông kéo dài báo hiệu giờ đóng cửa cũng không làm ông tỉnh giấc.
Hoàng hôn đã đi sâu vào đêm tối, tiếng ồn ào của sự lưu thông ngoài phố Rivoli đã lắng dịu, chuông đồng hồ nhà thờ Notre Dame đã gióng lên một cách nặng nề mười hai tiếng nửa đêm, nhưng John Vansta Smith vẫn không động đậy. Chỉ mãi tới khoảng một giờ sáng ông mới mở bừng hai mắt. Thoạt đầu ông tưởng là ông đang nằm ngủ ở nhà, trong phòng làm việc. Nhưng qua những tấm kính không có cánh cửa có ánh trăng chiếu sáng và khi ông nhận ra những hàng xác ướp và tủ kính thì ông nhớ lại ông đang ở đâu và tại sao ông lại ở đó. Duỗi thẳng chân tay đang uể oải, ông nhìn đồng hồ và ông vừa nhìn đồng hồ vừa hít hà vui thích. Nhà bác học không phải là người nhút nhát một mảy may và ông có tính ưa thích một hoàn cảnh mới, đây là một trong nhiều đặc tính của giống nòi ông. Diễn biến này sẽ là một câu chuyện thích thú để cho một bài báo sắp tới; một thứ gì để làm nhẹ bớt những suy tư nghiêm túc hơn, hệ trọng hơn. Ông không thấy nóng nực quá, trái lại ông rất thoải mái. Ông không ngạc nhiên về việc người bảo vệ không chú ý tới ông, cánh cửa đã chiếu bóng của nó chùm đúng lên người ông. Một tên trộm chắc cũng không thể mơ tưởng được một nơi ẩn náu tốt đẹp hơn.
sYên lặng hoàn toàn. Ở bên trong hay ơ bên ngoài, không nơi nào có một tiếng động nhỏ, dù là một tiếng nhẹ nhàng nhất. Chỉ có một mình ông với những người chết của một nền văn minh đã chết. Tuy nhiên, ở phía bên kia các bức tường, thành phố đang phun ra mọi thứ chất độc tàn bạo và những cám dỗ sống sượng của thế kỷ 19. Nhưng trong căn phòng nảy thực sự không có một thứ gì, từ bông lúa màu nâu cho tới chiếc hộp có màu sắc sặc sỡ của nhà họa sĩ nhưng không được giữ gìn từ 4.000 năm nay. Ông đứng giữa những tàn tích được mang về từ cái đế quốc xa lắc biển thời gian rộng lớn: từ thành Thèbes oai nghiêm, từ thành Louqsor quý tộc, từ những ngôi đền lớn Héliopolis, từ hàng trăm ngôi mộ đã bị đào bới. Nhà bác học đảo mắt qua những hình hài của con người đã chết, ông đã để bị xâm chiếm bởi một tình cảm xâu xa của sự tôn kính. Ông nghĩ tới những sự nông nổi buổi thiếu thời của ông, tới sự vô nghĩa của chính bản thân ông. Ngồi tựa lưng vào ghế, ông mơ màng nhìn dẫy phòng chiếm ngự tất cả cái chái của toà nhà rộng lớn. Và bỗng nhiên, ông nhìn thấy sáng vàng vọt của một ngọn đèn.
John Vansta Smith ngồi thẵng dậy trên ghế. Ngọn đèn tiến lên một cách thong thả, thỉnh thoảng ngừng lại bất động, rồi lại tiếp tục đi tới. Người mang ngọn đèn di chuyển không một tiếng động, bước chân của y không làm rộn rã yên lặng chung quanh. Ông khách người Anh nghĩ rằng có lẽ đây là những tên kẻ trộm và ông ngồi thu mình trong cái góc nhà. Ngọn đèn đu đưa trong căn phòng thứ nhì trước mặt ông, nó đi vào căn phòng bên cạnh, vẫn không gây một tiếng động nhỏ nào. Bị sợ sệt một cách mơ hồ, nhà bác học nhìn thấy một cái đầu, cái đầu này nom như trôi nổi bập bềnh trong không khí, phía sau ánh sáng của ngọn đèn. Cái đầu người bị bóng tối che phủ, nhưng vẫn được ánh sáng soi rất rõ. Ông không thể lầm được: cặp mắt màu kim loại này, nước da như một xác chết này đều thuộc về anh chàng bảo vệ mà ông đã từng trò chuyện.
Cử động đầu tiên của John Vansta Smith là đi tới gặp y. Chỉ cần một vài lời giải thích là đủ và ông sẽ có thể đi ra bằng một cái gì đó ra vẻ lén lút, điều này làm thay đổi ý định của ông. Rõ ràng là anh bảo vệ không đi tuần tiễu, dưới chân anh ta mang một đôi giày đế bằng nỉ và anh ta nhìn quanh mình trong khi thở hổn hển. John Vansta Smith đứng nép vào một xó để canh chừng anh ta. Ông tin chắc rằng anh bảo vệ chỉ tới đây với một mục đích thầm kín và rất có thể bất hảo.
Dù với mục đích nào đi nữa, anh ta vẫn không tỏ ra một chút e dè nào. Anh ta bước nhanh tới một trong những tủ kính lớn, rút ở trong túi ra một chiếc chìa khóa và mở tủ kính đó. Anh lấy từ ngăn kệ phía trên xuống một cái xác ướp; anh đặt xác ướp này xuống mặt đất với rất nhiều vẻ thận trọng và cả sự trìu mến nữa. Anh đặt ngọn đèn bên cạnh cái xác ướp rồi ngồi xổm xuống theo lối người Đông Phương, với ngững ngón tay dài và run rẩy anh bắt đầu gỡ lớp vải bọc ngoài và những dải vải buộc quanh xác ướp. Những lớp vải này mở ra đến đâu thì một mùi thơm nồng nặc tỏa ra đến đấy, tràn ngập cả căn phòng; những mảnh vụn gỗ thơm và hương liệu rải rác trên các phiến lát của nền nhà.
John Vansta Smith biết rằng xác ướp này chưa bao giờ bị lột bỏ vải bọc. Do đó công việc này đã có một cái gì đó làm ông chú ý một cách say mê. Từ chỗ ngồi quan sát phía sau cửa; ông đã chìa cái mũi lớn của ông ta ra với một sự tò mò càng lúc càng mãnh liệt. Khi đoạn dây vải cuối cùng rơi khỏi một cái đầu đã có tới bốn ngàn năm tuổi tác, ông đã phải kiềm hãm một tiếng kêu vì sự kinh ngạc, sững sờ. Thoạt đầu một làn suối những lọn tóc dài đen óng ánh được bảo vệ; hiện ra một vần trán trắng và thấp được trang điểm bởi một cặp lông mày cong vút một vẻ đài các, một cặp mắt sáng với những lông mi dài, một cái mũi thẳng một cái miệng dịu dàng nhạy cảm và mũm mĩm, rồi tới một cái cằm lẹm vào một cách tuyệt diệu. Khuôn mặt này đều đặn màu cà phê. Nhưng thật là kỳ công của nghệ thuật ướp xác! John Vansta Smith trầm trồ với sự mãn nguyện, hai mắt trố ra.
Tuy nhiên hiệu lực mà cảnh tượng này gây ra cho nhà Ai Cập học cũng chỉ là việc nhỏ thôi nếu đem so sánh với hiệu lực mà anh chàng bảo vệ kỳ lạ cảm thấy. Anh ta giơ hai tay lên trời, anh lẩm bẩm những lời không ai hiểu được, rồi nằm sấp xuống bên cạnh xác ướp, anh ta ôm lấy nó, hôn nhiều lần lên môi và trán của xác ướp.
- Em cưng của anh! Em cưng khốn khổ của anh. - Anh ta rên rỉ bằng tiếng Pháp.
Do sự xúc cảm, giọng nói của anh ta nghẹn ngào, nhưng nhờ có ngọn đèn nhà bác học có thể nhận thấy cặp mắt anh ta vẫn khô khan như hai cục thép vậy. Anh ta cứ nằm như vậy trong nhiều phút, nét mặt cúm rúm, miệng thốt ra những tiếng rên rỉ than van ở bên trên cái đầu xinh đẹp của người đàn bà. Rồi anh ta nở một nụ cười, anh ta đọc lên một vài tiếng của một ngôn ngữ xa lạ và anh ta bỗng đứng dậy với sức mạnh của một kẻ gồng mình lên vì một cố gắng lớn lao.
Ở giữa căn phòng có một tủ kính tròn lớn chứa đựng một bộ sưu tập quý giá các nhẫn đeo tay của người Ai Cập và những viên đá quý. Anh bảo vệ lại gần cái tủ đó và mở nó ra. Anh đặt cái bàn trên mép kệ phía bên và bên cạnh cái đèn này là một cái bình nhỏ bằng đất mà anh vừa lấy ở túi ra. Sau đó anh lấy từ trong tủ kính ra một nắm nhẫn và trên mặt hằn lên một sự hệ trọng lớn lao, anh lần lượt nhỏ lên từng chiếc nhẫn một chất lỏng chứa trong cái bình bằng đất, rồi anh chìa chúng ra trước ánh sáng. Nắm nhẫn đầu tiên chắc chắn đã làm anh thất vọng, vì anh đã vứt chúng nháo nhào vào trong tủ kính và anh lấy ra những cái khác. Thoạt đầu anh chọn lấy một cái nhẫn to thù lù có nạm một miếng pha lê lớn để đưa nó vào thử chất nước kỳ bí. Bất chợt anh thốt lên một tiếng kêu vui thích và giơ hai tay lên. Cử động hấp tấp của anh làm đổ chiếc bình bằng đất; chất lỏng chảy tràn ra mãi tới chân của ông khách người Anh. Anh bảo vệ lấy từ áo ngoài ra một cái khăn màu đỏ, cúi xuống chùi những phiến đá lát nhà và anh ta đã đứng đối diện với John Vansta Smith.
- Xin thứ lỗi cho tôi! - người Anh nói với tất cả sự lễ độ ta có thể tưởng tượng được. - Tôi vì không may mà phải ngủ đằng sau cánh cửa này.
- Và ông đã canh chừng tôi?
Người bảo vệ nói bằng tiếng Anh, bộ mặt như xác chết của anh ta có một biểu hiện tàn độc.
Nhà bác học không hề biết nói dối.
Ông đáp:
- Tôi thú thực rằng tôi đã quan sát cử động của anh và chúng đã gợi óc tò mò của tôi tới chỗ cùng cực.
Lúc đó người kia đã lấy ở trong mình ra một con dao dài lưỡi để trần.
- Nếu tôi phát hiện ông sớm hơn mười phút thì có lẽ tôi đã moi tim ông rồi. Dù sao đi nữa, nếu ông đụng tới người tôi hoặc ông cản trở tôi bất cứ bằng cách nào đó, ông sẽ là một người chết.
- Tôi không muốn cản trở anh. Sự có mặt của tôi ở đây hoàn toàn do sự ngẫu nhiên thôi. Tất cả những gì tôi yêu cầu chỉ là xin anh vui lòng cho tôi ra khỏi viện bảo tàng.
Ông đã nói với một giọng hết sức ngọt ngào vì anh bảo vệ ấn mũi nhọn con dao của anh ta vào lòng bàn tay anh, làm như anh muốn thử lưỡi dao sắc; sắc diện anh ta vẫn còn giữ vẻ hung hãn như trước.
- Nếu tôi tin... - anh ta cất lên tiếng nói âm hiểm. - Nhưng không! Có lẽ như vậy cũng tốt... Ông tên là gì ?
Người Anh nói tên mình cho anh ta biết.
- John Vansta Smith? - Người kia nhắc lại. - Có phải ông là ông John Vansta Smith, người đã viết một bài về El Bak trong một tạp chí ở London không? Tôi có đọc một đoạn trích dẫn của bài đó. Sự hiểu biết của ông về vấn đề này thật đáng khinh.
- Thưa không! - Nhà Ai Cập học phản đối.
- Tuy nhiên nó vẫn cao hơn sự hiểu biết của nhiều nhà thông thái, những người khoa trương nhiều kỳ vọng lớn hơn. Muốn hiểu đời sống cổ xưa của chúng tôi tại Ai Cập, cả những văn bia lẫn những đền đài đều không có tính cách quan trọng. Điều đáng kể là khoa luyện đan của chúng tôi và khoa học kỳ bí là những thứ trên thực tế đã lọt khỏi tay các ông.
- Đời sống cổ xưa của chúng tôi? - Nhà bác học nhắc lại, hai mặt mở to ra. - Lạy chúa tôi! Hãy nhìn bộ mặt của xác ướp!
Người bảo vệ kỳ lạ quay người lại và soi ánh sáng của ngọn đèn vào cái xác người, anh ta thốt lên một tiếng kêu dài đau đớn. Tác động của khí trời đã hủy hoại trọn vẹn nghệ thuật của người ướp xác. Làn da đã xẹp xuống, hai mắt đã chìm vào phía trong, cặp môi hé mở và trưng ra những chiếc răng màu vàng, tuy nhiên cái vết nâu trên trán vẫn còn chỉ rõ rằng đây chính là cùng một khuôn mặt đó, khuôn mặt mấy phút trước đây đã phát lộ biết bao sự trẻ trung và xinh đẹp.
Người bảo vệ vặn vẹo hai bàn tay trong sự buồn thương và kinh hoảng. Rồi anh ta lấy lại bình tĩnh và anh lại phóng cặp mắt đanh thép của anh vào người Anh.
- Việc này không quan trọng, - anh lẩm bẩm với một tiếng nói ồ ề. - Quả thật không quan trọng! Tối nay tôi tới đây với một mục đích đã được cân nhắc kỹ lưỡng. Mục đích đó đã hoàn thành. Tất cả những gì còn lại đều không đáng kể. Lời nguyền ngày xưa không còn hiệu lực nữa. Tôi có thể gặp lại nàng. Có lợi ích gì để tôi kề cà mãi trên cái vỏ ngoài bất động của nàng vì linh hồn nàng đang chờ tôi phía bên kia mức màn.
- Những lời nói kỳ lạ! - John Vansta Smith đưa ra lời phê bình, mỗi lúc ông một tin chắc rằng ông đang đứng trước một thằng điên.
- Thời gian gấp lắm rồi; tôi phải đi, - người kia nói tiếp - Cái giờ phút mà tôi đã chờ đợi từ rất lâu đã tới gần. Nhưng trước hết tôi phải đưa ông ra. Đi theo tôi...
Anh ta cầm lấy cái đèn, đi ra khỏi phòng, vẻ rất bối rối và anh đưa nhà bác học đi qua các phòng về Ai Cập, về Assyrie và Ba Tư. Tới đầu căn phòng cuối cùng về Ba Tư, anh ta đẩy một cánh cửa nhỏ đục trong tường và anh ta đi xuống một cầu thang xoáy trôn ốc. Ông người Anh cảm thấy trên trán mình không khí tươi mát của ban đêm. Trước mặt là một cánh cửa chắc là để mở ra đường, ở bên tay mặt có một cái cửa khác mở hé để lọt vào một tia sáng vàng khè ở hành lang.
- Vào đây! - Anh bảo vệ ra lệnh.
John Vansta Smith ngần ngừ: ông tưởng rằng cuộc phiêu lưu của ông đã chấm dứt và ông sẽ thấy mình ở bên ngoài. Vì sự tò mò của ông khá lớn, ông muốn được biết lý do bí ẩn của sự kỳ bí. Do đó ông dã đi theo người bạn đường kỳ lạ của ông vào trong căn phòng có đèn sáng sủa.
Đó là một phòng nhỏ, tương tự như chỗ ở của một người gác cửa. Một ngọn lửa đốt bằng củi nổ lách tách trong lò sưởi. Ở một bên phòng có một cái giường có bánh xe lăn. Phía bên kia là một cái ghế gỗ; ở giữa là một cái bàn còn mang những tàn tích của một bữa ăn. Ông người Anh không thể chế ngự được một cái rùng mình: tất cả những chi tiết nhỏ nhặt của căn phòng hình như được lấy ra từ một tiệm chạp phô thời cổ xưa. Những đế cắm nến, những cái bình trên lò sưởi, những cái giá sắt để gác củi, những đồ trang trí trên tường đều gợi lên một quá khứ đã trôi qua. Anh bảo vệ buông mình ngồi bịch xuống thành giường và anh ta mời vị khách của mình ngồi trên cái ghế.
- Phải chăng tất cả việc này đều do sự tình cờ mà ra, - anh ta bắt đầu nói với ông bằng thứ tiếng Anh tuyệt hảo. - Có lẽ trời đã định rằng tôi phải để lại sau tôi một lời cảnh cáo dành cho những con người ngông cuồng muốn đem óc thông minh của họ ra chống lại các quy luật của tạo hóa. Tôi sẽ giao lời cảnh cáo đó cho ông. Ông sẽ làm điều mà ông muốn làm. Bây giờ tôi đang nói với ông từ ngưỡng cửa của thế giới bên kia.
“Như ông đã đoán, tôi là một người Ai Cập. Không phải là một trong những mẫu người của cái nòi giống nô lệ hiện đang sống tại châu thổ sông Nil, nhưng là một người còn sót lại của dân tộc hùng mạnh hơn nhiều và kiêu hãnh hơn nhiều, cái dân tộc đã đánh bật dân Do Thái, đã đẩy lùi người Ethiopia trong các sa mạc mạn Nam và đã xây dựng những công trình lớn mạnh làm tràn đầy sự thèm muốn và ngưỡng mộ ở những thế hệ sau. Tôi được sinh ra dưới triều đại Tuth Oses, 1.600 năm trước ngày sinh của Chúa Ki Tô. Ông lùi lại à? Xin ông hãy đợi một chút: ông sẽ mau lẹ nhận thấy rằng tôi đáng được thương xót hơn là đáng sợ hãi.
“Tên tôi là Sosra. Cha tôi là đại tu sĩ đạo Oriris trong đền Abaris. Tôi được nuôi dưỡng trong ngôi đền và được học hỏi tất cả các nghệ thuật mà Thánh Kinh của các ông đã nói tới. Tôi là một người học trò giỏi. Năm 16 tuổi tôi đã biết tất cả mọi thứ mà một người tài trí nhất trong giới tu sĩ đã có thể dạy tôi. Từ lúc đó, tôi tự mình nghiên cứu những điều bí ẩn của tạo hóa và tôi không truyền thụ kiến thức của tôi cho bất cứ người nào.
“Trong tất cả các vấn đề làm tôi say mê, những vấn đề lôi kéo sự chú ý của tôi nhiều hơn lại thiên về bản chất của đời sống. Tôi đã dò tìm một cách sâu xa nguyên lý của sự sống. Mục đích của y học là khu trừ tật bệnh khi nó xuất hiện: về phần tôi, tôi nghĩ rằng có thể phát minh ra một phương pháp để làm cho thân thể được khỏe mạnh, làm thế nào mà mọi sự suy yếu và ngay cả sự chết cũng không làm gì được nó. Chắc là không có ích lợi gì nếu tôi kể cho ông nghe tất cả các việc nghiên cứu của tôi. Nếu tôi mạo muội kể ra, ông cũng sẽ không thể hiểu được. Tôi đã theo đuổi những cuộc nghiên cứu này khi thì ở các loài vật, khi thì ở bọn nô lệ, khi thì ở ngay người tôi. Cũng cần nói với ông rằng kết quả những sự nghiên cứu ấy đã cho phép tôi tìm được một chất, mà một khi được trích vào máu, chất đó ban cho thân thể một sức mạnh khiến nó chống lại được các ảnh hưởng của thời gian, của bạo lực hay của bệnh tật. Chất đó không làm cho người ta thành bất tử nhưng quyền lực của nó bao gồm nhiều thiên niên kỷ. Tôi đã thí nghiệm nó vào một con mèo và sau đó tôi cho nó ăn một thứ thuốc độc có sức giết người mạnh nhất, hiện nay con mèo đó vẫn còn sống ở miền Hạ Ai Cập. Xin ông chớ nghĩ tà thuật. Đó chỉ là một phát minh về hóa học, việc này có thể được tìm lại một cách hoàn hảo.
“Lòng yêu đời rất mạnh ở một người tuổi trẻ. Khi đó hình như tôi đã thoát khỏi mọi nỗi ưu tư của con người vì tôi đã loại bỏ được sự đau đớn và đẩy lùi cái chết tới một kỳ hạn rất xa xôi. Với một tâm hồn thư thái, tôi đã trích cái chất đáng nguyền rủa vào các mạch máu của tôi. Rồi tôi đi tìm một người nào đó ở quanh tôi để cho họ được hưởng lợi ích trong sự phát minh của tôi. Một tu sĩ trẻ ở đền Thoth tên là Parme đã chiếm được lòng ưu ái của tôi hởi tính tình trang nghiêm và học vấn của anh ta. Tôi nói cho anh biết bí quyết của tôi; theo lời yêu cầu của anh, tôi đã chích cho anh thứ thuốc của tôi. Tôi nghĩ rằng như vậy là tôi sẽ có một người bạn cùng tuổi tác với tôi.
“Sau sự phát minh lớn đó, tôi có vẻ lơi là trong các công việc của tôi, nhưng Pamer thì vẫn theo đuổi công việc của anh ta với một nghị lực tăng gấp đôi. Hàng ngày tôi thấy anh loay hoay với các chai lọ của anh và lò cất lọc nước của anh trong đền Thoth nhưng anh không cho tôi biết về kết quả sự nghiên cứu của anh. Về phần tôi, tôi đi dạo trong thành phố và tôi nhìn quanh tôi với một vẻ đắc thắng trong khi tôi nghĩ rằng tất cả những gì mà tôi nhìn thấy đều sẽ phải qua đi, nhưng riêng tôi thì sẽ sống mãi. Các cư dân cúi đầu chào tôi khi họ gặp tôi, vì tiếng tăm về kiến thức của tôi đã lan rộng.
“Vào thời kỳ đó, một cuộc chiến tranh đã diễn ra và vị Đại Quốc Vương đã gởi quân lính ra biên giới phía đông để đánh đuổi quân Hyksos. Một viên thống đốc tới Abaris để trấn đóng thành phố của chúng tôi cho quốc vương. Tôi nghe người ta khoe khoang về nhan sắc tuyệt trần của cô ái nữ của vị thống đốc. Một ngày kia, trong khi đi đạo chơi với Parme, chúng tôi đã gặp cô đó được kiệu trên vai mấy tên nô lệ. Thật là một tiếng sét ái tình. Mới thoạt nhìn tôi đã yêu nàng. Trái tim tôi lịm đi. Một suýt nữa thì tôi đã quỵ xuống chân mấy người khiêng kiệu. Nàng là “vợ tôi”. Tôi không thể nào sống mà không có nàng: Tôi đã thề trước đấng Tối cao là nàng sẽ phải thuộc về tôi. Tôi đã thề điều này với vị tu sĩ thành Thoth. Anh ta đã ngoảnh mặt đi, vầng trán tối sầm lại, nom u ám như bầu trời lúc nửa đêm vậy.
“Tôi khỏi cần thuật lại với ông về những buổi đầu của mối tình chúng tôi. Nàng đã yêu tôi cũng như tôi yêu nàng. Tôi được biết là Parme cũng đã gặp nàng và đã tỏ cho nàng biết rằng anh ta cũng yêu nàng; nhưng tôi có thể mỉm cười về sự say mê đó vì tôi biết là nàng đã hiến trái tim nàng cho tôi.
“Bệnh dịch hạch phát sinh trong thành phố, nhiều người bị mắc bệnh, nhưng tôi đặt bàn tay tôi lên trán họ và tôi đã chữa khỏi bệnh cho họ không chút sợ hãi nào. Nàng thán phục sự ngổ ngáo của tôi. Lúc đó tôi thì thầm nói cho nàng nghe về bí quyết của tôi và tôi khẩn khoản xin nàng để cho tôi thi triển tài nghệ của tôi vào người nàng.
“Tôi nói với nàng:
- Em yêu! Hãy nghĩ rằng bông hoa của em sẽ không bao giờ tàn úa ! Mọi vật khác đều sẽ qua đi, nhưng em và anh, cũng như sự tương thân, tương ái nồng thắm của chúng ta sẽ sống lâu hơn ngôi mộ của vua Chéops.
“Nhưng nàng đưa ra lời phản đối rụt rè, đáng yêu để chống lại tôi.
- Như vậy có đúng không? - Nàng hỏi tôi. – Như thế có phải là cản trở ý muốn của các vị thần linh không? Nếu đấng Osiris cao cả muốn cho chúng ta sống lâu như vậy, tại sao ngài không tự chính mình ban chất nước thuốc này cho các chúng sinh?
“Với những lời tình tứ và âu yếm, cuối cùng tôi đã thắng được sự lo sợ của nàng. Tuy nhiên nàng vẫn còn ngần ngại. Đó là một vấn đề trọng đại! Nàng thở dài. Nàng suy nghĩ về việc này suốt cả đêm. Sáng dậy nàng cho tôi biết quyết định của nàng. Chắc chắn rằng một đêm không phải là quá lâu để cho ta suy nghĩ. Nàng muốn kêu thần Isis để xin ngài chỉ bảo.
“Trong lòng tràn đầy một điều buồn thảm, tôi bỏ mặc nàng lại với những tỳ nữ của nàng. Buổi sáng, sau khóa lễ đầu tiên, tôi vội vã đi tới nhà nàng. Một tên nô lệ đầy vẻ khiếp sợ chặn tôi lại trên bục thềm để nói với tôi rằng bà chủ của hắn bị bệnh, bệnh rất nặng. Tôi chạy xộc ngay vào phòng của nàng; nàng nằm trên giường, đầu tựa trên một cái gối, người rất xanh xao, mắt lờ đờ. Tôi nhận thấy một vệt đỏ trên trán nàng. Tôi biết cái dấu xưa cũ này của địa ngục, đó là cái thẹo của bệnh dịch hạch, một bản án của tử thần.
“Tại sao cứ nói tới thời kỳ khủng khiếp này? Trong nhiều tháng, tôi gần như phát điên cuồng; tôi bị sốt nóng lạnh, tôi mê sảng và tôi không thể chết được. Chưa bao giờ có một người Ả Rập sắp chết khát lại quằn quại đi tìm những cái giếng giống như tôi đã quằn quại đi tìm cái chết. Nếu thuốc độc hay lưỡi dao thép có thể cắt đứt mạch sống của tôi thì ngay tức thì tôi sẽ nối lại mối tình của tôi ở bên kia cánh cửa hẹp. Tôi đã làm thử uổng công. Cái ảnh hưởng đáng nguyền rủa của nước thuốc thật quá mạnh. Một tối nọ, khi tôi nằm lịm trên giường, người suy yếu và chán nản, thì Parme, vị tu sĩ đền Thoth, đi vào phòng tôi. Anh ta tiến vào vòng ánh sáng của ngọn đèn và nhìn tôi với những con mắt sáng rực vẻ vui mừng.
- Tại sao anh để cô thiếu nữ chết? - Anh ta hỏi tôi - Tại sao anh không tăng cường sức khỏe cho cô ta như là anh đã tăng cường sức khỏe cho chính tôi?
- Tôi tới muộn quá. Nhưng tôi không quên một điều gì. Anh cũng yêu nàng mà. Anh là người bạn đường trong sự bất hạnh của tôi. Nghĩ tới nhiều thế kỷ sẽ trôi qua trước lúc chúng ta gặp lại nàng chẳng phải là điều khủng khiếp à? Chúng ta thật đã điên rồ khi coi cái chết là một kẻ thù!
- Anh có quyền nói điều đó! - Anh ta kêu lên trong khi cười một cách man rợ. - Những lời này là tự nhiên trong miệng anh. Đối với tôi, chúng không còn một chút ý nghĩa nào.
- Anh muốn nói gì? - Tôi la lên trong khi chống khuỷu tay nhỏm dậy. - Anh bạn ơi, chắc chắn là sự buồn thương đã phá rối đầu óc anh rồi!
“Sự vui mừng rạng rỡ trên khắp mặt anh ta. Anh ta run rẩy, co dúm người lại như thể bị quỷ ám.
- Anh có biết rằng tôi đi đâu không? - Anh ta hỏi tôi
- Không. Tôi không biết gì về chuyện đó cả.
- Tôi đi gặp lại nàng. Nàng đã được ướp trong ngôi mộ xa xôi nhất, ở gần những cây cọ bên ngoài bức tường thành.
- Tại sao anh lại đi tới đó?
- Để chết! - Anh ta la lên. - Để chết! Tôi, tôi không bị giữ lại bởi những phiền lụy của trái đất.
- Nhưng anh có nước thuốc trong máu anh!
- Tôi có thể bất chấp nó và thắng được nó, - anh tuyên bố với tôi. - Tôi đã khám phá ra một nguyên tố mạnh hơn để triệt tiêu nó. Ngay trong lúc này nó đang hoạt động trong các mạch máu của tôi và trong một giờ đồng hồ tôi sẽ là một người chết. Tôi sẽ gặp lại nàng. Còn anh, anh sẽ ở lại một mình.
“Trong khi chăm chú nhìn anh ta, tôi hiểu rằng anh ta không nói dối tôi. Ánh sáng rối rắm trong cái nhìn của anh phát lộ rằng anh đã thoát khởi quyền lực của nước thuốc.
- Anh hãy dạy tôi nguyên tố của anh đi! – Tôi nói lớn.
- Không bao giờ!
- Tôi van anh hãy dạy tôi! Nhân danh sự khôn ngoan của Thoth, nhân danh sự cao cả của Anubis!
- Vô ích! - Anh ta lạnh lùng trả lời tôi.
- Vậy thì tôi sẽ khám phá ra nó!
- Anh sẽ không thành công đâu! Tôi đã khám phá ra nó nhờ sự tình cờ. Nó có một thành tố mà không bao giờ anh kiếm được. Ngoài cái thành tố nằm trong chiếc nhẫn của đền Thoth, không còn đâu có nữa.
- Trong cái nhẫn của đền Thoth! - Tôi nhắc lại. - Vậy cái nhẫn của đền Thoth ở đâu?
- Cả cái nhẫn ấy nữa, không bao giờ anh biết được nó. - Anh ta trả lời tôi. - Anh đã chiếm được trái tim nàng. Nhưng rút cục lại ai đã thắng? Tôi để anh ở lại với cuộc đời trần tục bẩn thỉu của anh. Những dây trói buộc tôi đã dứt rồi. Tôi phải đi thôi!
“Anh ta quay người đi và trốn khỏi phòng tôi.
“Sáng hôm sau, tôi được tin về cái chết của tu sĩ đền Thoth.
“Tôi dành những ngày sau đó để nghiên cứu. Tôi phải tìm được thứ thuốc độc tinh vi đủ mạnh để thắng được nước thuốc trường sinh. Từ sáng tinh mơ cho tới nửa đêm, tôi cặm cụi trên các ống thí nghiệm và lò lửa. Tôi đã thu thập các chỉ thảo và các chai lọ của tu sĩ đền Thoth. Than ôi, những thứ này chẳng dạy tôi được bao nhiêu! Có nhiều khi tôi tưởng là đã khám phá ra một chi tiết thiết yếu, nhưng rút lại chẳng có ích lợi gì. Tôi đã tìm tòi hết tháng này tới tháng khác. Khi tôi tuyệt vọng, tôi đi tới mộ nàng ở gần những cây cọ. Ở đó, đứng bên cỗ quan tài mà người ngọc đã bị cướp khỏi tay tôi, tôi cảm thấy sự hiện diện dịu dàng của nàng và tôi thề với nàng rằng một ngày kia tôi sẽ gặp lại nàng nếu có bộ óc thông minh của loài người có thể làm sáng tỏ điều kỳ bí.
“Parme nói rằng sự phát minh của anh ta liên quan tới chiếc nhẫn của đền Thoth. Tôi nhớ lại một cách mơ hồ về món trang sức bé nhỏ ấy. Đó là một cái vòng tròn lớn và nặng. Không phải làm bằng vàng, mà bằng một kim loại hiếm có hơn và nặng hơn, lấy về từ các mỏ tại núi Hartal. Đó là chất bạch kim, như các ông thường gọi tên cho nó. Tôi nhớ là chiếc nhẫn có nạm một miếng pha lê rỗng, bên trong miếng pha lê này có thể đã được giấu một vài chất lỏng. Tôi tin chắc rằng bí quyết của Parme không dính gì tới một mình thứ kim loại đó, vì ngôi đền có đầy rẫy những đồ vật bằng bạch kim. Có lẽ đúng là anh ta đã giấu chất thuốc độc quý giá đó trong lỗ hổng của miếng pha lê. Khi tôi vừa mới đi tới kết luận đó thì bằng cách tìm hiểu rõ ý nghĩa một trong các giấy tờ của anh ta, tôi khám phá ra rằng tôi đã có lý và chỉ còn một ít chất lỏng trong miếng pha lê của chiếc nhẫn đền Thoth.
“Nhưng làm thế nào tìm thấy chiếc nhẫn đó? Parme không mang nó trong mình khi anh ta được lột bỏ quần áo để ướp xác: tôi biết rất chắc chắn về điều này. Nó cũng không có ở trong các tư trang của anh ta. Tôi đã tốn công lục lọi tất cả mọi căn phòng mà anh ta đã đi lại, tất cả các hộp đựng đồ, tất cả các chai lọ, tất cả các đồ vật của riêng anh. Tôi đã xem xét tỉ mỉ cát tại sa mạc ở những nơi mà anh ta thường tự dạo chơi. Nhưng chiếc nhẫn đền Thoth vẫn không tài nào tìm thấy. Có lẽ nỗi vất vả và những sự nghiên cứu của tôi cuối cùng sẽ thắng được các trở ngại nếu một tai họa mới không xảy ra.
“Chiến tranh đã được phát động chống lại người Hyksos, nhưng các đạo quân của Đại Quốc Vương đã bị đánh tan tành trong sa mạc. Những bộ lạc du mục xông vào chúng tôi như đàn cào cào trong những năm hạn hán. Trong khắp nước ban ngày thì máu chảy, ban đêm thì những đám cháy hoàn hành. Abaris là thành lũy của nước Ai Cập, nhưng chúng tôi đã không thể đẩy lui bọn man rợ. Thành phố bị thất thủ. Viên thống đốc và các binh sĩ đều bị chặt đầu. Tôi cùng với nhiều người khác bị bắt mang đi.
“Trong bao nhiêu năm dài dằng dặc tôi đã chăn cừu trong những đồng bằng lớn ở gần sông Euphrate. Ông chủ của tôi chết, con trai của ông cũng trở nên già lão, nhưng lúc nào tôi cũng ở xa cái chết như vậy. Sau cùng tôi đã trốn đi được trên một con lạc đà chạy nhanh và tôi trở về Ai Cập. Người Hyksos định cư trong nước mà chúng đã chinh phục được, vị vua của chúng tri vì nước Ai Cập. Abaris đã bị san bằng, thành phố bị cháy rụi và các ngôi đền lớn lao chỉ còn lại một mô đất mà người ta khó lòng nhận ra. Khắp mọi nơi, các ngôi mộ đều bị đào bới và các đền đài đều bị phá hủy. Không còn một vết tích nào về ngôi mộ của nàng tiên của tôi. Mộ được chôn trong bãi cát của sa mạc; những cây cọ để làm dấu cho nơi đó đã biến dạng. Những giấy tờ của Parme và những di vật của ngôi đền Thoth vương vãi rải rác trong các sa mạc của Syrie. Đi tìm kiếm chúng thật cũng uổng công.
“Bắt đầu từ lúc đó, tôi từ bỏ hy vọng một ngày nào đó tìm thấy chiếc nhẫn và khám phá ra liều thuốc tinh vi. Tôi đành phải sống một cách kiên nhẫn mà tôi có thể chịu đựng được, chờ đợi cái ngày mà hiệu lực của nước thuốc tan đi. Làm sao mà ông có thể hiểu được cái tội ác của thời gian, ông là người chỉ biết có một khoảng cách thu hẹp đi từ cái nôi trẻ nít tới nấm mồ! Tôi đã biết được tội ác của thời gian với cái giá mà tôi phải trả bằng cách trôi nổi trên dòng lịch sử. Tôi đã già khi thành Ilion thất thủ. Khi Hérodote tới Memphis thì tôi đã rất già. Khi Tân Thánh kinh xuất hiện trên trái đất thì tôi đã mệt mỏi vì những năm tháng chồng chất. Tuy nhiên, tới ngày nay ông vẫn còn thấy tôi giống như nhiều người khác. Thứ nước thuốc đáng nguyền rủa đó đã bảo vệ tôi chống lại điều mà tôi đã hết lòng mong mỏi. Bây giờ thì, rút lại, tôi đã tới kỳ hạn!
“Tôi đã chu du khắp thiền hạ; tôi dã cư ngụ với tất cả mọi dân tộc trên trái đất. Tôi nói được đủ mọi ngôn ngữ. Tôi học các ngôn ngữ đó để giết thì giờ. Tôi không cần nói rằng những năm tháng đi chậm chạp làm sao, kể từ buổi bình minh dài dặc của nền văn minh cận đại, những năm tháng khủng khiếp thời trung cổ, những thời gian đen tối thuở man rợ. Tất cả những điều này bây giờ đều ở đằng sau tôi. Tôi đã không bao giờ nhìn một người đàn bà khác với lòng thương mến. Nàng tiên của tôi biết rằng tôi vẫn chung thủy với nàng.
“Tôi có thói quen hay đọc tất cả những gì các nhà bác học công bố về Ai Cập cổ đại. Tôi biết tất cả mọi hoàn cảnh: khi thì thoải mái dễ chịu, khi thì khốn khổ, nhưng bao giờ tôi cũng có đủ tiền để mua các báo bàn về đề tài này. Chín tháng trước đây, ở San Francisco tôi được đọc một báo cáo về một vài khám phá thực hiện trong miền Abaris. Suýt nữa thì tim tôi ngừng đập. Bài báo nói rằng chuyên viên về các cuộc đào bới đã dò tìm những ngôi mộ vừa mới phát hiện. Trong một trong những ngôi mộ này, ông ấy đã tìm thấy xác ướp còn nguyên vẹn với một tấm bia xác định rằng đây là xác người con gái của viên thống đốc thành phố vào thời Tuthmoris. Bài báo thêm rằng khi mở quan tài ra, nhà bác học đã tìm thấy một cái nhẫn lớn bằng bạch kim có nhận một miếng pha lê đặt trên mình người đàn bà được ướp. Đó đúng là nơi mà Parme đã cất giấu chiếc nhẫn của đền Thoth! Đúng thật anh ta đã có lý khi nói rằng không bao giờ tôi tìm thấy chiếc nhẫn đó, vì không có người Ai Cập nào lại đi làm vẩn đục linh hồn mình bằng cách đào bới mồ mả của một người bạn đã được vùi sâu chôn chặt.
“Ngay chiều hôm đó tôi rời khỏi San Francisco; một vài tuần lễ sau đó tôi đã ở Abaris, nhìn nhận rằng một vài đống cát và đá cũng xứng đáng để mang tên cái thành phố phồn thịnh này. Tôi vội vàng chạy tới chỗ những người Pháp là những người thực hiện các vụ đào bới này và tôi hỏi họ xem chiếc nhẫn để ở đâu. Họ trả lời tôi rằng xác ướp và cái nhẫn đã được gởi tới viện bảo tàng Boulak ở Le Caire. Tôi đi tới Le Caire, tại đó tôi được biết rằng Mariette Boy đòi quyền sở hữu các thứ đó và đã đưa chúng xuống tàu chở về viện bảo tàng Louvre. Tôi đuổi theo chúng. Sau cùng, trong căn phòng cổ vật Ai Cập, sau một thời kỳ ngăn cách bốn ngàn năm, tôi đã tới bên di thể của nàng tiên của tôi và bên chiếc nhẫn mà tôi đã tìm kiếm bấy lâu.
“Nhưng làm cách nào để đoạt lại những thứ đó? Làm cách nào đem về với chúng tôi? Tình cờ một chân bảo vệ bị bỏ trống. Tôi tìm gặp ông giám đốc. Tôi nói cho ông tin rằng tôi biết rất nhiều về các vấn đề thuộc Ai Cập. Trong lúc nôn nóng tôi đã nói quá nhiều về những vấn đề này. Ông ta bảo tôi rằng có lẽ một chức giáo sư sẽ thích hợp với tôi hơn là một chân gác cửa. Tôi biết nhiều việc hơn ông ấy. Chỉ với sự vụng về quá sức, bằng cách làm cho ông ấy tin rằng ông ấy đã đánh giá quá cao các khả năng của tôi, tôi mới xin được phép ở trong căn phòng này với vài thứ tư trang của tôi. Đây là đêm đầu tiên và cũng là đêm cuối cùng của tôi ở đây.
“Đó là câu chuyện của tôi, ông Vansta Smith ạ. Tôi sẽ không nói nhiều hơn với một người có sự tinh tế như ông. Nhờ một sự trùng hợp kỳ lạ của hoàn cảnh mà đêm hôm nay ông đã thấy khuôn mặt của người đàn bà mà tôi đã yêu vào cái thời quá xa xưa ấy. Tủ kính chứa đựng rất nhiều nhẫn với những miếng pha lê nạm ở mặt và tôi phải thử chất bạch kim để thấy rằng chất lỏng quả thực nằm trong cái nhẫn này và cuối cùng tôi sẽ có thể giải thoát tôi khỏi cái sức khỏe đáng nguyền rủa đó thêm nữa. Tôi cảm thấy đã được giải thoát. Ông có thể kể lại câu chuyện của tôi hay giữ bí mật nó tùy thích ở ý ông. Tôi mắc nợ ông sự bồi thường này, vì đêm nay ông đã chỉ còn cách chết có trong gang tấc. Đúng ra tôi đã phải làm bất cứ một điều gì để khỏi bị cản trở. Nếu tôi đã thấy ông khi tôi đi tới, thì tôi tin rằng tôi đã phải làm cho ông mất hết khả năng làm hại tôi hoặc lên tiếng báo động, hoặc chống lại ý định của tôi. Đây là cửa ra vào. Nó mở ra phố Rivoli. Thôi chào ông”.
Trên hè phố, người Anh quay nhìn lại. Trong một vài giây, cái bóng mảnh khảnh của người Ai Cập hiện rõ trên ngưỡng cửa hẹp. Rồi cánh cửa đóng sập lại và tiếng chốt cửa ken két vang lên trong sự yên lặng của ban đêm.
Sáng hôm sau nữa, sau ngày ông trở về London, ông John Vansta Smith đã đọc một bài báo ngắn rõ ràng của thông tín viên báo Times ở Paris gởi về:
“Tin vặt kỳ lạ tại viện bảo tàng Louvre. Sáng hôm qua, một sự kiện kỳ lạ đã xảy ra trong căn phòng chính về Đông Phương. Những công nhân phụ trách việc lau chùi các phòng và đã tìm thấy một trong những người bảo vệ nằm chết ở đó; hai tay anh ra ôm choàng lấy một cái xác ướp với một vòng tay xiết quá chặt khiến người ta phải hết sức vất vả mới tách rời họ ra khỏi nhau. Một tủ kính đựng những nhẫn và cà rá loại có giá trị đã bị mở ra. Nhà chức trách nghĩ rằng anh bảo vệ đang bê cái xác ướp đi với ý định bán nó cho một nhà sưu tập tư nhân nào đó; nhưng anh ta bị chết bất thần vì bệnh đau tim mà anh ta mắc phải từ lâu. Đó là một người đàn ông với một tuổi tác khó đoán và anh ta có những thói quen dị thường, anh ta không để lại một người nào để thương khóc cái kết cục bi thảm và chẳng hợp thời của anh.”
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

locdinhcong đánh máy

**Hang Blue John**

(The tevror of Blue John Gap)

Câu chuyện được kể ra dưới đây đã được tìm thấy trong những giấy tờ của bác sỹ Jaines Hardcastle, người đã chết vì bệnh lao phổi ngày 4 tháng 2 năm 1908 tại số 36 ở khu nhà Upper Country South Kesington. Những bè bạn thân thiết của ông đã không chịu bày tỏ một ý kiến nào về sự giao dịch có tính cách đặc biệt giữa ông và họ, nhưng họ đã nhất trí nói rằng người bạn quá cố ấy có một tinh thần khoa học và điềm đạm, ông không có vẻ gì là một người giàu trí tưởng tượng và không thể bịa đặt những chuyện ly kì ra ngoài sự bình thường. Tập truyện được để trong một phong bì bên ngoài có hàng chữ như sau: “Bản lược thuật những sự cố đã xảy ra tại vùng lân cận trang trại của cô Allerton, ở Derbyshire miền tây bắc vào mùa xuân năm trước”. Phong bì có dấu niêm kín. Ở mặt sau có những dòng chữ bằng bút chì.
“Bạn Seaton thân mến,
“Chắc chắn bạn sẽ thấy thích thú, có lẽ đôi chút sợ hãi, là sự hoài nghi của bạn khi tiếp nhận câu chuyện của tôi, đã làm tôi không dám nói tới vấn đề này. Do đó tôi để tài liệu này trong các giấy tờ của tôi, sau khi tôi chết rồi không chừng những người xa lạ sẽ bày tỏ sự tin tưởng về tôi còn hơn là bạn của tôi?
Những sự sưu tra được thực hiện để tìm ra nhân vật Seaton đó đều vô hiệu. Tôi xin phép được nói thêm rằng thời gian cư ngụ của người quá cố tại trang trại Allerton cũng như sự mô tả đại cương về các tình huống (tôi không nói tới sự giải thích của ông về vụ này) đã được kiểm chứng rõ ràng. Tôi xin ngưng lời mào đầu ở đây để ghi lại câu chuyện đúng như nó đã được phát hiện.

17 tháng tư – Tôi đã cảm thấy ngay sự bổ ích mà không khí kỳ diệu của vùng cao nguyên mang lại cho tôi. Trang trại nhà Allerton tọa lạc ở độ cao năm trăm thước bên trên mặt biển do đó khí hậu rất lành mạnh. Ngoài những cơn ho thường lệ vào buổi sáng, tôi không cảm thấy một điều gì khó chịu cả. Với sữa tươi và thịt cừu trong vùng, có thể là tôi sẽ lên cân. Tôi tin rằng Sauderson sẽ hài lòng.
Hai cô con gái nhà Allerton đều có vẻ độc đáo và đáng yêu một cách quý phái; cả hai cô đều là gái lớn tuổi, cùng nhỏ bé, nhưng cần mẫn như nhau, họ sẵn sàng dành cho một người bện xa lạ tất cả tấm lòng mà họ có thể hiến dâng cho người thân yêu của họ. Đúng thật, các cô gái già là những người rất hữu ích! Đó là một trong những sức mạnh mà xã hội gìn giữ để dự phòng... nguời ta hay có thiện kiến coi các cô gái già như những người đàn bà vô dụng nhưng nếu không có sự giúp đỡ tận tâm của họ thì một gã đàn ông khốn khổ vô dụng sẽ làm được việc gì? Trở lại câu chuyện, các cô rất mau chóng để lộ ra qua thái độ giản dị cái lý do mà Saunderson đã giới thiệu tôi tới nhà họ. Vị giáo sư là người tự lập thân, hồi trai trẻ đã làm thuê cho các trang trại ở quanh vùng này.
Nơi đây rất hẻo lánh; những cuộc dạo chơi không thiếu gì cảnh đẹp. Trang trại có những đồng cở nằm sâu trong một thung lung lũng lởm chởm đá. Ở hai bên đường có những quả đồi đá vôi kỳ ảo; những tảng đá ở đó rất mềm đến nỗi ta có thể dùng tay bóp vỡ chúng.
Tất cả vùng quê này đều có vẻ như trống rỗng. Nếu tôi có thể đập vào nó bằng một cái búa khổng lồ, chắc nó sẽ vọng lên như một cái trống, nếu nó không tan vụn ra và để lộ một cái biển ngầm dưới mặt đất. Đúng, chắc chắn phải có một cái biển ngầm lớn, vì ở khắp mọi phía đều có những con suối uốn khúc quanh sườn núi, rồi biến mất trong lòng đất, không bao giờ xuất hiện lại nữa. Ở khắp mọi nơi giữa các tảng đá đều có những hang động. Nếu đi vào đó, người ta sẽ vào trong những hang động lớn xuyến sâu vào tận lòng trái đất với vô số khúc quanh. Tôi có một cái đèn nhỏ; và với tôi đó là một sự vui thú lớn khi mang nó theo trong những nơi hoang vắng kỳ bí này và được ngắm nhìn các hiệu ứng của màu đen và màu trắng khi chiếu ánh đèn lên những nhũ đá che phủ các khung vòm cao khi tắt đèn đi; ta đang đứng trong những màn đêm tối tăm nhất. Đốt đèn lên đó là một cảnh tiên trong truyện ngàn lẻ một đêm.
Một trong các hang động kỳ quái này làm tôi đặc biệt quan tâm vì nó là một tác phẩm của con người chớ không phải là của tạo hóa. Trước khi đặt chân đến nơi này, chưa bao giờ tôi nghe thấy người ta nói tới Blue John. Đây là một cái thên đặt cho một thứ kim loại có màu tía rực rỡ, mà người ta chỉ tìm thấy ở hai hoặc ba vùng trên thể giới. Nó quý hiếm đến nỗi một cái bình tầm thường bằng Blue John cũng có giá rất đắt. Với bản năng kỳ lạ của họ, người La mã đã tìm ra kim loại đó trong thung lũng này và họ đã đào một cái hầm xuyên ngang rất sâu trên sườn núi. Cái hầm mỏ của họ được đặt tên là hang Blue John: một vòm cầu đục vào vách núi dùng làm lối ra vào; những bụi cây rậm đã phủ kín miệng hang. Những thợ mỏ La mã đã khoét một hành lang đẹp đẽ chạy xuyên qua những hang động lớn đã bị nước xói mòn đến nỗi nến người nào đi sâu vào hang Blue John, thì tốt hơn hết là nên đánh dấu các tiêu điểm và phải mang theo rất nhiều nến; bằng không sẽ có sự rủi ro rất lớn là có thể không bao giờ còn lại nhìn thấy ánh sáng mặt trời nữa. Tôi chưa dám mạo hiểm; nhưng hôm nay tôi dừng lại ở lối vào của cửa vòm, và đưa mắt nhìn kỹ vào các ngõ ngách tối tăm mà tôi thấy lờ mờ ở phía trong. Tôi tự hứa hẹn rằng ngay sau khi bình phục, tôi sẽ dành những ngày nghỉ để thám hiểm những bí ẩn dưới mặt đất để xem những người La mã đã vào tới độ sâu bao nhiêu trong các ngọn đồi ở Derbyshire này.
Những người dân quê dị đoan quá chừng! Tuy vậy chàng thanh niên Armitage đã gây cho tôi một ấn tượng tuyệt vời! Anh ta có nghị lực và có học vấn; tôi đã đặt anh ta cao hơn vị trí xa hội thực sự của anh ta. Và trong khi tôi dừng bước trước hang Blue John, thì anh ta đi qua đồng cỏ đến nơi và nói với tôi.
- Chào bác sỹ, ông không sợ à, ít ra ông cũng biết sợ chứ?
- Sợ à? Và tôi sợ cái gì cơ chứ?
- Sợ nó đó, anh ấy trả lời tôi và lấy ngón tay cái chỉ vào cái vòm đen sì. Sợ con quái vật sống trong hang động Blue John đó!
Sự dễ tin khiến các chuyện hoang đường được loan truyền trong một vùng hẻo lánh thật không thể ngờ được! Tôi hỏi anh ta về nguồn gốc của sự xác quyết ấy. Hình như ai cũng biết rằng thỉnh thoảng có những con cừu đã mất tích trong đồng cỏ. Armitage quả quyết rằng chúng đã bị bắt đi. Anh ta nhất định không chịu tin là chúng đã bỏ đi lang thang, và bị lạc trong núi. Một lần người ta đã tìm thấy một vũng máu và một vài búi lông. Nhưng tới đó người ta vẫn phải chấp nhận một lối giải thích khá tự nhiên. Hơn nữa, nhũng con cừu mất tích chỉ vào những đêm không có trăng, trời tối đen như mực; tôi phản đối, ai cũng biết rằng một tên ăn trộm bắt gà bắt vịt tầm thường cũng thích chọn những đêm tối mịt để hành nghề nữa là, một lần khác, một lỗ hổng đã được khoét ở một bức tường, và những hòn đã đã bị khuân đi bỏ vương vãi tại một khoảng cách khá xa; theo ý tôi thì đây là công việc của một hay nhiều người. Cuối cùng, Armitage đã tóm tắt tất cả lập luận của anh ta bằng cách kể lại cho tôi nghe rằng anh ta đã nghe rõ ràng tiếng con quái vật và bất cứ ai cũng có thể nghe tiếng của nó, với điều kiện là phải đứng rình khá lâu ở gần hang. Đó là một tiếng gầm xa xôi, với một sức mạnh khủng khiếp. Tôi chỉ có thể mỉm cười vì tôi biết những tiếng vòng kỳ dị phát ra bởi luồng nước ngầm dưới mặt đất chảy quanh co trong các hang sâu đước kết tạo bằng đá vôi. Thái độ không tin của tôi làm Armitage bực bội, và anh ta đã từ giã tôi một cách hơi vội vã.
Nhưng đây là một việc kinh dị nhất trong chuyện này. Tôi vẫn đứng yên ở lối vào hang, và tôi đang ngẫm nghĩ tới tất cả những lời giải thích mà các sự kiện do Armitage kể lại có thể chấp nhận được thì bỗng nhiên từ đáy sâu của hang dội lên một tiếng động hết sức kỳ quái. Biết mô tả nó ra sao đây? Trước hết, nó có vẻ như vọng tới từ một nơi rất xa, phát ra ngay trong ruột của quả đất. Hai là, mặc dù sự xa xôi đó, chắc chắn là rất mạnh. Sau hết, đây không phải là tiếng nổ ầm ầm, cũng không phải tiếng khối băng tan tức khắc gây ra một thác nước hay sự sụp lở các tảng đá; đó là một thứ tiếng rên rỉ chói tai, rung đông, ngâm nga, giống như tiếng hí của một con ngựa. Không còn chối cãi được nữa, tôi thấy mình đang đứng trước một điều gì hết sức đặc biệt, và tôi phải đặt một ý nghĩa mới vào những lời nói của Armitage. Tôi đợi trong một nửa giờ trước cửa hang Blue John, nhưng tôi không nghe thấy gì nữa; do đó tôi quay về trang trại, lòng rất băn khoăn vì sự việc xảy ra. Tôi quyết định sẽ thám hiểm cái hang này khi đã phục hồi sức khỏe! Chắc chắn là sự giải thích của Armitage quá mơ hồ, không đáng bàn luận; nhưng nó cũng không ngăn cản được sự thật là tiếng động kia rất quái dị. Nó vẫn còn vọng trong tai tôi khi tôi viết những dòng này.
20 tháng tư- Trong ba ngày vừa qua, tôi đã thực hiện vài chuyến dạo chơi chung quanh hang Blue John, tôi đã đi vào cả phía bên trong, nhưng không vào quá xa vì cái đèn của tôi không được sáng lắm. Tôi muốn tiến hành một cuộc thăm dò kỹ lưỡng. Tôi không nghe thấy một tiếng động nào giống như tiếng mà tôi tình cờ nghe thấy hôm nọ, đến nỗi tôi phải tự hỏi rằng có phải tôi đã là nạn nhân của bệnh ảo giác có lẽ được gây ra bởi buổi nói chuyện với Armitage? Chắc chắn là ý nghĩ của anh ta không đứng vững được! Tuy nhiên tôi phải nhìn nhận rằng các bụi cây một phần nào lấp kín cửa hang có vẻ như đã bị rẽ ra và bị dẫm nát bởi một con vật to lớn. Tôi bắt đầu thích thú. Tôi không hé một lời với các tiểu thư nhà Allerton: các cô gái đã quá dị đoan rồi! Nhưng tôi mua những cây nến và đơn độc một mình mở cuộc điều tra.
Sáng hôm nay, tôi nhận thấy trong số rất nhiều búi lông cừu rải rác trên các bụi cây ở gần cái hang có một búi nhuốm máu. Tất nhiên là lý trí của tôi bảo tôi rằng nếu những con cừu mạo hiểm vào những nơi thế này, chúng rất dễ bị thương tích vì các tảng đá gồ ghề. Tuy nhiên, khi nhìn thấy những vết máu đỏ thẫm này, tôi run lên và kinh hoàng lùi lại, một luồng hơi hôi thối hình như bốc lên từ những khoảng sâu tăm tối mà tôi cố căng mắt thăm dò một lần nữa. Thật sự có thể có một con vật không có tên, khủng khiếp ẩn nấp trong đó không? Vào lúc hoàn toàn mạnh khỏe, chắc hẳn tôi không thể nào có được loại cảm giác này, nhưng khi ta bị yếu kém về sức khỏe, ta trở nên nhút nhát hơn và óc tưởng tượng gây ra sự quái dị.
Lúc đó, quyết tâm của tôi yếu đi và tôi cảm thấy sẵn sàng từ bỏ việc thám hiểm cái hầm mỏ cũ, và nhìn nhận rằng cái hầm mỏ đó có một điều bí mật. Nhưng chiều hôm nay tôi lấy lại sự hăng hái, những dây thần kinh của tôi đã bình tĩnh lại. Tôi hy vọng là ngày mai tôi sẽ đi sâu hơn vào vấn đề này.
22 tháng tư – Tôi phải dùng cách viết ra giấy để kể lại chính xác tối đa cuộc mạo hiểm ly kỳ của tôi ngày hôm qua. Tôi đã khởi hành vào buổi chiều và đi tới hang Blue John. Tôi xin thú thật rằng những điều linh cảm của tôi lại hiện ra; khi thăm dò những chỗ sâu thẳm của cái hang, đúng ra tôi nên phải có một người bạn đồng hành trong cuộc thám hiểm. Nhưng tôi đã lấy lại sư can đảm, tôi thắp nến lên, vượt qua hàng rào cản của những bụi cây và đi vào bên trong hang.
Trong khoảng chừng hai mươi thước, hang hơi dốc thoai thoải; mặt đất phủ đầy những đá vụn. Tiếp theo là một lối đi dài chạy theo chiều ngang được khoét vào đá kiên cố. Tôi không phải là nhà địa chất học nhưng chắc chắn là cái vòm cong phia bên trong đã được cấu tạo bằng một chất cứng hơn đá vôi; đó đây, ở một vài chỗ, tôi còn nhìn rõ thấy dấu vết của những dụng cụ do những thợ mỏ thời xưa bỏ lại khi họ đào cái hầm này, các dấu vết còn rất rõ ràng và nguyên vẹn như mới có ngày hôm qua, tôi đi chập choạng từng bước một trong cái hành lang cổ xưa như trái đất; ngọn lửa yếu ớt của cây nến chỉ tỏa ra một vòng ánh sáng mập mờ quanh tôi, vào nó còn làm cho bóng tối đen đặc hơn, đáng sợ hơn. Cuối cùng, tôi đi tới một chỗ mà cái hành lang của người La mã đưa tới một cái hang rộng mênh mông do bị xói mòn, với những nhũ đá vôi tích tụ lại trông như cây nến dài. Từ căn phong trung tâm này, tôi nhận ra một cách mơ hồ rằng có nhiều hành lang do các suối ngầm tạo ra đã ăn sâu vào trong lòng trái đất. Tôi lưỡng lự: tôi nên quay trở lại hay cứ liều mạng bước tới trong cái mê cung hiểm nghèo này? Bỗng nhiên tôi cảm thấy dưới chân có một điều gì khác thường.
Một phần lớn mặt đất trong hang được phủ những cục đá hay những tảng vôi. Nhưng ngay ở chỗ tôi đứng, cái vòm rất cao có nước nhỏ xuống làm thành một lớp bùn nhão. Và ở giữa lớp bùn này, tôi phát hiện ra một vết hằn sâu có bề mặt khá lớn; một vết hằn trong một vũng bùn hình thể không rõ ràng, sâu, rộng không đều đặn như kiểu một tảng đá lớn đã rơi xuống nơi này. Nhưng không có một tảng đá nào nằm quanh nơi này và tôi cũng không trông thấy điều gì có thể cho tôi biết về nguyên ủy của vết hằn. Nó rộng qua không thể do một con vật nào gây ra được; hơn nữa, nó là một vết duy nhất, cái vũng bùn không thể bằng một bước mà vượt qua được. Sau khi xem xét kỹ càng, tôi quay ra tìm hiểu bóng tối đen đặc vây quanh tôi, và tôi phải thú thật là trong một vài khoảnh khắc tim tôi đã đập nhanh hơn, và mặc dù tôi đã cố gắng giữ, cây nến vẫn cứ run lên trong bàn tay tôi.
Sau đó, tôi lấy lại ngay can đảm, trong khi nghĩ ngợi rằng vết hằn này, cú theo hình dạng và tầm cỡ phi thường của nó, không thuộc về một con vật quen thuộc nào; ngay cả nó cũng quá lớn để cho là do một con voi đã gây ra. Do đó tôi quyết định là những nỗi lo sợ vu vơ không thể ngăn cản được việc tiếp tục cuộc thám hiểm của tôi. Trước khi đi vào xa hơn, tôi đã thận trọng ghi nhận một gờ đã được hình thành một cách kỳ lạ trên vách đá, gờ đá này sẽ giúp tôi nhận ra cửa vào của cái hành lang của người La mã. Đây là sự thận trọng cần thiết, vì cái hang lớn là giao điểm của rất nhiều hành lang. Sau khi đã ấn định các tiêu điểm, tôi kiểm soát lại số nến và diêm mang theo, và khi đã vững bụng, tôi thong thả tiếp tục tiến bước trên bề mặt gồ ghề lởm chởm đá của cái hang.
Và bây giờ thì tôi gặp một trở ngại làm tôi vất vả, một con suối rộng chừng năm hay sáu thước chảy ngang qua đường đi của tôi; thoạt đầu tôi đi dọc theo nó trong ít lâu để cố tìm ra một chỗ đi qua nó mà không phải lội. Cuối cùng tôi đã nhìn thấy một tảng đá phẳng làm thành một chỗ cạn mà tôi có thể nhảy một bước là tới. Nhưng tảng đá đứng gập ghềnh trong dòng nước chảy đã nghiêng đi khi tôi đặt chân lên và tôi đã ngã xuống nước lạnh như băng. Cây nến tắt ngúm; tôi phải mò mẫm, bì bõm trong khoảng tối tăm mù mịt.
Tôi đã đứng lên được, lòng thấy vui thích hơn là hoảng sợ vì sự rủi ro này. Cây nến đã tuột khỏi tay và bị nước suối cuốn đi. Nhưng tôi còn hai cây khác trong túi áo. Sự cố không có gì quan trong cả. Tuy nhiên, tới lúc tôi muốn châm cây nến thứ hai tôi mới cảm thấy hết sự khó khăn của hoàn cảnh này. Bao diêm đã ướt sũng sau khi tôi ngã xuống nước. Không thể đánh một que diêm nào ra lửa.
Tôi có cảm giác như có một bàn tay bằng đá đề nặng lên trái tim tôi. Bóng tối đục mờ một cách khủng khiếp. Với sự cố gắng lớn lao, tôi tự trấn tĩnh và pháchọa lại trong ý nghĩ hình thể mặt đất của cái hang như tôi vừa nhìn thấy. Hỡi ôi, các tiêu điểm mà tôi có trong đầu lại ở khá cao trên các vách đá và tôi không thể tìm ra chúng bằng cách lấy tay sờ soạng. Tôi nhớ khá rõ ràng vị trí các vách của hành lang; do đó tôi hy vọng là bằng cách lần mò tôi cũng sẽ tới được lối vào hành lang của người La mã. Tôi bắt đầu cất bước di chuyển rất chậm chạp, luôn luôn va vào các vách đá.
Tôi đã mau lẹ hiểu rằng cách thức này sẽ chẳng lợi ích gì. Trong bóng tối dày đặc của màn đêm, tôi đã mất hết mọi ý niệm về phương hướng. Sau khi đi chừng mười bước, tôi không còn biết mình đang ở chỗ nào. Tiếng nước vỗ ì oạp là âm thanh duy nhất tôi nghe thấy, nó chỉ rõ cho tôi biết con suối chảy nơi nào, nhưng từ lúc rời khỏi bờ suối tôi đã bị lạc đường. Tôi phải từ bỏ việc tìm đường trong bóng tối dày đặc.
Tôi ngồi trên một tảng đá lớn và ngẫm nghĩ về cảnh ngộ nguy nan này. Không có ai biết về dự định cuộc thám hiểm của tôi, do đó có rất ít cơ hội để có một toán cứu hộ mạo hiểm vào trong hang Blue John. Tôi chỉ còn trông cậy vào khả năng của chính mình.
Khi tôi bị ngã xuống nước, chỉ có một nửa người tôi bị ướt thôi. Bên vai phải của tôi nằm trên mức nước nên vẫn khô. Tôi cầm lấy bao diêm và tôi đặt nó vào nách bên trái. Tác động của không khí ẩm ướt trong hang có thể đựợc hóa giải bằng hơi nóng thân thể tôi. Nhưng ngay cả trong trường hợp này, tôi cũng vẫn không có ánh sáng trong vài giờ đồng hồ. Tôi chỉ còn cách là phải đợi.
May mắn là tôi đã nhét mấy cái bánh bích quy vào túi trước khi rời khỏi trang trại. Tôi nhai ngấu nghiến chúng bằng cách làm cho chúng ẩm đi với một ngụm cái thứ nước chết toi nàym vốn là nguyên nhân của tất cả mọi khốn khổ của tôi. Rồi tôi tìm ra một chỗ ngồi thoải mái hơn tỏng số các tảng đá. Sau khi lầnmò một lúc, tôi đã tìm thấy một chỗ mà tôi có thể dựa lưng vào. Tôi ngồi xuống và duỗi chân ra. Bị ướt đẫm và lạnh cứng người, tôi cố tự trấn an bằng cách nghĩ rằng khoa học hiện đại đã quy định cho căn bệnh của tôi những cửa mở bao gồm những cuộc tản bộ trong mọi thời tiết. Được ru ngủ bằng tiếng rù rì buồn tẻ của con suối, bị mệt lử vì màn đêm đen đặc, tôi đã đắm chìm vào một giấc ngủ đầy lo âu sợ hãi.
Tôi đã ngủ bao lâu rồi? Tôi không biêt gì cả. Có lẽ là một giờ, có lẽ là nhiều giờ. Bỗng nhiên tôi ngồi nhỏm dậy, thần kinh căng thẳng và các giác quan tỉnh táo. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đã nghe thấy một tiếng động. Một tiếng động hoàn toàn khác hẳn tiếng rù rì của nước. Tiếng động đã ngừng, nhưng tôi vẫn còn thấy âm vang trong tai tôi. Có phải đó là một toán cứu hộ không? Chắc hẳn là họ đã gọi lên; nhưng cái tiếng mà tôi vừa nghe, dù rất mơ hồ, không phát ra từ con người. Tim tôi đập thình thịch, tôi không dám thở mạnh... Lại tiếng động đó! Và lại nó nữa! Và lúc này nó trở nên liên tiếp. Có tiếng chân bước. Đúng, chắc chắn là tiếng chân bước của một sinh vật! Nhưng tiếng bước chân kỳ dị làm sao! Nghe tiếng bước chân này, tôi có cảm tưởng là một khối lượng đồ sộ được chống đỡ bằng những bàn chân xốp nhẹ nên sự di chuyển chỉ phát ra một tiếng động tắc nghẹn. Trong bóng tối mịt mùng, tiếng bước chân vẫn đều đặn rõ ràng. Và chắc chắn là nó đang hướng về phía tôi.
Tôi thấy rợn tóc gáy, toàn thân tôi lạnh như băng. Vậy là có một con quái vật sống trong cái hang động lắm ngõ ngách này? Với sự mau lẹ trong bước đi của nó, chắc chắn là nó nhìn thấy trong đêm tối cũng rõ như lúc ban ngày. Tôi ngồi co rúm lại trên tảng đá. Tôi muốn làm cách nào chui sâu vào trong tảng đá. Những bước chân đi tới gần. Tôi nghe thấy chúng dừng lại. Rồi tôi đoán phỏng chừng rằng con vật dừng lại để uống nước trong suối. Rồi sự yên lặng trở lại, nó chỉ bị ngắt quãng bởi những tiếng khụt khịt và tiếng thở phì phò khủng khiếp. Con quái vật có ngửi thấy tôi không? Lỗ mũi tôi đã bắt đầu ngửi thấy một mùi nặng nề hôi thối độc hại. Những bước chân lại vang lên trong bóng tối, lần này thì ở mạn bờ suối mà tôi đang ngồi. Cách chỗ tôi vài thước, những hòn đá lăn đi, bị nghiền vỡ và kêu lách cách. Không dám thở mạnh nữa, tôi cố thu nhỏ thân mình lại được chừng nào hay chừng ấy. Rồi những bước chân xa dần. Tôi nghe thấy những tiếng ì oạp lớn của nước khi con vật lội qua suối, sau đó những bước chân im bặt trong khoảng xa ở hướng mà chúng đã vọng lên.
Tôi đã ngồi rất lâu trên tảng đá, bị kinh hoàng đến nỗi không nhúc nhích được. Tôi nghĩ tới tiếng động phát ra từ những hố thẳm của cái hang, tới sự sợ hãi của Armitage, tới vết hằn trong vũng bùn. Sau hết, tôi đã có chứng cớ hẳn hoi là có một con quái vật ngoài sức tưởng tượng sống trong hang, nó không giống bất cứ một con vật nào mà ta biết trên mặt đất; và nó ẩn náu trong lòng núi. Nói về tính chất hay hình dạng của nó, tôi không thể hình dung được nó thế nào; tôi chỉ biết rằng con vật khổng lồ này có những bước chân nhẹ nhàng. Giữa lý trí và các giác quan của tôi đã có một cuộc đấu tranh. Lý trí của tôi nói rằng, những con quái vật loại này không thể có trên đời và các giác quan của tôi lại nói rằng những con vật đó có thật hòan toàn. Rút cục lại, tôi cảm thấy sẵn sàng chấp nhận rằng chuyến mạo hiểm này chỉ là một cơn ác mộng và cho rằng tình trạng bệnh hoạn của tôi có thể gây ra một ảo giác. Nhưng một sự cố sau cùng đã sớm xua tan ngay khỏi tâm trí tôi mọi khả năng nghi ngờ.
Tôi lấy những que diêm trong nách ra, sờ tay vào thấy chúng đã khô hẳn. Tôi cúi xuống chỗ khe hở giữa các tảng đá và bật thử một que. Trước nỗi vui mừng của tôi, nó đã bật thành lửa ngay nhát quẹt thứ nhất. Tôi đốt một cây nến, không khỏi nhìn về sau lòng đầy kinh hãi, tôi vội vàng bước về phía hành lang của người La mã. Trên đường đi, tôi đứng lặng người đi, không phải chỉ có một vết thôi, mà những ba vết. Ba vết lõm giống nhau, cùng một kích cỡ khủng khiếp, cùng một đường nét không rõ ràng, cùng một chiều sâu chứng tỏ cái khối nặng đã tạo ra chúng. Một sự kinh hoàng khó tả tràn ngâp lòng tôi. Cúi gập người xuống, lấy bàn tay che cây nến, tôi chạy thẳng đến bậc thềm cửa hang Blue John. Mệt đứt hơi, tôi nằm vật xuống đám cỏ tươi, dưới ánh sáng thân thương của những ngôi sao. Khi tôi về tới trang trại thì đã ba giờ sáng. Hôm nay, tôi vẫn còn run rẩy toàn thân. Tôi không nói gì cả. Tôi phải xử sự một cách dũng cảm. Nếu tôi kể lại cuộc mạo hiểm của tôi cho những người đàn bà yếu đuối cô đơn hay cho những người nông dân quê mùa thì có trời mới biết được là họ sẽ phản ứng ra sao? Tôi chỉ nói với người nào có thể hiểu được tôi thôi.
25 tháng tư – trong hai ngày liền tôi đã không rời khỏi giường nằm, một cuộc mạo hiểm không thể tin được. Tôi dùng tính từ này là có dụng ý. Từ sau chuyến đi thám hiểm hang Blue John tôi đã trải qua một kinh nghiệm cũng khiến cho tôi hoang mang gần như việc phát hiện ra con quái vật vậy. Tôi đã nói là tôi sẽ tim quanh quẩn nơi đây, một người nào có thể hiểu được tôi và giúp đỡ ý kiến cho tôi. Có một ông bác sĩ đang hành nghề cách đây vài cây số tên là Mark Johnson, và giáo sư Saunderson đã giới thiệu tôi với ông. Khi cảm thẩy đủ khỏe khoắn để thực hiện một chuyến đi bằng xe hơi, tôi liền tới nhà ông và kể cho ông nghe tất cả câu chuyện của tôi. Ông đã nghe tôi nói với sự chăm chú đặc biệt. Sau đó ông đã khám bệnh hết sức kỹ càng cho tôi, nhưng chỉ đưa cho tôi tấm danh thiếp của một ông Picton nào đó ở Castlenton, khuyên tôi nên tới gặp ông đó ngay tức thì, và bảo tôi hãy thuật lại chính xác những sự việc mà tôi vừa mô tả xong. Theo ý ông bác sĩ này thì ông Picton mới thực sự là người mà tôi cần tới. Thế là tôi đi theo hướng nhà ga và đi xe lửa tới cái thành phố nhỏ cách xa chừng mười lăm cây số. Chắc là ông Picton phải có một địa vị rất quan trọng, vì tấm biển đồng của ông ấy được gắn trên cái của một tòa nhà lớn ở ngoại ô thành phố. Tôi đang sắp bấm chuông thì một linh cảm đã ngăn bàn tay tôi lại. Tôi đi sang bên kia đường, và hỏi thăm một người bán hàng. Tôi hỏi ông ta: “Ông có thể vui lòng cho tôi biết ông Picton là ai không ạ?” – “Được chứ! Đó là một bác sĩ tâm thần hay nhất ở Derbyshire, và ông ấy trông coi cái nhà thương điên mà ông nhìn thấy kia kìa”, người bán hàng trả lời tôi. Chắc ai cũng đoán được là tôi đã vội vàng rời khỏi Castleton như thế nào. Tôi quay về trang trại, dọc đường không khỏi chửi thầm những gã bụng đầy chữ nghĩa nhưng thiếu óc tưởng tượng, không thể quan niệm được trong thiên nhiên một thứ gì khác ngoại những vật mà chính họ nhìn thấy bằng cặp mắt thiển cận của họ. Dù sao lúc này tôi cũng đã bình tĩnh hơn, tôi nhận thấy là bác sĩ Johnson đã không dành cho tôi một niềm tin lớn hơn niềm tin mà tôi đã dành cho Armitage.
27 tháng tư – Khi còn là một sinh viên tôi đã nổi tiếng là can đảm và liều lĩnh. Tôi nhớ trong một lần đi rình ma ở Coltbridge, chính tôi đã tự ý ở lại trong cái nhà có ma. Có phải tại vì tôi đã có tuổi (tuy nhiên tôi mới có 35 tuổi) hay vì tôi bị đau ốm khiến cho các đức tính thuở xưa bị cùn nhụt? Nói tóm lại, chỉ nguyên việc nghĩ tới cái hang khủng khiếp ở trong núi và khi tôi tự nhủ rằng cái hang đó có một con quái vật là tim tôi đã ngừng đập rồi. Tôi sẽ làm gì đây? Không một giờ phút nào mà tôi không tự đặt ra câu hỏi này. Nếu tôi không nói gì thì sự bí ẩn cứ còn nằm nguyên đó. Nhưng nếu tôi nói ra thì tôi sẽ bị đặt trước hai khả năng, một là người ta sẽ cho tôi là một thằng điên và người ta sẽ nhốt tôi lại, hai là tôi sẽ làm cho cả vùng quê kinh động. Nói tóm lại, tôi nghĩ tốt hơn hết là tôi hãy chờ đợi, và chuẩn bị một chuyến thám hiểm có chuẩn bị kỹ hơn và cũng hữu hiệu hơn lần trước. Những việc thu xếp đầu tiên đã đưa tôi tới Castleton, tôi mua sắm những vật dụng cần thiết: một cái đèn khí đá tốt và một khẩu súng săn hai nòng lớn. Tôi đã thuê khẩu súng này, nhưng đã mua hơn một chục viên đạn để săn thú lớn, những viên đạn này bắn chết được cả tê giác. Bây giờ tôi cảm thấy đã sẵn sàng để đương đầu với anh bạn quái vật trong hang sâu. Nếu tôi có sức khoẻ tốt hơn và nếu tôi có một sự đột khởi về nghị lực, chắc tôi sẽ mau chóng kết thúc được vụ này. Nhưng vụ này liên quan tới ai, hay tới cái gì đây? À, đây là một vấn đề làm tôi không ngủ được. Bao nhiêu là giả thuyết đã hiện ra trong đầu tôi và tôi đã gạt đi hết cái này tới cái nọ. Tất cả đều không thể xảy ra được! Nhưng cái tiếng kêu, cái vết hằn lõm những bước chân trong hang, tôi buộc lòng phảI nhìn nhận chúng là những sự thật. Tôi nghĩ tới những con rồng trong huyền thoại cổ xưa. Phải chăng, những con quái vật đó tồn tại ở những nơi khác bên ngoài truyện thần tiên? Có thể nào mà tôi, một người trong giữa muôn người, lại được số mệnh định cho việc phát hiện ra sự sinh tồn có thực của chúng?
3 tháng năm – Tôi nằm ỳ trên giường trong nhiều ngày vì những biến chuyển thất thường của mùa xuân ở nước Anh, và trong thời gian đó một vài sự cố đã xảy ra; ngoài tôi ra không ai có thể cảm nhận được bản chất thật sự của nó. Tôi xin nói thêm rằng, chúng tôi đã có những đêm đầy mây mù và không có trăng; và theo điều người ta nói với tôi thì trong những đêm ấy, những con cừu đã biến mất dạng. Đúng thế, những con cừu đã hoàn toàn biến dạng. Hai con thuộc về chị em nhà Allerton, một con là của ông già Pearson, và một con khác là của bà Mourton. Bốn con trong ba đêm. Chúng không để lại một dấu vết nào cũng không nơi nào người ta thấy những gã bụi đời và những tên ăn trôm gia súc. Nhưng còn việc quan trọng hơn nữa – Anh thanh niên Armitage cũng mất tích luôn. Khoảng chập tối hôm thứ tư, anh ta rời khỏi nhà ở ngoài cánh đồng và từ đó không ai nghe thấy nói tới anh ta nữa. Vì đó là một người không có họ hàng thân thích nên sự mất tích của anh ta chỉ khơi lên một nỗi xúc động vừa phải. Những kẻ lắm chuyện thì nói rằng anh ta mắc nợ, đã kiếm được việc làm ở nơi khác và sẽ mau chóng cho biết tin về mình, dù là chỉ để thu nhặt những thứ còn bỏ lại trong ngôi nhà cũ. Nhưng tôi thì lại có những linh cảm khác đáng sợ hơn. Rất có thể là sự mất tích của những con cừu đã thúc đẩy anh ta lao mình vào một cuộc mạo hiểm gây ra sự mất tích của anh ta. Chẳng hạn như anh ta đã rình con quái vật và nó đã bắt được anh ta, lôi anh ta tới một xó xỉnh hóc hiểm trong đáy sâu của dãy núi thì sao? Thật là một số phận không thể tưởng tượng được cho một người dân văn minh của nước Anh ở thể kỷ hai mươi này! Không thể tưởng tượng đựoc nhưng tôi thì đoán rằng nó có thể xảy ra và ngay cả nó đã là một sự thật, trong vụ này chỉ có một điều là tôi phải chịu trách nhiệm đến bao nhiêu về cái chết của anh ta? Tôi sẽ chịu trách nhiệm đến mức độ nào về sự bất hạnh khác có thể sắp xảy ra? Tôi không được phép nghi ngờ nữa; ý thức được những điều mình đã biết, tôi không thể lảng tránh; bổn phận của tôi là phải tự đảm bảo với mình rằng phải làm một điều gì đó và nếu cần thì chính bản thân tôi sẽ làm việc này được rồi. Tôi không còn sự lựa chọn nào khác. Sáng hôm nay tôi tới Ty cảnh sát để thuật lại câu chuyện của tôi. Viên thanh tra đã ghi chép vào một quyển sổ lớn, ông ta đã chào tôi một cách vô cùng trịnh trọng; nhưng ngay sau khi tôi khép cửa lại thì tôi đã nghe thấy những tiếng cười lớn. Chắc hẳn ông ta đã chế nhạo sự ngây thơ của tôi. Tôi sẽ tự xoay sở một mình vậy.
10 tháng sáu – Tôi viết tiếp cuốn nhật ký này trên giường nằm, sau sáu tuần ngưng viết. Tôi đã bị một cú sốc khủng khiếp cả về tinh thần lẫn thể xác, sau một cuộc mạo hiểm mà người ta rất hiếm khi phải trải qua. Nhưng ít nhất tôi cũng đã đạt tới mục đích mà tôi tự đặt ra cho mình. Sự hiểm nguy phát sinh từ con quái vật ở hang Blue John đã được loại trừ vĩnh viễn. Đây là một việc mà tôi, một kẻ tật bệnh sắp hết hơi, đã hoàn thành cho xã hội. Tôi xin thuật lại một cách hết sức rành mạch những điều đã xảy ra.
Hôm thứ sáu., mồng 3 tháng năm, đêm tối như mực. Đây là một đêm lý tưởng cho sự xuất hiện của con quái vật. Vào lúc mười một giờ đêm, tôi rời khỏi trang trại, mang theo cái đèn khí đá và khẩu súng, sau khi để lại trên bàn trong phòng một mảnh giấy ghi lại là nếu sự vắng mặt của tôi kéo dài thì phải tìm tôi ở hang Blue John. Tôi đi tới lối vào của cửa vòm kiểu La mã. Tôi khôm mình trên một tảng đá dốc nghiêng chỗ lối vào, tôi tắt đèn đi và ngồi rình, khẩu súng đã nạp đạn cầm sẵn trong tay.
Một phiên gác buồn nẫu ruột! Trên các sườn đồi, tôi nhận ra những ánh đèn của các trang trại rải rác ở đó đây. Chuông của giáo đường Chapel – le – Dale điểm từng giờ một cách yếu ớt. Những biểu hiện sự có mặt ở xa xôi của các đồng bào của tôi chỉ làm tăng thêm cảm giác cô đơn thay vì thúc ép tôi phải khắc phục nỗi kinh hoàng làm cho tôi muốn quay về trang trại và dứt khoát từ bỏ việc này. Nhưng mỗ người chúng ta đều có lòng tự trọng nằm sâu trong tâm khảm, lòng tự trọng này chống lại việc bỏ dở một công cuộc vừa mới bắt đầu. Cảm nhận về lòng kiêu hãnh cá nhân đã giúp đỡ tôi rất nhiều, chỉ nhờ vào một mình nó mà tôi đứng vững được trong khi tất cả mọi bản năng của tôi đều xui tôi bỏ trốn. Lúc này tôi rất sung sướng đã có được sức mạnh ấy. Bất kể những gì nó bắt tôi phải trả, phẩm cách người của tôi đã không có gì để phải xấu hổ.
Chuông đã điểm nửa đêm. Rồi một giờ. Hai giờ. Đây là lúc tối nhất của một đêm. Những đám mấy thấp bay bên trên mặt đất. Trên trời không có một ngôi sao. Ở một nơi nào đó trên các ghềnh đá, một con cú rúc lên, tiếng thở dài êm dịu cách quãng của gió là tiếng động duy nhất mà tai tôi thu nhận được, rồi thì bỗng nhiên tôi nghe thấy nó! Từ đằng xa, ở phía dưới, trong cái hang vang lên tiếng chân như bị tắc nghẹn của con vật, bước chân vừa nhẹ nhàng vừa nặng nề. Tôi cũng nghe thấy tiếng những hòn đá lăn đi khi con quái vật dẫm chân lên. Những bước chân đã tới gần. Con vật đã tiến tới rất gần chỗ tôi. Tôi nghe thấy tiếng các bụi cây kêu lắc rắc khi bị con vật rẽ ra và làm gãy nát chung quanh lối vào; rồi một cách lờ mờ trong bóng tối tôi nhận ra một khốI đồ sộ một loại thú không ra hình dạng gì, kỳ quái, từ trong hang chui ra một cách mau lẹ và yên lặng. Sự sợ hãi và kinh hoàng làm tê kiệt cả người tôi. Tuy là tôi đã ngồi rình rất lâu, nhưng đứng trước con quái vật, tôi trở thành bất động, không còn chút sức lực nào. Con vật cứ tiến tới, nó đi qua gần sát chỗ tôi và nó đã biến mất trong màn đêm. Tôi chuẩn bị hết can đảm để đợi lúc nó trở về. Trong làng quê đang ngon giấc ngủ, không một tiếng động nào phát lộ sự hiện diện của nó. Tôi không tài nào ước tính được khoảng cách mà nó đang đứng hay đoán được nó đang làm gì, hay tính được giờ phút nó trở về hang. Nhưng tôi đã thề là cân não của tôi sẽ không chùn lại lần thứ hai tôi đặt khẩu súng đã nạp đạn lên trên các tảng đá.
Thế mà suýt nữa tôi đã để dịp may qua khỏ. Tôi đã hoàn toàn không nghe thấy tiếng con vật đi qua đồng cỏ. Bốn nhiên tôi nhận ra thân hình đò sộ của nó đáng đi về phía cửa hang. Một sự suy giảm lần nữa về ý chí đã ngăn cản tôi bóp cò súng, tôi phảI cố gắng hết sức mình đề động đậy ngón tay trỏ. Trong khi các bụi cây đang bị dập nát bởI bước chân của con vật (nó đã lẫn lộn với bóng tối của lỗ hang) thì tôi nổ súng. Dưới tia sáng loè của phát súng, tôi nhìn thấy một khối lớn có lông dài rậm rạp, màu xám của lông chuyển thành màu trắng ở phần bên dưới thân mình nóm phần này tận cùng bằng những cái chân cong queo, to lớn. Tôi chỉ nhìn thấy nó trong khoảng khắc một ánh chớp. Rồi nghe thấy tiếng những hòn đá lăn lộc cộc, con quái vật rút lui vào trong hang ổ của nó. Ngay tức thì, bởi một sự chuyển biến phấn khởi trong tâm trạng, tôi gạt bỏ được hết nỗi sợ sệt, gỡ tấm che chiếc đèn khí đá ra, tôi nhảy ra khỏi tảng đá và khẩu súng lăm lăm trong tay, tôi tiến sâu vào hành lang của người La mã, đuổi theo con quái vật.
Cái đèn khí đá chiếu ra trước mặt tôi một tia sáng mạnh không thể so sánh một chút nào với ánh lửa vàng lập loè của cây nến đã dẫn đường cho tôi mười hai ngày trước đây trong cùng một vòm cong này. Trong khi tôi chạy, tôi nhìn thấy con quái vật đang lảo đảo trốn tránh; cái thân mình đồ sộ của nó choán hết chỗ trống giữa các vách đá, lông nó giống như dây gai thô và rủ suống từng búi lớn xoắn vào nhau và đung đưa theo mỗi bước chân; ta có thể nói là bộ lông không bị cắt xén của một con cừu khổng lồ, nhưng rõ ràng là nó lớn như một con voi và nó có vẻ vừa to vừa cao. Tôi vẫn còn sững sờ khi tôi nghĩ rằng tôi đã dám săn đuổi một con quái vật như thế này vào tận lòng trái đất; nhưng khi máu đã nóng lên và khi con mồi đang tìm cách tẩu thoát thì cái bản năng cố hữu của người thợ săn đã trỗi dậy và xin chào giã biệt sự khôn ngoan! Thề là với khẩu súng trong tay, tôi chồm theo con quái vật với hết cả tốc độ của đôi chân.
Tôi nhận thấy nó nhanh nhẹn dị thường. Nhưng rồi tôi cũng nhận thấy một cách băng khoăn lo ngại là nó không kém phần quỷ quyệt. Tôi tưởng là nó chạy trồn vì bị kinh hoàng và bây giờ tôi chỉ việc đuổi theo thôi. Không một giây phút nào mà tôi không nghĩ là nó có thể quay lại và lao vào tôi. Ở đoạn trên, tôi đã nói rõ là cái hành lang của ngườI La mã dẫn tới một cái hang lớn chính giữa. Tôi vội vã chạy tới đó, đầu óc bị lởn vởn nỗi lo sợ làm mất dấu vết con quái vật. Nhưng con quái vật đã quay lại, và tôi với nó đứng đối mặt nhau.
Cảnh tượng này được soi sáng một cách mãnh liệt bởi ngọn đèn khí đá, nó sẽ còn mãi mãi khắc sâu trong ký ức của tôi. Con quái vật đứng thẳng lên bằng hai chân sau như một con gấu và nó khom xuống phía trên đầu tôi, to lớn và đầy đe dọa; không một ác mộng nào có thể hình dung được nó. Tôi đã nói là nó khom xuống như một con gấu, thật sự trong dáng vẻ của nó cũng có một vài nét của con gấu (khi ta chấp nhận rằng có thể có một loại gấu mười lần lớn hơn một con gấu thường), trong những cái bàn chân trước quắp lại với những cái móng trắng như ngà của nó, trong bộ lông bù xù trong cái mõm đỏ há hốc ra lởm chởm những cái răng gớm ghê. Chỉ có một điểm làm nó khác với con gấu hay bất kể một con vật nào sống trên mặt đất, khi phát hiên ra điều này, tôi run rẩy khắp tứ chi, cặp mắt long lanh trước ánh đèn của tôi là những cục tròn lớn, lồi ra, trắng bệch và không có thị giác. Trong một vài giây, nó lắc lư những bàn chân to lớn của nó trên đầu tôi. Rồi ngã về phía trước đè lên người tôi, cả tôi và cái đèn đều bị đè gí trên mặt đất và tôi không còn nhớ được gì nữa.
Khi tôi tỉnh lại thì thấy mình đang ỏ trong trang trại của gia đình Allerton. Hai ngày đã trôi qua kể từ cuộc mạo hiểm khủng khiếp của tôi trong hang Blue John. Hình như tôi đã nằm bất tỉnh suốt đêm trong cái hang, sau vụ chấn thương với những chỗ gãy nguy hiểm ở cánh tay trái và hai cái xương sườn. Sáng ra, hai chị em nhà Allerton phát hiện ra mảnh giấy của tôi, độ hơn một chục tá điền đã họp nhau lại, lần theo dấu vết của tôi và tôi đã được đưa về phòng mình trong cơn mê sảng dữ dội. Họ không tìm thấy một vết tích nào chứng tỏ sự hiện diện của con quái vật, họ không tìm thấy vết máu chứng tỏ rằng viên đạn của tôi đã bắn xuyên qua mình nó. Ngoài các thương tích của tôi và những hằn sâu trên vũng bùn, không có gì chứng minh cho những lời nói của tôi.
Sáu tuần lễ đã trôi qua, và tôi đã có thể đi ra bên ngoài ngồi phơi nắng. Ngay trước mặt tôi là một cái sườn đồi màu xám xịt, và tôi phân biệt được cái khe hở đen làm dấu cho miệng hang Blue John. Nhưng lỗ hang này không còn là nguồn gốc sự kinh hoàng nữa. Không bao giờ còn con quái vật từ cái hành lang gơm ghiếc này xông ra thế giới của con người, nhưng đầu óc trí thức, những nhà bác học, bac sĩ Johnson và rất nhiều người khác chắc sẽ mỉm cười khi đọc bài tường thuật của tôi. Nhưng các dân quê vùng lân cận không bao giờ nghi ngờ sự thật của câu chuyện này. Sau khi tôi có thể nói được một ngày, họ đã tụ tập vài trăm người chung quanh hang Blue John. Tôi đọc tờ báo Castleton Courier.
“Đặc phái viên của chúng tôi và các vị có nhiệt tâm tới từ Matloc Buxton, v.v…, đã hoài công tự hứa là sẽ đi xuống cái hang để thám hiểm đến nơi đến chốn, với ý định là kiểm chứng sự xác thực của câu chuyện giật gân của bác sỹ James Hardcastle. Những người trong khu vực đã đảm đương vụ này và ngay từ lúc sáng tinh mơ họ đã làm việc một cách cực nhọc để lấp kín cái hang Blue John. Cái hang chạy vào một hành lang dốc và những hòn đá lớn được một số đông người tình nguyện chở tới đã được quăng vào bên trong cho tới khi miệng hang bị bít kín. Đó là chương cuốI cùng của câu chuyện đã làm say mê cả nước. Dư luận ở địa phương vẫn còn bị chia rẽ kịch liệt. Ở một bên thì có nhiều người nêu lên tình trạng sức khoẻ yếu kém của bác sỹ Hardcastle và họ nói rằng, các vết thương trong não bộ có nguồn gốc từ bện lao đã có thể sinh ra những ảo giác kỳ quái, cũng theo các giới chức này, một ý tưởng mạnh mẽ đã có thể dẫn dắt vị bác sỹ đi vào trong hang, và chỉ một cái ngã mạnh cũng thành nguyên nhân các vết thương của ông. Về phía bên kia thì cái truyền thuyết về con quái vật sống trong hang đã được lan truyền rất lâu trước khi bác sĩ Hardcastle tới vùng này, những tá điền cho rằng truyền thuyết này được làm vững thêm bởi câu chuyện của vị bác sĩ cũng như bởi các vết thương của ông, Sự việc này sẽ còn nguyên ở chỗ đó, vì người ta không biết làm thế nào để có một giải pháp dứt khoát vào lúc này.
Trước khi bài báo này được ấn hành, lẽ ra tờ báo ấy phải khôn ngoan một chút để gởi thông tín viên của họ tới gặp tôi. Tôi đã suy nghĩ về vụ này nhiều hơn bất cứ ai khác, và không nghi ngờ gì lẽ ra tôi đã có thể làm sáng tỏ một cách có khoa học sự bí mật vẫn còn tồn tại trong dân chúng. Ở đây, tôi chỉ đưa ra lời giải thích duy nhất mà tôi thấy là có thể làm sáng tỏ được tất cả mọi việc. Giả thuyết của tôi có thể có vẻ không xảy ra được dù sao thì cũng không có ai lại liều lĩnh mà cho rằng nó không thể xảy ra.
Tôi tin rằng (và tờ báo cũng vạch ra rằng quan điểm của tôi đã được hình thành từ trước lúc khởi sự các cuộc mạo hiểm cá nhân của tôi) trong phần đất này của nước Anh có một cái biển ngầm tiếp nhận nước từ vô số những con suối chảy lòng vòng và biến dạng trong núi đá vôi nơi nào có khối dự trữ mưốc quan trọng thì cũng sinh ra sự nước bốc thành hơi, và có sương mù hay mưa; do đó có khả năng sinh ra cây cỏ. Lập luận này lại gợi ý rằng một đời sống động vật có thể phát sinh theo kiểu đời sống thực vật, những dòng giống và những chủng loại xuất hiện lúc khởi đầu lịch sử thế giới, khi sự giao tiếp với không khí bên ngoài còn dễ dàng hơn. Do đó ở nơi này, những động vật và thực vật đặc biệt đã phát sinh, bao gồm cả những quái vật mà tôi đã nhìn thấy: có thể là một con gấu già ở các hang động đã đượclàm to hơn và biến đổi hình dạng rất nhiều vì môi trường mới của nó. Trong những khoảng thời gian dài vô tận, hai loại sinh vật, một loại ở bên trong và một loại ở bên ngoài đã sống riêng biệt sinh trưởng một cách đều đặn ở cách xa nhau. Rồi một khu vực nào đó đá xuất hiện trong đáy sâu thẳm của núi, khe nứt này đã để cho một trong số các con quái vật đó leo lên phía mặt đất, và nhờ vào các đường hầm của người La mã thở hít được không khí trong lành. Giống như tất cả các loài sinh vật sống bên dưới mặt đất, con quái vật cũng mất thị giác, nhưng sự tật nguyền này chắc chắn đã nhận được của tạo hóa những đền bù ở các phương diện khác. Nhất định là nó đã có một phương tiện để định hướng đi và để săn bắt những con cừu trên các sườn núi. Còn về cái sở thích của nó đối với các đêm tối mịt, thì giả thuyết của tôi cho rằng ánh sáng đã làm cho nó rất đau đớn và con quái vật chỉ thích hợp với một thế giới tối đen như mực. Có lẽ cái đèn khí đá của tôi đã cứu sông tôi khi tôi và nó đứng đối mặt nhau. Đây là cách thức mà tôi giải bài toán hiểm hóc. Tôi trao lại các sự kiện này cho hậu thế; nếu bạn có thể giải thích được các sự kiện này, xin đừng bỏ qua chúng; nếu bạn nhún vai cũng không sao. Cả sự hoài nghi lẫn sự tán thành của bạn đều chẳng thay đổi được các sự việc và càng không thể gây ảnh hưởng tới một người mà sứ mệnh trên cõi đất này đã sắp chấm dứt.
Đó là câu chuyện ly kỳ của bác sĩ James Hardcestle.
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

locdinhcong đánh máy

**Cái thang máy**

(The Lift)

Ông phi đội trưởng Stangate đã có đủ mọi thứ để trở thành một người sung sướng. Ông đã ra khỏi cuộc chiến tranh yên lành và khỏe mạnh, với cái danh tiếng vững bàn đạt được trong một binh chủng có nhiều vị anh hung nhất. Ông vừa mới được ba mươi tuổi, một sự nghiệp lớn lao và hoàn mỹ đang mở ra trước mắt ông. Và nhất là mỹ nhân Mary MacLean đang đi vịn vào cánh tay ông và nàng đã hứa với ông rằng suốt cả đời này sẽ ở bên cánh tay đó. Tuy nhiên, một mối lo buồn đang đè nặng lên trái tim ông.
Ông đã không thể tự giải thích điều đó cho ông, và ông đã cố gắng tìm cách lý giải để rũ bỏ nó đi. Bên trên đầu ông, bầu trời xanh thẳm, cũng như mặt biển phía trước ông xanh thẳm, và khắp chung quanh trải ra những những khu vuờn đẹp đẽ cùng với một đám đông những khách nhà du hân hoan vui thú. Và nhất là bộ mặt dịu hiền đang quay về phía ôngvới một sự khẩnkhoản đầy vẻ thắc mắc, Tại sao ông không thể tham gia vào một cảnh quanvui tươi như thế? Ông đã đưa ra nhiều cố gắng nhưng chúng vẫn chưa đỉ để dụ hoặc cái bản năng cấp táo của một tình nương.
- Có việc gì vậy, Tom? Nàng hỏi ông với sự bồn chồn lo lắng. Em nhận thấy có điều gì làm anh buồn bã. Hãy nói cho em biết xem em có thể giúp đỡ anh bằng cách nào đó chăng.
Ông bật cười lớn, đôi chút mắc cỡ.
- Thật là một tội lỗi khi làm hỏng cuôc du ngoạn nhỏ của chúng ta đó! Ông nói. Khi anh nghĩ tới điều này, anh lại muốn tự đánh đòn mình. Em cớ lo sợ, em cưng ạ, vì anh biết những đám mây mù của anh sẽ tan đi trong chốc lát. Anh tìn rằng anh còn đầy đủ khí lực, hình như nghề phi hành đã bẻ gẫy mọi khí lực hoặc đã bảo đảm cho chúng ta đến suốt đời.
- Vậy là không có gì là dứt khoát à?
- Không. Không có gì là dứt khoát cả. đó chính là điều tệ hại. Nếu điều này là đúng, anh sẽ có thể chiến đấu một cách dễ dàng hơn. Đúng là một sự trầm cảm nặng nề ở đây, ở trong ngực và ở trong đầu. Em yêu của anh, anh xin lỗi nhé! Anh là một kẻ thô bạo đã làm em u buồn với những sự ngu ngốc như vậy
- Nhưng em lại muốn được chia sẻsự bực bội nhỏ bé nhất của anh mà!
- Này, nó đã đi khỏim biến mất tàn lụi rồi. Chúng ta không nên nói tới nó nữa.
Nàng ném cho ông một cái nhìn thấu tận tim gan.
- Không, Tom, chỉ cần nhìn vào anh thôi. Hãy nói với em đi, có phải anh thường tự cảm thấy như vậy không? Thật sự anh không có vẻ khỏe mạnh lắm. Anh hãy ngồi xuống đây, anh yêu quí, dưới bong mát và nói cho em biết anh lo buồn về chuyện gì.
Họ cùng ngồi xuống dưới bóng của cây Tháp lớn cao hai trăm mét ở bên cạnh họ.
- Anh có một năng khiếu kỳ cục, ông nói. Anh không nghĩ rằng anh đã nói điều này với bất kỳ một ai. Nhưng khi một sự hiểm nguy tức thì đe dọa anh thì anh bị bao vây bởi những linh cảm kỳ lạ. Chắc chắn là hôm nay, thật kỳ cục. Em hãy nhìn kìa, cái gốc cây thật hiền hòa… Tuy nhiên đây là lần thứ nhất mà sự bực bội này đưa anh tới chỗ nhầm lẫn
- Anh đã cảm nhận thấy nó lúc nào trước đây à?
- Khi anh còn là đứa trẻ con, anh đã cảm thấy nó vào một buổi sáng: suýt nữa anh bị chết đuối vào buổi chiều. Anh đã cảm thấy nó khi một tên trộn lẻn vào Morton Hall và khi cái áo dài của anh bị một viên đạn xuyên qua. Rồi trong cuộc chiến tranh anh đã cảm thấy nó hai lần trước khi bị tập kích thình lình và đã thoát nạn một cách thần kỳ; nó đã nhập vào anh trong lúc anh đang leo lên máy bay của anh. Rồi nó tan biến một cách đột ngột, tựa như một đám sương mù trước ánh nắng mặt trời. Em này, nó đi đó, nó đá đi khỏi rồi! hãy nhìn vào anh! Có thật vậy không?
Đúng thật vậy. Trong vòng một phút, bộ mặt bơ phờ đã biến thành bộmặt trẻ con cười toe toét. Mary bật cười lớn. Rõ ràng là trong tâm hồn của Tom nay chỉ còn sự hoan lác sinh động của tuổi thanh xuân.
- Tạ ơn thựong đế! Ông kêu lên. Mary này, chính là đôi mắt than thương của em đã chữa khỏi bệnh cho anh. Anh không còn có thể chịu dược sự u buồn sầu mông trong cai nhìn của em. Thật là một cơn ác mộng xuẩn ngốc là sao! Bây giờ thì anh sẽ không bao giờ còn tin vào những sự linh cảm của anh nữa. Em yêu quý, chúng ta chỉ còn vừa đủ thì giờ để đi dạo một vòng trước bữa điểm tâm. Chúng ta sẽ đi xem một trò vui trong chợ phiên hay đi xem quay bánh xe lớn hay trên tàu thủy bay, hay xem gì đây?
- Anh nghĩ thế nào về cái Tháp? Nàng hỏi trong khi ngẩng cái mũi xinh đẹp lên. Cái không khí tuyệt diệu ở đó và cái toàn cảnh từ trên cao nhìn xuống chắc chắn sẽ xua đuổi những đám mây cuối cùng ra khỏi tâm trí anh.
Ông nhìn đồng hồ của ông.
- Đã quá trưa rồi nhưng anh nghĩ là chúng ta có thể làm việc đó trong một giờ đồng hồ. Này thang máy không vận hành. Anh bán vé, chuyện gì xảy ra vậy?
Người nhân viên lắc đầu gtrong khi chỉ vào một toán nhỏ đang tập hợp trước lối vào.
- Họ đang đợi, thưa ông. Thang máy bị hỏng, nhưng lúc này thì bộ phận máy móc đang được kiểm tra lại và tín hiệu sẽ được phát ra trong một vài phút. Nếu ông nhập bọn với những người khác, tôi xin hứa việc đó sẽ không lâu đâu.
Khi họ vừa chiếm được chỗ đứng trong nhóm người thì cái vách thép của thang máy lướt đi trên cái cạnh. Thế là đã có hy vọng cho tương lai gần cận. Các du khách ùa vào chỗ mở ngỏ và chờ đợi trên sân. Họ cũng không đông lắm vì đám đông thường xuất hiện nhiều nhất vào buổi chiều, nhưng đó là những người miền Bắc khả ái và vui vẻ, họ sống những ngày nghỉ ỏ Northam. Tất cả bọ họ đều nhìn lên không, và theo dõi một cách chăm chú một người đàn ông đang tụt xuống dọc theo cái sườn bằng thép. Đây không phải là một trò chơi của trẻ con, nhưng nếu anh ta đi cũng nhanh như một người thế tục bình thường trên các bậc của một cái cầu thang.
- Trời oi! Người bán vé nói khi chính anh ta cũng ngẩng đầu lên nhìn. Sáng hôm nay Jim đã làm việc gấp gáp.
- Người đó là ai? Thiếu tá Stangate hỏi.
- Thưa ông, đó là Jom Barnes, người thợ giỏi nhất đã từng leo lên một cái sàn. Anh ấy gần như lúc nào cúng sống ở trên đó. Tất cả những trôn đinh ốc, những đinh con tán đều nằm dưới sự coi sóc của anh ấy. Anh chàng Jim này là một thứ người làm cho ta cảm kích.
- Nhưng chớ có tranh luận về tôn giáo với anh ta. Một người nào đó trong nhóm nói.
Người nhân viên bật cười lớn.
- À, vậy là ông có biết anh ta hả? Người ấy nói. Không, tốt nhất là ông đừng bàn cãi về tôn giáo với anh ta.
- Tại sao? Viên sĩ quan hỏi.
- Bởi vì anh ấy coi những câu chuyện về tôn giáo là rất nghiêm trọng. Anh ấy là ánh sáng của giáo phái của anh ấy.
- Không có gì là khó khăn trong việc đó. Người vừa nói xong lại cất tiếng nói. Người ta bảo tôi rằng trong giáo hội của anh ta chỉ vỏn vẹn có sáu người. anh ta tưởng tượng rằng bầu trời không lớn hơn cái nghị hội của riêng anh tam và anh loại ra ngoài tất cả những nghị hội khác.
- Tốt nhất là đừng nói với anh ta trong khi tỏng tay anh ta đang cầm cái búa kia. Người bán vé thì thầm. Chào Jim, sáng nay có khỏe không?
Người đàn ông lướt nhanh dọc theo quãng mười mét cuối cùng rồi y lấy thăng bằng đứng yên trên một thanh ngang để nhìn xuống nhóm nhỏ người trong thang máy. Với cách y đứng ở đó, trong bộ quần áo bằng da, với những cái kìm và các dụng cụ khác đeo lủng lẳng ở cái dây thắt lưng nâu. Y vẫn giữ được cái nhìn của một tay nghệ sĩ. Rất cao, rất gầy, chắc là y phải có sức vóc của một anh khổng lồ. Y có những chân tay dài, mềm dẻo, một bộ mặt đẹp trai, vừa cao quý, vừa khắc khổ, cặp mắt và mái tóc đen sậm , một cái mũi cong, một chòm râu sậm. Y giữ chắc thăng bằng bằng một bàn tay gân guốc, trong khi bàn tay kia làm lắc lư trên đầu gối y một cái búa bằng thép.
- Mọi sự đều sẵn sàng ở trên đó, y nói. Tôi sẽ đi lên cùng quý vị.
Y nhảy từ cái thanh ngang xuống và nhập bọn với các du khách trong cái thang máy.
- Tôi nghĩ rằng lúc nào ông cũng đang canh chừng chúng phải không? Mary MacLean nói.
- Thưa cô, chính vì việc đó mà tôi được trả lương. Từ sáng tới tối, và thường khi từ tối tới sáng, tôi phải ở đây. Có nhiều lần, tôi cảm thấy hình như tôi không phải là một con người mà là một con chim trời. Những con chim bay quanh tôi, những đồ súc vật, khi tôi đứng trên những giàn đỡ và chúng kêu với tôi hàng đống tiếng cho tới khi ngay chính tôi cũng bắt đầu kêu lên như chúng.
- Đây là một công việc rất quan trọng! Viên thiếu tá nói lẩm bẩm trong khi nhìn mặt nghiêng bằng thép của cái Tháp đang nổi bật lên rõ ràng trên bầu trời xanh
- Đúng vậy, thưa ông. Và không có một đinh vít hay một trôn ốc nào mà không nằm dưới sự trách nhiệm của tôi. Đây là cái búa của tôi để làm cho chúng kêu lên rõ ràng và cái mỏ lết vặn đinh ốc để xiết chặt chúng lại. Giống như vị chúa tể trên mặt đất, tôi là, phải, tôi là chúa tể của cái Tháp với đủ quyền sinh sát. Mà đúng vậy, quyền sinh sát!
Động cơ thủy lực đã bắt đầu chạy, cái thang máy chuyển động rất chậm chạp và bắt đầu đi lên. Toàn cảnh huy hoàng của bờ biển phơi bày ra mỗi lúc một rõ ràng. Những hành khách đã quá mải mê đến nỗi không một mảy may nhận thấy là cái thang máy đã đột ngột dừng lại giữa những đầu thang ở khoảng một trăm sáu mười mét bên trên mặt đất. Barnes, người thợ máy làu bàu rằng chắc đã có gì trục trặc ở trên đó, y nhảy như một con mèo vào cái lỗ hổng toang hoác ngăn cách họ với tấm lưới sắt của cái sườn bằng kim loại, và y biến dạng trong khoảng không. Nhóm người nhỏ bị treo lơ lửng giữa trời và mắt đất đã mất đi đôi chút tính em lệ của dân Anh, khi gặp những tình huống như thế, và các du khách bắt đầu trao đổi cảm tưởng của họ. Một cặp trai gái tên là Billy và Dolly nói với các bạn đồng hành rằng họ là những minh tinh của chương trình tại trường đua ngựa và họ làm khuây khỏa những người đứng bên bằng sự lém lỉnh của họ, một người đàn bà tươi mát, tròn trĩnh, đứa con trai của bà, hai cặp vợ chồng làm thành nhóm thính giả say mê của họ.
- Cháu thích làm thủy thủ anh? Billy, nhà hài kịch hài hước nói khi trả lời một nhận xét của đứa bé. Coi chừng đó, đồ nhóc con, cháu sẽ là một xác chết đẹp nếu cháu không đề phòng. Cháu hãy nhìn y đứng trên cái rìa kia kìa! Vào một giờ phút như thế, tôi không thể chịu đựng được việc trông thấy cảnh đó.
- Từ giờ nào trở đi thì ông mới có thể chịu đựng được? Một người đi chào hàng cao lớn hỏi.
- Trước lúc buổi trưa thì các khí lực của tôi chẳng ra trò trồng gì. Thật tình khi tôi nhìn xuống bên dưới và khi trông thấy mọi người giống như các chấm đen nhỏ li ti thì tôi sợ hãi vô cùng. Trong gia đình tôi, tất cả mọi người đều giống nhau, vào buổi sáng.
- Tôi có cảm tưởng rằng, Dolly nói, nàng là một phụ nữ trẻ da dẻ hồng hào, tất cả bọn họ đã giống nhau lúc tối hôm qua.
Mọi người đều cười lớn.
- Billy bị đo ván rồi. Chàng kịch sĩ hài hước tuyên bố. Nhưng nếu người ta chế nhạo gia đình tôi, tôi sẽ rời khỏi phòng.
- Thực sự đúng là đã tới giờ mà chúng ta rời khỏi căn phòng, người đi chào hàng nói, ông ta có vẻ bực bội. Thật là xấu hổ cho cái kiểu mà họ giữ chúng ta trên không thế này! Tôi sẽ viết thư về công ty.
- Cái nút bấm chuông ở đâu? Billy hỏi. Tôi sẽ bấm chuông.
- Và gã ... gã con trai? Mary MacLean hỏi.
- Người bán vé, người tài xế, người... tôi không biết ai đã làm cho chiếc ô tô buýt cũ kỹ này lên xuống? Có phải họ bị trục trặc về xăng? Có phải họ bị gãy lò xo lớn? Hay là cái gì đây?
- Dù sao đi nữa thì cảnh quan cũng rất đẹp! Viên thiếu tá nói.
- Xin thú thật về cảnh quan thì tôi đã có khá nhiều rồi! Billy nói. Tôi chỉ muốn đi xuống thôi!
- Tôi đã bắt đầu cảm thấy bực bội rồi đó! Người đàn bà tươi mát và tròn trĩnh lêu lớn. Tôi hy vọng là không co gì bị gãy trong cái thang máy.
- Dolly, hãy nắm lấy vạt áo của tôi! Tôi sẽ nhin bên trên cái rìa. Ôi, lạy Chúa, tôi phát ốm lên đây, tôi buồn nôn đây! ở phía dưới có một con ngựa, nó không lớn hơn một con chuột. Và tôi không trông thấy người nào quan tâm tới chúng ta. Cái ông già tiên tri cùng lên với chúng ta đó đâu rồi?
- Ông ấy đã để cho chúng ta rơi xuống khi ông ấy biết trước là chúng ta sẽ có sự truc trặc.
- Vậy thì hãy nói đi, Dolly nói xen vào, nàng có vẻ bối rối, tôi không thấy chuyện này là dễ chịu đâu! Chúng tta đang ở một trăm sáu mươi mét trên không trung, tôi có cảm tưởng là chúng ta sẽ chịu thế này suốt cả ngày. Tôi đang được chờ đợi cho cuộc trình diễn buổi sảng ở Trường Đua ngựa. Nếu tôi không có mặt khá sớm ở dưới đó thì mặc kệ công ty. Tôi đã được dán quảng cáo trong khắp cả thành phố cho một bài hát mới.
- Một bài hát mới à? Bài nào vậy hả Dolly?
- Một chậu gừng chính cống, tôi đoán chắc là thế! Bài đó có tên là “Trên đường tới Ascot”. Để hát bài này tôi đã có một cái mũ đường kính một thước hai.
- Vậy thì Dolly này, hãy làm cuộc tổng diễn tập trong khi chúng ta chờ đợi!
- Không! Vị cô nương trẻ kia không hiểu đâu.
- Tôi rất thích thú được nghe hát bài đó! Mary MacLean nói lớn. Nhất là cô đừng thấy khó chịu vì tôi!
- Những lời hát được viết trên cái mũ. Tôi không thể hát những câu thơ mà không có cái mũ, nhưng có một điệp khúc thú vị:
“Nếu bạn muốn có một bùa hộ thân nhỏ bé
khi bạn đi trên đường tới Ascot
hãy sờ mó vào người đàn bà có cái mũ to như bánh xe bò...”
Nàng có một giọng dịu dàng và ý thức về vần điệu.
- Bây giờ mời tất cả mọi người cùng hát! Nàng nói lớn.
Và cái nhóm nhỏ những người tình cờ hội ngộ đó ráng hết hơi sức hát theo nàng.
- Chác là chúng ta sẽ phải đánh thức một người nào đó dậy! Billy nói. Không nên à? Vậy thì tất cả chúng ta cùng la lên!
Sự cố gắng thật là mạnhmẽ, nhưng vô hiệu quả. Không có tiếng trả lời từ bất cứ nơi nào. Ban quản trị ở bên dưới hoặc là không biết hoặc là bất lực.
Các hành khách bắt đầu lo sợ. Người đi chào hàng to lớn đã mất hết sắc diện hồng hào. Billy vẫn còn gắng gượng nói bông đùa, nhưng không thành công. Viên sĩ quan y phục màu xanh nước biển tức thì thay thế anhvới tư cách trưởng nhóm. Tất cả mọi người đều nhìn ông ta, cầu cứu ông ta.
- Thưa ông, ông khuyên chúng tôi nên làm gì? Ông không nghĩ rằng có sự hiểm nguy là bất thần bị rơi xuống phải không?
- Không một chút nào! Nhưng dù sao thì cũng rất khó chịu khi cảm thấy bị kẹt ở đây. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ có thể nhảy một cái vượit qua khoảng không này để đứng lên giàn đõ rồi xem cái gì bị trục trặc...
- Không, Tom? Vì lòng kính Chúa, cin đừng rời bỏ chúng tôi.
- Có những người có lòng dũng cảm vững vàng! Billy nói, nhảy qua trên một khoảng trống mổttăm sáu mươi mét.
- Tôi tin rằng trong thời chiến tranh, vị trượng phu này đã làm những việc còn tệ hại hơn thế.
- Nhưng tôi, tôi sẽ khôngl àm việc đó! Ngay cả nếu họ dán cho tôi những chữ to như thế này trên những tấm bích chương của họ. Đó là công việc của lão thày bói già. Tôi không muốn làm lão ta bị thất nghiệp dù tôi chắng tốn kém gì.
Ở ba mặt cái thang máy có những vách bằng gỗ với những cửa sổ để ngắm phong cảnh. Mặt thứ tư nhìn ra biển thì được mở ngỏ. Satangate cúi mình xuống chỗ đó để nhìn ra khoảng không. Từ trên chỗ cao hơn lọt tới tai ông một tiếng động khô khan, đặc biệt âm vang của kim loại, như thể một sợi dây đàn rất căng vừa được đẩy lên. Một khoảng cách nào đó phía trên ông, có lẽ chhừng ba mươi mét, ông chợt trông thấy một cánh taydài, nâu, đầy bắp thịt đang vung vẩy một cách điên cuồng giữa những sợi dây cáp. Ông không trông thấy cáiđầu của người đó nhưng ông đã bị mê hoặc bởi cái cánh tay trần đang kéo, víu và đẩy.
- Mọi việc đều tôt đẹp, ông loan báo. Có một người nào đó đang làm việc trên đó để xếp đặt lại mọi sự đâu vào đó.
Mọi người đều thở phào nhẹ nhõm.
- Đó là ông thầy bói già Isaie, Billy vừa nói vừa uốn éo cái cổ. Tôi không trông thấy lão ta nhưng cái cánh tay của lão thì có thể nhận ra trong hàng ngàn cái cánh tay. Lão ta có cái gì trong tayvật? Người ta sẽ nói là một cái tuốc-nơ-vít... Không, lạy Chúa, đó là một cai dũa!
Trong khi anh ra nói thì một tiếng động khô khan và âm vang nữa vang lên trong khoảng không, vầng trán của viên sỹ quan nhăn lại.
- Thật kỳ quái, người ta có thể nói đúng là tiếng động giống như tiếng động mà sợi dây cáp bằng thép của chúng tôi phát ra khi nó đứt hết sợi này đến sợi khác ở Dixmude. Cái thứ này sẽ bi thảm đến thế nào? Ơ kìa! Các ông định làm gì đây?
Người đàn ông đã làm xong công việc; y thong thả đu xuống dọc theo cái sườn bằng sắt.
- ... Y tới kìa, Stangate loan báo cho các bạn đồng hành đang ngỡ ngàng của ông, mọi sự đều tôt đẹp, Mary ạ! Các ông, các bà đừng sợ sệt! Thật là xuẩn ngốc để nghĩ rằng y tìm cách là yếu sợi dây đang nắm giữ chúng ta.
Ở trên không xuất hiện một đôi giày. Rồi tới cái quần bằng da, cái thắt lưng với các dụng cụ đeo lủng lẳng, cái thân mình nổi vằn các bắp thịt, và cuối cùng là bộ mặt hung hãn, sạm đen của anh công nhân. Y đã cởi bỏ áo ngoài, và cái áo sơ mi không ài cúc phơi trần cái thân mình đầy lông lá. Ở trên cao một tiếng rung động nữa vang lên, cũng vẫn khô khan, cũng vẫn giống như một tiếng lách cách. Người đàn ông đó tụt xuống không vội vã. Y lấy thế thăng bằng đứng trên cái giàn đỡ chặn ngang, tựa vào cái sường và đứng yên ở đó, hai tay khoanh lại, chằm chằm nhìn các hành khách chen chúc trên sàn đứng của thang máy.
- Ê này! Stangate gọi. Có sự cố gì vây?
Người đàn ông vẫn vô cảm và im lặng, cái nhìn trừng trừng của y có một vẻ gì có tính đe dọa.
Viên phi công nổi giận
- Anh trở nên điếc rồi anh? Ông quát lên với y. Anh định để chúng tôi phải treo ở đây bao lâu nữa đây?
Người đàn ông đó vẫn không nhúc nhích. Y có điệu bộ của một con quỷ dữ.
- Anh con trai này, tôi sẽ khiếu nại về anh đó! Billy nói với một giọng run rẩy. Sự việc sẽ không nằm yên ở đó đâu, tôi hứa với anh điều này!
- Hãy nghe tôi nói đây! Viên sĩ quan quát lớn. Chúng tôi có mang theo các phụ nữ và anh đang làm cho họ sợ hãi. Tại sao chúng tôi lại bị kẹt ở đây? Có phải thang máy bị hỏng không?
- Các ông ở đây, bởi vì tôi đã chêm một cái đòn cân vào sợi dây cáp phía trên các ông.
- Anh đã làm nghẽn đường dây hả? Tại sao anh lại dám làm một việc như thể? Có phải đó là một sự đùa cợt hay là cai gì? Rút ngay đòn cân đó ra nếu không thì mặc kệ anh...
Người đàn ông không trả lời gì cả
- ... Anh có nghe thấy lời tôi nói không? Tại sao anh không trả lời? chúng tôi đã chịu đựng khá nhiều rồi, tôi đoan chắc với anh về điều đó!
Bị một cơn hoảng hốt độe ngột, Mary MacLean nắm lấy tay vị hôn phu của nàng.
- Ôi, Tom! Nàng kêu lên. Hãy nhìn mắt y kìa! Hãy nhìn cặp mắt khủng khiếp của y! Đó là một thằng điên!
Người công nhân đột nhiên phục hồi khả năng nói của y. Bộ mặt u ám của y đã thay đổi dưới sự bùng nổ của cơn cuồng nộ. Cặp mắt y sáng rực lên như những cục than hồng, y vung vẩy một cánh tay.
- Xem đây! Y quát lên, những người bị coi là điên dại đối với lũ trẻ con ở đời này thật sự là những đứa con của Chúa và là những cư dân của miếu đường trong nội tâm. Ta là người sẵn sàng đứng ra làm chứng ở cấp độ tối cao, vì thật ra bây giờ đã tới ngày mà người hèn mọn sẽ được xưng dương và kẻ ác bị loại trừ trong tội lỗi của nó!
- Mẹ! Mẹ! Thằng con trai nhỏ phát điên khùng kêu lên.
- Kìa, mọi việc đều tốt đẹp, Jack ạ! Người phụ nữ tươi mát và tròn trịa nói. Tại sao anh lại muốn làm cho đứa bé này phải khóc? À, anh là một kẻ dị hợm bảnh bao, đúng thế!
- Thà để cho nó khoc bây giờ còn hơn là phải khóc ở màn đêm tăm tối bên ngoài. Hãy để cho nó tìm sự cứu rỗi trong khi hãy còn đủ thì giờ!
Viên sĩ quan đo lường khoảng trống bằng một con mắt lão luyện. Nó phải tới hai mét rưỡi, và gã điên kia sẽ có thể làm cho ông chao đảo trước khi ông có đủ thì giờ đặt chân lên. Đây sẽ là một ý định vô vọng. Ông co nói một vài lời có tính cách xoa dịu.
- Này cậu trai trẻ của ta, cậu đã đưa sự đùa cợt quá xa rồi đó! Tại sao cậu lại muốn làm hai chúng ta? Hãy leo lên trên ấy đi và rút cái nêm ra. Chúng ta sẽ không nói tới chuyện này nữa...
Một tiếng động khác của sự rách đứt laịiphát ra từ trên cao.
- ... Lạy chúa, sợi dây cáp sắp đứt rồi! Stangate la lớn. Này! Hãy đứng sang một bênm tôi sẽ leo lên để xem việc gì đang xảy ra.
Anh công nhân đã rút cái búa ra khỏi thắt lưng y và y vung vẩy cái búa một cách điên cuồng.
- Hãy lùi lại đó, anh trai trẻ! Lùi lại đi! Nếu anh nhảy lên anh sẽ chỉ làm cái chết của anh tới mau hơn thôi!
- Tom, nhân danh Chúa, đừng có nhảy lên! Cấp cứu! Cấp cứu! Các hành khách đồng thanh la hét. Gã đàn ông đó mỉm cười vẻ hung ác.
- Không có ai sẽ tới cứu giúp các người đâu. Nếu họ có muốn tới giúp đỡ các người thì họ cũng sẽ không htể tới được. Các người sẽ tỏ ra khôn ngoan hơn khi xét lại lưông tâm mình để khỏi bị ném vào hỏa ngục muôn đời. Đúng, hết sợi này tới sợi nọ, sợi dây cáp treo các người đang giãn ra. Nghe đây. Lại một sợi nữa bị đứt đó! Mỗi khi có một sợi bị đứt, sự căng lại gia tăng lên những sợi khác. Các người còn đủ số sợi cho năm phút nữa và sau đó là cõi vĩnh hằng.
Một tiếng rên rỉ kinh hoàng nổi lên từ nhóm các tù nhân của cái thang máy. Stangate cảm thấy một lớp mồ hôi lạnh trên trán ông khi ông luồn cánh tay quanh thân mình người thiếu nữ đang lảo đảo. Nếu ông có thể làm cho con quỷ chứa đầy thù hận này sao lãng đi chỉ trong một lát thôi thì ông sẽ nhảy lên và đánh liều với số mạng trong một trận cận chiến.
- Nghe đây, anh bạn! Leo lên đi và hãy cắt đứt sợi dây cáp nếu anh muốn! Ông la lên. Chíng tôi không thể làm được điều gì. Anh là kẻ mạnh nhất. Leo lên đi! Và mong rằng mọi chuyện sẽ chấm dứt!
- Để anh có thể nhảy lên đây mà không gặp nguy hiểm hả? Gã đàn ông cưồi khẩy. Ta đã làm chấn động tất cả rồi, ta chỉ còn phải chờ thôi.
Sự phẫn nộ tràn đầy tâm trí viên sĩ quan trẻ tuổi.
- Đồ đạo tặc! Ông hét lên với y. Tại sao người còn đứng đất nhe răng ra cười. ta sẽ cho ngươi một vật nào đó để cười, chính ta đây. Đưa cho tôi cái ba-toong của người nào đó!
Gã đàn ông vung vẩy cái búa của y.
- Tới đây, vật thì hãy tới đây! Hãy trình diện trước vị quan tòa của anh!
- Y sẽ giết anh, anh Tom! Ồ không, toi van xin anh, nếu chúng ta phải chết thì ít nhất là sẽ cùng chết với nhau!
- Thưa ông, ở vào địa vị ông thì tôi sẽ không mạo hiểm trong việc này! Billy nói. Y sẽ đập lên đầu ông trước khi ông đặt được chân lên. Cố chịu đựng đi, Dolly! Sự ngất xỉu sẽ không dàn xếp được việc gì cả. Thưa cô, cô hãy nói với ông ấy đi. Có lẽ ông ấy sẽ nghe lời cô.
- Tại sao anh muốn làm hại chúng tôi? Mary hỏi. Chúng tôi đã làm gì hại anh bao giờ? Tôi tim chắc rằng anh sẽ phải tội sau đó, nếu sự bất hạnh xảy ra cho chúng tôi. Bây giờ anh hãy tỏ ra tử tế và biết điều, và giúp cho chúng tôi đi xuống.
Trong một vài khoảnh khắc, cặp mắt hung tợn của gã đàn ông dịu đi trước bộ mặt dịu hiền đang nhìn y. Rồi diện mạo y lại trở nên cứng rắn.
- Bàn tay ta là dành cho công việc này, hỡi người đàn bà kia. Không phải việc của người đầy tớ là bỏ bê nhiệm vụ của mình.
- Nhưng tại sao đó lại là nhiệm vụ của anh?
- Bởi vì một tiếng nói, trong đáy lòng ta xác nhận điều đó. Ta đã nghe thấy tiếng nói đó lúc ban đêm, và cả lúc ban ngày nữa. Khi ta nằm một mình trên giàn đỡ và khi ta trông thấy bọn gian ác bên dưới chân ta, trong các đường phố, kẻ nào cũng hối hả trong một mục đích xấu xa. “John Barnes, John Barnes, tiếng nói bảo ta, mii ở đây để phát một tín hiệu cho cái thế hệ của những kẻ tội lỗi! Một tín hiệu để chỉ cho chúng thấy rằng chúa đã nhìn thấy và kẻ có tội lỗi sẽ bị phán xét”. Ta là ai mà dám bất tuân lời nói của Chúa?
- Tiếng nói của quỷ dữ, Stangate đính chính. Cô thiếu nữ này đã mắc những tội lỗi gì để bắt buộc người phải phàm cho họ chết?
- Anh cũng giống như những người khác. Không tốt, mà cũng không xấu. Suốt cả ngày, họ đi trước mặt ta, hết toán này đến toán khác, với những tiếng la lối ngu xuẩn, những bài hát điên khùng và những lời nói lảm nhảm vô ích của họ. Tư tưởng của họ bị cột chặt vào những mục đích của xác thịt. Đã quá lâu rồi ta đã đứng tách ra, đã quá lâu rồi ta không thèm biểu lộ! Nhưng bây giờ thì ngày cuồng nộ nó đã tới và sự hiến tế đã sẵn sàng. Chớ tưởng rằng một giọng lưỡi của đàn bà sẽ làm ta từ bỏ bổn phận của ta!
- Tất cả đều vô ích thôi! Mary kêu lớn. Vô ích! Tôi trông thất sự chết trong mắt y!
Một sợi nữa của dây cáp lại đứt.
- Các người hãy sám hối đi! Gã điên quát lên, còn một sợi nữa và đó là sự kết thúc!
Thiếu tá Stangate có cảm tưởng là ông đang sống trong một cơn ác mộng ly kỳ, khủng khiếp. Có thể nào là sau bao lần thoát chết trong cuộc chiến tranh, mà luc này ở giữa nước Anh thanh bình, ông lại phải nằm dưới quyền sinh sát của một thằng điên, và vị hôn thê của ông, người mà ông mong được bảo vệ chống lại ngay cả cái bóng của sự hiểm nguy lại là nạn nhân của gã điên khùng khủng khiếp này? Tất cả lòng dũng cảm, tất cả sự cường tráng của ông đều căng thăng trong một nỗ lực siêu phàm.
- A, chúng ta sẽ không chết như những con cừu trong lò sát sinh! Ông hét lên trong khi lao hết trọng lượng của ông vào một trong các bức vách gỗ của thang máy và lấy chân đạp lên phía trên. Hãy xông tới đi các bạn! Đạp lên trên! Đó chỉ là sự ghép lại của các tấm ván. Nó lung lay rồi, làm cho tấm ván đổ xuống! Được rồi. Tất cả mọi người cùng làm một lần nữa! Đó! Bây giờ tất cả cái vách! Đẩy sập nó xuống! Tuyệt diệu...
Cái vách ngang của căn phòng nhỏ đã bị đẩy sập và bung ra những mảnh gỗ bay vào khoảng không. Barnes nhón một bước vũ điệu trên giàn đỡ, cái búa ở trên không.
- Chớ có vượt qua! Y hét lớn. Không làm gì được đâu! Chắc chắn là ngày ấy đã tới!
- Từ chỗ này tới giàn đỡ không quá sáu mươi phân. Viên sĩ quan quát lên. Hãy bước qua đi! Mau lên! Mau lên! Tất cả mọi người! Tôi sẽ khống chế con quỷ này!
Ông giật lấy cái ba-toong kếch xù của người chào hàng và ông đứng đối diện với gã điên khùng, thách y nhảy xuống.
- Bây giờ đến lượt ngươi đó, anh bạn! Ông rít lên, tới đây, ngươi và cái búa của ngươi. Ta đợi ngươi đó!
Ở phía trên đầu ông, ông nghe thấy một tiếng lách cách khô khan nữa và cái sàn đứng mảnh mai bắt đầu chao đảo. Ông liếc mắt về phía sau, các bạn đồng hành của ông tất cả đều bình yên và mạnh khỏe trên cái giàn đỡ ngang. Trông họ giống như một hàng những người bị đắm tàu đang kinh hoàng. Họ bám lấy tấm lưới thép. Nhưng chân họ thì ở trên tấm giàn đỡ bằng sắt. Với hai bước chân và một cái nhảy, ông đã tới bên cạnh họ, cũng trong lúc đó, tên tội phạm vung vẩy cái búa, nhảy xuống sàn đứng của thang máy. Họ trông thấy y ở đó, nét mặt dúm dó, hai mắt tóe lửa đang cố đứng vững trên cái sàn lắc lư. Một giây đồng hồ sau đó, họ không còn trông thấy gì nữa, trong một tiếng lách cách hung bạo, cái thang máy và y đã biến dạng. Một sự yên lặng dài, rồi tới một tiếng động nặng chịch và tiếng loảng xoảng vỡ của một sự rơi khủng khiếp ở mãi xa.
Mặt trắng bệch ra vì sợ hãi, những người được thoát nạn còn bám chặt lấy những thanh thép lạnh lẽo và nhìn xuống đáy của cái hố sâu toang hoác. Viên thiếu tá phá tan sự im lặng.
- Bây giờ họ sẽ tới kiếm chúng ta! Chúng ta đã được cứu thoát! Ông nói lớn trong lúc lau mồ hôi trên trán nhưng nhờ ơn Chúa, chúng ta đã thoát nạn rồi.
Người dịch:**Kim Lương**
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

locdinhcong đánh máy

**Chiếc phễu bằng da**

(The Leather Funnel)

Người bạn của tôi là Lionel Dacre cư ngụ ở đại lộ Wagram, thủ đô Paris, trong một căn nhà nhỏ có hàng rào lưới sắt và một thảm có khiêm nhường nằm trên hè phố bên trái khi ta đi từ Khải hoàn môn xuống. Tôi cho là căn nhà này đã có từ lâu trước khi đại lộ được kiến thiết, vì đã có rêu mọc trên các hòn ngói màu xám và những bức tường mốc meo phai màu. Từ ngoài phố nhìn vào, nó có vẻ nhỏ bé: năm cửa sổ ở mặt tiền, nếu tôi nhớ đúng; nhưng tại nó kéo dài ra phía sau bằng một căn phòng dài tại đó Dacre đã xếp đặt bộ sưu tập các sách về khoa học của anh và thu thập những món đồ vặt vãnh hay những vật kỳ dị vốn là sở thích của anh và là những thứ làm khuây khỏa các bạn hữu của anh. Là một người giàu có, tao nhã, cổ quái, anh đã giành một phần đời của anh và tài sản của anh để quy tụ một bộ sưu tập riêng độc nhất vô nhị các tác phẩm nói về Do Thái Pháp điển và về ma thuật, trong đó có nhiều vật hiếm có và rất đắt. Các sở thích của anh đã làm cho anh thiên về phía những sự kỳ diệu và quái đản, người ta đoan chắc với tôi rằng các kinh nghiệm của anh hướng tới thế giới xa xăm vượt qua mọi ranh giới của nền văn minh và các nghi thức.
Với những be bạn người Anh, anh không hề thốt ra một tiếng về công việc đó nhưng một người Pháp, người có cùng sở thích với anh xác nhận với tôi rằng những sự thái quá tệ hại của những buổi lễ quỷ quái đã từng được thực hiện trong văn phòng lớn này có bày biện sách vở và các tủ kính.
Khía cạnh thể chất của Dacre đã bộc lộ tính chất sự chú tâm mà anh giành cho các vấn đề tâm linh trước hết là phương diện trí tuệ. Bộ mặt nặng nề của anh không có một chút gì của con người khổ hạnh cả, nhưng cái hiếm hoi của anh như là một chỏm núi bên trên một khu rừng thông, đã làm cho ta thấy một sức mạnh đáng kể về tinh thần. Các kiến thức của anh nhiều hơn sự khôn ngoan của anh một cách rõ rệt, những con mắt nhỏ, sáng của anh nằm sâu trong bộ mặt nung núc thịt long lánh vẻ thông minh và một sự tò mò không bao giờ thỏa mãn, nhưng đó là những con mắt của một kẻ đầy nhục cảm và tự kỷ trung tâm. Nói về anh ta như vậy là khá đủ rồi, vì ngày nay anh đã chết rồi, cái con quỷ xấu số đó: chết ngay đúng vào lúc mà anh tin rằng cuối cùng anh đã khám phá ra nước thuốc trường sinh, ngoài ra tôi không có ý định nói với các bạn về tính tình phức tạp của anh; tôi muốn kể lại với các bạn một sự việc không thể giải thích được đã xảy ra trong một lần tôi đến thăm anh hồi đầu xuân năm 1882.
Tôi biết Dacre ở Anh quốc vì tôi đã bắt đầu các việc sưu tầm của tôi trong căn phòng về Assyrie tại viện bảo tang Anh quốc vào thời kỳ mà anh đang cố gắng gán một ý nghĩa thần kỳ và bí truyền cho các biển của Babylon và sự cùng chung quan tâm này đã đưa chúng tôi lại gần nhau, những ý kiến ngẫu nhiên đã đưa tới những cuộc tranh luận hàng ngày và rút lại chúng tôi đã kết bạn với nhau. Tôi hứa với anh rằng tôi sẽ tới thăm anh trong chuyến qua Paris sắp tới của tôi, ngay cả khi tôi sắp thực hiện lời hứa, tôi cũng ở trọ tại Fontainebleau, vì thường không có các chuyến xe lửa buổi chiều nên anh mời tôi ngủ lại đêm ở nhà anh.
- Tôi chỉ có cái giường này để mời anh, anh nói với tôi trong khi chỉ một cái đi-văng lớn trong căn phòng rộng của anh. Tôi hy vọng rằng dù sao anh cũng sẽ có thể ngủ một cách thoải mái ở đó.
Thật là một căn phòng đặc biệt để người ta nằm ngủ, căn phòng với những bức tường cao được che phủ khắp nơi bằng những cuốn sách màu nâu! Nhưng với một người ham mê sách cũ như tôi, lối trang trí này rất thích thú và tôi quý trọng cái mùi thanh thoát bốc ra từ một cuốn sách cũ. Tôi trả lời anh rằng tôi không ước muốn một căn phòng nào vui mắt hơn thế này cũng không mong ước một khung cảnh nào có nhiều cảm tình hơn thế này.
- Nếu sự thiết trí này cũng kém vẻ thực tế như kém tính chất ước lệ. Ít nhất nó cũng bắt tôi phải trả một cái giá đắt, anh nói với tôi trong khi đảo mắt nhìn một vòng trên các ô tủ của anh. Tôi đã tiêu tốn tới một phần tư triệu để có được tất cả những thứ ở chung quanh anh. Những quyển sách, những khí giới những viên đã quý và những bức điêu khắc, những tấm thảm, những bức họa… mỗi vật đều có lịch sử riêng của nó và thường là một lịch sử thú vị.
Anh ngồi ở một bên lò sưởi và tôi ngồi một bên khác cái bàn mà anh dung làm mắt giấy thì ở về mạn tay phải của anh, trên bàn là một ngọn đèn rất mạnh tở ra một vòng ánh sáng vàng óng, một tấm da mới trải ra một nửa nằm ở giữa bàn, vây quanh bởi những thứ linh tinh chỉ đáng làm đồ lạc soong. Trong đám những đồ này nọ có một cái phễu như là thứ phễu mà ta thường dung để đổ rượu vang vào đầy các thùng, nó có vẻ như bằng gỗ đen và nó được đánh đai chung quanh bằng một khoạn trên bằng đồng đã phai màu.
Tôi nói với anh:
- Đây là một vật kỳ dị. Lịch sử của nó ra thế nào?
- A! đó chính là câu hỏi mà tôi đã nêu lên nhiều lần, xin anh hãy cầm lấy nó trong bàn tay và xem xét nó…
Tôi làm theo những gì anh bảo và tôi thấy rằng cái phễu không phải bằng gỗ mà bằng da nhưng bị thời gian là cho khô đi tới một mức đô quá thái. Nó khá lớn; khi đổ đầy nó phải chứa được một lít chất lỏng. Chiếc khoen đồng bao quanh cái phần lớn nhất nhưng phía dưới cổ phễu cũng có một vòng kim loại.
- …Anh nghĩ sao về cái phễu này? Dacre hỏi tôi
- Tôi cho là nó thuộc về một anh hàng rượu hoặc một anh làm kẹp mạch nha thời trung cổ, ở Anh quốc, tôi đã nhìn thấy những cái chai phình bụng rất lớn bằng da có từ thế kỷ thứ mười bảy: người ta gọi chúng là những cái “roi bọc da”, những cái vồ đập chết trâu chúng cũng cùng một màu và cùng một sức to bền như cai phễu này.
- Tôi nghĩ rằng cái phễu này chắc cũng có vào khoảng cùng một thời kỳ đó, người chủ của cái phễu trả lời tôi và chăc chắn là nó được dung để đổ đầy một cái lọ. Nhưng trừ khi có sự lầm lẫn về phần tôi, đây là một nhà buôn rất đặc biệt đã dung cái phễu này để đổ đầy một cái thùng cũng không kém phần đặc biệt. Anh không nhận thấy gì khác thường ở phía dưới cổ phễu à?
Tôi nhìn cái phễu dưới ánh sáng của cây đèn và lúc đó tôi nhận thấy ở một chỗ phía trên cái khoen đồng nhỏ độ mười phân, cỏ phễu bị sây sát, có rạch, như đã bị một người nào cắt khía với một con dao cùn, chỉ có tại chỗ đó cái bề mặt đen mới mất vẻ xù xì
- Một người nào đó định cắt cái cổ phễu
- Cắt nó, anh nghĩ vậy à?
- Hình như nó bị xé rách ra. Bất kể người ta dùng một khí cụ nào, phải có sức mạnh mới gây được các vết tích này lên một vật cứng như vậy! Nhưng về phần anh, ý kiến anh ra sao? Tôi tin rằng anh đã biết nhiều hơn là điều mà anh đã nói.
Decre mỉm cười và cặp mắ nhỏ ranh mãnh của anh ta đã tiết lộ cho tôi thấy là tôi không lầm.
Anh hỏi tôi:
- Trong các cuộc nghiên cứu về triết học của anh , anh có quan tâm tới môn tâm lý học về các giấc mơ không?
- Tôi không biết là đã có một khoa tâm lý học về loại này.
- Quan ngài quý mến của tôi, anh có trông thấy cái ngăn ở phía trên tủ kính đựng các đá quý không? Nó chứa đầy ắp các sách từ thời Albert le Grand (một nhà thần học và triết gia ở thế kỷ thứ mười ba) nói về chủ đề này, môn tâm lý học về các giấc mơ là một khoa học giống như các môn khoa học khác.
- Một khoa học của các tay phương sĩ ảo thuật!
- Nhà phương sĩ bao giờ cũng là người tiền đạo. Từ nhà chiêm tinhđã nảy sinh ra nhà thiên văn học, từ nhà luyện đan, nảy sinh ra nhà hóa học, từ nhà chữa bệnh bằng khoa thôi miên nhân điện nảy sinh ra nhà tâm lý học kinh nghiệm, nhà phương sĩ ảo thuật ngày hôm qua là giáo sư của ngày mai. Sẽ có một ngày mà cả những điều tế vi không thể sờ mó được mà chúng ta gọi là những giấc mộng sẽ được xếp loại, chia ra từng bộ, hệ thống hóa. Tới ngày đó, những sự sưu tầm của những người bạn của chúng ta đang nằm choán tất cả cái ngăn này, sẽ không còn là một đề tài mua vui cho người thích chuyện thần bí mà sẽ là nền tảng cho một môn khoa học.
- Cho rằng sự việc là như vậy đi thì khoa học về các giấc mơ có dính líu tới một cái phễu lớn bằng da có đánh đai đồng?
- Tôi sẽ nói với anh về chuyện đó. Anh biết rằng tôi đã trả lương cho một nhân viên, người này lúc nào cũng theo dõi những đồ hiếm có và kỳ lạ giành cho bộ sưu tập của tôi, cách đây vài ngày ông ta được biết tin một lái buôn ở các bến tàu mới mua được một số cổ vật, các cổ vật này được tìm thấy trong tủ tách chén căn nhà cổ tọa lạc chỗ tận cùng một phố của Khu phố La tinh. Phòng ăn của căn nhà đã được trang hoàng một tấm biển huy chương với các huy hiệu: những hình chữ V và gạch đỏ trên nền bạc, một cuộc sưu tra nhanh chóng chứng tỏ rằng đó là huy chương của Nicolas de la Reynie, một trong những quan chức cao cấp của vua Louis thứ XIV. Không ai được phép nghi ngờ điêu gì nữa: những cổ vật khác trong tủ tách chén đã có từ lúc khởi đầu triều đại Đức vua Mặt trời. Do đó, tôi suy đoán rằng tất cả các cổ vật này đều thuộc về ông Nicolas de la Reynie đó, ông là sĩ quan cảnh sát trưởng do đó phụ trách sự áp dụng và đôn đốc việc thi hành các luật lệ khắc nghiệt của thời đó.
- Và sao nữa?
- Bây giờ xin anh hãy cầm lấy cái phễu và xem kỹ cái khoen đồng ở phía trên. Anh không nhìn thấy một cái gì giống như một chữ à?
- Chắc chắn là đã có những bế trầy trên cái khoen bằng đồng, thời gian đã gần như xóa nhòa chúng. Đúng, xó thể thật sự đã có những chữ, chữ cuối cùng có vẻ phảng phất giống chữ B.
- ... Anh có phân biệt rõ một chữ B không?
- Có.
- Tôi cũng vậy, ngoài ra tôi tin chắc đó là một chữ B.
- Nhưng quý nhân mà anh nói tới đã có một cái tên bắt đầu bằng chũ R?
- Đúng thế! Đó là chỗ ly kỳ của câu chuyện. Ông ấy sở hữu vật kỳ lạ này, vậy mà vật đó lại mang những chữ bắt đầu bằng tên của một người nào khác, tại sao?
- Tôi không biết chút gì về việc này cả. Còn anh?
- Chúng ta hãy cố đoán xem, ở xa hơn một chút trên cái khoen đồng, anh không nhìn thấy một thứ hình vẽ à?
- Có một cái mũ phải không?
- Đó là một cái mũ, không chối cãi được, nhưng nếu anh nhìn nó lúc ban ngày, anh sẽ thấy đó không phải là một cái mũ thường. Đó là một cái mũ có huy hiệu, biểu trưng cho một địa vị xã hội, nó được cấu tạo bằng sự xen kẽ của bốn viên ngọc trai và những lá dâu, đó là mũ của một vị hầu tước. Do đó, chúng ta có thể suy luận ra rằng người mà chữ tắt cuối cùng là một chữ B đã có quyền đặt cái mũ nhỏ này.
- Vậy là cái phễu da vô tích sự này đã thuộc về một vị hầu tước à?
Decre mỉm cười.
- Hay thuộc về một người trong gia đình một hầu tước, chúng ta đã suy diễn tất cả mọi việc đó từ chiếc khoen được chạm trổ này.
- Nhưng một lần nữa, có liên quan gì với những giấc mơ? Liệu tôi có nên gán một cảm giác đột ngột của sự ghê tởm, sự kinh hãi vô lý đang xâm chiếm người tôi, lúc đó cho một cái nhìn mà tôi tưởng là tôi đã phát hiện ra ở Decre hoặc cho một cái gì mà tôi không biết rõ đã ngấm ngầm trong thái độ của anh.
- Đã hơn một lần, tôi nhận được những thông tin rất quan trọng qua một giấc mơ, anh bạn trả lời tôi với cái giọng thầy giáo mà anh ưa thích. Bây giờ tôi đã đặt thành quy luật là mỗi khi tôi ngần ngại về một chi tiết vật chất thì tôi đặt cái vật đó bên cạnh tôi trong khi tôi ngủ và nhất quyết hy vọng một sự thiên khải. Đối với tôi, phương pháp này không có vẻ tối tăm lắm, mặc dù nó không được sự tán thưởng của khoa học chính thức vào thời buổi này, theo giả thuyết của tôi, bất kể vật nào có liên hệ mật thiết với bất kỳ một sự xúc động cao độ nào đó của con người, dù vui vẻ hay đau khổ, đều lưu giữ được một không khí hay một sự thấm nhiễm có thể truyền thông cho một tâm hồn bén nhạy và dễ cảm thụ. Với những tâm hồn bén nhạy, tôi tuyệt nhiên không có ý định nói tới một tâm hồn bình thường, tôi chỉ nói tới một tâm hồn có rèn luyện và có học vấn, như anh hay tôi là những người đã có một tâm hồn như vậy.
- Thí dụ ý anh muốn nói là nếu tôi nằm ngủ bên cạnh thanh gươm cổ treo ở trên tường này thì tôi có thể nằm mộng thấy một vụ đổ máu mà thanh gươm đã tham dự vào à?
- Anh đã rất khéo chọn ví dụ của anh! Quả thật tôi đã dùng phương pháp mà tôi vừa nói với anh đối với thanh gươm này và trong một cơn mộng tôi đã chứng kiến cái chết của người chủ của nó; ông ta đã chết trong một cuộc giao tranh nhỏ mà tôi không thể biểt rõ rệt là ở nơi nào, nhưng nó đã xảy ra vào thời chiến tranh “Bắn nhau bằng các hòn đá”. Nếu muốn suy ngẫm kỹ càng, một vài tín ngưỡng trong dân gian đã chứng tỏ rằng tổ tiên chúng ta cũng đã nhìn nhận sự thật này, mà với sự khôn ngoan của chúng ta, nay chúng ta đã liệt vào loại các dị đoan.
- Thí dụ?
- Chẳng hạn khi người ta đặt chiếc bánh hôn lễ bên dưới gối để cho người ngủ có được những giấc mơ vui thích. Anh sẽ tìm thấy nhiều trường hợp tương tự khác trong một tập sách nhỏ mà tôi đang viết. Nhưng xin quay về với vấn đề lớn của chúng ta, một đêm tôi đã nằm ngủ với cái phễu này ở bên cạnh mình và tôi đã có một cơn mộng chiếu một ánh sáng kỳ lạ vào nguồn gốc và công dụng của nó.
- Anh đã nằm mộng thấy gì?
- Tôi đã mộng thấy...
Anh ngừng lại và anh đột nhiên có vẻ rất chú tâm.
- ...Lạy Chúa, đây là một ý kiến mà tôi tin là tốt, anh nói tiếp, thật sự đây là một cuộc thí nghiệm rất bổ ích. Anh là một người thiên về tâm linh, anh có những giây thần kinh phản ứng cấp kỳ được với bất cứ một cảm giác nào...
- Tôi chưa bao giờ thực hiện những cuộc thử nghiệm kể trên.
- Được, chúng ta sẽ thử nghiệm anh tối hôm nay! Liệu tôi có thể yêu cầu anh coi như anh giúp tôi một việc lớn, vì anh sẽ ngủ ở đây tối hôm nay, nằm ngủ với chiếc phễu cũ kỹ này để bên cạnh gối của anh không?
Đối với tôi, lời thỉnh cầu có vẻ vô lý, buồn cười, nhưng một trong những mặc cảm của tôi là sự khao khát vô biên về tất cả những gì liên quan tới sự kinh dị và kỳ lạ. Tôi không tin ở thuyết của Decre tí nào và tôi không nghĩ gì tới sự thành công trong cuộc thí nghiệm của anh, tuy nhiên không co gì làm tôi bực bội khi đem làm thử cuộc thí nghiệm này. Với vẻ nghiêm trọng, Decre đem tới đầu đi-văng của tôi một cái ghế đẩu trên đó được đặt cái phễu. Chúng tôi còn truyện trò ba hoa một lúc, rồi anh chúc tôi ngủ ngon và để tôi một mình.
Tôi còn ngồi lại một lát bên bếp lửa để hút một điếu thuốc lá và tôi suy ngẫm tới cuộc nói chuyện của chúng tôi. Tôi thấy mình hoài nghi quá, đã có một cái gì lúng túng trong sự vững lòng của Decre; tôi cảm thấy xúc động vì khung cảnh hơi khác thường mà tôi đang sống vì căn phòng rộng mênh mông chứa các đồ vật rất lạ lùng và đôi khi quái gở này. Sau cùng tôi cởi bỏ quần áo, tắt đèn và nằm xuống. Sau nhiều lần trằn trọc trở mình, tôi ngủ thiếp đi. Xin các bạn cho phép tôi cố sức mô tả với một sự chính xác nhất khả dĩ có được về giấc mộng mà tôi đã thấy; những tình tiết của nó tồn tại trong ký ức của tôi rõ ràng hơn bất cứ một cảnh trí nào mà tôi thực sự tham dự.
Về khung cảnh thì nó là một căn phòng vòm cong. Ở những góc, bốn cổng tường leo tới một cái mái có cạnh sắc. Lối kiến trúc thô kệch nhưng vững chắc là căn phòng này thuộc về một tòa nhà đồ sộ.
Ba người đàn ông mặc đồ đen, đội những cái mũ nhung đen có vẻ nặng nề ngồi xếp hàng trên một cái bục có trải thảm đỏ. Họ có vẻ rất nghiêm trang, rất buồn bã. Phía bên trái, hai người đàn ông mặc áo dài, mỗi người cầm một cái ví nom như nhét đầy giấy tờ. Phía bên phải, một người con gái bé nhỏ tóc nâu với cặp mắt kỳ dị màu xanh trong sáng, những con mắt của trẻ con đang nhìn về phía tôi. Cô không còn trong tuổi hoa niên nữa, nhưng cô vẫn còn trẻ, người mập, tròn trĩnh, cô có một phong cách kiêu hãnh vững vàng, khuôn mặt tái xanh nhưng tinh khiết. Khuôn mặt kỳ dị, dễ thương với một cái gì có vẻ giả dối như một đôi chút tàn độc trên cái miệng mỏng và thẳng và cái cằm đầy thịt. Cô quấn mình trong một thứ áo dài rộng và trắng. Bên cạnh cô một tu sĩ gày guộ đầy nhiệt tình đang nói nhỏ vào tai cô, co quay đầu đi và nhìn một cách chăm chú, ngoài tầm cây thánh giá, ba người đàn ông mặc đồ đen mà tôi cảm thấy hẳn là các vị quan tòa xử cô.
Ba người đàn ông đứng dậy và nói một vài tiếng mà tôi không nghe rõ, đó là người đàn ông ngồi giữa nói. Rồi họ đi ra khỏi căn phòng, hai người đàn ông mang ví đi theo họ. Ngay cùng lúc đó nhiều người mặc quần áo chẽn đi vào trong phòng, cuốn tấm thảm đỏ rồi tới những tấm ván là thành cái bục, nhanh chóng thu dọn gọn gàng. Khi màn cảnh đó biến mất rồi, tôi nhận thấy sự hiện diện của những đồ vât kỳ dị; một thứ nom giống như một cái giường với những bánh xe nhỏ bằng gỗ ở hai đầu và một cái cân quay tay để điều chỉnh chiều dài, một thứ khác là một con ngựa gỗ; cũng có cả những dây thừng treo lủng lẳng bên trên các bánh xe lăn, người ta có thể nói đó là một phòng tập thể dục tối tân.
Khi căn phòng được chuẩn bị sẵn sàng, một nhân vật mới xuất hiện trong khung cảnh đó. Đó là một người đàn ông lớn và gầy gò, mặc toàn màu đen. Khuôn mặt xương xẩu và khắc khổ của ông ta làm tôi phát run lên. Quần áo của ông lóng lánh chất mỡ và đầy những vết bẩn. Ông đi đứng với một vẻ đường bệ, mực thước, oai nghiêm, như thể từ lúc bước vào căn phòng ông đã nắm quyền điều khiển mọi công việc. Bất kể tới cái dáng điệu thô vụng và những y phục bẩn thỉu của ông, lúc này là phần vụ của ông, căn phòng này là của ông và chính ông là người ra mệnh lệnh. Cánh tay trái của ông mang một cuộn dây thừng nhỏ người đàn bà nhìn ông với một cái nhìn dò xét, nhưng sắc diện của cô ta không hề thay đổi chút nào, chỉ có đôi chút thách thức phụ thêm vào vẻ tự tin vững vàng. Về phần vị tu sĩ thì mặt ông tái đi, tôi nhìn thấy mồ hôi nhỏ giọt trên vầng trán cao và gồ của ông. Ông chắp tay cầu nguyện, ông luôn luôn cúi xuống người đàn bà để thì thận với cô ta những lời khích lệ.
Người đàn ông mặc đồ đen tiến lên, cầm một trong những sợi dây thừng nhỏ và buộc hai bàn tay người đàn bà lại với nhau. Cô ta dịu dàng chìa hai tay cho ông. Rồi ông nắm lấy vai cô ta một cách hung bạo và ông đưa cô ta tới trướccon ngựa gỗ, con ngựa gỗ cao hơn thân mình cô một chút. Ông nhấc bổng cô lên trên, đặt cô nằm dài lên lưng con ngựa, cô nhìn lên trần nhà. Vị tu sĩ tứ chi run rẩy, chạy ù ra khỏi phòng, cặpmôi của người đàn bà mấp máy một cách mau lẹ; tôi không nghe thấy gì cả nhưng tôi biết cô đang cầu nguyện, hai chân cô bỏ thõng ở hai bên mình con ngựa, tôi trông thấy những tên phụ việc mặc quần áo chẽn đã cột các cổ chân cô và buộc đầy dây thừng vào những cái khoen sắt gắn ở ván lót nền phòng. Tim tôi se lại trước những sự chẩn bị hiểm ác này. Tuy nhiên bị đờ đẫn ra vì sự kinh hoàng, tôi không thể quay mắt đi khỏi hoạt cảnh này, một người đàn ông đi vào, mỗi tay xách một thùng nước. Đến lượt người thứ nhì đi vào với một thùng nước thứ ba. Họ đặt những cái thùng bên cạnh con ngựa gỗ, người đàn ông thứ nhì cũng mang một cái chậu nhỏ bằng gỗ có cái cán thẳng. Y đưa cái chậu gỗ nhỏ này cho người đàn ông mặc đồ đen. Cùng trong lúc đó, một trong những tên đầy tớ tiến lại gần, hắn cầm một vật sẫm màu mà vừa nhìn thấy, dù là trong giấc mơ của tôi, nó đã nhắc tôi nhớ tới một cái gì. Đó là một cái phễu bằng da. Với một sức mạnh đầy tội lỗi, hắn cắm sâu cái phễu... Nhưng tôi không thể chịu đựng cảnh này nhiều hơn nữa. Tóc tôi dựng đứng lên vì kinh hãi. Tôi co quắp người lại, tôi giãy giụa, tôi làm đứt đoạn giấc ngủ của tôi và tôi tỉnh dậy kêu lên một tiếng lớn...
Tôi tỉnh lại kinh hoàng trong cái thư viện rộng lớn mắt trăng trải anh sáng xanh xao qua cửa sổ và chiếu ra những lằn màu đen và màu bạc trên bức tường đối diện. Ôi , thật là khoan khoái biết bao khi cảm thấy được trở lại thể kỷ XIX, khi nhận ra tôi đã rời bỏ căn phong của thời trung cổ đó để trở về một thế giới mà những cư dân đã có một trái tim khả dĩ gợi ra cho họ những tình cảm của con người! Tôi ngồi trên đi-văng, người vẫn còn run rẩy, tâm thần pha trộn giữa sự tri ân và nỗi kinh hoàng. Nghĩ ngợi tới những việc như vậy đã được thực hiện, đã có thể thực hiện được mà đấng thượng đế không trừng phạt những kẻ vô lại đã thi hành các việc đó! Phải chăng, đó là một truyện giả tưởng nảy sinh ra bởi trí tưởng tượng của tôi, hay đó là một sự việc đã thật sự xảy ra trong những ngày u ám độc ác của lịch sử thế giới. Tôi gục đầu vào hai bàn tay run rẩy của tôi. Và rồi bỗng nhiên tim tôi ngừng đập và ngay cả tôi không thể cất tiếng kêu lên được khi mà tôi kinh khiếp quá. Qua bóng tối của thư viện, có một người nào đó đang tiến lại chỗ tôi. Sự kinh hoàng được chồng chất thêm làm tiêu hủy lí trí con người. Không còn đủ sức để suy luận, để cầu nguyện, tôi chú mục nhìn cái bóng người đen sẫm đang bước tới gần. Cái bóng đen đó vừa đi qua một tia ánh trăng; lúc đó tôi lấy lại được hơi thở. Đó là Decre, trên mặt anh tôi thấy rằng anh cũng kinh hãi như tôi.
- Có phải anh đấy không? Nhân danh thượng đế, việc gì xảy ra thế? Anh nói với tôi với một giọng nói hốt hoảng.
- Ồ, anh Decre! Tôi sung sướng được thấy anh! Tôi mới xuống địa ngục, thật là khủng khiếp!
- Vậy chính anh mới kêu lên đó anh?
- Tôi nghĩ là vậy.
- Tiếng kêu vang dội khắp căn nhà. Bọn đầy tớ bị kinh hoàng...
Anh bật một que diêm và đốt đèn lên.
- ... Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể nhóm lại lửa...
Anh quăng một vài khúc củi lên đống than hãy còn đỏ hồng.
- ... Trời ơi, anh có vẻ xanh xao quá này, anh bạn quý. Người ta sẽ nghĩ là anh vừa mới nhìn thấy ma.
- Tôi đã nhìn thấy ma... nhiều ma!
- Vậy là cái phễu da đã đóng vai trò của nó?
- Dù cho tôi tất cả vàng trên thế giới tôi cũng không muốn ngủ một lần bên cạnh vật quỷ quái này.
Decre bật ra một tiếng cười nhỏ. Anh nói với tôi.
- Tôi đã trù liệu rằng anh sẽ có một đêm nơi náo động, nhưng anh đã trả thù rồi, vì tiếng la hét của anh không phải là rất êm ái để mọi người nghe vào lúc hai giờ sáng, theo lời anh nói, tôi tưởng tượng là anh đã nhìn thấy tất cả sự việc khủng khiếp đó phải không?
- Sự việc khủng khiếp gì?
- Sự hành tội bằng nước. “vấn đề dị thường”như người ta đã nói dưới thời Vua Mặt trời. Anh có chịu đựng được cho tới cùng không?
- Không, lạy chúa tôi! Tôi đã thức dậy trước khi việc đó khởi sự.
- À, càng hay cho anh, tôi thì tôi đã cầm cự tới thùng nước thứ ba. Dẫu sao thì đó cũng là câu chuyện từ cổ xưa, những vị anh hùng giờ đây đã bị chôn vùi dưới đất rồi! Chắc chắn là anh không có một chút ý kiến gì về cái quang cảnh mà anh đã chứng kiến phải không?
- Việc hành tội môt nữ phạm nhân nào đó. Hẳn cô ta đã phạm những trọng tội ghê gớm nên mới phải chịu một hình phạt như vậy!
- Việc đáng kể là chúng ta đã có được sự an ủi nhỏ nhoi này, Decre trả lời tôi, trong khi cuộn mình trong chiếc áo ngủ và bước lại gần lò sưởi, những tội ác của cô ta tương xứng với hình phạt của cô ta. Ít nhất nếu tôi không lầm về lý lịch của người đàn bà này.
- Làm thế nào mà anh có thể khám phá ra lý lịch của cô ấy.
Thay cho câu trả lời, Decre lấy từ kệ tủ ra một cuốn sách cổ.
- Hãy nghe điều này! Anh bảo tôi. Anh sẽ tự mình phán đoán xem có phải tôi đã tìm ra lời giải đoán của việc bí ẩn. “Người nữ tù nhân bị đem ra xét xử trước Đại Pháp Viện của Tối Cao Pháp Viện họp tại tòa án với tội danh là đã ám sát ông Dreux d’Anbray, thân sinh ra cô và hai anh trai cô, các ông d’Anbray, một người là tài phấn dân sự và người kia là Ủy viên Tối Cao Pháp Viện. Hình như khó mà tin rằng cô là thủ phạm của những tội ác quái gở như vậy, vì cô có vẻ dịu hiền, cô người nhỏ nhắn, cô có một màu da nâu và những con mắt màu xanh. Tuy nhiên tòa án đã phán quyết cô là thủ phạm, buộc cô phải chịu sự thẩm vấn thường và sự thẩm vấn đặc biệt ngõ hầu bắt cô phải khai tên tuổi những kẻ đồng lõa, rồi bị dẫn giải bằng xe bò tới công trường Genève, ở đó cô sẽ bị chém đầu, xác cô sẽ bị thiêu và tro tàn bị trải tung cho gió cuốn”
“Ngày tháng của sổ đăng lục này là ngày mười sáu tháng bảy năm 1676”
- Thú vị đó! Tôi trả lời. Nhưng không đủ sức thuyết phục. Làm thế nào anh chứng minh được rằng là đó là cùng một người đàn bà này?
- Tôi chứng minh được, câu chuyện kể lại thái độ của người đàn bà trong cuộc thẩm vấn: “Khi kẻ hành tội đến gần cô, cô nhần ra hắn ta vị những dây thừng nhỏ mà hắn ta cầm trong tay và ngay tức thì cô chìa những bàn tay cô cho hắn trong khi mắt nhìn hắn từ đầu tới chân mà không thốt ra một câu nào”. Có đúng vây không?
- Đúng.
- “Cô thản nhiên nhìn con ngựa gỗ và những khoen là những thứ đã vặn gãy rất nhiều tay chân và những tiếng kêu đau đớn. Khi mắt cô nhìn tới ba thùng nước đã được chuẩn bị sẵn, cô mỉm cười nói: “Tất cả số nước này được mang tới đây với dụng ý làm tôi chết chìm, thưa ông. Tôi cho rằng ông không nghĩ tới việc bắt một người nhỏ bé như tôi phải nuốt hết chỗ nước này chứ?”. Tôi có cần đọc cho anh nghe những chi tiết của sự hành tội không?
- Không, vì lòng lành của Thượng đế!
- Đây là một câu chứng tỏ cho anh thấy rằng những gì được kể trong quyển sách này đúng là cái cảnh mà anh đã chứng kiến hôm nay: “Đạo sư Piror hiền hậu không thể đứng nhìn những sự đau khổ mà người đàn bà bị hành tội sắp phải chịu đựng, đã bước vội ra khỏi căn phòng”. Điều này có thuyết phục anh không?
- Hoàn toàn thuyết phục. Không còn nghi ngờ gì, đây đúng là cùng một việc, nhưng như vâỵ thì cái người đàn bà rất duyên dáng này là ai mà phải chịu một kết cục quá khủng khiếp như thế?
Decre bước lại gần tôi và anh đặt cây đèn nhỏ trên cái bàn ở đầu giường, cầm nâng cái phễu chết tiệt lên, anh quay cái khoen bằng đồng lại để cho ánh sáng soi rõ nó. Khi nhìn như vậy tôi thấy những hình chạm rõ hơn là vào buổi tối.
- Chúng ta đã nhận xét rằng đây là biểu trưng của một vị hầu tước hay là một nữ hầu tước, chúng ta đã xác định rằng chữ cuối cùng là một chữ B.
- Đúng, không thể chối cãi được.
- Bây giờ tôi chưa đưa ra một ý kiến, những chữ khác từ trái qua phải, không phải là một chữ M, một chữ M nữa và một chữ d nhỏ, một chữ A, một chữ d nhỏ rồi một chữ B tận cùng hay sao?
- Đúng, tôi nghĩ rằng anh nói có lý. Tôi nhận ra hai chữ d nhỏ một cách hoàn toàn rõ ràng.
- Những gì mà tôi vừa đọc cho anh nghe, Decre tuyên bố, là sự ghi chép chính thức về vụ án Marie Madeleine d’Anbray, nữ hầu tước đất Brinvillien, một trong những người đàn bà can tội đầu độc chứ danh nhất của mọi thời đại.
Tôi đứng yên không nói được lời nào. Tôi bị choáng váng vì tính chất kỳ dị của sự việc và vì tính cách hình thức của bằng chứng mà Decre đã cung cấp cho tôi. Tôi nhớ lại một cách mơ hồ một vài chi tiết về sự nghiệp của người đàn bà này, sự trụy lạc buông thả của cô ta, những sự hành hạ có tính toán và cố ý mà cô đã bắt ông bố ốm đau của cô phải chịu; việc ám sát hai người anh trai của cô vì những lý do quyền lợi trong nhà. Tôi cũng nhớ tới sự dũng cảm mà cô đã biểu lộ vào những giờ phút cuối cùng của cô và sự dũng cảm mà cô đã chuộc lại một phần những tội ác của cô, cũng như mối cảm tình mà tất cả thành phố Paris đã bày tỏ với cô lúc cô bị hành hình; một vài ngày sau khi chửi rủa cô là kẻ đầu độc, những người dân thành phố Paris lại thực sự tôn sùng cô như là một vị thánh tử vì đạo. Có một điều phản đốii và một điều thôi đã nói lên trong đầu tôi:
- Làm thế nào mà các chữ viết tắt của tên cô và huy hiệu của cô lại có thể được khắc trên cái phễu? Tôi nghĩ rằng người ta không đưa sự sùng kính thời trung cổ đối với các bậc quý phái tới mức phải đi trang hoàng các dụng cụ để hành tội họ với các danh vị của họ, phải vây không?
- Điều này đã làm tôi suy nghĩ, Decre công nhân, nhưng nó chỉ có thể có một sự giải thích. Thời đó, vụ này đã gây ra một mối quan tâm đáng kể, không có điều gì tự nhiên hơn là cái việc ông La Raynie, vị phán quan về cảnh sát đó, đã giữ lại cái phễu làm kỷ niệm. Việc một nữ hầu tước của nước Pháp phải chịu cuộc thẩm vấn đặc biệt đâu phải là chuyên thường xảy ra. Chắc chắn ông đã sai khắc lên trên những chữ bắt đầu của từ Brinvillien để thỏa mãn những kẻ tò mò; hẳn là ông ta có thói quen làm những thể thức đó.
- Và còn cái này? Tôi hỏi và chỉ vào những dấu vết trên cổ cái phễu.
- Cô La Brinvillien là một con cọp cái hung ác, Decre vừa trả lời tôi vừa bỏ đi ra. Tôi nghĩ rằng cũng như những con cọp cái khác, cô ta có những cái răng nhọn và cứng.
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

udnguyen đánh máy

**Bàn tay nâu**

Ai cũng biết ngày Dominic Hulden, một y sĩ danh tiếng tại Ấn Độ, đã chọn tôi làm người thừa kế của ông; và cái chết của ông sẽ biến đổi một anh y sĩ nghèo nàn, vất vả thành một ông chủ giàu sang, mọi người cũng đều biết rằng ít nhất có năm người cũng có thể ngấp nghé vào việc thừa kế ấy như tôi và rằng sự lựa chọn của ngài Dominich đã tỏ ra với một vài người là quá độc đoán và kỳ cục. Mặc kệ! Về phần tôi, tôi xác nhận rằng ngài Dominich đã có những lý do rất vững vàng để bày tỏ lòng ưu ái đối với tôi, mặc dù tôi chỉ mới biết ông trong những năm cuối cùng của đời ông . Tôi cũng dám nói rằng những điều tôi đã làm cho ông chú tại nước Ấn Độ này chưa bao giờ có ai từng làm được cho một người khác . Tất nhiên là tôi không thể hy vọng là người khác tin ở lời tôi, khi câu chuyện của tôi không phải là thứ truyện tầm thường . Nhưng tôi có cảm tưởng rằng tôi sẽ không làm tròn bổn phận nếu tôi không kể lại câu chuyện đó . Vậy thì sau đây là câu chuyện đó . Các bạn có tin ở tôi hay các bạn sẽ không tin tôi, đó là tùy ý các bạn .
Ngài Dominic là hội viên của Hội Ordre du Bain, có Huy Chương Ấn Độ Bội Tinh … lúc sinh thời là một vị y sĩ cực kỳ lỗi lạc, ông đã từ giã quân ngũ để định cư tạI Bombay và mở phòng mạch chữa cho các con bệnh thường dân . Ông thường được mời đi thăm bệnh; ông đã đi tới tất cả các tỉnh của Ấn Độ . Tên tuổi ông được gắn liền mãi với bệnh viện Đông Dương mà ông đã tạo lập và khai triển . Vào một thời điểm nào đó, cái cơ thể vững như thép của ông đã biểu hiện những dấu hiệu của sự mệt mỏi, tiếp theo sự căng thẳng quá độ lâu năm mà ông đã bắt nó phải gánh chịu . Các đồng nghiệp của ông (có thể là không hoàn toàn bất vụ lợi trong trường hợp này) đã khuyên ông trở về Anh . Ông vẫn cố chịu đựng cho tới khi các triệu chứng thần kinh xuất hiện rõ ràng một cách đáng sợ . Lúc đó ông mới trở về cố hương Wiltshire của ông, tâm trí rất chán chường . Ông mua một tài sản đẹp đẽ, với một trang trại cũ, gần cánh đồng Salisbury và ông giành những ngày tàn của ông cho việc nghiên cứu môn so sánh bệnh lý học; môn học này đã là lý tưởng của một đời ông và ông đã đạt được một sự lừng danh bất khả tranh biện về nó .
Là những người trong gia đình ông, như các bạn đã thấy, chúng tôi rất xôn xao khi nghe tin ông chú giàu có và không có con cái này trở về Anh . Mặc dầu không tỏ ra có tính hiếu khách hào sảng, ông vẫn biểu lộ một đôi chút ‎ý niệm về các bổn phận đối với gia tộc ông; lần lượt từng người một, bọn chúng tôi đã được mời tới thăm ông .
Cứ tin ở lời năm người anh em họ của tôi đã tới thăm ông trước tôi thì chuyến đi về vùng quê này chả có gì là vui thích cả . Như vậy là với những tình cảm lẫn lộn, cuối cùng tôi đã nhận được một lá thư bảo tôi tới Rodenhurst. Vợ tôi đã bị gạt ra khỏi danh sách một cách quá cẩn thận khiến cho hành động đầu tiên của tôi là khước từ lời mời; nhưng liệu tôi có quyền lợi cùng với những quyền lợi của lũ con tôi không ? Với sự đồng ý của vợ tôi, một buổi chiều tháng mười tôi di Wiltshire . Tôi đã không có chút tưởng tượng nào về các hậu quả của chuyến du hành này .
Tài sản của chú tôi tọa lạc ở một nơi mà những khỏanh đất canh tác được của cánh đồng bắt đầu nhỏ về hướng các vách đá vôi, một nét đặc thù của lãnh địa . Ngồi xe từ nhà ga Đinton vào lúc hoàng hôn của một ngày mùa thu đó, tôi đã bị trấn áp một cách kinh khủng bởi những dấu tích đồ sộ của đời sống tiền sử đến nỗi hiện tại hình như chỉ là một giấc mộng ở bên cạnh những sự thật ngạo nghễ, đầy sức ám ảnh của quá khứ . Con đường vạch ra những lối ngoằn nghèo trong các thung lũng được bao quanh bởi từng dãy đồi liên tiếp nhau và chóp đỉnh của tất cả những trái đồi này đều được đẽo gọt thành những công sự khá phức tạp, hình tròn hoặc hình vuông, những công sự này đã đứng ngạo nghễ trước gió và mưa hành bao nhiêu thế kỷ . Nhiều người nói chúng là của người La Mã, nhiều người khác bảo rằng chúng là của người Anh . Thật ra, nguồn gốc chân thật của chúng không bao giờ được làm cho sáng tỏ cả, cũng như các lý do tại sao trong cả các nơi, miền này lại có nhiều thành lũy như vậy . Rải rác đây đó, trên những triền xanh ô liu kéo dài và phẳng phiu, nổi cao lên những mô đất nhỏ, tròn trĩnh . Những ngôi mả này chứa đựng tro tàn của những người đã đào sâu những ngọn đồi, những bình đựng đầy tro bụi, đó là tất cả những gì còn lại của những người xưa kia đã lao động dưới ánh mặt trời .
Chính là phải đi qua miền quê bí hiểm này mà tôi đã tới gần Rodenhurst, nơi cư ngụ của chú tôi; ngôi nhà rất hòa điệu với những khung cảnh chung quanh . Hai cây cột bị đổ và lem luốc vì tuổi tác, trên mỗi cây đều có một tấm huy hiệu đã bị sứt mẻ, chúng đỡ lấy một tấm lưới mở ra trên một lối đi được chăm sóc một cách cẩu thả . Một cơn lạnh lẽo rít lên trong đám cây du thụ mọc bên cạnh lối đi . Không khí xào xạc những lá bay lả tả . Ở cuối lối đi, dưới một mái cây uốn cong, một ánh sáng vàng vọt lóe ra . Trong cái ánh sáng của giờ giấc này giữa lúc chạng vạng tối, tôi nhận ra một tòa kiến trúc dài và thấp xòe ra đôi cánh không cân đối, nóc nhà thoai thoải có những mái chìa ra ngoài, những xà nhà theo kiểu thời Tudor bắt chéo nhau trên các đầu tường . Một ngọn lửa ấm cúng nhảy múa phía sau bức cửa sổ lớn hình lục lăng ở bên trái cửa lớn ra vào; nó chỉ cho thấy nơi kê bàn giấy của chú tôi; và đó là nơi mà người quản gia đưa tôi tới để ra mắt ngài Dominic .
Chúng tôi đã ăn xong bữa, những kẻ hầu hạ đã rời khỏi phòng sau khi mang cho chúng tôi một ly porto, khi cuộc trò chuyện của chúng tôi quay sang một đề tài làm nẩy sinh một kết quả bất ngờ cho các vị chủ nhà của tôi . Tôi không còn nhớ làm thế nào mà chúng tôi đã đi tới chỗ đề cập tới vấn đề siêu nhiên; đại khái là tôi chỉ cho họ thấy là trong các cuộc thí nghiệm về tâm linh, sự bất bình thường là một vấn đề mà tôi, cũng như nhiều bác sĩ thần kinh học, đã giành rất nhiều sự chú tâm và tôi kết luận bằng cách kể lại một kinh nghiệm bản thân: với tư cách hội viên của Hội nghiên cứu Tâm linh, tôi đã tham dự một ủy ban để ngủ lại qua đêm tại một căn nhà có ma; mặc dù câu chuyện chẳng có gì là say mê, cũng chẳng có sức thuyết phục, cuộc mạo hiểm của tôi cũng khiến cho các vị thính giả của tôi chú ý với mức độ rất cao . Họ nghe tôi nói mà không bao giờ ngắt lời tôi . Tôi bắt gặp giữa họ có một vẻ gì về sự đồng lõa mà tôi không biết giải thích như thế nào . Bà Holden đứng dậy và để bọn tôi ở lại một mình .
Ngài Dominic đẩy một hộp xì gà về phía tôi . Chúng tôi yên lặng hút thuốc trong một lúc . Khi ông để điếu xì gà lên miệng, bàn tay xương xẩu to lớn của ông run rẩy . Những dây thần kinh của ông chắc chắn phải rung lên như những sợi dây đàn . Linh tính của tôi báo trước cho tôi biết rằng ông đang sắp sửa có điều gì thổ lộ tâm can và tôi định bụng không nói gì cả, sợ làm ông cụt hứng . Cuối cùng ông quay lại phía tôi với một cử động mau lẹ của một người vừa rủ sạch được nỗi áy náy sau cùng .
- Bác sĩ Hardane ạ, chú ít biết về cháu, ông bắt đầu nói . Tuy nhiên, đối với chú hình như cháu mới đúng là người chú muốn gặp .
- Thưa chú, hẳn chú thấy cháu rất sung sướng về điều chú nói .
- Chú có cảm tưởng cháu là người bình tĩnh và cháu có can đảm . Cháu đừng nghĩ rằng chú tìm cách phỉnh phờ cháu, vì hoàn cảnh rất trầm trọng khiến cho chú không thể làm thiếu đi bất cứ một chút gì cho sự thành thực . Cháu đã nắm vững một vài quan điểm của một triết gia, điều đó đã làm cho cháu tránh được một sự kinh hoàng tầm thường . Chú giả thiết rằng cảnh ma quỷ xuất hiện sẽ không làm cháu hoảng sợ quá mực .
- Thưa chú, cháu không nghĩ là cháu sẽ hoảng sợ .
- Và thậm chí có thể nó còn làm cho cháu thích thú nữa ?
- Cháu rất thích thú .
- Vốn là một quan sát viên về tâm linh, chắc chắn là cháu đã nghiên cứu về vấn đề đặc biệt này một cách khách quan cũng như một nhà thiên văn học nghiên cứu ngôi sao chổi bay ở trên trời chứ ?
- Vâng, đúng hệt như vậy .
- Ông bật lên một tiếng thở dài .
- Hãy tin ở chú, bác sĩ Hardane ạ, đã có thời chú có thể nói chuyện với cháu như cháu đang nói chuyện với chú lúc này . Ở Ấn Độ, sự dũng cảm của chú đã trở thành chuyện truyền khẩu . Ngay cả cuộc binh biến lớn lao cũng không làm suy yếu lòng dũng cảm của chú một phút nào . Tuy nhiên, cháu nhìn thấy ngày nay chú đã hóa thành một thứ đồ phế thải như thế nào: chú đã trở thành một kẻ nhút nhát nhất trong khắp vùng Wiltshire . Cháu chớ có ngổ ngáo quá trong lãnh vực này; nếu không có khi cháu sẽ bị vướng vào một cuộc thử thách lâu dài giống như cuộc thử thách mà chú đang vướng phải . Một cuộc thử thách chỉ sẽ chấm dứt trong một nhà thương điên hoặc trong nấm mồ .
Tôi cố kiên nhẫn chờ ông quyết định đi ngay vào điểm chính của mối bận tâm của ông . Khỏi cần phải nói thì ai cũng biết lời mở đầu của ông đã làm tôi say mê .
- ... Từ một năm nay, ông nói tiếp, đời sống của chú và đời sống của thím bị buồn phiền . Nguyên nhân rất kỳ cục khiến người ta muốn bật cười . Tuy nhiên tính cách quen thuộc của nó khiến cho người ta không thể chịu đựng được . Trái lại, ngày tháng qua đi, các giây thần kinh của chú càng suy mòn một cách thảm thương . Nếu cháu không bị nỗi lo sợ về thể chất, bác sĩ Hardane ạ, thì chú rất sung sướng được nghe ý kiến của cháu về cái hiện tượng đã làm chúng ta mâu thuẫn nhau rất nhiều .
- Ý kiến của cháu, dù nó có giá trị thế nào đi nữa, xin đặt tùy quyền định đoạt của chú . Cháu có thể hỏi chú về bản chất của hiện tượng đó không ?
- Chú nghĩ rằng kinh nghiệm của chính cháu sẽ hữu ích hơn nếu cháu không biết trước những gì mà có thể cháu sẽ khám phá ra . Chắc cháu đã hiểu sự hoạt động của não bộ và những cảm nghĩ chủ quan đã bao hàm một sự mập mờ khó hiểu như thế nào . Chú nghĩ tốt hơn hết là cháu nên tránh điều đó .
- Vậy thì bây giờ cháu phải làm gì ?
- Chú sẽ nói cho cháu nghe . Cháu có vui lòng theo chú lại chỗ này không ?
Rồi ông dẫn tôi ra khỏi phòng ăn, đi vào một hành lang tới cái cửa . Sau tấm cửa này là một căn phòng lớn không bày biện đồ đạc gì, được trang bị thành phòng thí nghiệm, với một số dụng cụ khoa học và nhiều chiếc bình . Trên một mảnh xích đồng đặt dọc theo mặt tường, có một dẫy xếp đầy những bình đựng các mẫu về bệnh lý học và các bộ phận được giải phẫu .
- ... Cháu thấy là chú không xao lãng công việc cũ của chú, ngài Dominic nói . Những bình này chỉ là phần còn sót lại của những gì mà trước đây đã là một bộ sưu tầm quý giá . Bất hạnh thay chú đã đánh mất phần lớn cac mẫu này trong vụ hỏa hoạn làm cháy tiêu tan căn nhà của chú ở Bombay nay 1892 . Trong nhiều phương diện vụ cháy tai hại này đã làm chú thiệt thòi quá nhiều . Chú đã có những loại mẫu rất hiếm và bộ sưu tầm của chú về bộ phận lá lách có thể coi là bộ duy nhất trên thế giới . Đây là những thứ đã cứu vãn được ...
Tôi đảo mắt nhìn, khá đầy đủ để cho ta thấy rằng quả thực chúng có một giá trị rất lớn và trên phương diện bệnh lý học, đó là những thứ cực kỳ hiếm thấy; các cơ quan tụ đặc lại, các nang thũng rộng ngoắc, các mảnh xương biến dạn, những ký sinh trùng đáng ghét, tóm lại một cuộc trưng bày độc đáo về các sản phẩm của Ấn Độ .
- ... Như cháu đã nhìn thấy, ở đây còn có một ghế tràng kỷ, ông chú tôi nói tiếp . Chú không hề nghĩ tới việc giành cho một vị khách một tiện nghi xoàng xĩnh như thế này . Nhưng qua cuộc nói chuyện của chúng ta, chắc cháu sẽ rất vui lòng chấp nhận việc ngủ qua đêm trong căn phòng này . Chú xin cháu đừng ngần ngại gì, mà cứ nói đi nếu lời đề nghị của chú làm cháu phật ý .
- Không có gì phật ý cả, tôi đáp lại . Điều này rất dễ chấp nhận .
- Phòng của chú là căn thứ nhì về bên trái . Trong trường hợp cháu thấy cần có người bầu bạn, cháu chỉ việc gọi chú . Chú sẽ tới ngay tức khắc .
- Cháu hy vọng rằng cháu sẽ không bị buộc lòng phải quấy phiền chú .
- Khó có chuyện là chú ngủ được . Chú không ngủ nhiều được nữa . Cứ gọi chú, chớ ngần ngại gì .
Thế là chúng tôi đã thỏa thuận với nhau, chúng tôi đi ra gặp lại bà Holden trong phòng khách và chúng tôi nói chuyện về những đề tài dí dỏm hơn .
Tôi công nhận không một chút màu mè nào rằng viễn ảnh của cuộc mạo hiểm này làm tôi vui thích . Tôi không muốn tỏ ra can đảm hơn những người ở bên cạnh tôi, nhưng khi người ta đã quen thuộc với một vấn đề, người ta coi thường những nỗi sợ hãi vu vơ và mập mờ đã làm kinh động một bộ óc giàu tưởng tượng . Bộ óc con người chỉ có thể tiếp nhận một cảm xúc mạnh trong một lúc nào đó : nếu nó đang nôn nóng vì tò mò hay nhiệt tình khoa hoc, thì sợ hãi không còn chỗ trong nó nữa . Đúng thật ông chủ tôi đã nói rằng lúc mới đầu ông cũng đã chia sẻ quan điểm của tôi; tôi nghĩ rằng sự suy sụp hệ thần kinh của ông có thể là do bốn mươi năm ông đã sống ở Ấn Độ, cũng như do bất cứ một cuộc mạo hiểm tâm linh nào . Còn về phần tôi, ít nhất tôi cũng vững vàng, nói về phương diện thần kinh và tâm lý; đó là lý do tại sao tôi đã cảm thấy sự hồi hợp dễ chịu mà người thợ săn thường cảm thấy khi ngồi rình gần tổ con mồi, khi tôi đóng sập cánh cửa phòng thí nghiệm sau lưng tôi . Tôi cởi bỏ một phần quần áo, rồi tôi nằm dài trên ghế trường kỷ trải những tấm da thú .
Nếu là một phòng ngủ thì khung cảnh không phải là lý tưởng . Không khí nặng trĩu mùi hóa chất, trong đó mùi cồn chín mươi sặc sụa nhất . Hơn nữa, cách trang trí không có chút gì làm người ta muốn ngủ . Cái dẫy những bình bày trong đó nổi lập lờ các vết tích của những bệnh tật và những sự đau đớn, đang phơi bày ra ngay trước mặt tôi . Trên cửa sổ không có cánh cửa, cũng không có màn che; một vầng trăng khuyết tuôn ánh sáng xanh xao vào căn phòng và vạch ra trên bức tường đối diện một hình vuông màu bạc, trong đó những hình lục lăng chồng chéo lên nhau . Khi đã có một vẻ huyền hoặc và rối rắm . Một sự yên lặng hoàn toàn chiếm ngự tất cả căn nhà cũ kỹ; tiếng xào xạc nhẹ nhàng của các cành cây ngoài vườn lọt tới tai tôi một cách dịu dàng . Phải chăng đó là lời ru ngủ của những tiếng rì rầm liên tục ? Hay đó là sự mệt mỏi của một ngày qua ? Tôi đã cố chống cự để gìn giữ tất cả sự tỉnh táo cho các giác quan của tôi, tôi đã ngủ một giấc ngủ say sưa .
Một tiếng động trong phòng thí nghiệm làm tôi thức giấc . Ngay tức thì tôi chống khuỷu tay ngồi nhỏm lên . Chắc tôi đã ngủ được một vài giờ đồng hồ, vì vệt sáng hình vuông trên tường đã di chuyển chếch xuống phía dưới và lúc này nó nằm nơi chân ghế trường kỷ của tôi . Phần còn lại của căn phòng bị chìm sâu trong bóng đêm tối sầm . Mới đầu tôi không thể phân biệt được chút gì cả rồi mắt tồi làm quen với bóng tối, rồi thì tôi nhận ra, với một cảm giác ớn lạnh, rùng mình mà các thói quen thiên về khoa học của tôi đã tỏ ra bất lực không thể kìm hãm được, đó là một vật gì đó đang di chuyển thong thả dọc theo bức tường . Thính giác trở nên bén nhạy hơn của tôi ghi nhận thấy một tiếng động nhẹ vừa tắt đi, tiếng động của những chiếc giày vải kéo lê trên mặt đất và tôi phân biệt ra một cách mơ hồ một bóng người bước đi một cách lén lúc; bóng này từ phía của ra vào đi tới; bóng đó nhô ra trong phần được chiếu sáng bởi ánh trăng và tôi đã nhìn thấy nó rõ ràng . Đó là một người đàn ông nhỏ và thấp, mặc một thứ áo dài màu xám đậm, dài thẳng từ hai vai tới chân . Ánh trăng soi sáng một bên mặt hắn ta, tôi nhận thấy da mặt màu sôcôla và hắn ta có một búi tóc đen phía sau đầu . Hắn ta đi thong thả, mũi ngẩng lên trời, hướng về cái xích đông nơi có những bình chứa đựng các mảnh vụn của những người đã chết . Hắn có vẻ xem xét tỉ mỉ từng bình một . Khi hắn xem xét xong, ngay chỗ cuối giường tôi, hắn dừng lại, quay mặt về phía tôi, giơ hai bàn tay lên một vẻ tuyệt vọng và biến mất .
Tôi nói rằng hắn giơ hai bàn tay lên; lẽ ra tôi nên viết rằng hắn giơ hai cánh tay lên, vì khi hắn ta làm dáng điệu tuyệt vọng đó, tôi nhận thấy một điều đặc biệt: hắn chỉ có một bàn tay! Khi những ống tay áo tụt xuống dọc theo những cánh tay giơ lên của hắn, tôi nhìn thấy rõ ràng bàn tay trái, nhừng còn bàn tay phải chỉ là một cái cùi tong teo gớm ghiếc . Ngoài cái bàn tay cụt đó ra, hắn ta có vẻ rất bình thường, tôi đã nhìn thấy hắn và nghe hắn một cách rất rõ rệt đến nỗi tôi tự hỏi có phải hắn là một trong những tên đầy tớ người Ấn Độ của ngài Dominic tới kiếm một vật gì trong phòng thí nghiệm không . Nhưng sự biến mất thình lình của hắn gợi ra cho tôi một sự giải thích thiếu bình thường . Tôi đứng bật dậy, thắp nến lên và xem xét tỉ mỉ căn phòng . Vì tôi không tìm thấy một dấu vết nào của người khách của tôi, tôi phải chấp nhận rằng sự hiện diện của hắn đã một phần nào vượt ra ngoài khuôn khổ các qui luật tự nhiên . Tôi không ngủ lại nữa; nhưng đêm qua đi mà không có một sự cố nào khác .
Bao giờ tôi cũng dậy sớm; nhưng ông chú tôi đã dậy sớm hơn tôi: ông đang đi bách bộ trên thềm cỏ trước nhà; khi ông thấy tôi đứng trên bực cửa, ông chạy lại .
- Thế nào ? ông nói lớn . Cháu có thấy hắn không ?
- Một gã Ấn Độ chỉ có một bàn tay ?
- Đúng .
- Vâng, cháu đã thấy hắn .
Tôi kể lại cho ông nghe những việc đã diễn ra . Sau đó, ông dắt tôi vào phòng làm việc của ông .
- Chúng ta có đôi chút thời giờ trước khi ăn điểm tâm, ông nói với tôi khoảng thời gian đó đủ để cho cháu nghe một cách giải thích về sự việc dị thường này, theo như chỗ chú có thể giảng nghĩa cho cháu một điều mà thật ra không thể nào giải thích được . Trước hết khi chú nói cho cháu hay rằng từ bốn năm nay không bao giờ chú ngủ được trọn vẹn một đêm, dù là ở Bombay, dù là ở trên tàu thủy, dù là ở nước Anh, mà không bị quấy rầy trong giấc ngủ bởi con người đó, cháu sẽ hiểu tại sao chú lại trở thành con người tàn tạ . Chương trình của hắn ta không thay đổi . Hắn hiện ra bên cạnh giường chú, lay mạnh vào vai chú, đi từ phòng chú vào phòng thí nghiệm, đi thong thả trước dãy bình của chú, rồi biến mất . Ít nhất hắn đã làm như vậy hàng ngàn lần .
- Hắn đòi hỏi gì ở chú ?
- Bàn tay hắn .
- Bàn tay hắn à ?
- Ừ, khoảng độ 10 năm trước, chú được mời tới khám bệnh ở Pessawa; trong chuyến công tác của chú, người ta yêu cầu chú xem bàn tay một người bản xứ đi qua thành phố cùng với một đoàn xe của người Afghanistan . Hắn ta gốc gác ở một bộ lạc sơn cước sinh sống ở từ xa, phía bên kia dẫy núi Kafiristan và hắn nói một thổ ngữ gần như không ai hiểu được . Hắn bị bệnh sưng phù biến nhan ở một trong các khớp xương bàn tay và chú cố sức nói cho hắn ta hiểu là hắn chỉ có thể cứu lấy mạng sống bằng cách hy sinh bàn tay của hắn . Phải vất vả lắm chú mới thuyết phục được hắn ta; sau hết hắn đồng ý việc giải phẫu . Ngay khi việc giải phẫu xong xuôi, hắn ta hỏi chú là hắn phải trả bao nhiêu tiền . Thằng quỷ khốn khổ đó gần như một tên ăn xin, nên chú không lấy tiền của hắn . Nhưng chú trả lời hắn với sự bông đùa rằng chú bằng lòng lấy bàn tay của hắn và rằng chú có ý định lấy bàn tay đó để thêm vào bộ sưu tập về bệnh lý của chú .
“Trước sự kinh ngạc vô cùng của chú, hắn ta đưa ra nhiều lý lẽ để phản đối . Hắn ta cắt nghĩa cho chú thấy là theo tôn giáo của hắn, thật là tối quan trọng việc thể xác phải hợp nhất lại sau khi người ta chết, để dùng lam nơi trú ngụ hoàn hảo cho linh hồn . Như cháu đã biết, sự tín ngưỡng này đã có từ rất lâu đời và những xác ướp của người Ai Cập cũng xuất phát từ một mối dị đoan tương tự . Chú hỏi hắn ta là hắn ta làm cách nào để bảo tồn nó . Hắn nói hắn sẽ cho ngâm nó vào nước muối và hắn sẽ luôn luôn mang nó bên mình . Chú bảo hắn rằng chắc chắn là nó sẽ được an toàn ở nhà chú hơn là ở trong người hắn và rằng chú có sẵn những chất liệu tốt hơn để bảo tồn nó . Khi hắn hiểu rằng chú thực bụng muốn bảo toàn bàn tay ấy, sự chống đối của hắn chấm dứt hình như với sự hoan hĩ . “Nhưng xin ông nhớ rằng, ông quan thầy, hắn nói với chú, rằng tôi sẽ trở lại tìm nó khi tôi chết .” Chú bật cười và sự việc đã kết thúc . Chú quay về với các thân chủ của chú và chắc hắn có thể tiếp tục lên đường đi Afghanistan .
“Như chú đã nói với cháu về việc đó chiều hôm qua, nhà của chú ở Bombay hầu như bị cháy rụi hoàn toàn . Cùng với nhiều đồ vật khác, bộ sưu tầm về bệnh lý học của chú đã bị thiêu hủy gần như hoàn toàn, trong đó có cả cái bàn tay của anh chàng người sơn cước đó . Việc đó xảy ra đã sáu năm rồi .”
“Ngay lúc đó chú không nghĩ tới việc thương tiếc cái bàn tay đó . Nhưng hai năm sau vụ hỏa hoạn, một đêm chú đã bị đánh thức dậy bởi một kẻ nào đó, hắn giật ống tay áo của chú một cách giận dữ . Chú ngồi dậy, nghĩ rằng con chó cưng của chú muốn làm chú thức giất . Thay vì con chó, chú đã nhìn thấy anh chàn bệnh nhân người Ấn Độ thưở trước, mặc một cái áo dài màu xám, là bộ y phục dân tộc của anh ta . Hắn ta hua cái cùi tay cụt lên va nhìn chú với một vẻ trách móc . Sau đó hắn đi tới phía những bình của chú, mà khi đó chú giữ ở trong phòng của chú; hắn xem xét những bình này một cách chăm chú; rồi hắn đưa ra một điệu bộ giận dữ và biến mất . Chú đoán rằng hắn ta vừa mới chết và hắn ta tới nhắc lại với chú lời hứa của chú và đòi lại bàn tay của hắn .”
“Như vậy đó ! Cháu đã biết tất cả, bác sĩ Hardane ạ . Mỗi đêm, cứ vào giờ đó, từ bốn năm nay, cái cảnh đúng hệt như vậy cứ diễn ra . Nó làm chú mòn mỏi đi như một hòn đá bị mòn đi vì một giọt nước cứ đều đặn rơi xuống hoài . Nó đã mang tới cho chú sự mất ngủ, vì chú không thể nào ngủ được, chú chờ đợi sự xuất hiện của thằng cha người Ấn Độ . Việc này đã đầu độc những ngày tàn của chú và những ngày tàn của vợ chú là người cũng dự phần vào nỗi lo âu lớn này . Nhưng chú vừa nghe tiếng kẻng của bữa điểm tâm; chắc bà ấy nôn nóng muốn biết đêm qua cháu ngủ nghê như thế nào . Chú thím rất cảm ơn cháu về sự độ lượng của cháu, vì việc được chia sẻ điều bất hạnh của chú thím với một người bạn, dù chỉ là một đêm thôi, cũng làm cho chú thím được thư thái đôi chút; và đã làm vững lòng chú thím trên sự quân bình về tâm thần mà đôi khi chú thím đã có ý nghi ngờ .”
Đó là câu chuyện kỳ lạ mà ngài Dominic đã tâm sự với thôi, chắc chắn là nhiều người có thể cho đó là một câu chuyện lố bịch không đúng với sự thật; nhưng tôi đã thừa đủ kinh nghiệm đêm hôm trước và tôi đã quen thuộc từ lâu rồi với những vấn đề như vậy, tôi sẵn sàng chấp nhận chuyện đó như một việc hiển nhiên . Tôi cầu cứu tới tất cả những việc nghiên cứu của tôi và tất cả những ký ức của riêng tôi và sau bữa điểm tâm tôi đã làm cho các vị chủ nhà của tôi sửng sốt khi báo tin cho họ biết rằng tôi sẽ trở về London bằng chuyến tàu sớm nhất .
- Cháu bác sĩ thân mến của chú, ngài Dominic kêu lên, vẻ bối rối, như thế là cháu làm cho chú hiểu rằng chú đã thất thố một cách nặng nề về các qui luật của sự tiếp đãi khách bằng cách lôi kéo cháu dính vào cái việc vất vả này . Lẽ ra phải một mình chú mang lấy gánh nặng .
Tôi đáp lại:
- Trái lại, chính vi việc của chú mà cháu trở về London . Nhưng có lẽ chú đã lầm khi tưởng rằng việc mạo hiểm đêm qua đã làm cháu khó chịu . Ngược lại, cháu còn xin phép chú được trở lại đây chiều nay và được ngủ lại một đêm nữa trong phòng thí nghiệm của chú . Cháu rất khao khát muốn gặp lại người khách của chú .
Ông chú tôi rất muốn biết tôi toan tính làm điều gì, nhưng vì e ngại ông sẽ có những hi vọng sai lầm, tôi không muốn nói gì cả . Sau bữa ăn trưa, tôi về tới phòng mạch của tôi, nơi đó tôi bồi bổ ký ức bằng cách đọc lại một vài đoạn quyển sách mới xuất bản nói về khoa học huyền bí .
“Trong trường hợp những linh hồn bị ràng buộc vào trái đất, tác giả nói, chỉ cần một ý nghĩ nào ám ảnh họ vào giờ phú lâm tử cũng đủ để giữ họ lại trong thế giới vật thể của chúng ta . Họ là những lưỡng thể của cõi đời này, cõi đời sau, họ có thể đi từ đời này sang đời khác giống hệt như con rùa đi từ nước lên đất liền . Những nguyên nhân kết nối một cách vững vàng một linh hồn vào một đời sống mà thể xác của linh hồn đó đã từ bỏ là những cảm xúc dữ dội . Tính keo kiệt, sự trả thù, sự lo âu, tình yêu, lòng thương là những điều mà ta đều biết dể gây nên sự linh hiển này, một sự việc thường xảy ra từ một ý nguyện chưa được hoàn thành . Khi ý nguyện đã được thành toàn, mối dây nối liền với vật thể sẽ nới lỏng . Người ta ghi chép nhiều trường hợp nêu rõ sự bướng bỉnh đặc biệt của những vị khách này; và cả sự biến đi của họ khi những ý nguyện của họ đã được thành toàn, hoặc đôi khi một sự giàn xếp ổn thỏa được đạt tới .”
Một sự giàn xếp ổn thỏa ... Đây chính là những từ mà tôi đã tìm kiếm suốt một buổi sáng và bây giờ tôi mới thấy trong bài viết . Ở Rodenhurst, không thể có vấn đề một sự tu chỉnh thực sự; nhưng một sự giàn xếp ổn thỏa ! Không để mất một phút nào, tôi đi tới bệnh viện Chartwell của hải quân, nơi mà viên y sĩ giải phẫu tại chức là anh bạn cố tri, Jack Hewell của tôi . Không cần giải thích tình thế với anh, tôi nói với anh điều mà tôi muốn .
- Một bàn tay đàn ông màu nâu ! Anh nhắc lại với một vẻ kinh ngạc . Đồ quỷ quái, tại sao anh lại muốn có một bàn tay màu nâu ?
- Xin chớ tìm hiểu . Hôm khác tôi sẽ nói chuyện đó với anh . Tôi biết rằng anh có những người Ấn Độ chật ních các phòng của anh .
- Thật vậy ! Nhưng mà một bàn tay ...
Anh suy nghĩ một lát rồi bấm chuông .
- ... Taverne, anh bảo một người y tá, những bàn tay của anh thủy thủ mà chúng ta đã cắt hôm qua bây giờ ra sao ? Tôi nói cái anh chàng ở bến cảng Đông Ấn đã bị cuốn trục quay chạy hơi nước đó .
- Chúng hiện ở trong phòng giảo nghiệm, thưa ngài .
- Lấy cho tôi một chiếc, để nó vào các hộp khử trùng và trao nó cho bác sĩ Hardane .
Tôi về tới Rodenhurst trước bữa ăn tối với cái gói nhỏ của tôi . Tôi không nói gì với ngày Dominic cả nhưng tôi đóng cửa phòng lại để ngủ đêm trong phòng thí nghiệm và tôi để cái bàn tay của người thủy thủ vào một trong những cái bình ở cuối giường tôi .
Kết quả cuộc thí nghiệm này làm tôi say mê đến mức tôi không thể nào ngủ được . Ngồi yên với một ngọn đèn được che kín đặt bên cạnh, tôi chờ đợi người khách của tôi . Lần này tôi nhìn thấy hắn ta một cách rõ ràng từ lúc bắt đầu . Hắn hiện ra bên cạnh cửa lớn, nom lờ mờ trong vài ba phút, rồi hình dáng hắn tụ đặc lại và trở thành vững chắc nom như hình dáng của một người sống vậy . Đôi giày vải đỏ của hắn lê đi dưới tấm áo dài màu xám của hắn . Cũng như đêm hôm trước, hắn đi kiểm soát dẫy bình một cách thong thả và hắng dừng lại trước cái bình có đựng cái bàn tay . Hắng đứng nhón người lên trên các đầu bàn chân; mặt hắn run run vì sự thèm muốn; hắn cầm lấy cái bình, xem xét nó, nhưng mặt hắn co rúm lại vì điên cuồng và thất vọng và hắn quăng cái bình xuốn đất . Tiếng loảng xoảng của chất thủy tinh bị bể vang dội lên khắp căn nhà . Gã Ấn Độ cụt tay biến mất như bởi sự bùa chú . Cửa mở ra và ngài Dominic chạy vội vào phòng tôi .
- Cháu không bị thương chứ ? Ông kêu lên .
- Không, nhưng thành thực là bị thất vọng .
Ông nhìn một cách sững sờ những mảnh thủy tinh vỡ và cái bàn tay màu nâu nằm trên mặt sàn nhà .
- Lạy chúa tôi ! Ông kêu lên . Thế là thế nào ? ...
Tôi nói cho ông biết về ý nghĩ của tôi và về kết quả hẩm hiu của nó . Ông chăm chú nghe tôi nói nhưng ông lắc đầu .
- ... Lý luận như thế là đúng lắm, ông nói với tôi . Nhưng chú sợ rằng những nỗi đau khổ của chú không chấm dứt một cách giản dị như vậy đâu . Ngược lại, chú tuyệt đối nhấn mạnh tới một điểm . Bất cứ vì lý do nào, cháu cũng sẽ không được ngủ ở đây nữa . Nỗi lo sợ mà chú trải qua lúc nãy khi nghĩ rằng có điều gì xảy ra cho cháu, lúc nghe tiếng loảng xoảng đó đã là sự kinh hoàng rùng rợn nhất mà chú từng biết . Chú sẽ không muốn chịu đựng một lần thứ hai .
Tuy nhiên ông vẫn cho phép tôi ngủ nốt đêm đó trong phòng thí nghiệm, nơi mà tôi nằm bực bội nghĩ về sự thất bại của tôi . Những tia sáng đầu tiên của bình minh rọi tới soi sáng cái bàn tay của người thủy thủ còn nằm trên sàn nhà; tôi nhìn nó một cách máy móc ... Và một ý nghĩ đột ngột xuất hiện trong đầu tôi .
Tôi nhảy xuống khỏi ghế trường kỷ và tôi cầm lấy cái bàn tay màu nâu lên . Đúng, tôi đã có lý ! Đó là chiếc bàn tay bên trái của người bị cắt cụt tay .
Tôi trở về London bằng chuyến tàu sớm nhất và vội vã tới bệnh viện hải quân . Tôi nhớ rằng người thủy thủ trong câu chuyện nó bị cắt cụt cả hai tay, nhưng tôi cứ thấp thỏm lo sợ rằng cái bộ phận quý giá khiến tôi đến đây để tìm đã bị quăng vào lò thiêu rồi . Nỗi lo sợ của tôi sau đó được xua tan: bàn tay phải còn nằm trong phòng giải nghiệm . Thế là tôi lại đi Rodenhurst ngay buổi chiều hôm đó, nhiệm vụ của tôi đã hoàn tất và cái bàn tay nâu thứ hai nằm trong túi tôi .
Nhưng ngài Dominic không muốn nghe gì cả khi tôi loan báo tôi sẽ ngủ một đêm thứ ba trong phòng thí nghiệm . Ông cứ làm ngơ trước lời thỉnh cầu của tôi . Lòng hiếu khác của ông bị thương tổn: ông tỏ ra không gì lay chuyển được . Thế là tôi phải để cái bàn tay phải vào một cái bình, như tôi đã để cái bàn tay trái đêm hôm qua và tôi đi vào nằm trong một căn phòng rất đầy đủ tiện nghi ở đầu bên kia của căn nhà .
Nhưng số trời đã định rằng giấc ngủ của tôi vẫn cứ bị phá rối . Vào lúc nửa đêm, vị chủ nhà của tôi chạy xộc vào phòng tôi . Ông quấn người trong một chiếc áo choàng và với thân hình đồ sộ của ông, có lẽ ông sẽ làm cho một người yếu bóng vía sợ hãi ông hơn là con ma người Ấn Độ . Nhưng không phải sự xuất hiện của ông làm tôi kinh ngạc: nhưng đó là vẻ mặt và một dáng điệu mà tôi chưa từng thấy có ở ông . Trông ông trẻ ra tới hai mươi tuổi, hai mắt ông sáng ngời, diện mạo ông rạng rỡ sự vui thích . Ông vung vẩy một tay bên trên đầu ông, với một vẻ chiến thắng . Tôi ngồi dậy, thấy lo sợ một cách mơ hồ, lời nói của ông làm tôi thức tỉnh hoàn toàn .
- Thế là xong rồi ! Chúng ta đã thành công ! Cháu Hardane thân yêu của chú, chú làm thế nào để đền ơn cháu cho đủ ?
- Hẳn chú không muốn nói là mưu mẹo đã trót lọt ?
- Trót lọt chứ ! Chú tin chắc rằng cháu sẽ không giận chú nếu chú đánh thức cháu dậy để báo cho cháu biết một tin tốt đẹp như vậy .
- Giận chú ư ? Thật tình cháu không nghĩ tới chuyện đó . Nhưng chú có chắc vậy không ?
- Chú không có một mảy may nghi ngờ, cháu thân mếnt của chú ạ, chú là người mắc nợ cháu, từ trước không bao giờ chú mắc nợ bất cứ một ai và chú cũng không mong mắc nợ ai ! Không biết chú có thể làm gì để xứng đáng với công việc mà cháu vừa làm cho chú ? Đúng là trời đã xui khiến cháu tới giúp chú . Cháu đã cứu vãn cả linh hồn và đời sống của chú . Và vợ chú nữa ! ... Bà ấy chết dần, chết mòn ở trước mắt chú . Chưa bao giờ chú dám nghĩ rằng một con người lại có thể gỡ cho chú thoát khỏi gánh nặng đó .
Ông nắm lấy tay tôi và xoắn chặt nó trong hai bàn tay ộng
- Đó chỉ là một cuộc thí nghiệm, một sự mạo hiểm lúc tuyệt vọng, tôi nói nhưng trong thâm tâm, tôi rất vui thích là công việc đã thành công . Làm thế nào chú biết rằng mưu mẹo đã trót lọt ? Chú đã nhìn thấy những gì ?
Ông ngồi xuống cạnh giường tôi .
- Chú đã thấy đầu đủ, ông đáp lại . Khá đủ để tin chắc rằng từ nay chú sẽ không bao giờ còn bị quấy nhiễu bởi anh chàng Ấn Độ đó . Chú sẽ nói cho cháu rõ những gì đã xảy ra . Đêm hôm qua, hắn ta cũng tới vào giờ thường lệ của hắn ta và hắn lay chú một cách dữ dằn hơn mọi khi . Chú đoán rằng sự thất vọng của hắn đêm qua đã làm tăng thêm sự nóng giận của hắn . Sau khi nhìn chú một cách hung bạo, hắn lại ra đi trong cuộc dạo chơi mỗi đêm của hắn . Nhưng sau một vài phút, hắn quay lại phòng chú . Đây là lần đầu tiên từ khi bắt đầu sự quấy nhiễu của hắn, hắn mỉm cười . Chú nhìn thấy những chiếc răng trắng của hắn sáng long lanh . Hắn đứng trước mặt chú, ở cuối giường, rồi hắn cúi đầu rất thấp ba lần, đây là một kiểu chào kính cẩn của người Đông Phương, một cách chào từ biệt đầy vẻ trang nghiêm, lần cúi thứ ba, hắn đã giơ cả hai tay lên khỏi đầu, chú nhìn thấy hai bàn tay hắn . Và hắn biến mất, theo chú nghĩ, có lẽ sẽ vĩnh viễn biến mất .
Đó là cuộc phiêu lưu kỳ lạ đã khiến cho tôi chiếm được lòng cảm mến và sự biết ơn của ông chú tôi, vị y sĩ nổi danh tại Ấn Độ . Các điều dự đoán của ông đã thể hiện : không bao giờ ông còn bị quấy nhiễu bởi anh chàng người sơn cước lang thang đi đòi lại cái bàn tay bị mất của hắn ta . Ngài Dominic va phu nhân Holden đã hưởng một tuổi già sung sướng, không bị bận tâm bởi một chuyện nhỏ nhặt nào và họ đã qua đời trong thời bệnh dịch cúm hoành hành, mỗi người chết cách nhau vài tuần lễ . Khi ông còn sống, ông luôn luôn hỏi ý kiến tôi để tiếp thu những lời khuyên về cách xử sự của người Anh mà ông biết rất ít; tôi cũng giúp ông trong việc khai thác tài sản của ông . Từ lúc đó còn gì mà tôi phải ngạc nhiên với việc tôi đã vượt qua đầu năm ông anh họ đang giận dữ và trở thành chủ nhân của một lãnh địa lớn tại Wiltshire ? Dù sao thì tôi cũng có lý do để tôn kính cái ký ức về con người có bàn tay bị cắt cụt và cái ngày mà tôi có được sự may mắn giải thoát Rodenhurst khỏi sự hiện diện phiền toái của hắn ta .

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

locdinhcong đánh máy

**Con mèo Brasil**

Với một người trẻ tuổi, thật là một sự khổ cực khi mang vào mình những sở thích xa hoa, những ước vọng lớn lao, những phong độ quý phái trong gia đình, nhưng lại không có một đồng xu dính túi, cũng chẳng có nghề nghiệp gì khiến cho người đó kiếm ra tiền. Thế mà cha tôi, một người vô tư lự, đã đặt lòng tin quá mạnh vào sự giàu có và lòng tử đến của Lord Southerton, anh cả của cha tôi (ông này sống độc thân) đến nỗi ông cứ đinh ninh rằng tôi, đứa con duy nhất của ông không bao giờ phải làm việc để mưu sinh cả. ông cứ tưởng tượng rằng nếu không có chỗ làm cho tôi ở các hội đồng hành chánh của các cơ sở Southerton thì chắc chắn người ta sẽ mời tôi vào một chức vụ trong các cơ sở ngoại giao là những ngành vẫn còn là các đặc hữu của giai cấp được ưu đãi của chúng tôi. Cha tôi đã chết quá sớm nên ông không thể đo lường được sự sai lầm trong các tính toán của ông. Cả ông bác tôi lẫn nhà nước chả ai thèm bận tâm đến tôi một chút nào. Thỉnh thoảng có một cặp trĩ hoặc một lồng thỏ, đó là tất cả những thứ tới tay tôi để nhắc cho tôi nhớ rằng tôi được thừa hưởng tài sản Otwell, một trong những tài sản lớn nhất ở Anh quốc. tôi còn độc thân, tôi sống tại Luân Đôn, tôi ở một căn hộ trong khu nhà Grosvenor, và suốt ngày tôi đi bắn chim bồ câu và chơi pô lô ở Hurlingham. Hết tháng này sang tháng khác, các khó khăn về tài chính của tôi cứ chồng chất lên. Sự suy thoái đang rình rập tôi; mỗi ngày nó càng hiện rõ hơn; nó là điều hoàn toàn không thể tránh khỏi.
Tôi cũng căm hận sự nghèo khổ của tôi như là sự sung túc trong gia tộc tôi, ấy là không nói tới sự giàu sang vô tận của Lord Southerton. Sau ông bác tôi thì người có họ gần nhất là Edward King, cháu của cha tôi và là anh em con chú con bác với tôi người đang sống một cuộc đời phiêu lưu ở Brasil và vừa trở về nước Anh để hưởng thụ sự giàu có. Không bao giờ chúng tôi biết là ông ta đã kiếm tiền bằng cách nào, nhưng hẳn là ông ta phải có rất nhiều tiền, vì ngay sau khi về nước, anh ấy đã mua tài sản của gia đình Greylands ở gần Clipton-on-the-Marsh, trong vùng Suffolk. Trong năm đầu tiên ở Anh quốc, ông ta chẳng quan tâm gì đến tôi hơn là ông bác keo kiệt của tôi; và rồi một buổi sáng mùa hè, tôi nhận được mộtlá thư mời xuống chơi lâu đài Greylands ngay ngày hôm đó. Trong khi tôi đang băn khoăn về sự phá sản sắp tới của tôi, lời mời này đối với tôi thật sự là sự hiện thân của một ân huệ của Thượng đế. Chỉ cần tôi tạo được những giao tình tôt đẹp với ông anh họ chưa biêt mặt này, tôi sẽ moi được chút đỉnh đây; vì danh dự của gia tộc, ông ta sẽ không để tôi suy sụp. thế là tôi sai anh hầu phòng sửa soạn hành trang và buổi chiều thì tôi khởi hành đi Clipton-on-the-Marsh.
Sau khi sang xe ở Ipswich để lên một chuyến xe lửa chạy trong vùng, tôi xuống một ga nhỏ vắng hoe, nằm giữa những đồng cỏ lởm chởm, với một con song chảy uể oải giữa các bờ cao lầy bùn uốn khúc quanh co trong thung lũng; thủy triều đã chứng tỏ ảnh hưởng của nó tới tận nơi này. Không có một cái xe nào đón tôi cả (sau đó tôi mới biết rằng điện tín của tôi đã bị trễ). Tôi đành phải thuê một cái xe ở quán trọ gần đó. Trên đường đi, anh đánh xe, một kiểu người mạnh bạo, không ngừng tán tụng người anh họ tôi, và do đó, tôi được biết là Edward King đã trở thành một người có thế lực ở trong vùng này; ông ta tổ chức một ngày hội cho các học sinh, đã mở cửa trang trại tiếp khách, đã góp tiền vào các công cuộc từ thiện. Tóm lại, anh đánh xe chỉ giải thích sự hào phóng đó bằng giả thuyết là ông anh họ tôi muốn được bầu làm dân biểu.
Sự chú ý của tôi bị mang đi khỏi những lời tán tụng đó vì sự xuất hiện của một con chim rất đẹp đậu trên một cột dây thép ở bên đường. Thoạt mới nhìn, tôi tưởng đó là một con chim cà cưỡng nhưng nó to hơn nhiều và lông nó sáng hơn. Người đánh xe nói rằng con chim đó là của anh họ tôi, một người có tật kỳ cục là thích thuần hóa các thú vật lạ. Ông đã mang từ Brasil về những con chim và những con thú mà ông cố gắng nuôi ở Anh quốc. Khi đã vượt các hàng rào song sắt của công viên Greylands, tôi mới nhận thấy là người đánh xe không nói dối tôi. Những con hươu nhỏ bé, một con lợn rừng kỳ quái mà tôi nghĩ có tên là dã trư, một con hoàng oanh có bộ lông tuyệt đẹp, một con vật họ hàng của giống trút, và một loại chồn rất lớn, nhô ra trong khi bọn tôi chạy xe trên lối đi vào.
Ông Edward King đứng ở thềm của và đã trông thấy chúng tôi từ đằng xa và đã đoán ra tôi là ai rồi. Ông có phong cách khả ái, tử tế; người lùn và khỏe mạnh, ông khoảng bốn mươi lăm tuổi, đầu ông tròn vì bị thiêu đốt bởi nắng vùng nhiệt đới nên nổi lên hàng ngàn vết nhăn li ti. Theo kiểu các nhà trồng tỉa, ông mặc một bộ quần áo bằng vải trắng. Với điếu xì gà trên môi và cái mũ rơm lớn hất về phía sau, giá kể ông đứng ở trước một cái nhà nghỉ mát có hàng hiên thì đúng hơn là đứng trước ngôi nhà lớn của người Anh đã có từ thời Georges.
“Mình ơi!” Ông quay người lại và kêu lên. “Người khách của chúng ta đây rồi. Chú rất được hoan nghênh ở Greylands, chú em họ Marshall ạ! Tôi rất hài lòng được biết chú, và tôi coi sự có mặt của chú ở nơi thôn quê nhỏ bé cô quạnh này là một lời chúc tụng chú đã dành cho tôi”
Sự đón tiếp nồng nhiệt của ông làm cho tôi khoan khoái ngay tức thì. Nhưng tất cả sự thân mật đó đã không đủ để bù lại sự lạnh nhạt, tôi có thể nói là sự vô lễ mà bà vợ của ông tỏ ra với tôi. Người to lớn, và gầy ốm, tôi nghĩ rằng bà ta là dân gốc Brasil, dù bà nói tiếng Anh rất giỏi. Thoạt đầu, tôi cho rằng bà có thái độ đó là vì không biết phong tục của chúng tôi. Thật ra và ta không tìm cách che giấu tôilà sự có mặt của tôi ở lâu đài Greylands không làm bà vui thích chút nào. Lời lẽ lúc nào cũng nhã nhặn nhưng bà có một cặp mắt đen có sức biểu lộ đặc biệt, nhìn mắt bà tôi thấy ngay rằng bà hết lòng mong mỏi tôi trở về Luân Đôn càng sớm càng hay.
Tuy nhiên những món nợ của tôi đang quá khẩn cấp và những dự kiến mà tôi xây dựng trên sự hào phóng của ông anh họ giàu sang này lại quá quan trọng, dễ gì cái tính xấu của bà King làm thay đổi được các kế hoạch của tôi. Tôi làm ra vẻ không nhận thấy sự lạnh nhạt của bà vợ và khi nói chuyện với người chồng, tôi đáp lại với sự thân mật không kém sự thân mật của ông. Ông dành mọi thứ để làm cho tôi được thoải mái, dễ chịu. Căn phòng của tôi rất đẹp. Ông bảo tôi cứ nói rõ cho ông biết tất cả những thứ gì có thể cần thêm cho tiện nghi của tôi. Tôi đã toan trả lời rằng một tấm ngân phiếu để trống sẽ thỏa mãn đủ các nguyện vọng của tôi, nhưng chắc chắn sự thật thà như vậy là hơi hấp tấp vì chúng tôi vừa mới quen nhau mà. Bữa ăn tối thật là sang trong. Sau đó chúng tôi cùng ngồi hút thuốc lá Havane và uống cà phê. Ông nói với tôi là cả thuốc lá và cà phê đều từ các đồn điền của ông mang tới. Đúng thế, tất cả những lời tán tụng của người đánh xe tôi thấy hình như đã được chứng minh; chưa bao giờ tôi gặp được một người hiếu khách hơn.
Tuy vậy lòng hào hiệp và tính khả ái bẩm sinh của ông cũng không ngăn cản được ông có một ý chí và một khí chất rất hung hăng. Tôi đã có một thí dụ ngay buổi sáng ngày hôm sau. Vào lúc ăn điểm tâm, sự ác cảm kỳ quái của bà Edward King đã đi tới những mức độ gần như nhục mạ. ngay sau khi ông chồng rời khỏi phòng ăn, bà không tự kiềm chế được nữa. Bà nói với tôi:
- Chuyến tàu ban ngày tốt nhất khởi hành vào mười hai giờ mười lăm phút buổi trưa.
- Nhưng tôi không nghĩ rằng tôi đi hôm nay! – tôi trả lời với tất cả sự thành thật.
Sự thành thật có kèm theo một chút thách thức, vì tôi đã nhất quyết không để cho mụ đàn bà này đuổi tôi ra khỏi cửa.
- Ồ, cái đó là do chú quyết định…
Rồi bà quay gót đi trở vào nhà.
Sự nhục mạ thật là hỗn xược và thô bạo quá khiến tôi đứng lặng người. tôi cứ bất động như vậy cho đến khi ông chủ nhà đi tới. Ông đã vui vẻ trở lại nói với tôi.
- Tôi hy vọng là vợ tôi đã xin lỗi chú về những lời nói ngu ngốc của bà ấy?
- Vâng, vâng! Đã nói rồi!
Ông ấy nắm lấy tay tôi và chúng tôi cùng đi bách bộ trên sân cỏ. Ông khẩn khoản.
- Chú đừng để bụng chuyện đó. Tôi sẽ buồn phiền không tả được nếu chú cắt ngắn chuyến ở chơi một giờ đồng hồ thôi. Sự thể là bà vợ thân yêu của tôi có tính hay ghen không thể tưởng tượng được (không có lý do gì để chúng tôi chơi trò ú tim giữa họ hàng với nhau) bà ấy không thích một người nào, bất kể đàn ông hay đàn bà xen lẫn vào giữa hai vợ chồng chúng tôi dù trong một chốc lát. Lý tưởng của bà ấy là một đời sống vĩnh cửu bên nhau trên một hoang đảo. Đó là lý do của một vài phản ứng mà tôi xin thú nhận với chú là gần giống như một sự điên rồ, chú hãy hứa với tôi là chú không nghĩ tới chuyện đó nữa nhé!
- Đồng ý! Tôi sẽ không nghĩ tới chuyện đó nữa.
- Vậy thì hãy hút điếu xì gà này, tôi sẽ cho chú xem vườn thú nhỏ bé của tôi.
Suốt cả buổi sáng được dành cho cuộc thăm thú này; ông cho tôi xem những con chim những con thú và cả những con rắn Mary ông đã mang từ nước ngoài vào. Có những con được thả tự do, nhiều con khác bị nhốt trong chuồng, một vài con được ở trong nhà. Với sự hứng khởi, ông nói với tôi về những thành công và những thất bại của ông, những vụ thú vật sinh đẻ và thú vật bị chết; khi chúng tôi tới gần thì một con chim sặc sỡ cất cánh bay lên hay khi một con vật kỳ lạ chạy ra, nếu ông không reo lên vui mừng như một cậu học trò thì cũng đúng lẽ thôi. Sau chót, ông dẫn tôi vào một hành lang dài chạy suốt một chái nhà và tận cùng ở một cái cửa nặng nề có cánh kéo ra kéo vào được. Bên cánh cửa, một cái cần để quay tay bằng sắt nối liền vào một cái bánh xe và một cái trục quay nhỏ ra khỏi tường, một hàng chấn song kiên cố ngang qua hành lang.
- Tôi sẽ cho chú xem một vật quý hiếm trong bộ sưu tập của tôi, - ông nói với tôi. Hiện nay con nhỏ ở Rosterdam đã chết rồi, ở châu Âu chỉ còn một con nữa thôi. Đó là một con mèo Brasil”.
- Nó khác với một con mèo khác thế nào?
Ông cười và trả lời tôi.
- Rồi chú sẽ thấy. Chú có muốn đẩy cái cửa ra và nhìn vào bên trong không?
Tôi đồng ý. Tôi trông vào một căn phòng lớn, trơ trụi được lát đá, có những cửa sổ nhỏ có chấn song sắt ở trên bức tường trước mặt. Ở giữa căn phòng này, một convật rất lớn cỡ một con hổ,nhưng kông đen và bóng nhoáng như gỗ mun đang nằm dưới một tia nắng. Đó là một con mèo khổng lồ được chăm sóc rất cẩn thận. Nằm cuôn tròn mình lại, nó tự sưởi ấm một cách bình thản như bất cứ một con mèo nào. Trông nó thật đài các, thật khỏe mạnh, thật đẹp đẽ, thật quỷ quái một cách cao ngạo khiến cho tôi phải dừng lại ở trước cái cửa một lúc lâu để ngắm nghía nó.
- Trông nó có kỳ không? – Ông chủ nhà hỏi tôi với một vẻ hứng khởi.
- Tuyệt diệu! Tôi chưa bao giờ thấy một con vật đẹp hơn.
- Đôi khi người ta gọi nó là con cọp đen, nhưng thật ra nó không phải là một con cọp, từ đầu tới đuôi nó đo được ba thước rưỡi. Bốn năm trước đây nó chỉ là một nắm tròn phủ kín lông đen, để lộ ra đôi con mắt vàng thôi. Người ta đã bán ngay cho tôi sau khi nó được sinh ra ở một vùng hoang vu gần những con suối tai Rionegro. Mẹ nó đã bị hạ sát bằng những nhát giáo vì nó đã giết chết khoảng một chục người dân địa phương.
- Vậy chúng là loại thú dữ anh?
- Những con vật khát máu nhất và phản phúc nhất trong các con vật sống trên trái đất! Hãy nói về một con mèo Brasil với một người da đỏ ở vùng cao nguyên và chú sẽ thấy hắn giật nảy người lên... Những con mèo Brasil thích thiẹt người hơn là bất cứ con mồi nào. Con mèo này chưa được nếm máu một sinh vật nào. Nhưng ngày nào nó được nếm thì nó sẽ trở thành một nỗi khủng khiếp. Hiện bây giờ nó không chịu cho một người nào ngoài tôi ra vào trong chuồng của nó. Ngay cả Baldwin là người coi chuồng cũng không dám đến gần nó. Nhưng tôi, tôi vừa là bố nó, vừa là mẹ nó.
Vừa nói ông vừa mở phăng cái cửa ra, trước sự kinh ngạc lớn lao của tôi và ông bước vào bên trong sau khi đóng sập ngay cửa lại ở phía sau ông. Nghe tiếng ông nói, con vật kếch xù mềm mại đứng lên, ngáp và cọ cái đầu tròn và đen của nó một cách âu yếm vào chủ nó, khi ông vuốt ve nó.
- Tommy, bây giờ vào chuồng đi!
Con mèo quái dị bước về một góc của gian phòng và nằm xuống duới một cái lưới sắt. Edward King đi ra và ông bắt đầu quay cái cần quay tay bằng sắt mà tôi đã nói tới. Lúc đó, hàng song sắt của hành lang bị chuyển động và trượt qua một kẽ hở trong tường để đóng kín mặt trước của lưới sắt. Khi cái chuồng di động này được khép kín rồi, ông mở cửa ra và mời tôi đi vào căn phòng trong đó không khí nặng nề nồng nặc mùi đặc biệt của những loại thú lớn ăn thịt sống.
Ông nói với tôi.
- Đó là cách thức mà chúng tôi làm việc. Chúng tôi để cho nó được sử dụng căn phòng để nó vận động, đi lại; nhưng buổi chiểu thì chúng tôi nhốt nó vào chuồng. Chúng tôi có thể cho nó đi ra bằng cách quay cái cần quay tay ở hành lang hoặc là chúng tôi có thể cũng bằng cách đó nhốt nó lại, như chú vừa thấy đó. Không, không, đừng làm như vậy!...
Tôi vừa cho bàn tay qua các song sắt để vuốt ve cái hông bóng loáng của con vật. Ông ấy giật bàn tay tôi lại phía sau.
- Tôi đoán chắc với chú rằng cần phải đề phòng. Chú đừng tưởng rằng vì tôi gần gũi được với nó mà bất cứ ai cũng có thể tự cho mình cái quyền thân mật với nó. Nó rất khó tính trong sự lựa chon bạn bè, phải không, Tommy? À, nó biết là bữa ăn sáng của nó đang tới! Hả, con trai của ta?...
Một bước chân vang lên trong hành lang lát đá; con mèo Brasil đứng vụt dậy cặp mắt nó long lanh, cái lưỡi nó lia đi lia lại trên những cái răng trắng ớn và sắc nhọn, nó bắt đầu đi đi lại lại trong cái chuồng chật hẹp. Một anh coi chuồng đi vào với một đùi thịt đặt trên một cái mâm và quăng đùi thịt qua lớp chấn song cho nó. Con vật đớp lấy miếng thịt đang bay tới rồi mang vào một góc; tại đó nó cặp đùi thịt vào các móng chân và xé vụn từng mảnh, thỉnh thoảng lại ngẩng cái mõm dính đầy máu lên nhìn chúng tôi. Thật là một cảnh tàn bạo nhưng hấp dẫn.
- Chú không còn ngạc nhiên nữa khi thấy tôi yêu nó lắm phải không? – ông anh họ nói với tôi khi chúng tôi rời khỏi căn phòng – Chính tôi đã nuôi nấng nó. Đem nó từ vùng đất ở giữa Nam Mỹ về đây không phải là một chuyện nhỏ! Nhưng cuối cùng thì đây này, nó vẫn khỏe mạnh, yên lành, như tôi đã nói với chú, nó là con vật đẹp nhất ở Âu châu! ở sở thú, người ta thèm chết đi được để mua nó, nhưng thực sự tôi không có can đảm rời xa nó. Thôi, tôi nghĩ là tôi đã làm chú bận tâm khã nhiều về những tính kỳ cục của tôi; tốt hơn hết là ta hãy bắt chước con Tommy, đi điểm tâm đã.
Người anh em vùng Nam Mỹ của tôi quá say mê với rang trại và những con vật kỳ dị của ông khiến tôi không nghĩ rằng ông còn có thể quan tâm tới một điều gì khác. Nhưng rồi tôi biết ngaylà mình đã lầm; ông ta tiếp nhận rất nhiều điện tín, điều này có nghĩa rõ ràng là ông co những công việc khác, và đó là những công việc khẩn cấp. Những bức điện tín tới bất cứ vào giờ nào; bao giờ ông cũng là người mở chúng ra và ông giải mã chúng với sự thích thú. Việc làm ăn của ông có phải là trường đua ngựa, hay Sở hối đoái không? Trong mọi tình huống, chúng không có một sự liên quan nào với các khu đồi trọc ở Sussex. Trong thời gian sáu ngày tôi sống ở Greylands không ngày nào mà ông nhận dưới ba hay bốn bức điện tín; thường thường là bảy đến tám bức.
Trong sáu ngày đó, tôi đã hành xử rất khôn khéo, khiến cho các liên hệ của tôi với ông anh họ đã trở nên cực kỳ thân thiết, mỗi buổi tối, hai chúng tôi đều thức rất khuya trong phòng chơi bida, và ông đã kể cho tôi nghe những chuyến mạo hiểm kinh dị nhất của ông ở châu Mỹ: những câu chuyện của ông quá rùng rợn, quá khủng khiếp, mà ông kể lại với một vẻ vô tư quá đỗi khiến cho tôi khó mà tin được rằng người anh hùng trong các câu chuyện đó lại là con người nhỏ bé, má phính đang ngồi bên cạnh tôi. Để đánh đổi lại, tôi cũng nỏia từ trong ký ức vài mẩu giai thoại về cuộc sống ở Luân Đôn; những giai thoại này làm ông thích thú đến nỗi ông hứa rằng sẽ tới Luân Đôn thăm tôi và sẽ ở lại nhà tôi ở khu nhà Grosvenor. Ông rất muốn được hội nhập vào cái thế giới của những cư dân của thủ đô; ông còn có thể nhờ vào người hướng dẫn nào thành thạo hơn nữa, tuy nhiên tôi phải đợi tới ngày cuối cùng mới đề cập tới vấn đề chính yếu của tôi. Tôi thành thật kể cho ông rõ những điều phiền phức về tai chánh của tôi và sự suy sụp đang rình rập tôi; sau đó, tôi hỏi ý kiến của ông, trong lòng hy vọng một điều gì cụ thể hơn. Ông lắng nghe tôi nói, miệng luôn phì phèo điếu xì gà.
Rồi ông hỏi tôi:
- Nhưng mà này, chú chính là người thừa kế của ông bác chúng ta, Lord Southerton, phải không?
- Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng không bao giờ ông ấy cho tôi môt xu.
- Tôi có nghe nói về tính keo kiệt của ông ấy. Chú Marshall khốn khổ ơi! Chú gặp cảnh quá khó khăn đó! Nhân nói về chuyện đó, chú có nhận được tin tức mới nào về sức khỏe của Lord Southerton không?
- Từ khi tôi còn nhỏ tý ty, lúc nào ông ấy cũng đau ốm, không nhiều thì ít.
- Đúng thế, sự thừa kế của chú còn có thể chậm trễ lâu hơn nữa. Lạy Chúa, nhưng hoàn cảnh của chú thật kỳ cục!
- Thưa anh, tôi hy vọng là anh đã biết rõ các sự việc và anh có thể vui lòng giúp cho tôi...
- Đừng nói thêm gì nữa, chàng trai thân mến của tôi! – Ông kêu lên với sự nồng nhiệt – Ta sẽ nói về chuyện này tối hôm nay và tôi hứa với chú là tôi sẽ làm tất cả những gì trong khả năng của tôi!
Tôi không thấy có gì phật ý khi thấy những ngày lưu lại đây của tôi sắp kết thúc, vì không có gì khó chịu bằng việc cảm thấy mình kothích hợp với và chủ nhà. Nét mặt vàng nhạt và cặp mắt lạnh như băng của bà King càng ngày càng trở nên đáng ghét đối với tôi. Bà không còn tỏ ra công khai vô lễ nữa; bà quá sợ ông chồng nên không dám có thaid độ hỗn xược. Nhưng bà đẩy tính ghen tuông ngu xuẩn của bà tới chỗ là làm lơ tôi đi; không bao giờ bag nói với tôi một lời; và bà nghĩ mọi cách để làm cho sự lưu ngụ của tôi tại Greylands trở nên cực kỳ buồn tẻ. Nhất là vào ngày cuối cùng, bà tỏ một thái độ quá trắng trợn khiến tôi tính bỏ đi ngay tức thì, nếu tôi không đặt nhiều hi vọng vào cuộc hội kiến mà tôi cần phải có trong buổi tối.
Cuộc hội kiến này diễn ra rất muộn. Ông anh họ tôi đã tiếp nhận trong lúc ban ngày nhiều bức điện tín hơn là thường lệ và sau bữa ăn ông đã tự nhốt mình trong văn phòng; ông chỉ bước ra khi nọi người trong nhà đã đi ngủ. Tôi nghe thấy ông đi vòng quanh nhà để khóa các cửa ngõ, theo như thói quen của ông. Sau cùng, mình choàng một cái áo ngủ và chân đi đôi giày đỏ hở gót, ông tới gặp tôi trong phòng chơi bida. Ông ngồi phịch xuống cái ghế bành bà tự tay rót một cốc Whisky Soda; tôi không thể làm gì khác hơn là nhận thấy lượng Whisky nhiều hơn là nước soda.
Ông thở dài:
- Trời! Một đêm thật dễ sợ!...
Thật vậy, gió gào thét, rên rỉ khắp chung quanh căn nhà; những cửa sổ kêu răng rắc và cọt kẹt làm như chúng sắp bị phá vỡ tung. Ánh sáng của những ngọn đèn và mùi thơm xì gà của chúng tôi đã tạo ra một khung cảnh thoải mái hơn.
- ... Bây giờ, chàng trai của tôi ơi, - ông chủ nhà nói tiếp – cả ngôi nhà và bầu trời đêm đều thuộc về chúng ta. Chú có muốn chỉ cho tôi thấy một cách chính xác tình trạng công việc của chú không? Tôi sẽ xem làm cách nào để chỉnh đốn chúng lại. Cho tôi biết mọi chi tiết đi.
Sau khi được khích lệ nhu vậy, tôi lao mình vào một bài thuyết trình đầy đủ trong đó có tên tuổi tất cả những người bán hàng và chủ nợ của tôi, từ ông chủ nhà cho tới anh hầu phòng. Tôi lập cho ông một bản kết toán mà tôi tự hào là một kiểu mẫu trong loại này. Nhưng tôi hơi bực bội khi thấy rằng người bạn của tôi có một cái nhìn trống rỗng của một kẻ mà sự chú tâm đang để ở mãi đâu đâu. Mỗi lần khi ông ngắt lời tôi chỉ là để đưa ra một nhận xét hời hợt chẳng ăn nhằm vào đâu; tôi tin chắc là ông chẳng theo dõi những lời giải thích của tôi một chút nào. Thỉnh thoảng ông ngồi ngay ngắn người lại, hình như tự làm cho tỉnh táo lại, ông bảo tôi nhắc lại một số câu hay bổ sung câu đó bằng một sự chính xác phụ thêm, rồi lại đắm chìm trong các suy tư riêng rẽ của ông. Cuối cùng, ông đứng lên và quăng điếu xì gà vào ống khói. Ông nói với tôi.
- Tôi xin thú thật với chú một vài điều, chàng trai của tôi ạ. Từ xưa không bao giờ tôi giỏi về tính nhẩm và tôi rất tiếc điều đó. Chú phải viết tất cả những việc đó lên giấy và làm con tính cộng của chú bằng cách viết ra. Tôi sẽ hiểu các con số khi tôi đọc trên giấy trắng mực đen...
Lời đề nghị không có gì là quá đáng cả. Tôi hứa là tôi sẽ thực hiện.
- Và bây giờ là lúc chúng ta đi ngủ. Ồ, đã một giờ rồi!
Tiếng chuông đồng hồ ở phòng ngoài đã chế ngự được sự ồn ào của bão táp trong giây lát.
- Tôi phải đi xem con mèo của tôi trước khi lên lầu đi ngủ. Một cơn gió lớn cũng làm nó bực bội. Chú có muốn đi với tôi không?
- Nhất định rồi.
- Vậy thì hãy đi nhẹ nhàng và đừng nói chuyện vì mọi người đang ngủ.
Chúng tôi lặng lẽ đi qua phòng ngoài, rồi qua cái cửa mở và hành lang lát đá ở cuối chái nhà. Tất cả đều tối tăm, nhưng có một ngọn đèn lồng ở chuồng ngựa được treo vào một cái móc. Ông anh họ tôi cầm lấy và đốt lên. Những chấn song sắt không nhìn thấy được trong hành lang; vậy là con vật đang nằm trong chuồng.
Ông anh họ tôi mở cửa và nói với tôi.
- Vào đi!
Một tiếng gầm gừ dữ dội báo cho chúng tôi biết con vật đang rất giận dữ vị thời tiết xấu. Dưới ánh sáng chập chờn của cái đèn lồng, chúng tôi nhìn thấy nó. Cái khối đen kếch xù đang co rút lại trong một góc ổ của nó, chiếu ra một cái bóng lùn tịt trên bức tường quét vôi trắng; đuôi nó đập xuống nệm rơm một cách tức tối.
- Con Tommy khốn khổ không được hài lòng lắm. Edward King nói và giơ cao đèn lồng lên để nhìn nó. – Trông nó giống như một con hắc quỷ lắm phải không? Tôi sẽ cho nó ăn tối để cho nó dịu đi. Chú cầm hộ tôi cái đèn lồng một lát được không?
Tôi cầm lấy cái đèn này từ tay ông đi tới chỗ cái cửa.
- Tủ thức ăn của nó để ở bên cạnh. Chờ tôi một chút có được không?
Ông đi ra và cánh của khép lại sau lưng ông với một tiếng lanh canh của kim loại. tôi rùng minh. Một nỗi kinh hoàng mơ hồ đột nhiên tràn ngập lòng tôi. Ý nghĩ hoang mang về một sự phản trắc đầy tội lỗi làm máu tôi lạnh buốt như băng. Tôi chồm lên cánh của nhưng ở phía trong không có chốt cài.
Tôi kêu lên.
- Này! Cho tôi ra đi!
Từ ngoài hành lang ông anh họ tôi đáp lại.
- Đừng la om sòm lên! Chú có cái đèn lồng mà, phải không?
- Vâng, nhưng tôi chẳng có thích thú nào khi bị nhốt một mình như thế này.
- Thế nào? Chú không thích bị nhốt một mình à?
Tôi nghe thấy tiếng cười đùa cợt nhả của ông ấy.
- ... Chú sẽ không phải ông đó một mình lâu đâu, tôi hứa với chú điều này!
- Này, ông anh, hãy để tôi ra đi! – tôi giận dữ nhắc lại – Tôi đoan chắc với anh rằng tôi không phải là hạng người dễ bỏ qua những lối đùa cợt như thế này.
- Những sự đùa cợt thật đúng lf danh từ thích hợp! – Ông đáp lại với một tiếng cười nhỏ nữa.
Và bỗng nhiên, giữa sự ồn ào của bão tố tôi nghe thấy tiếng kèn kẹt và tiếng rè rè của cái cần quay tay, và tiếng các chấn song sắt bắt đầu trượt vào kẽ hở. Trời ơi, ông ấy đag thả con mèo Brasil ra!
Dưới ánh sáng của cái đèn lồng, tôi nhìn thấy các chấn song sắt từ từ di chuyển. Đã có một khoảng trống rộng ba mươi centimet ngăn cách chúng với bức tường ở phía bên kia. Hét lên một tiếng lớn, tôi rúc vào cái song sắt cuối cùng và tôi kéo nó với sự điên cuồng của một kẻ mất trí. (Đúng là tôi đã trở nên điên dại vì nóng giận và kinh hoàng). Trong khoảng chừng hai phút, tôi giữ cái song sắt đứng yên. Tôi biết rằng ông anh họ tôi đang dùng hết sức lực đè vào cái cần quay tay, và cuối cùng thì sức mạnh đòn bẩy sẽ đánh bại sự chống cự của tôi. Tôi chỉ lùi từng centimet một; bàn chân tôi trượt đi trên nền lát đá, nhưng tôi vấn không ngừng nài nỉ tên quái vật vô nhân đạo hãy tha cho tôi khỏi một cái chết tàn bạo như thế này. Tôi cầu khẩn ông ta với danh nghĩa họ hàng của chúng tôi. Tôi kêu gọi lòng hiếu khách của ông. Tôi nài nỉ ông nói cho tôi biết là tôi đã bao giờ làm điều gì tệ bạc với ông chưa! Nhưng câu trả lời duy nhất của ông là những chấn động mà ông đặt vào cái cần quay tay; trong khi đó, cứ mỗi lần chấn động thì lại có một song sắt nữa biến mất vào khe hở. Cứ như thế tôi tự để cho mình bị kéo lê đi dọc theo cái chuồng, cho tới lúc cuối cùng, hai cổ tay đau nhừ, những ngón tay đẫm máu, tôi đành phải bỏ cuộc trong trận đấu không cân bằng này. Khi tôi thả tay ra, bức tường của các song sắt hoàn toàn mất dạng. Một lúc sau đó, tôi nghe tiếng đôi giày đỏ hở gót đi xa dần trong hành lang; cánh cửa ở cuối hàng lang đóng lại một cách nhẹ nhàng. Bây giờ tất cả đều yên lặng.
Trong lúc này, con vật không động đậy, nó nằm trên nệm rơm; đuôi nó đã thôi không vùng vẫy nữa. Cái cảnh tượng một người bị dính chặt vào các song sắt và bị kéo lê trước mặt có vẻ đã làm cho nó khiếp sợ. Tôi trông thấy đôi mắt lớn của nó trừng trừng nhìn tôi. Tôi đã để cái đèn lồng xuống đất khi tôi muốn bám chặt vào các song sắt vì nó vẫn còn đang cháy, tôi muốn cầm lấy nó, với ý nghĩ là ánh sáng có thể che chở cho tôi thì con vật gầm lên một tiếng khủng khiếp. Tôi dừng lại và đứng bất động, với sự kinh hoàng. Con mèo (khi chấp nhận rằng ta có thể gọi một con vật khủng khiếp như vậy bằng cái tên khả ái) ở cách xa tôi không quá ba mét. Cặp mắt nó sáng như hai cục lan tinh tròn trong đêm tối. Trông chúng như có phép thôi miên. Tôi không thể rời mắt khỏi chúng. Trong những giây phút căng thẳng thế này, tạo hóa đã đùa với chúng ta những trò kỳ lạ; các tia sáng này cứ tăng lên và giảm đị theo một nhịp độ đều đặn. Lúc thì chúng giống như hai điểm bé xíu với một ánh sáng cực mạnh, như những tia điện lóe lên trong mộtcăn phòng tối mịt, lúc thì chúng tỏa rộng ra và lớn lên cho tới lúc tất cả cái góc phòng mà con vật ngồi đều tràn đấy cái ánh sáng ma quỷ ấy. Rồi chúng tắt đi một cách đột ngột.
Con vật đã nhắm mắt lại. Tôi không biết có một sự thật nào không trong cái ý nghĩ cổ xưa về uy lực của cái nhìn của con người, do đó con mèo Brasil có thể đã ngủ. Có vẻ như thay vì biểu lộ một ý định hung hăng, thì nó lại tỳ cái đầu đen và óng ánh của nó lên hai bàn chân trước kếch xù và có vẻ như muốn ngủ. Tôi không dám nhúc nhích, sợ rằng sẽ làm thay đổi thái độ của nó, nhưng ít ra tôi cũng có thể suy nghĩ vì cặp mắt khủng khiếp của nó không nhìn tôi nữa. Thế là tôi đã bị nhốt một đêm với con dã thú này. Bản năng của tôi kết hợp với những lời nói của tên đểu cáng đã lừa tôi vào bẫy cảnh báo rằng tôi đang phải đương đầu với một con vật cũng tàn bạo như chủ của nó. Làm thế nào để tránh khỏi sự nguy hiểm cho tới sáng? Về phía cái cửa, không có một hy vọng nào; còn về các cửa sổ, chúng rất hẹp và có song sắt. Không ở chỗ nào có một nơi lánh nạn, một chỗ trú ẩn trong căn phòng trần trụi này. Gọi cầu cứu cũng là vô bổ; tôi biết rằng cái hang dã thú này là một căn phòng phụ thuộc và cái hành lang nối liền nó với chái nhà của ngôi nhà dài tới ba mươi hay bốn mươi mét. Ngoài ra, với giông bão đang hoành hành bên ngoài, những tiếng kêu của tôi sẽ không ai nghe thấy. Tôi chỉ còn có thể trông cậy vào lòng can đảm và sự khôn khéo của tôi mà thôi.
Hỡi ôi, một lớp sóng tuyệt vọng mới đã nhận chìm tôi! Trong mười phút nữa, cái đèn lồng sẽ tắt ngúm. Tôi chỉ còn có mười phút để hành động. Tôi tự biết rằng tôi không còn khả năng tự vệ nếu tôi ở trong đêm tối mịt mù cùng với con dã thú này. Nghĩ tới chuyện này, tôi như tê liệt toàn thân. Cặp mắt hoảng sợ của tôi nhìn một vòng quanhcăn phòng nhốt tử tội này; chúng dừng lại ở một nơi duy nhất tuy không hứa hẹn cho tôi một sự an toàn trọn vẹn nhưng ở đó tôi sẽ đỡ bị lộ ra hơn là ở trên sàn nhà trơ trụi.
Cái chuồng có một cái mái, và cũng có một cái mái ngoài; cái mái này vẫn nằm ngang khi cái mái ngoài được kéo tuột vào trong kẽ hở. Khung sườn của nó được làm bằng những thanh sắt đặt cách nhau độ vài centimet và được phủ bằng một lớp lưới dây thép, nó được dựng ở mỗi bên một cái trụ rất lớn. Trông nó giống như một cái lọng lớn được căng ra, bên trên cái bóng mờ nằm trong góc phòng. Giữa cái dàn bằng sắt này và trần nhà là khoảng bảy mươi hay tám mươi centimet. Chỉ cần tôi có thể lên được đó và ngồi gọn vào giữa các song sắt và trần nhà thì tôi sẽ chỉ còn bị nguy hiểm ở một phía thôi, sự an toàn của tôi được bảo đảm ở phía dưới, ở đằng sau, ở đầu và hai chân. Tôi chỉ có thể bị tấn công ở mặt bị bỏ ngỏ phía trước thôi. Ở phía này thật tình tôi sẽ không lợi dụng được một sự che chở nào. Ít ra tôi cũng không phải đứng trên lối đi của con vật khi nó đi vòng trong hang ổ của nó. Muốn vồ được tôi, nó phải thay đổi các thói quen của nó. Nhưng nếu tôi muốn hành động thì phải làm ngay bây giờ, nếu không chẳng bao giờ làm được nữa, vì một khi cái đèn lồng đã tắt, tôi sẽ không còn khả năng để làm gì nữa. Với một sự nôn nòng hồi hộp ứ lên tận cổ họng, tôi tung mình lên. Tôi bám lấy cái mép sắt của mái chuồng và thở hổn hển, tôi cố lấy lại sức để đu người lên phía trên. Tôi nằm sấp xuống một cách nhẹ nhàng để nhận thấy rằng cái nhìn của tôi chiếu thẳng vào cặp mắt khủng khiếp của con mèo. Nó phì vào mặt tôi hơi thở hôi hám của nó, tôi có cảm tưởng là mình đang nằm bên trên một cái nồi nấu những thứ ô uế ghê tởm.
Tuy nhiên, nó có vẻ kinh ngạc hơn là tức giận. Nó duỗi tất cả bề dài của cái lưng đen xì của nó ra, đứng dậy, vươn vai và ngáp dài; sau đó nó đứng thẳng ên trên hai chân sau, chống một chân trước vào tường và giơ chân kia lên, lấy móng quơ vào những sợi dây thép của mạng lưới mắt cáo mà tôi nằm trên. Một cái móng trắng nhọn hoắt xé rách quần tôi (tôi vẫn còn mặc bộ quần áo dạ hội) và để lại một vết xước dài trên đầu gối tôi. Nói đúng ra thì đó không phải là một sự tấn công, nhưng chỉ là một sự thăm dò. Quả tình là tôi đã để thốt ra một tiếng kêu đau nhỏ và con thú lại ngã ra phía sau, đứng trên bốn chân. Nó bước một cách nhẹ nhàng bắt đầu đi vòng quanh căn phòng, thỉnh thoảng lại ngẩng đầu lên nhìn về phía tôi. Tôi cố sức lùi vào để áp lưng vào bức tường. Tôi càng ngồi xa cái mép bao nhiêu thì nó càng khó tấn công tôi bấy nhiêu.
Từ lúc bắt đầu cử động, nó có vẻ bực bội hơn. Nó bước nhanh hơn và lặng lẽ vòng quanh căn phòng, đi qua, đi lại dưới chỗ ẩn náu của tôi. Thật là tuyệt diệu, khi được thấy một khối thịt đồ sộ như vậy đi lại như một cái bóng mag không co một tiếng động nào khác ngoài tiếng đập trầm, nhẹ nhàng của những bàn chân bọc nhung của nó! Ánh lửa của cái đèn lồng đã gần như không còn nhìn thấy được nữa; tôi khó mà nhìn rõ con vật. Và rồi sau một tia sáng cuối cùng, ngọn đèn tắt ngúm. Còn lại một mình với con thú dữ trong cảnh tối tăm.
Khi người ta biết rõ là mình đã làm hết sực lực và ngaycả đã làm những điều không thể làm được thì người ta sẽ đương đầu với sự hiểm nguy một cách tốt đẹp hơn: ta chỉ còn có việc chờ đợi một cách thanh thản tiếp diễn của các sự việc. Trong tình huống hiện thời, tôi đã chiếm cứ được một chỗ duy nhất để đảm bảo cho tôi một sự an toàn tương đối. Do đó, tôi nằm duỗi thẳng người ra và tự để cho mình được vỗ về bởi cái hi vọng là con vật có thể quên đi sự có mặt của tôi, nếu tôi không làm điều gì để nhắc nhở nó việc đó. Tôi tính nhẩm là chắc đã tới hai giờ sáng. Tới lúc bốn giờ, trời sẽ sáng. Phải chò đợi hai giờ đồng hồ nữa!
Ở bên ngoài, giông bão vẫn còn dữ dội, và mưa đập mạnh vào các cửa sổ nhỏ. Ở bên trong thì không khí hôi hám. Tôi không thể trông hay nghe thấy con mèo. Tôi có không nghĩ tới nó nữa. Chỉ có một điều có thể làm tôi xao lãng tình thế khủng khiếp của tôi lúc này, đó là sự phản phúc của người anh họ tôi, sự đạo đức giả không gì so sánh được của ông ta, sự hận thù quái ác của ông ta đối với tôi. Dưới cái mặt nạ phúng phính, vui vẻ đã ẩn núp linh hồn của một kẻ sát nhân thời trung cổ. Nghĩ lại chuyện đó, tôi đã nhìn thấy rõ ràng hơn cách thức ông ta chuẩn bị cho kế hoạch của mình như thế nào. Bề ngoài thì rõ ràng là ông ta đã lên lầu đi ngủ cùng một lúc với mọi người khác, chắc chắn là ông ta sẽ có những người làm chứng để xác nhận việc này, rồi ông ta lẻn xuống nhà, dẫn dụ tôi vào cái hang thú này và bỏ mặc tôi trong đó. Câu chuyện ông ta bịa ra cũng sẽ đơn giản thôi. Ông ta sẽ nói rằng ông ta để tôi ngồ lại trong phòng chơi bida hút nốt điếu xì gà, rằng tôi đã tự ý đi xem con mèo một lần chót, rằng tôi đã đi vào trong phòng mà không nhận thấy cái chuồng đã mở ra, và rằng tôi đã bị ăn thịt. Làm thế nào mà một vụ án như thế lại có thể đổ lỗi cho ông ta được? Có thể là người ta sẽ nghi ngờ ông ta; nhưng lấy bằng chứng nào để buộc tội ông ta? Không có một bằng chứng nào cả.
Hai giờ đó mới chậm chạp làm sao. Có một lần tôi nghe thấy một tiếng chà xát; tôi độ chừng là con vật đang liếm lông của nó. Có nhiều lần, cặp mắt xanh lè của nó quay về phía tôi, nhưng không bao giờ nhìn chăm chú vào tôi. Tôi bắt đầu hy vọng là thật sự nó đã quên tôi, hoặc nó muốn lơ tôi đi. Cuối cùng, ánh sáng đầu tiên của bình minh đã lọt qua cửa sổ. Thoạt đầu tôi nhìn thấy hai ông vuông màu xám trên bức tường đen rồi màu xám trở thành màu trắng; lúc đó tôi lại nhìn thấy rõ ràng người bạn cùng phòng khủng khiếp của tôi. Nhưng than ôi, chính nó cũng có thể nhìn thấy chỗ tôi nằm!
Ngay tức khắc, tôi đoán ra rằng tính nết nó còn hung hăng hơn nhiều, còn nguy hiểm hơn nhiều. Cái lạnh buổi ban mai làm cho nó cáu kỉnh, và chắc là nó đã đói bụng. Nó gầm gừ không ngừng và đi qua đi lại ở phía căn phòng đối diện với tôi và là chỗ cách xa nơi ẩn núp của tôi nhất. Râu nó dựng đứng lên, đuôi ve vẩy một cách giận dữ, khi nó xoay bước ở các góc phòng, cặp mắt dữ tợn của nó ngước lên về phía tôi. Tôi nhìn trong mắt nó thấy rõ ràng một sự đe dọa khủng khiếp nhất; tôi biết là nó muốn giết tôi. Tuy nhiên, ngay cả vào lúc đó tôi cũng không thể ngăn cản mình khỏi cảm phục dáng bộ uyển chuyển của con vật quỷ quái này, những bước đi dài và mềm mại của nó, màu lông óng ảnh ở hai bên hông nó, sự động đậy của cái lưỡi đỏ lắt lẻo dưới cái mõm đen xì. Nó gầm gừ mỗi lúc một lớn hơn. Hết phút này qua phút khác, tôi chờ đợi sự tấn công của nó.
Thật quá buồn thảm khi phải chết như thế này! Tôi thấy lạnh, tôi run lập cập trong bộ quần áo dạ hội mặc lúc chiều tối, tôi đau đớn một cách tuyệt vọng trên cái lưới sắt cực hình của tôi. Tôi cố sức nâng cao tâm hồn tôi lên trên cái số phận đang chờ đợi tôi, nhưng đồng thời với sự tỉnh táo vốn là đức tính đặc biệt của một người đã sẵn sàng chập nhận nọi chuyện. Tôi đảo mắt tìm xem liệu có vật gì có thể giúp cho tôi thoát khỏi con vật. Lúc đó tôi nhận ra rằng nếu cái khung sườn các song sắt làm thành mái trước của cái chuồng quay trở lại chỗ cũ như trướclúc gã anh họ tôi chuyển động cái cần quay tay, tôi sẽ có thể tự nhốt mình vào trong cái chuồng và kiếm được chỗ ẩn náu sau hàng song sắt. Nhưng làm cách nào để kéo các song sắt mà không gây ra sự chú ý của con vật? Và ngay cả làm sao tôi có thể di chuyển các song sắt mà không có sự giúp đỡ của cái cần quay tay ở bên ngoài? Một cách rất thong thả tôi chìa ra một bàn tay và tôi đặt nó lên cái song sắt cuối cùng chưa tụt vào trong tường. Tôi thấy rất kinh ngạc khi nhận ra rằng cái khung chấn song sắt đã dễ dàng tuân theo sức kéo của tôi. Tất nhiên là có sự bất tiện nếu kéo nó ra vì tôi đang bám vào nó. Tuy nhiên tôi cứ kéo từng nấc nhỏ, từ trong bức tường đã chồi ra mười centimet của mái trước của cái chuồng. Chắc chúng đã được gắn trên các bánh xe nhỏ. Tôi kéo nữa. Và bất thần con mèo chồm lên.
Cái nhảy chồm này quá nhanh, quá đột ngột đến nỗi thực sự tôi không nhìn thấy. Tôi chỉ nghe thấy một tiếng gầm man rợ và ngay sau đó những con mắt màu vàng lóe sáng, cái đầu đen với cái lưỡi đỏ hoét và những cái răng trắng nhởn của nó đã ở sát tầm bàn tay của tôi. Sự va chạm làm rung động tấm lưới sắt mà tôi đang nằm ở trên; tôi tưởng rằng nó sẽ sụm xuống. Bám lủng lẳng ở ngoài mép bằng hai chân trước, con mèo bắt đầu đu đưa thân mình; mõm và các móng vuốt của nó gần chạm tới người tôi; hai chân sau của nó quắp lấy lưới mắt cáo để cố tìm một điểm tựa. Hơi thở của nó làm tôi muốn nôn ọe. Nhưng nó đã tính lầm bước nhảy và không thể giữ cho thân mình cân bằng được. Nó nhăn nhó điên cuồng cắn vào những song sắt, đu đưa về phía sau trước khi rơi xuống sàn nhà một cách nặng nề. Nó vừa gầm gừ vừa quay lại ngay tức khắc và lấy sức để chồm lên lần thứ nhì. Tôi biết rằng số phận tôi sẽ được định đoạt trong những giây sắp tới. kinh nghiệm lần đầu đã dạy khôn cho con vật. Nó sẽ không sai lầm lần thứ hai, khi cần tôi phải hành động nhanh chóng và liều lĩnh, nếu tôi muốn có cơ hội để sống còn. Tôi đã có một ý nghĩ: tôi cởi áo vét của tôi ra và tôi quăng nó lên đầu con vật. Cùng lúc đó tôi để mình rơi xuống qua mép mái chuồng, tay nắm chặt lấy cái khung chấn song sắt của mái hiên và dùng hết sức kéo vào phía bên trong.
Cái khung song sắt trượt đi một cách dễ dàng hơn là tôi đã nghĩ. Tôi đi ngang qua tất cả chiều rồng của căn phòng kéo cái khung song sắt đằng sau tôi. Nhưng có sự nhầm lẫn chết người nữa, tôi lại đang đứng bên ngoài của song sắt! Nếu tôi đứng ở bên trong thì tôi sẽ thoát nạn không hề hấn gì. Vậy mà tôi lại đang đứng bên ngoài của song sắt. Vậy là tôi phải dừng lại một lát để lách qua khe hở mà tôi còn để ngỏ giữa bức tường và song sắt. Khoảng khắc này cũng đủ để làm cho con vật vuột ra khỏi cái áo vét mà tôi đã chùm lên đầu nó và để cho nó chồm lên. Tôi len qua khe hở và tôi đẩy các song sắt nhưng trước khi tôi có thể đẩy hết các song sắt và tới bức tường bên kia thì con mèo Brasil đã tấn công vào một chân tôi. Một cú vồ của cái chân khổng lồ của nó đã xé rách một cách tàn bạo bắp chân của tôi. Người be bét máu, kiệt sức vì xúc động, tôi ngã vật xuống cái đệm rơm hôi hám; một dãy song sắt đầy thiện cảm đã ngăn cách tôi khỏi con dã thú, trong khi nó điên cuồng tới tấp nhào vào các song sắt một cách uổng công.
Quá đau đớn không còn động đậy được nữa, quá yếu ớt không còn cảm thấy sợ hãi nữa, tôi chì còn có thể nằm dài ra, có nhiều phần chết hơn là phần sống, và dòm chừng kẻ thù. Nó lấy cái ngực lớn den xì đè vào các song sắt và cố tìm cách móc tôi ra bằng những bàn chân cong lại của nó, như cách những con mèo nhỏ thường làm trước một cái bẫy chuột! Nó quào vào quần áo của tôi, nhưng nó không thể chạm tới người tôi. Tôi có nghe tới hậu quả kỳ cục của sự tê cứng sinh ra bởi các vết thương do các thú dữ lớn gây nen; tôi sẽ kiểm chứng thuyết này; thật vậy tôi dần dần mất hết mọi giác quan của con người, và tôi theo dõi các ý định của con mèo như thể tôi không phải là con mồi, nó đang rình rập. Rồi thì đầu óc tôi hôn mê dần dần trong những giấc mộng hỗn độn ở đó luôn hiện ra cái đầu đen xì và cái lưỡi đỏ loét của nó. Cuối cùng, tôi chìm vào cõi nát bàn của sự hôn mê, sự thanh thản thánh thiện mà tạo hóa dành cho những kẻ bị đặt vào một thử thách quá phũ phàng.
Sau đó, ôn lại trong đầu trình tự các diễn biến, tôi đi tới kết luận là tôi đã phải ngất đi trong hai giờ đồng hồ. Điều làm cho tôi ra khỏi cơn hôn mê là tiếng kim loại lanh canh của ổ khóa mà từ đó bắt đầu cuộc mạo hiểm của tôi. Trước khi tôi tỉnh lại hẳn hoi để có một cảm nhận rõ ràng về các sự vật, tôi nhìn thấy bộ mặt tròn trịa và phúc hậu của ông anh họ tôi, ông ta đang nhìn qua cái cửa mở ngỏ. Hẳn là cảnh tượng trước mắt đã làm ông ta kinh ngạc. Con mèo nằm dài dưới đất, còn tôi thì ở trong chuồng, đang nằm ngửa, mặc sơ mi trần, quần áo rách tả tơi, người đầm đìa máu me. Tôi còn nhìn thấy vẻ kinh hoàng của ông ta vì ông ta được ánh nắng soi sáng rất rõ. Ông ta nhìn về phía tôi, nhìn nhiều lần. Rồi ông ta đóng cửa ở phía sau lại tiến tới cái chuồng để xem tôi đã chết hẳn chưa.
Tôi không thể nói chính xác được những việc đã xảy ra. Tôi không ở một trường hợp để dùng một nhân chứng. Tôi chỉ xác nhận được rằng tôi biết là ông ta quay lưng về phía tôi để đối diện với con vật.
Rồi ông ta kêu to:
- Tommy ngoan ngoãn của ta! Hỡi Tommy già dũng cảm!...
Ông ta bước giật lùi tới gần cái chuồng và quát lớn:
- Bỏ chân xuống, con vật ngu ngốc! Nằm xuống! Mày không nhận ra chủ của mày nữa à!
Và lúc đó, trong tâm trí mơ hồ của tôi, một ký ức bừng lên. Ông ta có nói với tôi rằng mùi máu tươi sẽ biến con mèo này thành một con ác quỷ, máu tôi đã chảy và ông ta sẽ phải trả giá cho máu của tôi.
Ông ta hét lên.
- ... Cút đi! Cút đi, đồ ác quỷ! Baldwin! Baldwin! Ối, trời ơi.
Tôi nghe thấy tiếng ông ta ngã, ông ta đứng dậy rồi lại ngã nữa. Tôi cũng nghe hình như có tiếng vải bị xé rách. Tiếng la hét của ông ta yếu đi, nghẹn lại rồi tắt lịm trong tiếng gầm thét hung dữ của con mèo. Tôi nghĩ là ông ta đã chết. Nhưng tôi trông thấy như trong một cơn ác mộng một hình thù con người chẳng còn hình dạng, tơi tả máu chảy đầm đìa, chảy một cách điên dại khắp quanh gian phòng. Đó là hình ảnh cuối cùng mà tôi nhận được trước khi tôi lại bị ngất đi.
Tôi phải mất nhiều tháng trời mới bình phục được. Thực ra tôi không thể nói là tôi đã bình phục vì tôi sẽ phải chống gậy để đi cho tới hết đời, để kỷ niệm cái đêm mà tôi sống với con mèo Brasil đó. Baldwin anh coi chuồng thú và những người làm khác không thể giải thích được việc đã xảy ra, khi họ bị lôi cuốn bởi những tiếng kêu thảm khốc của chủ nhân họ. Họ đã thấy tôi ở phía sau các song sắt trong khi những mảnh còn lại của người anh họ tôi (chỉ mãi sau đó họ mới phát hiện ra rằng đólà những mảnh còn lại của ông ta) nằm vương vãi dưới móng vuốt của con dã thú mà ông ta đã nuôi dưỡng. Họ dồn con mèo vào một góc bằng những thanh sắt nung đỏ đến trắng toát lên rồi họ đánh ngã nó qua cái ô nhỏ trên cánh cửa lớn; chỉ tới lúc sau đó họ mới có thể mang tôi ra khỏi cái chuồng. Tôi được khiêng vào phòng của tôi, và ở đó, dưới mái nhà của kẻ đã quyết tâm sát hại tôi, tôi đã trải qua nhiều tuần giữa cái sống và cái chết. Được săn sóc bởi một y sĩ ở Clipton và một nữ điều dưỡng ở Luân Đôn, sau một tháng tôi đã có thể được đưa về lâu đài Grosvenor.
Từ cơn bệnh này, tôi giữ được một hình ảnh có lẽ nó cũng góp phần nào vào cơn mê sảng, trong đó đầu óc tôi đang giãy giụa. Một buổi chiều, trong khi cô nữ điều dưỡng vắng mặt, cửa phòng tôi mở ra, một người đàn bà cao lớn mặc tang phục lặng lẽ bước vào chỗ tôi. Khi bà ta cúi bộ mặt vàng khè trên giường tôi, tôi nhận ra đó là người đàn bà Brasil mà ông anh họ tôi đã cưới làm vợ. Bà nhìn tôi ới một vẻ mặt rất khả ái.
Bà hỏi tôi.
- Chú đã tỉnh lại hẳn chưa?
Tôi trả lời bằng một cái gật đầu nhẹ vì tôi còn rất yếu
- ... Này, tôi chỉ muốn làm cho chú nhìn nhận rằng những việc xảy ra cho chú là lỗi của chú. Tôi đã chẳng làm tất cả những gì tôi có thể làm cho chú đấy ư? Ngay từ lúc đầu tôi đã cố sức làm cho chú bỏ đi. Bằng mọi cách kể cả sự đánh liều phản bội chồng của tôi, tôi đã hết sức cứu chú. Tôi biết là ông ta có một lý do mạnh mẽ để mời chú tới Greylands. Tôi biết ông ta sẽ không bao giờ để cho chú trở về. Không ai biết ông ta hơn tôi, tôi là người đã đau khổ rất nhiều vì ông ta, tôi đã không dám nói chuyện ấy với chú. Ông ta đã toan giết chết tôi. Nhưng tôi không thể tự trách mình một điều gì. Tôi đã coi chú là ngu ngốc, mà quả thật chú đã xử sự như một thằng ngốc!
Nói tới đó, người đàn bà kỳ quái này đi ra khỏi phòng tôi. Tôi không bao giờ còn gặp lại bà nữa. Với số tiền mà bà lấy được từ tài sản của ông chồng, bà trở lại cố hương; sau đó tôi được tin là bà đã vào nhà tu ở Pernambone.
Sau khi tôi trở về Luân Đôn được ít lâu, các bác sĩ cho phép tôi được tiếp tục các công việc thường ngày. Sự cho phép đã không làm cho tôi thích thú chút nào, vì tôi sợ rằng sau đó sẽ là một đám chủ nợ của tôi. Nhưng người khách đầu tiên mà tôi tiếp lại là Summers, viên quản lý văn khế của tôi.
Ông ta mở đầu câu chuyện.
- Tôi rất sung sướng nhận thấy ngài đã khỏe mạnh rất nhiều! Tôi đã chờ đợi rất lâu trước khi trình lên ngài những lời chúc tụng của tôi.
- Ông muốn nói gì thể, ông Summers? Bây giờ không phải là lúc nói đùa, ông tin tôi chứ?
- Tôi muốn nói một cách chính xác điều mà tôi đã nói. Từ sáu tuần lễ nay, ngài đã là Lord Southerton; nhưng chúng tôi sợ rằng tin này sẽ làm trở ngại cho sự bình phục của ngài.
Lord Southerton! Một trong những nhà quý tộc giàu nhất nước Anh! Tôi không thể tin được tai mình về chuyện đó. Rồi thì bỗng nhiên tôi nghĩ tới khoảng thời gian đã trôi qua từ ngày ông ấy qua đời.
- Thế là Lord Southerton đã chết gần với thời gian tôi gặp nạn à?
- Ông ấy chết cùng ngày hôm đó...
Summers chằm chằm nhìn tôi. Là người rất sắc sảo, chắc chắn ông ấy đã đoán ra tính chất thật sự của cái “tai nạn” của tôi. Ông ấy ngừng lại một lát, hình như ông ấy đợi chờ một sự thổ lộ của tôi, nhưng tôi không thấy được lợi lộc gì để làm rùm beng một vụ tai tiếng trong gia đình.
- ... Vâng, thật là một sự trùng hợp kỳ lạ! – ông ấy nói tiếp với cái nhìn soi mói – Tất nhiên ngài cũng biết rằng ông anh họ Edward King của ngài là người đứng sát ngay sau ngài trong thứ bậc thừa kế. Vậy thì nếu ngài đã bị nhai ngấu nghiến thay cho ông ấy bởi con hổ đó hoặc một con vật hung dữ nào tôi không rõ, thì hẳn là ông ấy hôm nay đã trở thành Lord Southerton chớ không phải ngài.
- Chắc chắn là vậy!
Ông Summers nói thêm:
- Nhất định là cái viễn tưởng đó đã làm ông ấy quan tâm rất nhiều. Tình cờ tôi được biết rằng tên đầy tớ của người quá cố Lord Southerton là tay sai cho ông ấy, và y thường xuyên gởi điện tín cho ông ấy mỗi ngày nhiều lần để báo cho ông ấy biết về tình trạng sức khỏe của con bệnh. Việc này xảy ra vào thời kỳ mà ngài đang ở Greylands; không phải là kỳ cục hay sao khi ông ấy mong mỏi được tin tức đến như vây, vì ông ấy đã biết rằng ông ấy không phải là người thừa kế trực tiếp?
Tôi trả lời.
- Rất kỳ cục! Và bây giờ, ông Summers ạ, xin ông vui lòng mang lại cho tôi tất cả biên lai và một quyển chi phiếu mới, chúng ta sẽ có thể bắt đầu chỉnh đốn lại công việc của tôi.
Hết

**Sir ARTHUR CONAN DOYLE**

Tuyển tập truyện giả tưởng của Conan Doyle

seahawk1 đánh máy

**Chơi với lửa**

Tôi không có ý định nói về những gì đã xảy ra một cách chính xác ngày mười bốn tháng tư vừa qua tại số nhà 17 đường Badderly Gardens. Khi viết ra trên giấy trắng mực đen, các giả thiết của tôi có vẻ quá lố bịch để được mọi người coi là truyện đứng đắn. Tuy vậy đúng là có truyện gì đó đã xảy ra: một truyện quá lạ lùng khiến chúng tôi phải nhớ tới cho tới khi chết; câu chuyện này chắc chắn đáng tin cũng như có sự chứng nhận của năm người. Tôi sẽ không để mình bị lôi kéo vào những cuộc tranh luận hay những sự suy diễn. Tôi chỉ xin đưa ra một kiểu lời khai mà tôi đã đưa cho John Moire, cho Harver Deacon và bà De la Mer xem qua; tôi chỉ công bố lời khai này sau khi được họ công nhận từng chi tiết trong đó. Tôi buộc phải bỏ qua sự chấp nhận của Paul Le Duc vì ông đã rời khỏi nước Anh.
Chính John Moire, hội viên thứ nhất của công ty Moire, Moire và Sanderson là người đầu tiên đã lôi kéo sự chú ý của chúng tôi tới các vấn đề của khoa học huyền bí. Giống như nhiều thương gia rất cương quyết và thực tế, ông có một khía cạnh huyền bí, chính khía cạnh này đã đưa ông tới sự khảo sát và chấp nhận, khi có cơ hội, các hiện tượng huyền
hoặc mà người ta đã gói ghém lại cùng với nhiều điều ngu xuẩn và giả trá dưới nhãn hiệu thông linh học. Ông đã bắt đầu các cuộc nghiên cứu với một tinh thần tự do, chẳng mấy chốc những nghiên cứu đó đã mang bộ mặt của các giáo điều; lúc đó ông cũng trở nên tích cực và cuồng tín như một người sùng đạo mù quáng. Trong nhóm người nhỏ bé của
chúng tôi, ông tiêu biểu cho những người huyền bí đã tạo lập một tôn giáo mới dựa theo các hiện tượng lạ lùng này.
Bà De la mer, bà đồng của chúng tôi, là em gái ông và cũng là vợ của nhà điêu khắc De la mer. Kinh nghiệm đã cho chúng tôi thấy rằng đụng tới những vấn đề này mà không có người ngồi đồng thì chỉ uổng công, cũng như một nhà thiên văn muốn tiến hành quan sát mà lại không có kính viễn vọng vậy. Mặt khác không bào giờ chúng tôi muốn đưa vào
nhóm chúng tôi một bà đồng chuyên nghiệp; các bà này rõ ràng chỉ cốt moi tiền chúng tôi nên mới làm việc đó và dễ quay ra lừa bịp; làm sao chúng tôi có thể tin được những hiện tượng được tạo ra với giá biểu một đồng bạc một giờ?
May mắn thay, Moire đã khám phá ra rằng cô em gái ông có khả năng lên đồng, nói theo cách khác bà ta là một cục pin của năng lượng nhân điện, hình thức năng lượng duy nhất khá tế nhị để có thể vận dụng hữu hiệu trên bình diện tinh thần cũng như trên bình diện vật chất của chúng ta. Tất nhiên khi nói đến điều này tôi tuyệt đối không có ý khẳng định
những gì liên hệ tới vấn đề là xác thực: tôi chỉ nhắc tới các lý thuyết nhờ vào đó chúng tôi đã giải thích, có thể là sai mà cũng có thể là đúng, những điều chúng tôi đã nhìn thấy. Bà đồng này đã tới, tuy không hoàn toàn được ông chồng đồng ý. Dù không bao giờ bà cho ta có cảm tưởng bà có một sức mạnh rất lớn về tâm linh, chúng tôi vẫn thấy những kiểu thần giao cách cảm theo thói quen vừa ngây thơ ấu trĩ vừa không thể giải thích được. Chiều chủ nhật nào cũng vậy, chúng tôi gặp nhau tại phòng làm việc của Harver Deacon ở Bedderly Gardens trong căn nhà ở góc đường Merton Park. Đầu óc giàu tưởng tượng của Harver Deacon đã phung phí trong nghệ thuật của ông làm bất cứ ai nhìn thấy cũng
phải coi ông là một tay chơi tài tử rất hăng say về tất cả những gì kỳ quái và dễ gây xúc động. Chắc chắn sự ngoạn mục trong việc nghiên cứu các khoa học huyền bí đã lôi cuốn ông lúc khởi đầu; nhưng rồi sự chú tâm của ông đã nhanh chóng chuyển sang một vài hiện tượng mà tôi vừa nói tới, và ông đã đi tới kết luận rằng những điều ông từng coi là một cuộc mạo hiểm lãng mạn để chơi đủa, như một sự giải trí trong lúc trà dư tửu hậu, thật ra là một sự thực rất đáng sợ. Vốn có bộ óc thông minh và duy lý nổi tiếng, trong cái thế giới nhỏ bé của chúng tôi ông là hình ảnh của một phần tử hay phê phán, một người không có thành kiến lúc nào cũng sẵn sàng theo dõi các sự việc đúng như ông nhìn thấy chúng và luôn khước từ việc đưa ra trước một lý thuyết về những thông tin của ông. Sự khôn ngoan của ông đi ngược lại ý của Moire, giống hệt như chuyện đức tin mạnh mẽ của ông này làm trò cười cho Deacon. Nhưng theo cách của họ, cả hai đều là những kẻ loạn trí.
Còn tôi? Tôi có thể tự coi mình là người thế nào đây? Tôi không phải là người mộ đạo. Tôi cũng không phải là một người phê bình theo lối khoa học. Cứ cho rằng tôi là một anh thị dân có tính tài tử, thích được thấy mình trong một trào lưu thời thượng, biết ơn tất cả những cảm xúc mới làm tôi say mê và mở cho tôi những hướng đi mới về đời sống. Bản
thân tôi không phải là người có nhiệt huyết, nhưng tôi thích giao du với những người có nhiệt huyết. Những ý kiến của Moire cho tôi cảm tưởng chúng tôi đã có một giấy thông hành đặc biệt để mở cánh cửa của cõi chết, và làm tôi hoàn toàn mãn nguyện. Tôi thấy rất thoải mái với bầu không khí ấm cúng của buổi họp mặt dưới ánh sáng mờ ảo. Nói tóm lại, chuyện này làm tôi thích thú. Đó là lý do tại sao tôi đã có mặt tại đó ngày 14 - 4, để chứng kiến một cảnh rất kỳ lạ mà tôi sẽ thuật lại ngay bây giờ.
Trong số đàn ông thì tôi là người tới trước nhất, nhưng bà De la mer đã có mặt trong phòng làm việc của Deacon rồi, vì bà đã uống trà với bà Deacon. Hai bà và ông Deacon đang đứng trước một bức hoạchưa hoàn tất đặt trên giá. Tôi không phải là người sành sỏi về hội hoạ và không bao giờ dám nói là hiểu ý nghĩa các bức hoạ của Deacon. Tuy nhiên
trong trường hợp nay, tôi thấy bức hoạ tuyệt đẹp, rất kỳ ảo, thấm đượm vẻ thần tiên, chứa đầy các loài vật và những hình ảnh tượng trưng đủ loại. Các bà ngợi khen ông hết lời, hiệu lực của màu sắc quả là tuyệt mỹ.
- Ông nghĩ thế nào, ông Markham? Ông ta hỏi tôi.
- Thú thật điều này vượt quá mức hiểu biết của tôi! Tôi đáp lại. Những con thú này... Đó là những con gì vậy?
- Những con quái vật trong thần thoại, những con vật tưởng tượng, các kiểu huy chương. Một đám rước kỳ dị, bí ẩn.
- Với một con ngựa trắng đi đầu!
- Đó không phải là một con ngựa!
Ông đã phản đối lại với một giọng nghiêm nghị, điều làm tôi kinh ngạc vì ông vốn có tính tình rất tốt và không bao giờ tỏ ra quá trang nghiêm.
-Vậy đó là cái gì?
-Ông không trông thấy cái sừng trên trán nó à? Đó là một con kỳ lân. Tôi đã nói với ông đó là những con thú tưởng tượng. Ông không thể nhận ra con nào cả sao?
-Tôi thấy thất vọng, ông Deacon ạ!
Có vẻ như ông đã bị xúc phạm dữ dội, nhưng ông bật cười lớn.
-Hãy tha thứ cho tôi, ông Markham ạ! Ông nói với tôi. Thật ra tôi đã làm một công việc điên rồ với con thú này. Suốt cả ngày tôi vẽ nó, vẽ đi vẽ lại, cố tưởng tượng xem nếu như có một con kỳ lân sống thì nó giống cái gì. Sau cùng tôi tin rằng tôi đã thành công. Ít nhất tôi cũng đã hy vọng vậy, nhưng khi ông không nhận ra nó, tôi thấy bị chạm tự ái dữ dội.
-Chắc chắn đó là một con kỳ lân! Tôi kêu lên với vẻ tin tưởng, vì tôi thấy ông bực bội bởi sự mù tịt của tôi. Tôi phân biệt rất rõ cái sừng, nhưng chưa bao giờ tôi nhìn thấy kỳ lân cả, ngoài những thứ được vẽ trên các huy hiệu hoàng gia, và tôi tuyệt đối không tin là có con thú này. Những con thú khác là những con quái vật đầu sư tử, những con mãng xà và
rồng đủ loại, có phải thế không?
-Vâng, với những con này tôi không gặp một khó khăn nào. Chỉ có con kỳ lân này là làm cho tôi bực mình. Thôi, thế cũng tạm đủ cho tới ngày mai.
Ông quay lật bức hoạ lại ở trên giá và chúng tôi chuyển câu chuyện sang đề tài khác.
Chiều hôm đó ông Moire tới trễ. Chúng tôi ngạc nhiên khi thấy ông đi cùng một người Pháp thấp nhỏ và khoẻ mạnh, mà ông giới thiệu với chúng tôi dưới cái tên là Paul Le Duc. Tôi nói rằng chúng tôi ngạc nhiên, vì chúng tôi giữ quy luật là một sự xâm nhập vào nhóm thông linh học của chúng tôi sẽ làm xáo trộn tình thế và đưa vào một phần tử khả nghi.
Chúng tôi biết có thể tin cậy lẫn nhau, nhưng tất cả kết quả của chúng tôi sẽ có nguy cơ bị hoài nghi bởi sự hiện diện của một người ngoài cuộc. Tuy nhiên, ông Moire đã mau lẽ trấn an chúng tôi. Ông Paul Le Duc là một môn đồ danh tiếng của khoa thần bí học. Ông du lịch tới nước Anh mang theo một thư giới thiệu của ông chủ tịch hội Huynh đệ những người dân Paris của giáo phái Rose-Croix gửi cho ông Moire. Như vậy thật hoàn toàn bình thường khi ông được mời tới dự cuộc ngồi đồng của chúng tôi; chúng tôi còn thấy vinh dự về sự có mặt của ông.
Như tôi đã nói, ông ta nhỏ bé và khoẻ mạnh, nom bề ngoài không có gì đặc biệt. Trên khuôn mặt lớn được cạo nhẵn của ông chỉ có đôi mắt to màu nâu là đáng kể mà thôi. Ông ăn mặc lịch sự, có điệu bộ của một người thượng lưu và nói tiếng Anh bằng một giọng khiến các bà tủm tỉm cười. Bà Deacon vốn không muốn tắt bớt đèn đi như thường lệ và
chúng tôi kéo nhích ghế lại gần chiếc bàn vuông bằng gỗ bạch đàn được kê ở giữa phòng. Ánh sáng yếu ớt nhưng cũng đủ để chúng tôi nhìn thấy nhau rất rõ ràng. Tôi nhớ là tôi còn có thể nhìn thấy rõ ông người Pháp có hai bàn tay nhỏ nhắn mũm mĩm với những ngón tay vuông.
-Thật vui nhỉ! Ông nói với chúng tôi. Đã từ nhiều năm nay tôi không ngồi dự theo lối này, tuy nhiên tôi rất thích việc này. Bà là bà đồng đúng không? Có phải bà hành nghề lên đồng không?
-Không hoàn toàn đúng, bà De la mer đáp lại. Nhưng bao giờ tôi cũng cảm thấy một sự chập chờn nửa thức nửa ngủ.
-Đó là giai đoạn đầu. Chỉ cần thúc đẩy thêm là nó tới chỗ đồng nhập. Khi đồng nhập rồi thì linh hồn bé nhỏ của bà bay đi và một linh hồn khác tới thế chỗ của nó, do đó mà bà đã có giọng nói và tuồng chữ tự động phát sinh. Bà đã để cho người khác nằm quyền điểu khiển cơ thể của bà, phải vậy không? Nhưng những con kỳ lân thì có gì dính líu tới chúng
ta?
Harver Deacon giật nảy người lên. Ông người Pháp từ từ quay đầu lại và chăm chú nhìn vão những bức màn tối sẫm che phủ các bức tường.
-Nom có vẻ ngồ ngộ! Ông ta lẩm bẩm. Luôn luôn là những con kỳ lân. Ai đã nghĩ tới một đề tài kỳ cục như vậy với một cường độ mạnh như thế?
-Thật là kỳ diệu! Deacon kêu lên. Suốt cả ngày tôi đã cố sức vẽ ra một con. Tại sao ông lại biết được?
-Ông đã nghĩ tới những con kỳ lân trong căn phòng này à?
-Chắc chắn là thế!
-Những tư tưởng là vật thể đó ông bạn ạ! Khi ông tưởng tượng tới một vật gì là ông đã tạo ra vật đó. Ông không biết như thế à? Nhưng tôi có thể nhìn thấy những con kỳ lân của ông và không phải chỉ có thể nhìn bằng mắt thôi đâu.
-Có phải ông muốn nói rằng tôi đã tạo ra một vật chưa bao giờ có thật cả chỉ bằng cách nghĩ đến nó thôi à?
-Rõ ràng là thế. Đó là một sự kiện nằm trong tất cả mọi sự kiện khắc. Đó là lý do tại sao một ý nghĩ xấu cũng là một sự nguy hiểm.
-Tôi lại nghĩ đó là trên bình diện siêu nhiên chứ? Ông Moire hỏi lại.
-À, đó chỉ là những từ thôi, ông bạn ạ! Những con vật đó ở kia kìa, tại một nơi nào đó, tại khắp mọi nơi, tôi không thể nói rõ được. Tôi nhìn thấy chúng. Tôi có thể sờ mó vào chúng.
-Ông không thể làm cho chúng tôi nhìn thấy chúng được à?
- Chỉ cần làm cho chúng trở thành hiện thực. Xin các ông chú ý lắng nghe, đây sẽ là cuộc thí nghiệm. Nhưng cần phải có quyền uy. Trước hết hãy đo lường quyền uy mà chúng ta có được, sau đó chúng ta sẽ thấy chúng ta có thể làm gì. Các vị có thể cho phép tôi được xếp cho ngồi cho quý vị theo ý muốn của tôi không?
-Chắc chắn ông là người thành thạo hơn chúng tôi, Deacon trả lời. Tôi mong rằng ông sẽ điều khiển mọi việc.
-Có thể các điều kiện không được hoàn hảo nhưng chúng ta sẽ làm những gì có thể làm. Xin bà cứ ngồi yên tại chỗ cũ, tôi sẽ ngồi cạnh bà ấy và quý ông đây sẽ ngồi bên tôi. Ông Moire sẽ ngồi cạnh bà, vì sự xen kẽ giữa màu nâu và vàng nâu là rất tốt. Vậy là được rồi. Và bây giờ xin quý vị cho phép tôi tắt hết đèn đi.
-Bóng tối thì có lợi ích gì? Tôi hỏi.
-Xung lực mà chúng ta liên hệ tới là một sự rung động của ête, giống hệt như ánh sáng vậy.Bây giờ chúng ta có những sợi dây liên lạc đặc biệt riêng của chúng ta, các vị hiểu không? Thưa bà, bà sẽ không thấy sợ hãi trong bóng tối chứ? Một buổi lên đồng như thế này thật rất vui!
Mới đầu chúng tôi thấy hoàn toàn tối mịt; nhưng sau một vài phút mắt chúng tôi quen dần với bóng tối: chúng tôi có thể nhận ra bóng của chúng tôi một cách rất mơ hồ và rất lộn xộn, tôi phải thừa nhận như vậy. Tôi không thể nhìn thấy những đồ vật khác trong phòng làm việc. Cả bọn chúng tôi đều trang nghiêm hơn rất nhiều so với những lần trước.
- Xin quý vị hãy đặt bàn tay ra trước mặt quý vị. Chúng ta không có cơ hội nào để đụng chạm vào nhau vì chúng ta quá ít người quanh một chiếc bàn kích thước lớn như vậy. Thưa bà, xin bà hãy chuẩn bị. Nếu cơn buồn ngủ kéo tới xin bà đừng cưỡng lại. Còn bây giờ chúng ta hãy ngồi yên lặng và chờ đợi.
Vậy là chúng tôi đều ngồi yên lặng chờ đợi trong khi phải nhìn xoi mói vào bóng tối trước mặt mình. Ngoài hành lang, tiếng đồng hồ kêu tích tắc. Xa xa một con chó sủa lên từng hồi. Hai hay ba lần có tiếng xe ngựa chạy lạo xạo ngoài phố, ánh sáng chập chờn từ những ngọn đèn của chúng lọt qua kẽ mành đã tạo nên một vài khoảng ấm cúng trong
buổi thức thâu đêm của chúng tôi. Tôi cảm thấy các triệu chứng về thể xác đã trở thành quen thuộc qua các buổi lên đồng trước đây: đôi bàn chân giá buốt, bàn tay như bị kiến bò, một cảm giác ấm áp dịu dàng ở lòng bàn tay và một luồng gió lạnh lẽo trên lưng, những cơn đau nhức nhỏ, kỳ lạ nhất là ở hai cánh tay (đặc biệt là ở cánh tay trái, cánh tay gần vị khách của chúng tôi nhất). Những cảm giác này chắc chắn là do sự lộn xộn của hệ thống thần kinh mạch, nhưng dù sao cũng đáng lưu ý. Đồng thời tôi cảm thấy một cảm giác căng thẳng của sự nôn nóng chờ đợi, một cảm giác gần như đau đớn vậy. Cứ xét qua sự im lặng nghiêm ngặt tuyệt đối của các bạn tôi thì đủ biết họ cũng có các dây thần kinh
căng thẳng như tôi.
Rồi đột nhiên một tiếng động nổi lên từ bóng tối: một tiếng rít trầm trầm. Đó là tiếng thở nhanh và nhẹ của một người đàn bà, càng lúc càng nhanh hơn, càng lúc càng nhẹ hơn, như thể hơi thở lọt qua hai hàm rằng nghiến chặt; rồi chúng tôi nghe thấy một tiếng nấc cụt khá mạnh, kèm theo một tiếng sột soạt của vải.
- Cái gì vậy? Có bình thường không? Một người hỏi trong bóng tối.
- Hoàn toàn bình thường, ông người Pháp trả lời. Đó là tiếng thở của bà ấy. Bà ấy đã nhập đồng. Thưa quý vị, bây giờ nếu quý vị vui lòng chờ đợi một cách bình thản, quý vị sẽ thấy một vật mà tôi tin sẽ làm quý vị vô cùng thích thú.
Vẫn còn tiếng tích tắc ngoài hành lang. Vẫn còn hơi thở, nhưng lúc này sâu hơn, dài hơn, của bà đồng. Vẫn còn những tia sáng chập chờn của những ngọn đèn xe ngựa, nhìn thấy rõ hơn bao giờ hết. Chúng tôi đang lấp đầy một cái vực thẳm gớm ghê ! Ở một bên là bức màn của sự vĩnh hằng đã hé lên một nửa, bên kia là những xe cộ của thành phố London. Chiếc bàn rung lên một nhịp thở mạnh mẽ. Nó lắc lư một cách đều đặn, nhịp nhàng, nó tự nâng lên, hạ xuống một cách nhẹ nhàng bên trong những thớ gỗ của nó; ta có thể nói đó là tiếng một bó củi đang nổ lách tách trong lò sưởi vào một đêm đông.
- Có rất nhiều quyền uy! Ông người Pháp lẩm bẩm. Các vị hãy nhìn trên bàn kìa!...
Tôi đã tưởng tôi là một kẻ làm trò cười cho ảo giác của riêng mình, nhưng tất cả mọi người đều nhìn thấy một thứ như tôi. Một thứ ánh sáng lân tinh màu vàng hơi xanh nhạt (có lẽ tôi nên gọi là một thứ hơi nước có ánh sáng hơn là một thứ ánh sáng!) trụ lại trên mặt bàn. Nó lăn đi, uốn éo, xoắn lại thành những nếp lập loè mờ ảo xoay quanh và tự xoay tròn như những đám mây khói. Qua ánh sáng kỳ diệu đó tôi có thể nhìn thấy hai bàn tay trắng trẻo và những ngón tay vuông của ông người Pháp.
- Tuyệt diệu! Ông ta kêu lên. Thật là thích thú.
- Ta có nên đòi các mẫu tự không? Ông Moire hỏi.
- Không! Chúng ta có thể đạt được những điều tốt hơn nhiều. Vị khách của chúng tôi đáp. Làm cho cái bàn lúc lắc ở mỗi chữ trong bảng chữ cái chỉ là trò trẻ con; với một bà đồng như quý bà đây, chúng ta phải làm được hơn thế.
- Vâng, các vị sẽ làm được nhiều hơn, một tiếng nói cất lên.
- Ai nói vậy? Có phải ông đấy không, ông Markham?
- Không, không phải tôi nói.
- Đó là bà đây đã nói.
- Nhưng không phải tiếng của bà ấy.
- Có phải bà không, thưa bà De la mer?
-Không phải là bà đồng đâu nhưng đó là quyền uy đã sử dụng cơ thể của bà đồng, tiếng nói trầm trầm xa lạ đáp lại.
-Bà De la mer đâu rồi? Tôi hy vọng rằng điều này sẽ không làm gì hại tới bà phải không?
- Bà đồng rất sung sướng trong một bình diện khác của đời sống. Bà đã ngồi vào chỗ của tôi, cũng như tôi đã ngồi vào chỗ của bà.
- Ông là ai?
- Điều đó không có gì quan trọng với ngài. Tôi là một người đã từng sống cũng như ông đang sống bây giờ và đã chết cũng như ông sẽ chết một ngày nào đó.
Chúng tôi nghe thấy tiếng ken két của bánh xe ngựa dừng lại trước cửa một ngôi nhà bên cạnh. Bên ngoài, người ta đang cãi nhau về giá cả chuyến xe, và vừa đánh xe đi bác đánh xe vừa càu nhàu một câu tục tĩu. Đám mây màu vàng xanh vẫn còn xoay tròn trên mặt chiếc bàn, lờ đờ trên toàn bộ bề mặt của nó, trừ một tia sáng yếu ớt; như thể nó dồn cả vào trước mặt bà đồng. Tim tôi như đóng băng vì lạnh và sợ hãi. Hình như chúng tôi đã khinh suất và dại dột đi tới gần sự thiêng liêng thực tại nhất và cao cả nhất; sự cảm thông với những người chết mà các cha của Giáo hội đã nói tới.
- Các ông không thấy rằng chúng ta đã đi quá xa à? Có lẽ chúng ta phải cắt đứt buổi lên đồng này đi thôi. Tôi kêu lên.
Nhưng những người khác rất muốn được coi tới phút chót. Sự áy náy của tôi làm họ bật cười.
- Tất cả mọi quyền uy đều được tạo ra cho người ta sử dụng, Harver Deacon trả lời tôi. Nếu chúng ta có thể sử dụng được thì chúng ta phải sử dụng. Tất cả những điểm xuất phát mới của tri thức đều đã bị coi là bất hợp pháp vào lúc khởi đầu. Đó là một điều đúng và hợp lý khi chúng ta tìm hiểu về bản chất của cái chết.
- Đó là đúng và hợp lý, tiếng nói tiếp lời.
- Đó! Ông còn muốn đòi hỏi gì hơn nữa? Ông Moire kêu lên, vẻ rất xúc động. Ta hãy làm một trắc nghiệm. Ông có vui lòng cho chúng tôi một bằng chứng rằng ông thật sự có mặt ở nơi đây không?
- Ông muốn thử nghiệm như thế nào?
- Đây này... Tôi có một ít tiền lẻ trong túi. Ông có thể nói cho tôi biết là bao nhiêu không?
- Chúng tôi tới đây với hy vọng là để giáo dục và giác ngộ, chứ không phải để giải đáp những câu đố trẻ con.
- A, a, ông Moire ơi, đó lả ông đã bị chỉnh rồi đó. Ông người Pháp kêu lên. Nhưng lời chỉ trích hoàn toàn đúng.
- Đây là một tôn giáo chứ không phải là một trò chơi, tiếng nói lạnh lùng và cứng rắn lại cất lên.
- Đúng thế. Tôi cũng có ý kiến như vậy. Ông Moire nói lớn. Tôi rất tiếc đã đặt ra một câu hỏi như vậy. Ông không thể vui lòng cho chúng tôi biết ông là ai à?
- Việc đó có liên quan gì tới ông?
- Chắc ông phải là một hồn ma từ lâu lắm rồi phải không?
- Vâng.
- Bao lâu rồi?
- Chúng tôi không tính thời gian như các ông. Hoàn cảnh đời sống của chúng tôi khác hẳn.
- Ông có sung sướng không?
- Có.
- Chắc ông không muốn trở lại trái đất nữa?
- Không. Chắc chắn là không.
- Ông có bận rộn lắm không?
- Chúng tôi sẽ không thể sung sướng được nếu chúng tôi không rất bận rộn.
- Ông làm việc gì?
- Tôi đã nói rằng hoàn cảnh của chúng tôi hoàn toàn khác biệt mà.
- Ông có thể cho chúng tôi một ý niệm về công việc của ông không?
- Chúng tôi làm việc cho sự tiến bộ của chính chúng tôi, cho sự thăng tiến của những người khác.
- Ông có thích tới đây chiều hôm nay không?
- Tôi thấy sung sướng được tới nếu sự tới thăm của tôi có thể làm được điều thiện.
- Vậy thì mục đích của ông là làm điều thiện à?
- Đó là mục đích của đời sống trên mọi bình diện.
- Ông Markham, ông thấy đó; đây là câu trả lời cho sự áy náy của ông.
- Đúng thật vậy. Những mối nghi ngờ của tôi đã tan biến: tôi đã thích thú một cách kỳ diệu.
- Ông có gặp những sự đau đớn trong cuộc sống của ông không? Tôi hỏi.
- Không. Sự đau đớn là một việc của thể xác.
- Ông có những điều đau khổ vè tinh thần không?
- Có. Bao giờ người ta cũng có thể buồn rầu hoặc lo lắng.
- Ông có gặp những bạn hữu mà ông đã bỏ lại trên trái đất không?
- Một vài người.
- Tại sao lại chỉ có một vài người?
- Chỉ gặp những người nào có cảm tình thôi.
- Những người chồng có gặp lại vợ họ không?
- Những ngưởi nào yêu họ một cách chân thực.
- Còn những người khác?
- Họ chẳng là cái gì đối với nhau cả.
- Liệu có một sợi dây liên hệ tinh thần không?
- Chắc chắn là có!
- Những điều chúng tôi làm có tốt không?
- Nếu các ngài làm điều đó với tinh thần thiện hảo.
- Vậy cái gì gọi là tinh thần xấu xa?
- Sự tò mò và sự khinh xuất.
- Như vậy có thể đưa tới điều gì tai hại không?
- Rất nhiều điều tai hại.
- Tai hại như thế nào?
- Các ông có thể làm nảy sinh những sức mạnh mà các ông không thể chế ngự được.
- Những sức mạnh tồi tệ à?
- Những sức mạnh không được khai hoá.
- Ông nói rằng chúng rất nguy hiểm. Nguy hiểm cho thể xác hay cho linh hồn?
- Đôi khi cho cả hai.
Một sự im lặng bao trùm. Bóng tối hình như sẫm hơn, trong khi đám sương mù màu xanh quay cuồng trên mặt bàn.
- Ông có muốn đưa ra câu hỏi nào nữa không, ông Moire? Harver Deacon hỏi.
- Một câu thôi: Trong thế giới của ông, ông có cầu nguyện không?
- Người ta phải cầu nguyện trong mọi thế giới.
- Tại sao vậy?
- Bởi vì đó là cách để biết những sức mạnh ở bên ngoài chúng ta.
- Ở đó các ông theo tôn giáo nào?
- Chúng tôi theo nhiều tôn giáo, giống như các vị vậy.
- Ông không có sự hiểu biết chắc chắn?
- Chúng tôi chỉ có đức tin thôi.
- Những vấn đề tôn giáo này sẽ được sự quan tâm của người Anh là những người trang nghiêm, nhưng chúng tôi không phải là thứ giải trí đâu. Tôi thấy rằng với quyền uy hiện hữu ở đây, ta có thể đạt được lợi ích từ một kinh nghiệm lớn, phải không? Về một điều gì đó mà ta có thể nói.
- Nhưng không có gì thích thú hơn điều đó! Moire chống lại.
- Nếu ông nghĩ được như vậy, được rồi, rất tốt. Ông người Pháp đáp lại với giọng bực bội. Về phần tôi, trước đây tôi đã nghe điều đó rồi và tôi tưởng chiều nay ta nên thử làm một việc khác, nhờ tất cả những quyền uy mà chúng ta được ban cho. Nhưng nếu ông có những câu hỏi khác, xin ông cứ đưa ra đi. Khi nào ông hỏi xong, chúng ta sẽ thử làm
chuyện khác.
Hỡi ôi, sự say mê đã bị đứt đoạn. Chúng tôi hỏi, hỏi mãi mà không có kết quả: bà đồng ngồi yên lặng trên ghế. Chỉ có nhịp thở sâu, đều đặn của bà chứng tỏ bà còn ngồi ở đó. Đám sương mù vẫn còn quay tròn trên mặt bàn.
- Ông đã huỷ diệt sự hoà điệu. Bà ấy không muốn trả lời.
- Nhưng chúng ta đã biết được tất cả những gì bà có thể nói với chúng ta, phải không? Về phần tôi, tôi muốn thấy một cái gì đó mà chưa bao giờ tôi được thấy.
- Cái gì vậy?
- Ông có vui lòng để tôi thử làm không?
- Ông muốn làm điều gì?
- Tôi đã nói với ông rằng những ý nghĩ là những sự việc, những vật thể. Bây giờ tôi muốn chứng tỏ điều đó với ông và chỉ cho ông thấy cái vật vốn chỉ là một ý nghĩ. Vâng, tôi có thể làm việc đó và các vị sẽ thấy. Bây giờ tôi xin các vị hãy giữ im lặng, không nói gì cả và cứ đặt bàn tay của quý vị lên mặt bàn.
Căn phòng càng tối tăm hơn, lặng lẽ hơn bao giờ hết. Cũng cái cảm giác lo sợ ấy đã đè nặng lên tôi lúc bắt đầu buổi lên đồng lúc này lại dằn vặt trái tim tôi. Tôi thấy rờn rợn ở các chân tóc như có kiến bò.
- Được rồi đó! Ông người Pháp nói lớn.
Đám sương mù có ánh sáng từ từ rời xa chiếc bàn; nó vẫn bay chập chờn uốn éo trong phòng làm việc. Nó bay tới một góc tối tăm nhát, nơi đó nó tụ lại và phát ra một tia sáng, rồi thì nó đông đặc lại thành một cái nhân sáng và rõ ràng thành một vệt tia sáng đang tìm đường lẩn trốn, không soi sáng và không phát các tia sáng vào bóng tối, màu sắc của
nó chuyển từ màu vàng xanh nhạt sang một màu đỏ lờ đờ hơi nâu đen nhạt. Chung quanh cái nhân này, một chất tối sẫm, mờ mờ như khói cuốn thành vòng và cứ dày đặc mãi lên, mỗi lúc một đặc thêm và đen kịt. Rồi ánh sáng tắt ngúm, như bị bóp nghẹt bởi cái vật mà nó bao quanh.
- Hắn đi rồi.
- Suỵt! Có một vật gì đó trong căn phòng.
Cái vật đó, chúng tôi nghe thấy nó ở góc phòng mà ánh sáng đã chuyển tới. Một vật gì thở phì phò và cựa quậy.
- Cái gì vậy? Ông Le Duc, ông đã làm gì vậy?
- Tốt đẹp cả. Sẽ không có gì tệ hại xảy ra đâu.
Tiếng nói của ông người Pháp run run vì xúc động.
- Trời đất ơi, ông Moire, có một con vật lớn kếch xù trong căn phòng. Nó đây này. Nó tựa vào ghế của tôi đây này. Cút đi! Cút đi!
Đó là tiếng nói của Harver Deacon; rồi thì chúng tôi nghe thấy một cái gì đó rơi trên một vật rắn. Rồi thì ... Rồi thì ... Biết nói thế nào với các bạn về những gì xảy ra! Một con vật kếch xù chạy xông lại chỗ chúng tôi trong bóng tối. Một con vật gì đó đứng chồm hai chân trước lên, nó dậm chân, nó nhảy, nó thở phì phì, nó có thể dẫm nát tất cả mọi thứ trên đường đi của nó. Chiếc bàn bay tung lên thành từng mảnh. Chúng tôi chạy tản mác ra mọi hướng. Con vật đó gầm lên một tiếng kinh hồn, xô đẩy chúng tôi, xông hết góc này tới góc khác của căn phòng với một sức mạnh tàn bạo. Tất cả chúng tôi gào lên vì hoảng sợ, chúng tôi quỳ rạp xuống bốn chân để cố né tránh sự tấn công của con vật đó. Tôi không rõ cái gì đó dẫm lên bàn tay tôi, tôi cảm thấy những đốt xương của tôi gãy rau ráu dưới sức nặng.
- Thắp đèn lên! Một người nào đó kêu.
- Ông Moire, ông có diêm đấy chứ? Diêm?
- Không, tôi không có diêm. Ông Deacon, diêm để ở đâu? Diêm, lạy chúa tôi!
- Tôi không thể tìm thấy chúng. Này, ông, ông người Pháp, hãy chặn nó lại!
- Điều này nằm ngoài quyền năng của tôi. Ôi, lạy chúa tôi, tôi không thể ngăn chặn được cái gì cả! Cửa ra vào! Cửa ra vào ở đâu?
Tình cờ tay tôi đụng phải nắm đấm của cửa ra vào trong khi tôi quờ quạng trong bóng tối. Con vật có hơi thở phì phò xông tới bên cạnh tôi và va đập vào bức vách gỗ với một tiếng động khủng khiếp. Tôi vặn nắm đấm và tất cả chúng tôi chạy ra ngoài, đóng cánh cửa lại phía sau chúng tôi. Ở bên trong sự ồn ào khủng khiếp cứ tiếp tục không ngừng.
- Con gì vậy? Lạy chúa tôi, con vật đó là con gì vậy?
- Một con ngựa. Tôi đã nhìn thấy nó khi cửa được mở ra. Nhưng còn bà De la mer?
- Chúng ta cần phải quay vào tìm bà ấy. Vào đi, Markham, chúng ta càng đợi lâu thì càng nguy hiểm.
Ông mở rộng cánh cửa và chúng tôi chạy xổ vào phòng làm việc. Bà De la Mer nằm lịm trên mặt đất giữa đống mảnh vụn của chiếc ghế của bà. Chúng tôi nắm lấy bà, nhanh chóng lôi bà ra ngoài. Sau khi đã bước tới ngưỡng cửa, tôi ngoái lại nhìn phía sau. Trong bóng tối hai con mắt kỳ lạ nảy lửa lên khi nhìn chúng tôi; tôi chỉ có đủ thì giờ đóng sập
cửa lại. Phía bên kia tiếng động khủng khiếp vang lên, cánh cửa bị chẻ đôi từ trên xuống dưới.
- Nó sắp đi qua cửa! Nó đây này!
- Chạy đi! Chạy đi nếu quý vị còn muốn sống! Ông người Pháp la lớn.
Một tiếng động khủng khiếp khác vang lên trước khi một vật gì đó lao xuyên qua khe nứt của cánh cửa. Đó là một chiếc sừng trắng, dài, long lanh dưới ánh sáng. Trong chốc lát, con vật đứng ngay trước mặt chúng tôi, rồi với một tiếng động khô khan nó biến mắt.
- Mau lên! Mau lên! Lại đây! Harver Deacon kêu lên. Khiêng bà ấy lại đây! Mau lên!
Chúng tôi ẩn náu trong phòng ăn và đóng chặt cánh cửa nặng nề bằng gỗ sến lại phía sau chúng tôi. Chúng tôi đặt người đàn bà bất tỉnh nằm dài trên ghế tràng kỷ. Moire, con người của công việc có sức khoẻ bền bỉ, ngã gục ngất xỉu đi trên tấm thảm trải nhà. Harver Deacon, trắng bệch như một xác chết, co rúm lại và nhảy lên như một kẻ động
kinh. Trong một tiếng đổ vỡ kinh hoàng, cánh cửa phòng làm việc bắn tung lên thành những mảnh vụn; chúng tôi nghe thấy tiếng dậm chân và tiếng hí ở hành lang, tiếng đi đi lại lại, căn nhà rung chuyển dưới cơn thịnh nộ đó. Ông người Pháp, hai tay ôm lây đầu, khóc nức nở như một đứa trẻ đang khiếp sợ.
- Ta phải làm gì? Tôi hỏi ông ta đồng thời lắc mạnh hai vai của ông. Trong trường hợp thế này, một khẩu súng có thể có ích không?
- Không! Nhưng quyền uy sẽ biến đi. Rồi sẽ hết.
- Ông là một người điên kỳ quái, suýt nữa ông đã giết chết tất cả chúng ta với những thử nghiệm ma quỷ của ông.
- Tôi không biết. Làm sao tôi có thể đoán trước được nó lại bị khiếp sợ như vậy? Nó đã điên cuồng vì kinh hoàng? Tất cả đều do lỗi của nó mà ra, nó đã đánh con vật ấy.
Harver Deacon nhảy cẫng người lên.
- Lạy chúa tôi!
Một tiếng gào lớn vang dội khắp căn nhà.
- ... Đó là vợ tôi! Tôi đây này! Tôi ra đó! Dù ma quỷ hiện hình cũng không ngăn cản được tôi ra!
Ông mở cửa và chạy bổ ra hành lang. Ở chân cầu thang, bà Deacon nằm bất tỉnh, quá kinh khiếp vì những gì bà nhìn thấy. Nhưng ngoài ra không còn ai khác nữa. Với những con mắt đờ ra vì kinh hoàng, chúng tôi nhìn chung quanh, nhưng tất cả đều hoàn toàn yên tĩnh. Tôi đi tới gần ô vuông đen sì của khung cửa phòng làm việc; cứ từng bước một
tôi chờ đợi nhìn thấy một bóng mờ kinh khủng vọt ra. Nhưng không có gì vọt ra cả. Phía trong căn phòng hoàn toàn yên tĩnh. Với sự đề phòng, chúng tôi tiên tới phía ngưỡng cửa, chúng tôi lục tìm trong bóng tối. Hoàn toàn yên lặng; nhưng trong một góc ngoài bóng tối còn có một vật gì khác nữa, một đám mây có ánh sáng màu đỏ nhạt với một tấm diềm
sáng rực bập bềnh; các vành cạnh của nó lờ mờ không rõ rệt; hình thể của nó cứ mỏng dần và tan loãng; rồi thì ở tại góc đó chỉ còn có bóng tối dày đặc, êm mướt như nhung lan tràn khắp căn phòng. Khi tia sáng cuối cùng đã tắt, ông người Pháp thốt ra một tiếng kêu vui thích.
- Thích thú biết bao! Không ai bị nguy hại gì: chỉ có một cánh cửa bị phá huỷ và các bà bị sợ hãi. Nhưng các bạn ạ, chúng ta đã làm được điều từ trước tới nay chưa ai làm được bao giờ.
- Và trong quyền hạn của tôi, chúng ta sẽ không bao giờ tái diễn nó nữa, ông Harver Deacon nói.
Đó là những gì đã xảy ra ngày 14 tháng 4 tại số nhà 17 đường Badderly Gardens. Ở đoạn trên tôi đã nói thật là kệch cỡm khi ta cổ vũ cho những gì đã thực sự xảy ra. Nhưng tôi đã trình bày các cảm nghĩ của tôi, các cảm nghĩ của chúng tôi ( vì chúng tôi có những cảm nghĩ như vậy, Deacon, Moire và tôi), về những điều mà các cảm nghĩ ấy đáng được
trình bày. Nếu các bạn muốn, các bạn có thể tưởng tượng rằng chúng tôi đã là những nạn nhân của một sự huyền hoặc phức tạp và dị thường. Hoặc các bạn cũng có thể nghĩ như chúng tôi rằng chúng tôi đã trải qua một kinh nghiệm rất thực tế và rất kinh khủng. Nhưng có thể là các bạn còn biết về vấn đề này nhiều hơn chúng tôi và liệu các bạn có thể thông báo cho chúng tôi rõ về những cuộc mạo hiểm tương tự không? Trong trường hợp này một lá thư gửi cho William Markham, Albany, sẽ giúp chúng tôi thấy rõ thêm những gì còn rất tối tăm đối với chúng tôi.
Hết

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn:
Được bạn: Thái Nhi đưa lên
vào ngày: 24 tháng 9 năm 2004